

THÍCH NHƯ ĐIỂN



PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
TẠI CHÂU ÂU



2020

**PHẬT GIÁO  
VIỆT NAM  
TẠI CHÂU ÂU**



# Phật giáo Việt Nam tại Châu Âu

THÍCH NHƯ ĐIỂN

Viên Giác Tùng Thư - Đức Quốc

Xuất bản lần thứ nhất bản in: 2020

United Buddhist Publisher: Tháng 9/2020

Trách nhiệm: Nguyễn Đạo

Hiệu đính và Layout: Nguyễn Minh Tiến

Bìa sách: Phan Thị Sao Mai

**ISBN-13: 978-1-0917-7709-5**

© All rights reserved. No part of this book may be reproduced by any means without prior written permission from the publisher.

**THÍCH NHƯ ĐIỂN**

**PHẬT GIÁO  
VIỆT NAM  
TẠI CHÂU ÂU**



**2020**



# MỤC LỤC

● <b>Lời nói đầu</b> .....	7
● Vạn sự khởi đầu nan.....	13
● An cư lạc nghiệp.....	45
● Kiến lập đạo tràng tu học .....	57
● An cư kiết hạ .....	71
● Những khóa tu học Phật Pháp Âu Châu .....	81
● Những Đại Giới Đàn.....	101
● Những Đàn Trì Giới Chấn Tế Cô Hồn.....	113
● Những buổi học Phật cho người ngoại quốc .....	125
● Hành Hương, Chiêm Bái.....	141
● Tang Lễ, Hôn Lễ và những ngày Lễ lớn trong năm.....	161
● Bỏ Tát Giới Xuất Gia và Bỏ Tát Giới Tại Gia .....	187
● Ăn Chay, Phóng Sanh, Bồ Thí, Cúng Dường .....	197
● Các hoạt động từ thiện xã hội .....	207
● Ngoại giao, giao tế với các Tổ chức Phật giáo khác.....	215
● Phiên dịch kinh điển .....	219
● Những ngôi Chùa Tiêu Biểu tại Âu Châu .....	233
● Thiền Môn Quy Củ .....	257
● Lời Cuối Sách.....	263
● Lời Cám Ơn.....	267
● Cùng Một Tác Giả .....	271



# LỜI NÓI ĐẦU

**H**ôm nay là ngày 9 tháng 7 năm 2018, trong mùa An Cư Kiết Hạ của năm Mậu Tuất, Phật lịch 2562 này, tôi bắt đầu đặt bút viết tác phẩm thứ 66 của mình sau hơn 45 năm (1974-2018) cầm bút và sau hơn 42 năm ở tại Âu Châu (1977-2018).

Những sách của tôi viết bằng tiếng Việt hay dịch từ các ngôn ngữ khác ra Việt ngữ như: Anh, Đức, Hán, Nhật đều đã được in ấn và xuất bản với số lượng ít nhất là 1.000 quyển và có khi lên đến 2.000 quyển hay 5.000 quyển. Vấn đề là độc giả có nắm bắt được bao nhiêu phần trăm ý chính của kinh văn hay của sách dịch lại là một việc khác. Người viết văn, dịch sách cũng giống như con tằm ăn dâu thì phải nhả tơ, đó là bổn phận, còn dệt nên lụa là gấm vóc là chuyện của con người, chứ không phải của con tằm.

Dĩ nhiên là người viết văn, viết sách cũng phải có bổn phận và trách nhiệm của mình trên vấn đề văn chương, chữ nghĩa cũng như tư tưởng hướng đến cho người đọc như thế nào, chứ không hẳn chỉ một chiều mà người viết muốn viết gì thì viết. Ngược lại người viết sách cũng phải chọn cho mình một thái độ đứng đắn, đạo đức để hướng người đọc đi vào con đường từ bi, lợi tha, để mở ra cánh cửa nhân ái cũng như trí tuệ, thì đó mới là điểm căn bản mà người viết phải cần hướng đến.





Đã nhiều lần, có nhiều người gọi tôi là văn sĩ hay nhà văn, nhà thơ, nhưng tất cả tôi đều chối từ. Tôi chỉ là một tăng sĩ mà thôi. Bởi lẽ tôi ham đọc sách, viết văn, nên kể từ đạo ấy (1974) đã trở thành một thói quen, thế thôi! Nhưng dầu ở dưới bất cứ hình thức nào đi nữa thì tôi cũng xin niệm ân tất cả độc giả khắp năm châu bốn bể đã ủng hộ tôi ở nhiều hình thức như: khuyến khích viết tiếp những bộ sách về sử liệu hay tiểu thuyết, dịch những trang kinh, trang thơ từ chữ Hán, Nhật, Anh, Đức sang Việt ngữ để lại cho đời sau, cho nhiều người có thể tham khảo đến. Bởi lẽ “thời gian và thủy triều trôi qua rồi, sẽ không bao giờ dừng lại”, do vậy mà tôi đã quên đi với bao nhiêu nhọc nhằn của tuổi tác (năm 2018 này, tôi đã 70 tuổi ta rồi), đã làm nhiệm vụ như con tằm vậy, nhằm giúp cho Đời, cho Đạo thêm một ít chất liệu dưỡng sinh của tâm linh trong cuộc sống. Thế là tôi mãn nguyện lắm rồi.

Lại còn nhiều người hữu danh và ả danh khác, sau khi nghe tôi vừa viết hay dịch xong một tác phẩm, lại phát tâm ấn tống ngay tác phẩm ấy, để tôi khỏi phải nhọc nhằn chạy tới chạy lui kêu gọi ấn tống nữa. Quả thật đây là những tấm chân tình không có gì so sánh được, đối với một người cầm bút như tôi.

Trong những năm vừa qua, tôi đã viết các tác phẩm về nước Nhật, nước Úc, Hoa Kỳ và nay tôi viết về Âu Châu. Vì nơi đó tôi đã được dưỡng nuôi hình hài và tâm thức này suốt trong thời gian hơn 42 năm qua (1977-2018) thì không lý do gì mà tôi không ghi lại bằng chữ nghĩa qua những tấm đạo tình của chư Tăng Ni cũng như Phật tử người Việt cũng như người Đức đã bảo bọc tôi suốt chừng ấy thời gian. Quả là điều không thể khước từ được. Mặc dầu không ai giao cho tôi một trách nhiệm như thế, nhưng tôi tự giao cho mình và từ đó phát nguyện dẫn thân.

Cách đây mấy năm tôi cũng đã viết quyển “Cảm tạ xứ Đức” bằng tiếng Việt và sau đó được dịch ra Đức ngữ, nhưng nội dung của sách này cũng chỉ hướng về nước Đức, chưa nói rộng ra khắp Âu Châu được và nay chính là lúc đúng thời để viết lại những gì đã xảy ra tại Âu Châu này với Phật giáo Việt Nam qua gần nửa thế kỷ.

Viết ký sự không nhất thiết như viết lịch sử hay tiểu thuyết, mà tôi chỉ ghi lại những sự kiện theo thời gian cũng như những việc quan trọng đối với người xuất gia và tại gia trong bối cảnh Phật giáo Việt Nam phải hội nhập vào xứ người, đồng thời chúng ta cũng phải có một nhiệm vụ khác nữa, đó là bảo tồn cũng như phát huy nền văn hóa cổ truyền của Dân tộc và của Đạo Pháp tại đây, nên nhiệm vụ ấy chẳng nhẹ nhàng chút nào đối với những người tự nhận trách nhiệm phải hoàn thiện một cách khéo léo và thành công.

Tôi cũng thường ứng dụng câu của nói của cố Hòa Thượng Thích Mật Hiền thường dạy chúng Tăng rằng: “Phàm đã làm thầy tu thì đừng có sợ, mà đã sợ thì không nên làm thầy tu.” Đôi khi tôi lấy ý của Ngài và vạch ra cho mình cũng như cho tử đệ một hướng đi là: “Phàm làm việc gì có ích cho người khác thì đừng có sợ, mà nếu sợ thì đừng có làm.” Hoặc giả đôi khi tôi cũng bày ra một phương tiện khác như: “Đã tin thì nên giao công việc cho người khác và khi đã không tin thì không nên giao.” Việc này cũng rất tế nhị. Vì đôi khi đã giao việc cho người khác rồi mà mình cứ luôn theo dõi, sợ người ta làm hỏng, hoặc không tin tưởng người mình đã giao công việc. Nếu đã như vậy thì tốt nhất ngay từ khi ban đầu đừng giao công việc cho người kia vẫn hơn. Nếu không làm được như vậy thì người giao công việc cũng không vừa lòng, mà người nhận công việc cũng lại thêm khó chịu nữa.

Quý vị khi đọc sách này xin được ý quên lời, vì đôi khi sự sắp đặt câu cú hay mục lục không đồng nhất, hay bị lặp đi lặp lại nhiều lần. Đó chẳng qua là sự vụng ý của tác giả. Kính mong quý vị hãy hoan hỷ bỏ qua cho.

Năm nay (2018), chúng tôi và Đại Chúng chùa Viên Giác lạy kinh Đại Bát Niết Bàn quyển 2 đã hết phẩm Kiều Trần Như rồi. Bây giờ đang lạy đến phẩm Phật Di Giáo. Thông thường trong những mùa An Cư Kiết Hạ trước, mỗi đêm chúng tôi và Đại Chúng lạy độ trên dưới 300 chữ, mỗi chữ mỗi lạy, nhưng kể từ ngày 30.06.2018 trở đi mỗi tối trong mùa An Cư chúng tôi chỉ lạy trên dưới 200 lạy và mỗi sáng vào giữa thời công phu khuya, thay vì lạy bát tướng thành đạo và lạy danh hiệu của Tứ Thánh, chúng tôi lạy hơn 100 lạy nữa của kinh Đại Bát Niết Bàn. Đây là điểm gần cuối mà cũng là điểm bắt đầu cho những tháng ngày sau An Cư Kiết Hạ, chúng tôi và Đại Chúng chùa Viên Giác cũng sẽ hành trì như vậy. Bởi lẽ đến sinh nhật của tôi vào ngày 28 tháng 6 năm 2019, kỷ niệm 70 năm đã hiện hữu trên cuộc đời này, chúng tôi mong lạy cho xong bộ kinh và đây cũng là lời nguyện của chúng tôi trong mấy chục năm nay phải hoàn thành. Nghĩa là sau mùa An Cư chỉ lạy vào buổi sáng mà không lạy vào buổi tối nữa.

Những năm tháng sau này, chúng tôi sẽ trì kinh Đại Bảo Tích trong những mùa An Cư Kiết Hạ, thay vì lạy kinh từng chữ từng lạy như xưa nay, vì lẽ tuổi già ai cũng vậy, đứng lên ngồi xuống không phải là chuyện đơn thuần. Do vậy mà năm 1984 khi tôi 35 tuổi đã phát nguyện lạy kinh và nay 70 tuổi, sau 35 năm hành trì cũng đã đến lúc phải dừng lại việc lạy Phật như vậy để chỉ chuyên vào câu Niệm Phật và trì kinh niệm chú, vốn là những điều cần thiết cho những người đã có niên cao, lạp trưởng rồi.

Xin nguyện cầu Tam Bảo luôn được trường tồn nơi thế gian để cho mọi người được lợi lạc và cầu mong cho tai trời ách nước không đến với cuộc đời này, để chúng ta còn có đủ thời gian thực hành lời Phật dạy. Cầu cho đất Mẹ Việt Nam luôn gặp nhiều thuận duyên để thể hiện tinh thần vô úy, lợi tha của người con Phật đang đối đầu với những nghịch cảnh chung quanh mình và cũng xin niệm ân tất cả những ai đã hỗ trợ cho tác phẩm này được hình thành, nên quý vị hôm nay mới có nhân duyên cầm trên tay quyển sách này để đọc.

*Viết tại Vô Học Cốc - Hannover*

*ngày 09.07.2018*



## VẠN SỰ KHỞI ĐẦU NAN

**Đ**ây là câu tục ngữ của Á Châu và nó có giá trị cho mọi thời đại hay mọi hoàn cảnh của con người khi mới bắt đầu một công việc gì. Câu này nghĩa đen là: “Bất kỳ công việc nào, lúc mới bắt đầu cũng đều khó khăn.” Sở dĩ như vậy vì người đứng ra thực hiện công việc ấy chưa có kinh nghiệm, nên mới khó. Qua thời gian năm tháng, người ta quen đi với công việc, sẽ trở nên dễ dàng hơn. Tục ngữ Đức cũng nói tương tự như vậy. “Aller Anfang ist schwer.” Nghĩa là: “Mọi việc lúc bắt đầu đều khó.” Cái khó của đứa bé mới chập chững biết đi thì té, cái khó của người mới bắt đầu cầm chiếc máy ảnh chụp hình thì run và kết quả là hình ảnh bị nhòe. Cái khó của người nông dân là làm sao khiến trâu cày cho thẳng lối. Cái khó của ông bác sĩ là lần đầu tiên tiếp xúc với bệnh nhân khó tính, phải đối xử ra sao? Cái khó của một ông vua mới lên ngôi là làm sao có thể thống lĩnh hết thiên hạ được. Cái khó của một thầy, cô giáo là làm sao nhớ hết tên của học trò khi mới tựu trường... Nghĩa là có trăm ngàn cái khó lúc ban đầu, không ai là không phải vượt qua để đến đích như mình muốn. Vậy cái khó của người xuất gia là gì?

Đó là làm chủ chính bản thân mình trước mọi hoàn cảnh và sự cám dỗ của tài, sắc, danh, thực và thù. Tiền tài thì người đời ai cũng muốn có cho nhiều, làm giàu ở nhiều phương diện khác nhau. Sắc đẹp tuy không phải là sóng nước, nhưng đã nhấn chìm không biết bao nhiêu tao nhân, mặc khách. Danh vọng, địa vị chốn cao sang quyền quý là những nơi lắm kẻ ham chiếm lĩnh. Miếng ăn tuy biết là tồi tàn, nhưng ai cũng muốn ăn ngon, mặc đẹp và cuối cùng là giấc ngủ. Ai cũng say danh, say lợi, say tình, say mộng đẹp trong những giấc ngủ về đêm. Vậy ai là người tỉnh thức thì chính là kẻ có thể làm chủ mình được.

Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, quyển 2, phẩm Ca-diếp, Đức Phật đã tuyên dương Ngài A-nan xứng đáng làm thị giả cho Ngài qua nhiều ví dụ khác nhau, nhưng dưới mắt Đức Phật, Ngài A Nan có 5 điều được Đức Phật chuẩn y. Đó là: Phạm hạnh, đoạn thực, đoạn tửu, đoạn tân và sống một đời sống yên lặng, tịch tĩnh.

Vậy thế nào là phạm hạnh?

Một người tu có một đời sống phạm hạnh là người xuất gia ấy phải luôn giữ lục căn cho thanh tịnh, hành trì những giới luật của Phật chế một cách nghiêm minh, sáng sủa. Nếu có bị lỗi lầm, phải có tâm tâm quý, biết xấu hổ và biết sám hối trước Đại Tăng. Oai nghi cử chỉ, đi, đứng, nằm, ngồi lúc nào cũng đoan chánh, tự tại. Người Trung Quốc cũng hay nói rằng: “Hành như phong, tọa như chung, lập như tùng, ngọa như cung.” (行如風，坐如鐘，立如松，臥如弓。 ) Nghĩa là:

*Dáng đi nhanh nhẹ, nhẹ nhàng như gió thoảng.*

*Lúc ngồi vững chãi như quả chuông úp xuống.*

*Khi đứng ngay thẳng và vững vàng như cây tùng vươn thẳng.*

*Dáng nằm yên ổn hơi cong người tựa như cây cung giương ra.*

Đại sư Tinh Vân khi giảng về oai nghi của người xuất gia cũng dùng những hình tượng này để nói về sự thư thái, an tường nhưng vững chãi của một người tu. Ngài nói:

行如風自在，

立如松挺拔，

坐如鐘穩重，

臥如弓吉祥。

*Hành như phong tự tại,*

*Lập như tùng đỉnh bạt,  
Tọa như chung ổn trọng,  
Ngoạ như cung cát tường.*

Tạm dịch:

*Đi thư thái như gió,  
Đứng thẳng vút như tùng,  
Ngồi vững như chuông úp,  
Nằm an lành như cung.*

Qua những việc trên ta thấy được hình ảnh của một người xuất gia mô phạm, quả đáng trân quý làm sao!

Giới thân huệ mạng chính là bản thể của Tăng-già, là trụ cột của Phật pháp, là hành trình để đi đến sự giải thoát giác ngộ. Người xuất gia vâng giữ thực hành được những điều trên, đều là những bậc phạm hạnh.

Khi Đức Phật còn tại thế, Ngài cũng thường ngày hành hạnh khát thực. Ngài cùng Tăng đoàn mỗi sớm mai đều mang bình bát vào làng để xin ăn độ nhật, nhằm gieo nhân duyên cho mọi người biết gần gũi và quy về Tam Bảo. Khi đi xin, ai cho gì, Ngài và Tăng đoàn đều nhận cả, ngay như thịt thà, cá mắm v.v... Ngài dùng những loại này gọi là tam tịnh nhục. Đó là 3 loại thịt thanh tịnh. Nghĩa là thịt đó của con vật khi bị giết mắt mình không nhìn thấy, hai là khi con vật bị giết tai mình không nghe tiếng kêu của nó và ba là trong tâm ý không có sự nghi ngờ rằng con vật đó bị giết vì mình. Bên các kinh điển Nam Truyền ta thấy khắp đó đây đều xiển dương pháp “tam tịnh nhục” này. Khi đến lãnh vực của Đại Thừa, nhất là trong kinh Đại Bát Niết Bàn, trước khi Đức Phật nhập diệt, Ngài khuyên Tăng chúng rằng: “Muốn chúng quả vị tối thượng thừa, phải có lòng từ bi đối với tất cả chúng sanh, nên phải dùng chay tịnh.” Đây là sự thăng hoa của Phật giáo đã bắt nguồn từ



quan điểm của Tiểu Thừa sang Phật giáo Nguyên Thủy, Phật giáo bộ phái và cuối cùng là Phật giáo Đại Thừa cũng như Kim Cang Thừa. Lòng từ bi ấy phải được thể hiện qua cách ăn uống hàng ngày của người xuất gia.

Trong giới thứ 5 của sa-di thập giới có dạy rằng: *“Ấm tửu giả vị ẩm nhất thiết năng túy nhơn chi tửu. Tây vức tửu hữu cam giá, bồ đào cập dĩ bách hoa giai khả tạo tửu. Thủ phương chỉ hữu mẽ tạo câu bất khả ẩm. Trừ hữu trọng bệnh, phi tửu mặc liệu giả. Bạch chúng phương phục, vô cố nhất trích bất khả triêm thân.”* (飲酒者。謂飲一切能醉人之酒。西域酒有多種。甘蔗蒲萄。及與百花。皆可造酒。此方止有米造。俱不可飲。除有重病。非酒莫療者。白眾方服。無故一滴不可沾唇。)

*“Uống rượu là nói việc uống tất cả những loại rượu, bia, những chất gây say. Rượu Ấn Độ có nhiều loại như: mía, nho và các loài hoa đều có thể làm thành rượu. Ở Trung Quốc này chỉ có rượu làm từ gạo, tất cả đều không được uống. Trừ phi có bệnh nặng, không dùng rượu thì không trị được. [Khi ấy] phải bạch trước chúng Tăng biết rồi mới được uống. Nếu không có duyên do thì dù một giọt rượu cũng không được nhắm môi.”*

Đoạn văn này tôi đã học từ năm 1964, đến nay (2018) cũng đã trên dưới 55 năm rồi, nhưng những lời dạy của Tổ, của Phật vẫn còn văng vẳng bên tai, khiến cho người xuất gia có thể tâm niệm giữ giới một cách thanh tịnh được.

Thứ tư là đoạn tân, nghĩa là không dùng những chất kích thích thân thể, khó trụ vững nơi thiền định như: hành, hạ, nén, tỏi và hưng cừ. Tất cả những loại thực vật này, tuy giống như chay tịnh, vì không có máu mủ và không bị luân hồi sanh tử chi phối, nhưng khi dùng chúng thì tâm sân hận, tham dục dễ khơi dậy. Do vậy phải tuyệt đối không nên dùng chúng để giữ gìn cho chánh niệm luôn được vững vàng.

Điều thứ năm là ưa nơi vắng lặng. Người xuất gia được gọi là giải thoát, tự tại, vì có thể sống nơi yên tĩnh một mình. Mình không làm phiền lòng ai mà ai đó cũng không làm phiền mình được, nên hình thức này được gọi là: Độc cư nhàn cảnh, tự tại vô ngại.

Cũng trong phẩm Ca-diếp này, Đức Phật giải thích tại sao Ngài có ý nhận Ngài A-nan làm thị giả mà trước đó Ngài Kiều-trần-như rồi Ngài Xá-lợi-phất đều có ý muốn hầu cận Đức Phật, nhưng Đức Phật đã khéo léo từ chối vì hai Ngài trên đã già rồi. Ngay cả 500 vị A-la-hán theo Phật ngày đêm cũng đã có ý làm thị giả cho Đức Phật, nhưng Ngài đã từ chối hẳn. Lúc bấy giờ Ngài Mục-kiền-liên vào sâu trong đại định, cảm nhận được rằng: “Đức Phật có ý nhận Ngài A-nan làm thị giả.” Biết được ý đó Ngài Mục-kiền-liên đã đến trước Đức Phật bày tỏ nỗi niềm của riêng mình và thay Phật đến báo tin rằng: “A-nan sẽ được ở bên cạnh Phật để hầu hạ.” Cả 3 lần như thế được gọi mời, nhưng Ngài A-nan đều từ chối và cuối cùng Ngài A-nan thưa ra 3 điều này với Tôn giả Mục-kiền-liên trình lên Đức Phật và nếu được Đức Phật đồng ý thì A-nan sẽ làm thị giả cho Ngài.

Thứ nhất là không đi theo Phật khi có biệt thỉnh Tăng. Thứ hai là không dùng y áo cũ của Phật, và thứ ba là tự do ra vào hương thất của Đức Phật bất cứ lúc nào.

Nếu được Đức Phật chuẩn y thì Ngài mới làm thị giả. Cuối cùng Đức Phật đã thuận và ba việc này có ý nghĩa gì quan trọng đối với Ngài A-nan?

Đứng về phương diện gia đình thì Ngài A-nan và Đức Phật là anh em chú bác ruột, làm thị giả phải luôn ở cận kề bên Đức Phật, nếu không đưa ra những điều kiện như trên thì chúng Tăng sẽ cho rằng Phật thiên vị gia đình. Vì vậy cho nên Ngài A Nan chỉ đi hầu Phật lúc có cùng Đại

chúng, nghĩa là lúc mọi người cùng đi khất thực chứ không đi riêng với Phật khi một vị Đại Thí chủ nào đó thỉnh mời. Điều này hẳn đúng, vì tâm lý con người chưa chứng Thánh quả thì vẫn còn những tính toán nhỏ nhặt như vậy. Điều này cũng đã xảy ra với Ngài Xá-lợi-phất và Ngài La-hầu-la, nên Ngài A-nan lo xa cũng phải thôi. Chuyện kể rằng:

“Một hôm Ngài La-hầu-la lên kiện với Đức Phật là tại sao Ngài Xá-lợi-phất luôn được thỉnh riêng đến nhà thí chủ dùng cơm, toàn là món ngon vật lạ, còn La-hầu-la thì không được?

Đức Phật liền gọi cả Ngài Xá-lợi-phất cũng như La-hầu-la đến để gạn hỏi sự tình. Ngài Xá-lợi-phất cứ sự thật mà trình bày, La-hầu-la còn nhỏ dại muốn so đo chuyện cơm canh nhận được từ thí chủ biệt thỉnh Ngài Xá-lợi-phất, nên Ngài Xá-lợi-phất muốn chứng minh rằng mình không ham muốn những thức ăn kia và thò tay chọc vào cổ họng để nôn mửa những thức ăn vừa dùng. Sau đó Đức Phật quả Ngài Xá-lợi-phất về tội nóng nảy.”

Không dùng y áo cũ của Đức Phật cũng là một việc rất tế nhị của Ngài A-nan. Vì lẽ có những Đại Phú gia như Bà Tỳ Xá Khư hay Bà Ampaly lúc nào cũng dâng cúng cho Đức Phật như y vàng sáng chói, nhiều lúc có cả vàng thật nữa. Nếu Ngài A-nan nhận lại được những y áo không dùng từ Đức Phật nữa thì sẽ có rất nhiều kẻ ganh tị, đố kỵ, nên A-nan không nhận cũng là một lý do rất tế nhị.

Và cuối cùng là vào ra hương thất của Đức Phật bất kỳ sáng sớm hay canh khuya để lo lắng cho Đức Phật những khi cần thiết mà cũng để thừa thỉnh những điều bất chợt khi có vua chúa, cận thần hay các Phạm Chí muốn gặp Phật thì Ngài A-nan phương tiện cho mọi người vào, mà không cần ý kiến trước với Đức Phật. Mục đích ở đây là làm lợi lạc cho trời và người luôn được gần gũi với đáng thiên nhân sư.

Cuối cùng 25 năm sau, Ngài A-nan đã được hầu hạ những năm tháng cuối đời của Đức Phật và 20 năm trước đó, sau khi Đức Phật thành đạo dưới cội Bồ Đề đã được những vị đệ tử khác làm thị giả, nhưng một điều hy hữu là những gì không được nghe, lúc Ngài A-nan chưa sinh ra và chưa xuất gia thì đã được Đức Phật tuyên lại nhiều lần khác nhau để cho Ngài A-nan lãnh hội lại, nhất là những bộ kinh được Đức Phật tuyên nói ở những cõi khác như kinh Địa Tạng, kinh Hoa Nghiêm v.v...

Kể từ khi Đức Phật còn tại thế cho đến thế kỷ 20, 21 thì thời gian đã trải qua quá lâu, kể như là 25, 26 thế kỷ, mỗi thế kỷ 100 năm, trong mỗi 100 năm đó có không biết bao nhiêu là vật đổi sao dời, đạo Phật đã biến thiên, đã thăng trầm không biết bao nhiêu lần cùng các dân tộc mà Đạo Phật đã có mặt tại đó. Ví dụ như Việt Nam, Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản... rồi ngày nay ở những xã hội Âu Mỹ tân tiến về kỹ thuật ở mọi phương diện thì Đạo Phật hay người Tăng sĩ phải làm sao đây để cho người địa phương hiểu được chân giá trị của Đạo Phật là: từ bi, trí tuệ, giải thoát, tự tại v.v...

Từ tập quán, phong thổ, ngôn ngữ, tôn giáo v.v... mọi thứ đều mới với người mang Đạo Phật đến cõi trời Tây này. Kể xa thì trong nhiều thế kỷ trước, kể gần thì những vị Thầy và những ngôi chùa đã có mặt sớm nhất tại Âu Châu vào giữa thập niên 50 của thế kỷ 20 và gần nhất là thời điểm năm 1975 khi vận nước đã thay ngôi đổi chủ tại Việt Nam. Một số chư Tăng Ni đi du học trước năm 1975 như cố Hòa Thượng Thích Thiện Châu (Ấn Độ), Ni Sư Mạn Đà La (Nhật Bản), Hòa Thượng Nhất Hạnh (Hoa Kỳ), Hòa Thượng Thanh Đạm (Việt Nam), cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm (Nhật Bản), cố Hòa Thượng Thích Chân Thường (Lào) v.v... họ đã đến Pháp và vào thời điểm năm 1975 đã có cố Hòa Thượng Thích Tâm Châu, cố Hòa Thượng

Thích Huyền Vi, cố Hòa Thượng Thích Thiên Định đã rời Việt Nam ra đi trong thời điểm 30.04.1975 để đến Pháp. Một số quý vị khác từ Nhật sang Pháp cũng vào thời điểm 1975 như cố Hòa Thượng Thích Minh Lễ và Hòa Thượng Thích Phước Toàn. Sau này có Hòa Thượng Thích Pháp Nhẫn từ Ấn Độ sang Pháp, nay Ngài đã ở Dallas, Hoa Kỳ. Hòa Thượng Thích Kim Bang đến từ Việt Nam, nay đã quá cố. Hòa Thượng Thích Tịnh Đức có đến Pháp, nhưng nay cũng đang hành đạo tại Dallas, Hoa Kỳ, Hòa Thượng Thích Đức Minh, Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt và một số chư Thượng Tọa từ những trại tỵ nạn tạm cư Á Châu đã được tàu Pháp vớt và sau đó chính phủ Pháp cho nhận vào đây với tư cách đi tỵ nạn chính trị, vì ở Việt Nam không hành đạo được dưới chính quyền Cộng Sản.

Kể từ đó chùa chiền, tự viện, sinh hoạt, Phật tử khắp nơi tại Pháp thi nhau đua nở giống như những bông hoa muôn màu muôn sắc, đã, đang và sẽ góp sức, góp mặt vào nền văn hóa đa dạng tại xứ mà đã có lần đô hộ Việt Nam gần cả 100 năm ở thế kỷ 19 bước sang thế kỷ 20. Thời đó văn hóa Pháp, ngôn ngữ Pháp và kể cả phong tục tập quán của người Pháp, người Việt Nam chúng ta quen thuộc rất nhiều và người Pháp cũng không lạ gì về những “đất lề quê thói” của người Việt Nam từ năm 1868 đến năm 1945. Trong gần 80 năm đô hộ ấy họ đã làm gì trên quê hương đất Việt, thiết nghĩ ở đây không cần bàn thêm nữa, nhưng những đau thương của dân tộc một thời bị trị, quả là nỗi niềm ray rứt cho mấy chục triệu người Việt Nam, chứ không phải chỉ riêng cho một vài người nào.

Ngôn ngữ có lẽ là vấn đề quyết định dễ nhất để chọn nơi mình đến. Bởi lẽ thế hệ sinh trước năm 1950, người Việt Nam nào ở thành phố mà không biết nói đôi câu tiếng Pháp. Đây là chính sách xâm thực của người Pháp về vấn đề văn hóa. Họ đã thành công, nhưng họ cũng đã không

bám rễ được khi những phong trào yêu nước nổi lên giành độc lập chống lại họ và cuối cùng Pháp đã rút lui, nhưng ngôn ngữ vẫn còn đó. Cho nên chọn Pháp để quá cảnh sau khi du học ở Hoa Kỳ, Ấn Độ, Nhật Bản hay Việt Nam có lẽ cũng là một sự lựa chọn dễ hiểu.

Năm 1964, Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập tại chùa Xá Lợi, Sài Gòn, và tinh thần dẫn thân vì đại cuộc cho một Dân Tộc tự tôn, một tinh thần bất khuất, nên Giáo Hội đã đề cử một số chư Tăng Ni tài giỏi sang ngoại quốc du học như ở Ấn Độ, Tích Lan, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đài Loan, Anh Quốc v.v... rồi từ đó có một số vị sau khi hoàn tất chương trình học của mình đã trở về lại quê hương phục vụ như: cố Hòa Thượng Thích Minh Châu, cố Hòa Thượng Thích Thanh Kiểm, cố Hòa Thượng Thích Tâm Giác, cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân, cố Hòa Thượng Thích Mãn Giác, cố Hòa Thượng Thích Trí Tâm, Hòa Thượng Thích Trí Quảng v.v... Nhưng cũng có một số quý Hòa Thượng được Giáo Hội giữ lại như: Thiền Sư Thích Nhất Hạnh, cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm v.v... từ đó họ là những đại sứ hòa bình của Giáo Hội. Từ Hoa Kỳ, từ Pháp họ đã trực hay gián tiếp tham dự những cuộc hòa đàm Paris hay Washington, Tokyo v.v... nhằm mục đích kêu gọi các cường quốc sớm chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam ngày nào thì mạng sống của người dân đỡ phải hy sinh ngày đó. Đây là lý do chính mà Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất đã đồng hành cùng dân tộc từ xưa cho đến nay.

Quý Thầy ban đầu đến Pháp đa phần là do các Đại Học cấp giấy nhập học, nên vào các cư xá sinh viên để ở, sau đó quen dần đường đi nước bước ở Paris, lại làm quen với những Việt kiều sống lâu năm tại đây, có nhiều người đến Pháp sống và làm việc kể từ sau Đệ nhất thế chiến (1914-1918), hay cũng có nhiều người đến đây sau Đệ nhị thế

chiến (1939-1945). Đến thời điểm trước hay sau năm 1975 họ cũng đã già yếu. Do vậy nhu cầu tâm linh tăng dần theo với thời gian, năm tháng của tuổi đời chồng chất, họ nghĩ ngay đến ngôi đình của làng hay ngôi chùa thờ Phật. Nhưng làm sao để tìm cho ra được một vị Sư tại xứ Pháp này, nên cũng đã có nhiều người Việt xưa hùn tiền lại để xây những ngôi nhà thờ tộc có cả nghĩa trang nữa, trong đó có chùa Hồng Hiên ở Préjus là một ví dụ điển hình.

Những người Việt Nam đi lính cho Pháp, trong đó cũng có nhiều người là Phật tử, nên họ đã cố liên lạc với những người thân quen để tìm cho được một vị Sư đến nhà họ làm lễ cầu siêu, cúng giỗ để nhớ quê hương. Nghe đâu cố Hòa Thượng Thích Chân Thường, người khai sơn ra chùa Quan Âm tại Paris, Pháp quốc, và cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm khai sơn chùa Khánh Anh tại Bagneux và Khánh Anh tại Évry nằm trong trường hợp này. Nghĩa là bắt đầu cho sự nghiệp hoàng pháp ở Âu Châu nói chung hay nước Pháp nói riêng là vấn đề nghi lễ để tế độ cho người còn (cầu an) và cho những người đã khuất bóng (cầu siêu). Đây là một nhu cầu tâm linh rất quan trọng và thiết thực dẫn cho có ở bất cứ nơi nào trên quả địa cầu này, hay làm quan làm tướng to lớn cho đến đâu đi chăng nữa thì người ta cũng sẽ nghĩ đến ngày cuối cùng của chính mình nơi cõi trần ai tạm bợ. Thế là quý Thầy được mời đến các tư gia của những người Phật tử Việt Nam sống lâu năm tại Pháp để cúng cầu an hay cầu siêu và dần dà người này mách với người kia, thế là những buổi cầu nguyện tại các tư gia là bước ngoặt đầu tiên để thành lập những ngôi Niệm Phật Đường hay những ngôi chùa đồ sộ nguy nga ở hải ngoại ngày nay.

Đến với Đạo không phân biệt ngôn ngữ ngoại quốc, không bằng giai cấp, không bằng sự giàu nghèo, không bằng sự đối đãi thù tạc, mà tất cả chỉ vì tấm lòng của

những người con xa xứ khi gặp nhau nói tiếng Việt là vui rồi, chứ lâu nay nói tiếng Pháp mỗi miệng quá, hoặc giả khua tay múa chân thật nhiều cho những người không rành ngôn ngữ Pháp. Qua một thời kinh cầu an hay cầu siêu trầm lắng, ai ai cũng an lạc một cách lạ thường và những câu chuyện đạo bắt đầu được giảng giải hay trả lời cho những câu hỏi mà người Phật tử cần biết như: Quy y Tam Bảo là gì? Niệm Phật, ăn chay ra sao? Tại sao phải đi chùa và cần xây dựng chùa? v.v... Đây là những mốc thời gian rất quan trọng của thuở ban đầu.

Khi đã có Thầy nhưng chưa có chùa thì Thầy ở đâu? Có một số quý Phật tử giàu có mời Thầy về nhà mình ở một thời gian và cải gia vi tự. Nhưng điều này cũng chỉ có tính cách giai đoạn, để giải quyết những khó khăn lúc ban đầu, chứ chư Tăng mà cứ ở mãi trong nhà của Phật tử thì cũng bất tiện lắm, mặc dầu họ đã ngăn nhà ra làm bàn Phật để lễ bái nguyện cầu, nhưng những ngày rằm, mồng một thì Phật tử quy tụ về đông nên chốn tư gia trở nên chật hẹp. Vậy là một kế hoạch khác được thực hiện. Đó là thành lập Niệm Phật Đường.

Cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm có kể lại cho tôi nghe rằng: Năm 1973, sau khi Hiệp định Paris được ký kết, Ngài được lệnh của cố Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Đệ Tứ Tăng Thống của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất, vừa là Bổn Sư Y Chỉ cho Hòa Thượng Thích Minh Tâm thọ giới tỳ-kheo Phương Trượng tại Phật Học Viện Hải Đức Nha Trang vào năm 1967 trước khi sang Nhật Bản du học và thuở ấy cố Hòa Thượng Thích Huyền Quang cũng là Tổng Thư Ký của Giáo Hội, nên cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã vâng lệnh cố Hòa Thượng Thích Huyền Quang sang Pháp để làm việc chung với Thiên Sư Thích Nhất Hạnh, ông Võ Văn Ái và cô Cao Ngọc Phượng. Nhưng đến năm 1974 thì cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm chính thức



không còn làm việc chung với Thiên Sư Thích Nhất Hạnh nữa và Hòa Thượng đã về Acceuil thuê một căn hộ để lập nên một Niệm Phật Đường và gọi tên là Khánh Anh. Tờ báo Khánh Anh cũng như lịch Khánh Anh lần lượt ra đời sau này là nhờ cái nhân lúc ban đầu ấy.

Hòa Thượng kể rằng: Tượng Phật thì đã có tượng của Giáo Hội từ bên nhà gửi qua Pháp từ năm 1968, vì Thiên Sư Nhất Hạnh thuở ấy không chủ trương xây chùa, nên cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã thỉnh tôn tượng này về tôn thờ tại Acceuil và kể từ năm 1977 đến nay (2018) tôn tượng này vẫn được thờ tại Tổ Đình Khánh Anh tại Bagneux, vùng ngoại ô của Paris.

Hòa Thượng Minh Tâm kể lại rằng: Muốn có một cái bàn để làm bàn Phật mà cũng không có tiền để sắm. May đâu nhà hàng Thanh Thế tại Paris có dư một cái, nên mang về để làm bàn Phật và sau này mới biết cái bàn ấy vốn là cái bàn để thái thịt cho nhà hàng. Nhưng không sao, từ Ta-bà biến thành Tịnh Độ cũng không phải là chuyện không có xưa nay. Từ khổ đau tục lụy biến thành giải thoát nhiệm mầu thì đó cũng không phải là điều hiếm thấy. Có thể ngày hôm trước ở đây là chuồng bò, là quán rượu, nhưng ngày hôm sau đã biến những nơi này thành những Đạo Tràng thanh tịnh để lễ bái nguyện cầu, thì việc ấy cũng là một chuyện bình thường thôi.

Có một điều mà ít ai quan tâm hay ở trong nội bộ mới biết, chứ người ngoài bây giờ nhìn vào chùa Khánh Anh mới ở Évry xây dựng tốn kém đến 22 triệu Euro hay 30 triệu USD thuở ấy (1995 - 2015), đâu có ai ngờ rằng cái giường mà cố Hòa Thượng Minh Tâm đã nằm, đã sử dụng từ năm 1977 đến 2013 và mãi sau khi Ngài viên tịch cho đến nay vẫn còn đó, là cái giường mà Hòa Thượng đã nhật ngoài đường trong những vật liệu của người Pháp làm phế

liệu. Chỉ có nệm thì thay đổi nhiều lần trong suốt 40 năm ấy (1974 - 2013), còn cái giường kia vẫn là một cái giường mà sau này sẽ đi vào lịch sử, đã giúp cho chính Ngài Minh Tâm ngã lưng suốt hơn 10.000 ngày đêm như vậy. Quả là một câu chuyện đáng kể mãi về sau này, tuy nó là một câu chuyện nhỏ nhưng rất đáng niệm ân. Nếu không có những chiếc bàn thô sơ để làm bàn Phật lúc ban đầu, nếu không có chiếc giường lịch sử lấm lem bụi trần như thế thì ai là người có thể giúp Hòa Thượng vượt qua những khó khăn lúc “vạn sự khởi đầu nan” kia. Quả thật “Phật Pháp nhiệm mầu” là vậy.

Chuyện kể rằng: Trong thời gian Đức Phật còn tại thế, có một ông lão có 5 người con trai, nhưng về già chẳng ai lo cho lão cả. Ông ta buồn cho thân phận của mình và trách móc những người con trai này, không thiếu những lời mạt sát thậm tệ. Rồi một ngày kia ông đau đớn trong lòng nên quyết từ bỏ hết tất cả để đi xin ăn. Ông lão nghĩ rằng: Làm như vậy sẽ thư thả hơn, nhất là không phải gặp những người con ngỗ nghịch ấy hằng ngày nữa. Lão chống gậy đi xin ăn ngày qua tháng lại. Lão cảm thấy an phận nhưng vẫn còn giận 5 người con trai của mình. Một hôm lão gặp Đức Phật trên đường đi khát thực. Đức Phật biết rằng ông lão này đã đến thời kỳ độ được, nên Ngài đã dừng lại bên ông lão thật lâu để hỏi đầu đuôi câu chuyện, cố sao lão lại ra nông nổi này. Ông lão vừa kể vừa khóc, vừa tủi thân, vừa hận đời, hận con cháu... Đoạn Đức Phật mới từ tốn hỏi ông rằng:

- Lão hằng ngày đi ăn xin nhờ vào cái gì vậy?
- Cây gậy này! Thưa Ngài.
- Nhưng có bao giờ lão nghĩ đến cây gậy ấy chưa?
- Tại sao phải nghĩ đến?

- Này lão! Hãy nghe đây! Lão nên quán rằng: Hằng ngày ta nhờ cây gậy này mà chống chọi với cơn đau để có thể chống rảo bước đi qua những con đường lồi lõm, để đến được phố phường hay xóm làng xin ăn. Tối đến ta lấy nó làm gối đầu để ngủ và nhiều khi nó cũng hữu dụng lắm, vì có nó nên những con chó hoang, chó dại, những con rắn độc, ta có thể hành xử một cách tự nhiên, nhờ cây gậy này mà thân ta không bị thương tích. Nhiều khi qua sông, chính cây gậy này là vật dò chỗ cạn sâu, hoặc để ta vượt qua những đoạn đường khó tìm, trong khi mắt ta không còn thấy rõ như xưa nữa. Từ nay trở đi lão hãy niệm ân cây gậy này và hãy đừng niệm oán với 5 người con trai kia nữa.

Nghe xong câu chuyện, ông lão bồi hồi xúc động và xin Đức Phật là “y giáo phụng hành”. Từ đó trong mỗi ngày vào buổi sáng tinh sương khi mới thức dậy cho đến khi mặt trời ló dạng bắt đầu cho một ngày xin ăn vất vả và ngay cả khi tối về lấy gậy làm gối để ngủ, gởi mình với giấc mộng ba sinh, lão luôn luôn niệm ân cây gậy và quên bẵng đi sự oán hờn 5 người con trai kia nữa.

Rồi cũng một ngày Đức Phật thấy rằng việc niệm ân của ông lão đã ngự trị cả thân tâm ông về cây gậy, không còn một mảy may nào niệm oán với những người con nữa, nên Đức Phật đã mời ông vào Tịnh Xá và ngồi tường thuật lại việc niệm ân của ông lão với cây gậy mà Đức Phật đã dạy cho ông trước đây. Nay ông đã thực hành thành thực và chính phải lúc, phải thời này đây cần tuyên dương lại cho mọi người cùng nghe và cùng hiểu về ý nghĩa của việc niệm ân với cây gậy ra sao. Hôm đó có cả 5 người con của ông lão cũng ngồi nghe câu chuyện của cha mình kể lại, ai nấy cũng ngậm ngùi và ôm chầm lấy cha mình vì tự nghĩ rằng: Với một cây gậy vô tri mà cha mình còn đối xử như vậy, thì tại sao chúng ta là người mà không biết thương cha kính mẹ nên mới ra nông nỗi này. Kể từ đó mỗi người

con chia phen nhau để phụng dưỡng cha mình cho đến ngày mãn phần.

Từ đó Đức Phật đã dạy cho Đại chúng rằng: “Nếu chúng ta có niệm ân nhiều hơn thì niệm oán sẽ vơi dần và mất đi.” Cho nên, hãy cố gắng giữ ân sâu nơi tâm thức và cố gắng quên hận thù, đau khổ để tâm ta còn có đủ sức chứa những công đức của từ bi và sự lợi tha. Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 cũng từng dạy rằng: “Nếu trong tâm bạn toàn là từ bi và nhân ái ngự trị thì hận thù và oán hờn sẽ không có nơi hay cơ hội để tồn tại nữa.”

Nhân việc này tôi xin kể một câu chuyện nhan đề là: “Mặt trời và mặt trăng, cái nào quan trọng hơn?”

Có người nói rằng: Ban ngày vốn đã sáng thì có cần mặt trời để làm gì nữa, nên mặt trời không cần thiết cho ban ngày. Có người bảo rằng: Mặt trăng mới cần cho ban đêm, vì con người muốn được tỏ rõ lối đi khi không có trăng sao chiếu rọi, thì mặt trăng mới cần thiết.

Câu chuyện sau đây là một trong muôn ngàn câu chuyện luân lý mà người xưa muốn gởi lại đời nay.

Chuyện kể rằng: Có một cô gái tuổi 13, ít nghe lời mẹ và cũng nhiều lần làm cho mẹ buồn, nhưng với người mẹ thì không có vấn đề gì cả, dưới mắt mẹ, cô gái ấy vẫn là đứa con tuyệt vời của mẹ. Một hôm cô gái cãi lời mẹ và bỏ nhà đi hoang, vì nghĩ rằng có như thế mẹ mới thông cảm và hiểu cho quan điểm của mình. Rời nhà từ sáng sớm đến chiều tối trong túi không có tiền, trong bụng lại đói meo, nhưng cơn thèm ăn, thèm uống trở dậy nơi cô bé. Bỗng đâu cô ta ngửi được mùi thơm của phở, mà mùi ấy mẹ cô đã làm cho cô ăn nhiều lần rồi, nhưng ít thấy ngon. Còn hôm nay sao mà hấp dẫn quá, có lẽ trong cô đã bị cái đói nó giày vò hành hạ bao tử nên mới ra nông nổi ấy. Cô gái rón rén

bước đến trước cửa nhà hàng và lấy tay nhè nhẹ đẩy cửa vào. Ông chủ quán trông thấy cô gái và hỏi:

- Con vào đây để làm gì?

- Thưa ông! Con đói quá, nhưng trong túi con không có tiền.

- Không sao đâu! Ta sẽ mang lên cho con một tô phở nóng.

Cô bé mừng quá! Quên đi tất cả những nỗi nhọc nhằn từ sáng sớm đến giờ. Đoạn ông chủ mang tô phở ra với khói bay nghi ngút, phảng phất mùi ngũ vị hương thật là đậm đà và nghe chừng như mùi húng quế cũng thoảng hơi cay tận mũi. Cô gái thưởng thức tô phở với nét mặt rạng rỡ muôn phần. Có thể vì tô phở này ngon hơn tô phở của mẹ cô gái đã nấu, mà cũng có thể vì từ sáng đến giờ chưa có gì lót bụng, nên phở này sao mà ngon đến vậy. Nhìn nét mặt rạng rỡ của cô bé, ông chủ ngồi đối diện bắt đầu gọi chuyện với cô bé.

- Tại sao cháu ra nông nỗi này?

- Vì mẹ.

- Mẹ thì sao chứ?

- Mẹ con mắng con và không thương con, nên con bỏ nhà ra đi.

- Con thấy đó! Ta mới cho con có một tô phở mà niềm vui của con thật rõ nét khi con thưởng thức nó, còn mẹ con, cả một cuộc đời đã tận tảo chăm sóc nuôi con, nắng mưa không kể, đau ốm không lo cho thân mình và chỉ mong sao cho con cái của mình lớn khôn là được. Thế mà con lại bỏ nhà ra đi. Rồi khi con ngộ nghịch không nghe lời mẹ như ngày hôm nay, có khi nào con nhớ đến mẹ đang chờ con đau đầu suốt ngày chẳng?

Ông chủ tiệm nói đến đó thì thấy cô gái bỏ đĩa xuống bàn, mặt dầu đang thưởng thức tô phở thật là ngon. Ông nhìn lên cặp mắt của cô bé thấy đỏ hoe và hai dòng lệ bắt đầu tuôn chảy. Cô gái nói hai tiếng cảm ơn thật nhỏ cho chính mình nghe và cúi đầu chạy ra khỏi tiệm ăn như trốn lánh một việc gì đó nguy cấp lắm và cuối cùng thì cô gái đã về đến tận nhà. Người mẹ đã chờ con gái từ sáng đến giờ và bảo:

- Con gái ngoan của mẹ, chắc bụng con đã đói lắm rồi? Vì từ sáng đến giờ con chưa có gì lót bụng. Mẹ đã dọn sẵn phần cơm canh cho con rồi đó. Hãy vào bàn rồi ăn, kéo nguội.

- Con đã no rồi vì một tô phở và bài học luân lý đạo đức mà ông chủ tiệm phở đã trực tiếp dạy cho con. Vậy từ nay trở đi con sẽ không hờn dỗi mẹ nữa, để khỏi làm mẹ phiền lòng và con muôn đời sẽ là đứa con gái ngoan hiền của mẹ. Con thương mẹ nhiều!

Đây là một câu chuyện có thật trong cuộc sống hằng ngày. Tục ngữ Trung Hoa có câu: “Đứng gần không thấy núi cao.” Đúng như vậy. Con cái ở gần cha mẹ ít khi nào quan tâm về việc cha mẹ chăm sóc cho mình. Chỉ đến khi nào những bàn tay từ ái ấy không còn trực tiếp chăm sóc cho mình nữa thì ta mới thấy trống vắng lạ thường, nhưng tiếc thay song thân không còn nữa. Học trò, đệ tử cũng giống như vậy, khi còn Thầy mình bên cạnh, thấy nghe những lời dạy cảm thấy bình thường hoặc đôi khi còn cảm thấy thừa thãi nữa, nhưng một mai Thầy không còn nữa, nhớ lại những ân đức xưa, muôn vâng lời hay báo ân sâu, nhưng Thầy Tổ đã cách xa muôn dặm rồi, làm sao có thể níu kéo lại được.

Vậy thì mặt trời quan trọng hơn mặt trăng hay mặt trăng quan trọng hơn mặt trời?

Đa phần trả lời rằng: Cả mặt trời lẫn mặt trăng đều quan trọng. Đây là câu trả lời khôn ngoan. Vì lẽ có mặt trời mà không có mặt trăng cũng không được và có mặt trăng mà không có mặt trời cũng không được. Cả hai cùng bổ túc cho nhau để soi sáng trên quả địa cầu này và từ đó con người mới có cơ hội sinh trưởng, tồn tại qua hàng bao nhiêu triệu năm nay và cả đến nhiều triệu năm về sau nữa cũng vậy. Cho nên chúng ta nên trân quý những gì chúng ta đang có chứ không nên đi tìm. Vì đã đi tìm thì việc ấy không có thật, ngay cả hạnh phúc hay hòa bình an lạc của nội tâm cũng đều như thế cả.

Phật giáo trong thuở ban đầu ấy, muốn có đủ tiền để thuê những căn phòng để làm Niệm Phật Đường cũng gian nan lắm. Cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã kêu gọi kiều bào và những anh em sinh viên du học thuở bấy giờ ở Pháp đóng góp định kỳ mỗi người mỗi tháng ít nhiều từ 5, 10, 20 đến 50 quan Pháp để lo cho điện nước và trả tiền thuê cũng như những cuối tuần có lễ Phật định kỳ hay có đám cúng giỗ, tuần thất nhiều người đến chùa đông hơn. Thế là thùng phước sương bắt đầu khá hơn lúc ban đầu. Phải thành thật mà nói rằng: Tất cả chùa Việt ở Pháp nói riêng, Âu Châu, Mỹ Châu, Úc Châu nói chung mọi nơi, mọi hoàn cảnh, dầu gián tiếp hay trực tiếp đều thọ nhận ân này, vì đã ứng dụng phương pháp kêu gọi nhẹ nhàng của cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm mà nay ở hải ngoại, chúng ta đã hoàn thành được những dự án lớn, trong đó có cả chùa Viên Giác tại Hannover. Từ đóng góp định kỳ hằng tháng đến một thước đất xây chùa, từ một viên gạch, viên ngói đến Hội Thiện không lời v.v... tất cả đều rập khuôn theo chủ trương của cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm từ những năm 1974, 1977, 1995 và mãi cho đến nhiều thập niên sau này cũng vậy. Ân ấy, nghĩa này chúng ta làm sao quên được, nên những ai đã nhận được ân này thì hãy nên luôn

niệm đến ân sâu kia. Đó cũng là một trong tứ trọng ân, mà người làm ân nên quên và kẻ chịu ơn nên nhớ là vậy.

Dĩ nhiên là việc khó khăn lúc ban đầu ở mỗi nước đều khác nhau, không có nơi nào giống nơi nào cả, những nơi nào tôi biết chắc thật mới mô tả vài điều để người đời sau nhớ mà ghi ân và riêng bản thân của mình cũng vậy cái gì có thật và đã trải qua kinh nghiệm sống của mình thì tôi mới viết lên giấy trắng mực đen để gởi đến quý vị. Nó không phải là sự khoe khoang, mà là một sự trải nghiệm. Dĩ nhiên kinh nghiệm trong cuộc sống hằng ngày hay việc Phật thì không có ai giống nhau cả, nhất là kinh nghiệm của mỗi người có muôn cách khác nhau. Khi xem những đoạn văn trên chỉ nguyện rằng quý vị có thể ghi nhớ vào tâm thức là đủ rồi.

Xin niệm ân tất cả.

Hoàng pháp lợi sanh

Chư Tổ ngày xưa thường dạy rằng: “Hoàng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi sự nghiệp.” (弘法為家務，利生為事業。) Nghĩa là: “Hoàng pháp là việc nhà, lợi sanh là sự nghiệp.”

Căn cứ theo lời dạy của người xưa, chúng ta có thể hiểu rằng: Sự nghiệp của người xuất gia không phải là chùa to, Phật lớn, đệ tử nhiều v.v..., mà sự nghiệp của người xuất gia chính là làm sao cho giáo pháp được rộng truyền, chúng sanh được lợi lạc. Do đó, người xuất gia lấy niềm vui của kẻ khác làm niềm vui của mình và thấy sự thành công của kẻ khác, mình sẽ vui theo cái vui của họ. Như vậy mục đích của người xuất gia quá rõ ràng, ai vào chùa xuất gia tu học cũng đều phải rõ biết việc này. Trước khi làm lợi lạc cho chúng sanh, mình phải làm lợi lạc cho mình trước qua bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi mà 4 quyển luật tiểu gồm: Tỳ Ni, Oai Nghi, sa-di và Cảnh Sách là sách gối đầu



giường của tất cả những người mới bắt đầu vào chùa thế phát xuất gia. Sau thời gian tôi luyện từ 3 đến 5 năm, đi học cả trường Đạo lẫn trường Đời, vị sa-di ấy được thọ giới tỳ-kheo và bắt đầu học diễn giảng hay dịch kinh viết sách. Vị nào có năng khiếu nào thì lần theo sở thích của mình mà nâng cao sở trường của mình qua việc đi dạy học, hay diễn giảng. Phần đông các Tăng, Ni đều phải đứng trước Phật tử hàng trăm, hàng nghìn người để thông báo việc chùa, việc hội hay hành hương tu học v.v... Ban đầu còn khép nép, sợ sệt, nhưng dần dần cũng quen đi và bắt đầu nói những bài pháp thoại ngắn cho các Phật tử nghe. Thầy, Cô nào có khiếu thì thăng tiến nhanh trên con đường hoàng pháp. Thầy, Cô nào không có khiếu diễn giảng thì tập trung vào vấn đề nghi lễ hay làm từ thiện, xã hội v.v... Nghĩa là người xuất gia có rất nhiều con đường để có thể thực hành hạnh nguyện lợi sanh của mình, chứ không nhất thiết chỉ là con đường hoàng pháp. Tuy nhiên việc hoàng pháp đối với Tăng Ni là quan trọng nhất, vì lẽ Đức Phật thường dạy rằng: “Kẻ nào thấy Pháp, người ấy sẽ thấy Phật. Người nào thấy Phật, kẻ ấy sẽ thấy được Pháp.” Chữ thấy ở đây có nghĩa là nhận ra Pháp, nhận ra được Phật. Thâm nhập được Pháp của Phật dưới hình thức chánh kiến trong Bát Chánh Đạo, nghĩa là phải thấy nghe chân chính thuộc mọi lãnh vực và mọi vấn đề. Có như vậy Pháp mới lưu thông và sẽ được xây dựng ra, làm chất đề hồ, nhằm nuôi dưỡng thân tâm của người cầu học Pháp Phật.

Như trên đã trình bày, chỉ riêng địa bàn Âu Châu này đã rộng lớn lắm rồi, nhưng sau này còn thêm Mỹ Châu, Úc Châu nữa, nên những vị chuyên đi thuyết giảng cũng không đủ thì giờ và sức khỏe để cán đáng công việc này. Lẽ ra các Giáo Hội phải có Ban Hoàng Pháp để đảm trách, nhưng Phật tử thích vị Pháp Sư nào là thỉnh vị ấy đến diễn giảng, nên có nhiều vị bận liên miên, mà cũng có lắm

vị ít được chỗ nào mời.

Cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm trước khi đi du học Nhật Bản vào năm 1967, Ngài đã làm Hiệu Trưởng Trường Bồ Đề Nguyên Thiều ở Bình Định rồi, nên việc diễn giảng, đứng trước quần chúng không phải là vấn đề khó khăn lắm. Cho nên đầu tiên khi ở Nhật Bản trong lúc đi học hay lúc đến Âu Châu hoàng pháp, với Ngài, việc thuyết pháp độ sanh, thuyết trình trước số thính giả đông đúc đã trở thành việc quen thuộc. Đầu tiên là tại Pháp, rồi lan dần sang Đức, Anh, Hòa Lan, Bỉ, Thụy Sĩ, Bắc Âu v.v... Nhất là sau năm 1975, nhu cầu thăm viếng, làm lễ Phật, cầu an, giảng pháp, cầu siêu cho Phật tử càng ngày càng tăng dần theo cấp số nhân.

Sau năm 1975, Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất tại quê nhà bị chính quyền đảng Cộng sản Việt Nam đàn áp, bắt bớ tù đày chư Tăng Ni, thì ở hải ngoại đặc biệt là Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, công việc thuyết trình trước các Hội Đoàn, biểu tình trước các sứ quán sở tại của Cộng Sản Việt Nam ngày càng cấp thiết hơn bao giờ hết.

Những năm ngay sau 1975, Âu Châu hầu như chưa có một chùa thờ Phật của người Việt nào được dựng lên cả, ngoại trừ ở Pháp, cho nên mỗi khi làm lễ, người ty nạn thường hay mượn những nhà sinh hoạt của nhà thờ Tin Lành hay Thiên Chúa, hoặc mượn một hội trường công cộng nào đó để làm lễ. Hình thức ban đầu khá đơn giản. Bên trên cao nhất treo hai lá cờ: cờ Quốc Gia và cờ Phật giáo. Phía dưới là bàn thờ Phật có tranh ảnh hay tôn tượng Đức Phật Thích Ca, Phật A-di-đà hay Bồ Tát Quán Thế Âm cùng chuông mõ, hoa quả, hương đèn v.v... Thế là tươm tất lắm rồi.

Thông thường thì vị Phật tử đại diện cho địa phương bước ra phía trước để trình bày lý do tại sao có buổi lễ này

và giới thiệu những khách được mời hiện diện trong buổi lễ. Đồng thời cử Quốc Ca và chào Phật giáo kỳ hay hát bài Trầm Hương Đốt, nếu nơi đó đã có nhiều Phật tử thuần thành rồi. Đoạn vị Thầy chủ lễ lên trước bàn thờ làm lễ dâng hương bạch Phật. Sau đó tụng một thời kinh ngắn cầu an hay cầu siêu. Phần cuối cùng rất quan trọng. Đó là phần giảng pháp của quý Thầy, Cô cho quý Phật tử nghe. Vị Thầy đó phải am hiểu tình hình địa phương trước khi đến thì rất hay, vì nắm bắt được khả năng của Phật tử cũng như nhu cầu học pháp của họ như thế nào. Đa phần lúc ban đầu quý Thầy, Cô hay giảng về cuộc đời Đức Phật, Tứ Diệu Đế, 37 phẩm trợ đạo và cứ mỗi lần như thế đều thay đổi một đề tài để cho người nghe cảm thấy mới mẻ, ham học hiểu. Thông thường sau buổi giảng, quý Thầy, Cô thường để ra 10 đến 15 phút cho các Phật tử đặt câu hỏi. Những câu hỏi đa phần xoay vào luân hồi, nhân quả, tái sanh, tánh không v.v... Đôi khi cũng có những câu hỏi thuộc về phạm vi chính trị. Nghĩa là tất cả những câu hỏi phải được vị Pháp Sư giải đáp cặn kẽ hữu lý thì cử tọa mới vừa lòng và lần sau vị ấy sẽ được tiếp tục thỉnh mời nữa. Sau cùng là lễ tạ pháp. Số tiền cúng dường của Phật tử đều tùy thuộc theo sự hảo tâm chú không có một sự ràng buộc nào cả. Nghĩa là ai có khả năng thì cúng nhiều và ai không có khả năng thì cúng ít, nếu ai không có khả năng gì cả, thì chỉ với tấm lòng đến tham dự cũng không sao. Đạo Phật là Đạo từ bi, lợi tha, nên không bị bó buộc vào bất cứ một khuôn mẫu nào, nên Đạo Phật đi đến đâu cũng rất dễ thích nghi để hội nhập vào xã hội đó.

Từ nguồn vốn nho nhỏ được cúng dường ấy, quý Thầy nghĩ đến việc mở rộng cơ sở hơn, trong đó có Chùa Khánh Anh tại Bagneux là một. Sau bao nhiêu năm dành dụm, cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã tạo mãi được cơ sở này tại 14 Avenue Henri Barbusse Bagneux và là cơ sở chính để sau này sinh ra thêm ngôi Đại Tự Khánh Anh tại Évry kể

từ năm 1995. Lúc đầu khi mới dời qua Bagneux từ Acceuil từ năm 1977, cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm cũng chỉ một thân một mình, nên khi Ngài đi tham dự Hội Nghị ở Thái Lan, Nhật Bản hay Tích Lan, tôi đã được Thầy nhờ qua trông nom chùa này. Đây cũng là cơ hội để tôi làm quen với quý Phật tử Việt Nam tại Pháp kể từ năm 1977.

Hồi đó từ Đức sang Pháp phải có visa, cũng như qua biên giới giữa các nước còn bị kiểm soát chặt chẽ lắm chứ không phải như bây giờ, nhất là lúc mà bức tường Bá Linh đã bị sụp đổ vào ngày 9.11.1989.

Những thời kinh Tịnh Độ là cơ hội để tôi tập chuồng mỗ cho những Phật tử sơ cơ mới vào đạo, rồi chỉ cho họ thế nào là lạy Phật, thế nào là lạy ông bà. Ăn chay ra sao, đi chùa như thế nào? Hồi đó mỗi lần qua Pháp tôi thường ở lại Khánh Anh tại Bagneux ít nhất là một cuối tuần và nhiều nhất là một tháng, khi nghỉ hè hay nghỉ Đông bên Tây Đức. Đây cũng là cơ hội cho Hòa Thượng Minh Tâm đi đến những nơi xa hơn để hoằng pháp. Riêng cá nhân tôi đã làm Tổng Thư Ký của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu hay nói đúng hơn là làm Thư ký cho cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm chắc không dưới 30 năm, cho đến khi Ngài viên tịch tại Phần Lan vào năm 2013, nhưng chưa bao giờ Ngài trách cứ hay la lối một vấn đề gì khi Ngài không vừa ý. Tất cả đều từ tốn và cứ từ từ giải quyết từng vấn đề một như vậy. Nếu hỏi tư tưởng của Hòa Thượng Minh Tâm là gì thì tôi xin trả lời ngay về chủ trương cũng như lập trường của Ngài rằng: “Tu là học, học là làm việc, làm việc chính là tu.” Và cứ thế xoay vần như một chuỗi mắt xích. Làm việc cũng có nghĩa là tu, mà tu cũng có nghĩa là học, mà học cũng có nghĩa là tu. Từ lý luận này chúng ta thấy cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm là một vị Thầy theo chủ nghĩa thực dụng ở mọi bình diện trong cuộc sống hằng ngày.

Kể đến tôi muốn trình bày về sự hoằng pháp của Thiên Sư Thích Nhất Hạnh, vì Ngài trụ thế cho đến năm 2018 cũng đã trên 94 tuổi rồi, nghĩa là gần một thế kỷ và Ngài đã dẫn thân ở trong nước từ lâu và ở ngoại quốc bắt đầu từ năm 1966 và tại Pháp bắt đầu trong nhiều giai đoạn như 1973 đến 1979. Từ 1979 đến 1987 và từ 1987 đến nay, trong mỗi giai đoạn như thế, phương pháp hoằng pháp của Thầy Nhất Hạnh khác nhau, hầu như không đồng nhất. Tuy rằng ngày nay nếu có ai đến những tiệm sách của Âu Mỹ mua những sách có liên quan đến Phật giáo và lật ra trang bìa sau cùng thì có thể bắt gặp lời giới thiệu ngắn gọn rằng: “Vị lãnh đạo tinh thần của Phật giáo được mọi người quý kính nhất, chính là Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14. Sau Đức Đạt Lai Lạt Ma, Thiên Sư Thích Nhất Hạnh giữ vị trí thứ hai.” Đây cũng là niềm vui của Phật tử Việt, vì có hơn 150 đầu sách của Thầy xuất bản ở trong nước hay ngoại quốc, có những quyển dịch ra hơn 50 ngoại ngữ khác. Ít có tác giả nào của Việt Nam được vinh dự này. Tuy nhiên nếu chúng ta quan sát và theo dõi tư tưởng biến đổi của Thầy Nhất Hạnh thì chúng ta thấy mỗi lúc không giống nhau. Ví dụ ngày xưa Thầy chủ trương phong trào Tiếp Hiện hay giới Tiếp Hiện là chủ ý lập nên những người cư sĩ thuần thành làm Giáo Thọ và họ có thể thay thế cả chư Tăng, Ni trong vấn đề hoằng pháp nữa, nhưng chủ trương này Thầy đã thay đổi từ năm 1987, 1988 nhất là sau khi cô Cao Ngọc Phượng xuất gia và Thiện Bình cầu giới, thì con đường của Thầy mở ra tiếp tục là Tăng Thân và con số người xuất gia làm đệ tử của Thiên Sư Nhất Hạnh cho đến năm 2018 này không dưới 1.000 vị, ở rải rác khắp nơi tại Châu Á như Thái Lan, Hồng Kông, Indonésia. Tại Âu Châu hầu như tất cả các nước đều có người bản xứ tu theo pháp môn của Làng Mai. Ở Hoa Kỳ và Canada cũng như ở Úc có nhiều trung tâm tu thiền rất lớn và do những người xuất gia đảm

trách và vai trò của những giáo thọ cư sĩ thuộc phái Tiếp Hiện hầu như không còn hoạt động mạnh nữa.

Kể đến việc chế ra 14 giới Tiếp Hiện, nghĩa là không khác giới luật của Đức Phật chế là bao nhiêu, nhưng xưa nay các vị Tổ của Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam, Đại Hàn, Nhật Bản chỉ chế ra Thanh Quy, Nghi Thức, Điều Lệ, chứ chưa có vị Tổ nào dám chế ra giới cả, ngoại trừ Thầy Nhất Hạnh. Đó là chưa kể việc Ngài đã chế Bát Kính Pháp cho Tăng và Tăng Ni đánh lễ nhau, là những việc ngay cả Đức Phật, Ngài cũng chưa và không chế. Ni lạy Tăng thì có, chứ Tăng không lạy Ni, trong khi đó Ngài Nhất Hạnh thì chủ trương tự tại, vô ngại trong vấn đề này.

Đứng về phương diện văn chương, dịch thuật, chữ nghĩa phải nói rằng không ai qua Thầy Nhất Hạnh cả, nhưng riêng cách dùng chữ Bụt của Ngài thay cho chữ Phật mà người Phật tử Việt Nam vốn quen gọi lâu nay thì cho đến nay vẫn là một điều mà nhiều người Việt Nam không và chưa chấp nhận. Chừng vài trăm năm sau nếu có đa phần dân chúng Phật tử Việt Nam chấp nhận gọi Bụt nhiều hơn gọi Phật, thì đó là sự thành công lớn của Thầy Nhất Hạnh. Ngược lại trải qua thời gian năm tháng lâu dài mà người Phật tử Việt Nam không quan tâm đến thì xem như chủ trương ấy sẽ đi vào quên lãng.

Ở Việt Nam, từ những năm 1964 đến 1972, tôi đã đọc sách của Thầy Nhất Hạnh rất nhiều, như Nói Với Tuổi Hai Mươi, Bông Hồng Cài Áo, Cửa Tùng Đôi Cánh Gà, Hoa Sen Trong Biển Lửa, Đạo Phật Hiện Đại Hóa v.v... Và ở hải ngoại sau này tôi đã đọc Đường Xưa Mây Trắng, Ngọa Vân Am, Tri Kỷ Cửa Bụt, Thả Một Bè Lau v.v... Nhưng tu theo Thiên của Làng Mai thì tôi chưa từng. Đã mấy lần tôi đến Làng Hồng gần Bordeaux và Viện Phật Học Ứng Dụng ở Walbronn gần Köln tại Đức, nhưng phải nói là thiếu duyên,

nên sau này tôi ít lui tới những nơi này, nhưng sách Thầy thì tôi vẫn đọc và những bài sám như: Quy Mạng dịch ra nghĩa tiếng Việt thì tôi vẫn tụng hằng tuần tại chùa Viên Giác Hannover, nhưng bảo xiển dương Pháp môn này thì tôi không thể và mình chỉ một mực theo Phật giáo truyền thống như xưa nay chư vị Tổ Sư đã truyền thừa ở trong cũng như ngoài nước, và với tôi căn bản vẫn là Tịnh Độ Tông mà thôi.

Dẫu sao đi nữa thì thế hệ của chúng tôi phải niệm ân Thiên Sư Thích Nhất Hạnh thật nhiều, vì nếu không có Ngài chủ trương thay đổi cách tu học trong các Thiên Môn, Tự Viện tại Việt Nam theo lối cổ xưa để bước vào cuộc sống mới hòa mình với trào lưu văn hóa, ngôn ngữ mới, thì Việt Nam đã không có những người như thế hệ của chúng tôi đang hoạt động Phật sự tại ngoại quốc ngày nay.

Kế đến là những vị Đại Lão Hòa Thượng khác như: Cố Hòa Thượng Thích Tâm Châu, cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi, cố Hòa Thượng Thích Thiên Định v.v... Những vị này đều là những danh tăng của Phật giáo Việt Nam ở thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21.

Ngài Tâm Châu làm Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất từ năm 1964 đến năm 1966. Sau khi Ấn Quang và Việt Nam Quốc Tự phân chia thì Ngài về làm Viện Trưởng Viện Hóa Đạo của miền Vĩnh Nghiêm, cho đến 30.4.1975 thì Ngài chạy sang Pháp. Đầu tiên Ngài thành lập chùa Từ Quang ở Nice để hoàng pháp và sau đó nhận chùa Hồng Hiền ở Prégus để sửa đình làm chùa. Trong thời gian 1976-1978 Ngài thường sang Hoa Kỳ và Canada để tham gia và chứng minh cho những Phật sự quan trọng tại chùa Liên Hoa ở Bossard, Québec, Canada và chùa Giác Hoàng tại Washington DC. Dần dần Ngài thấy việc hoàng pháp ở Bắc Mỹ thuận tiện hơn ở Pháp, nên Ngài đã sang trụ hản tại chùa Liên Hoa

ở Canada và đồng thời Ngài thành lập thêm Tổ Đình Từ Quang cũng tại Montréal, Canada. Từ đây Ngài sang chùa Giác Hoàng ở Washington DC cũng như các chùa Quan Âm ở Los Angeles, chùa Phật Quang ở Dallas v.v... Và cuối đời Ngài đã thành lập Tu Viện Viên Quang tại North Carolina, để cuối cùng Ngài viên tịch tại Tổ Đình Từ Quang vào năm 2015. Thọ 95 tuổi và 74 hạ lạp với cương vị đương kim Thượng Thủ của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam trên thế giới.

Ngài đã trước tác, phiên dịch nhiều kinh sách giá trị để lại làm kim chỉ nam cho Tăng Ni, Phật tử sau này, trong đó có quyển “Thiền Lâm Bảo Huấn”. Trong thời gian Ngài ở Canada hay Hoa Kỳ, Ngài cũng hay viếng thăm Pháp, Âu Châu, Úc Châu và Á Châu. Đặc biệt, vào mùa hè năm 1991 khi chùa Viên Giác xây dựng chưa xong hoàn toàn, nhưng chúng tôi đã đứng ra đăng cai để tổ chức Đại Hội Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng-già Thế Giới, Ngài Tâm Châu, Ngài Huyền Vi, Ngài Thiên Định, Ngài Mãn Giác đều đã đích thân đến dự. Hội Đồng Tăng-già Thế Giới (WSCS) được thành lập vào năm 1966 tại Tích Lan, đến năm 1969 đã có lần Đại Hội tại Việt Nam do cố Hòa Thượng Thích Tâm Châu làm Trưởng Ban Tổ Chức, đứng ra triệu tập Đại Hội và hình như đến năm 1991 Ngài mới trở lại tham dự với tổ chức trong danh nghĩa là người sáng lập ra tổ chức thế giới này cùng với những vị Đại Sư khác.

Tuy Ngài bắt đầu sự nghiệp hoằng pháp tại Pháp, nhưng với ảnh hưởng to lớn trong quá khứ của Ngài, nhiều người đã quy phục và tôn vinh Ngài là bậc Thượng Thủ và cũng từ đó tiếng nói của Ngài đã có mặt khắp nơi trên thế giới. Công đức của Ngài thật là không nhỏ.

Thời điểm 30.4.1975 là thời điểm giao thoa giữa sự mất còn của Dân Tộc và Phật giáo, nên một số quý vị Đại Sư đã bỏ nước ra đi, để mong sao Đạo Pháp còn được có cơ may phát triển, nên họ đã hy sinh kể cả mạng sống của



mình để đi tìm tự do đến Pháp, Canada, Hoa Kỳ hay Úc Châu, trong đó có cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi và cố Hòa Thượng Thích Thiên Định. Hình như cả hai Ngài đều đến Paris cùng một lúc, ngay vào thời điểm cuối tháng 4 năm 1975. Lúc bấy giờ tại Paris có một gia đình giàu có đã hiến cơ sở 3 tầng lầu tại Joinville để Hòa Thượng Thích Huyền Vi làm chùa và làm trụ sở Giáo Hội Phật giáo Linh Sơn. Trước khi cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi đến Pháp, Ngài là Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoàng Pháp của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Ấn Quang, nhưng khi Ngài sang Pháp, danh từ ấy và vị thế kia không còn nữa, mà Ngài đã trở thành Đệ Nhất Tăng Thống của Giáo Hội Phật giáo Linh Sơn trên thế giới. Hầu như năm đến bảy chục cơ sở tự viện dưới quyền điều hành của Ngài, tất cả các chùa đều mang danh hiệu là Linh Sơn. Tại Paris, chùa Linh Sơn này tuy nhỏ, nhưng đã trở thành Tổ Đình của môn phong pháp phái Linh Sơn, vì lẽ dấu chân hoàng pháp của Ngài đã bắt đầu từ chốn Tổ Đình này vậy.

Đầu tiên cố Hòa Thượng Thích Thiên Định đã ở chung với cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi tại chùa Linh Sơn ở Joinville, Paris, nhưng sau đó có một Phật tử tại Marseille cúng cho Ngài một phần đất núi tại đó, nên Ngài đã rời Paris về Marseille thành lập chùa Pháp Hoa và Ngài trụ tại chùa này lâu dài cho đến lúc viên tịch. Ngài cũng đã có công rất nhiều trong việc hoàng pháp giai đoạn đầu của Phật giáo Việt Nam tại Pháp nói riêng và toàn Âu Châu nói chung, trong đó nước Đức nhận được sự cố vấn của Ngài ở nhiều nơi và đặc biệt tại chùa Pháp Hoa Marseille do Ngài xây dựng có 2 Đại Giới Đàn tiên phong được tổ chức để cho các giới tử đắc giới và là cơ hội để tấn phong một số chư Tôn Đức lên hàng Giáo Phẩm Thượng Tọa. Ví dụ như giới đàn Đại Nguyên vào năm 1988 và giới đàn Thiện Hòa vào năm 1994.

Ngài là Cố Vấn của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, nhưng những ngày cuối cùng của đời Ngài khi viên tịch, Ngài muốn những đệ tử trong môn phong pháp phái của Ngài chu toàn hiếu sự, nên Giáo Hội cũng chỉ đến phúng điếu, niệm kinh rồi về sau khi hỏa thiêu Ngài, nên đám tang của Ngài có cái gì đó trống vắng, không được như đám tang của cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi hay cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm sau này. Đây cũng là một kinh nghiệm, nên tôi đã viết Di Chúc lại rằng: Nếu tôi nằm xuống thì:

- 1) Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu sẽ là Ban Tổ Chức tang lễ.
- 2) Môn phong Pháp phái Chúc Thánh quốc nội và hải ngoại lo vấn đề nghi lễ.
- 3) Đệ tử, đồ tôn, xuất gia cũng như tại gia chỉ lo vấn đề “tứ sự cúng dường”, trong đó có vấn đề chỗ cư trú, vấn đề ẩm thực, thuốc men, y phục và vấn đề di chuyển v.v...

Dĩ nhiên là Giáo Hội sẽ tham khảo ý kiến của những đệ tử lớn để bàn bạc những việc quan trọng trước khi các nghi thức được cử hành, nhưng nên để Giáo Hội và Môn phong Pháp phái lo cho những việc chính, còn đệ tử chỉ lo vấn đề hiếu sự là đủ rồi. Nếu làm được như vậy sẽ tránh được những vấn đề đáng tiếc có thể dễ bị xảy ra trong tang lễ.

Riêng phần tôi đến Đức để hoàng pháp cũng không khác các Đại Sư bên trên là mấy trong giai đoạn ban đầu. Cái khác đây là quý Ngài đã có địa vị, chức phận tại Việt Nam rồi, sau khi qua Pháp ngay cả lúc ban đầu cũng đã có nhiều người quen biết, nên đã được nhiều người hỗ trợ. Còn tôi giống như “thân cò lặn lội bờ sông”, sáng, trưa, chiều, tối cũng chỉ thui thủi một mình kể từ ngày 22 tháng 4 năm 1977, cho đến tháng 4 năm 1978 khi Niệm Phật Đường Viên Giác được thành lập tại Hannover, quả là thời

gian đáng ghi nhớ nhất. Cuối tuần tôi vừa đi làm thêm như hái trái cây hay phụ việc trong hãng thuốc lá để có thêm chi phí cho cá nhân cũng như Niệm Phật Đường.

Mới đó mà cũng đã 40 năm rồi (1978-2018), nên tháng 4 năm 2018 vừa qua chúng tôi, Tăng cũng như tục, làm lễ kỷ niệm 40 năm Phật giáo Việt Nam hiện diện tại nước Đức rất trang trọng để nhớ lại cái mốc lịch sử đã trôi qua và lịch sử xây dựng Đạo Pháp tại xứ này sẽ tiếp tục được truyền thừa qua những thế hệ mới.

Có nhiều nơi khi đến làm lễ không chuông, không mõ, không nhang, không đèn, nên tôi phải khệ nệ mang những vật dụng này từ Hannover đến. Đó là những năm sau này. Chứ những năm 1977, 1978 còn có những điều đáng nhớ hơn nữa là đi đâu tôi cũng phải mang theo một bình chao, vì lúc ấy các anh chị sinh viên chỉ biết nấu cơm, còn nấu chay chả ai biết phải nấu như thế nào, nên tôi phải mang theo mình hủ chao là tiện nhất. Rau có thể chấm chao, đậu hay chao có thể dùng với cơm cũng đậm đà. Chính vì dùng chao nhiều trong những tháng năm đầu ở Đức như vậy, nên bây giờ tôi bị dị ứng khi ăn tương hay ăn chao vào. Nên nhiều người nói vui là “Thầy đã già từ tương chao rồi”. Rồi những cuốn phim dĩ vãng về hoàng pháp lại hiện về trong trí nhớ của mình, tôi chẳng có gì để buồn, để lo hay để phân vân cả. Ví dụ như khi người ta chưa học Phật thì lúc gặp nhau đưa tay ra bắt, thay vì chấp hai tay lại để chào “Nam Mô A Di Đà Phật”. Có nhiều người gặp người tu lần đầu tiên không biết gọi làm sao, nên tiện nhất hỏi: “Anh Sư có mạnh khỏe không? Cho em xin hỏi một vài điều.” Nếu bây giờ sau 40 năm ở Đức mà tôi còn nghe câu này thì tôi cũng chỉ cười thôi và tự thấy mình phải có bổn phận đi vào quần chúng sâu hơn nữa. Sở dĩ người Phật tử không hiểu Phật Pháp là do chư Tăng Ni chứ không phải bởi họ lười.

Bây giờ nhìn ngôi chùa Viên Giác, Viên Đức hay nhiều ngôi chùa khác đang ngự trị khắp nước Đức nói riêng và Âu Châu nói chung, chúng tôi rất hoan hỷ và tâm đắc, vì lẽ những hình ảnh này trước đây 40 năm đã khó nhìn thấy, mà nay tất cả đều hiện thực. Công đức này là do chư vị Tổ Sư tiền bối, chư Tôn Đức Tăng Ni đã dày công vun bồi, nên ngày nay mới được như vậy. Ngoài ra giá trị tinh thần việc phát triển của Phật giáo Việt Nam tại Âu Châu sẽ không có cái gì để cân đong đo đếm được, nhất là các đoàn sinh của các Gia Đình Phật Tử đã, đang và sẽ hiện diện trong 7 Gia Đình Phật tử Việt Nam tại nước Đức nói riêng, đã kề vai sát cánh với những Gia Đình Phật Tử Việt Nam khác tại Âu Châu để xây nên một tình Lam, một đóa sen xanh thật lành mạnh, hữu ích vô cùng cho con đường tương lai của Phật giáo tại Âu Châu này.

Rồi một ngày nào đó tôi cũng sẽ ra đi như bao nhiêu bậc Đại Sư tiền bối đã vào cõi Tịnh, nhưng với tôi ngay cả bây giờ tôi cũng đã hưởng được những pháp lạc sau 40 năm có mặt tại xứ Đức này.



## AN CƯ LẠC NGHIỆP

Có ai lớn lên và chứng kiến cuộc sống của người dân Việt Nam vào thời điểm từ năm 1975 đến năm 1986 thì đã thấu hiểu tất cả mọi ngọn ngành và lý do tại sao người Việt Nam chúng ta ở trong nước lại cơ cực như vậy. Hồi đó nhiều người ra đi tỵ nạn tại các nước Âu Mỹ thường hay nói rằng: “Nếu ở Việt Nam mà cây cột đèn đường biết đi thì nó cũng sẽ đi tỵ nạn luôn.” Câu nói nghe đơn giản, nhưng sao nó xé nát cả tâm can của người Việt ở trong cũng như ngoài nước. Và mới đây vào thời điểm 2018, nghĩa là sau 43 năm người Cộng Sản miền Bắc thôn tính miền Nam, các đài truyền hình ngoại quốc đang có mặt tại Việt Nam phỏng vấn những em học sinh vừa tốt nghiệp lớp 12 của Trung học Đệ nhị cấp thời xưa, là các em mong muốn gì sau khi xong lớp 12? Hầu hết trả lời rằng muốn được đi Mỹ hay các nước tự do khác để du học. Như vậy, nền giáo dục hiện đại của Việt Nam đã đi đâu rồi mà để cho cả một thế hệ thanh thiếu niên có tư tưởng vọng ngoại như vậy?

Sau năm 1975, những người có thân nhân còn bị kẹt lại ở Việt Nam phải ngóng trông tin người đã đi định cư tỵ nạn ở nước ngoài gửi quà cáp, tiền bạc về họ mới có thể xoay xở nổi để sống, nhất là những gia đình có liên quan đến chính quyền Việt Nam Cộng Hòa thời trước. Mới đến định cư tại một nước thứ 3, sau khi đã ở các trại tỵ nạn Đông Nam Á Châu từ 3 tháng đến vài năm, nay họ phải lo phần đấu với việc học tập ngôn ngữ để sử dụng cho những công việc thông dụng hằng ngày như chợ búa, mua sắm, đi Bác sĩ v.v... và cuối tháng họ dành dụm được ít nhiều lại lo gửi quà về cho những thân nhân còn kẹt lại ở Việt Nam. Tiền có thể quán tròn vào túi ni-lon nhỏ và bỏ hẳn vào trong

những hộp kem đánh răng để ngụy trang, khi thân nhân ở Việt Nam nhận được, mang kem ra đánh răng, lúc ấy mới phát hiện ra rằng trong ống kem lại có tiền, nhưng sau này Thuế Quan Việt Nam đã phát hiện, nên họ khôn khéo hơn là rạch thùng gửi quà và cho tiền vào trong carton, dán lại kỹ càng để ngụy trang và bên này gửi thư riêng về cho bên nhà, nói bóng nói gió là có cái này trong cái kia v.v... để thân nhân biết mà tìm. Có như vậy mới nhận được tiền, vì thuở ấy Việt Nam chưa có bang giao với quốc tế, nên việc chuyển tiền chính thức thật là thiên nan, vạn nan.

Từ ngoại quốc muốn gọi điện thoại về Việt Nam phải nói người nhà ra Bưu điện gần nhất hẹn ngày, giờ để bên này gọi về, nhưng nào có gặp được gì đâu! Bên đầu dây bên này la muốn bẻ ống nghe điện thoại, nhưng bên kia đầu dây còn chẳng nghe được gì cả. Nhiều lúc còn ậm à ậm ực trả lời, dường như có công an đang đứng nghe lén câu chuyện của hai người từ ngoại quốc gọi về, nên người bên nhà cũng dè chừng lắm. Năm khi mười họa, có chuyện gì cần kiếp lắm mới nhắn cho người thân gọi về và cuối cùng rồi cũng chẳng giải quyết được công việc nào cả. Không phải như bây giờ, với những kỹ thuật tiến bộ, chỉ cần một khối động của máy tính qua đường Internet là đầu dây bên kia đã nhận được rồi. Sau hơn 43 năm (1975-2018) kỹ thuật số tiến bộ rất nhiều, nhưng tư tưởng con người ở trong nước dường như giậm chân tại chỗ, vì không có tự do trên mọi bình diện, thì con người khó phát triển hết khả năng nội tại của mình để đóng góp cho việc chung được tiến bộ.

Những năm 1978 đến 1990, cá nhân tôi hay vào thăm đồng bào tỵ nạn của mình còn đang ở trong các trại tỵ nạn ở Hồng Kông như Henglinchau hay Chimawan, hoặc giả đến Nhật Bản để thăm những trại tạm cư tại Fujizawa hay Kobe, đến Philippines để thăm Palawan và Bataan, đến

Singapore để thăm trại Hawkin Road. Ngày đó đi thăm các trại tỵ nạn tại Thái Lan hay Mã Lai hoặc Indonésia rất khó, nên tôi chưa đến được những nước ấy bao giờ. Ngày nay sau khi có quốc tịch Đức hơn 35 năm, những xứ này rất dễ đến, vì không cần visa nhập cảnh, nhưng người tỵ nạn thì không còn nữa, vì họ đã đi định cư hết rồi. Trong các trại tỵ nạn cho người Việt Nam ra đi tìm tự do thuở ấy, dễ dãi nhất là những trại tỵ nạn tại Singapore, Hồng Kông và Philippines. Người mới đến đây chân ướt chân ráo đã có thể ra ngoài đi làm thuê hoặc đi bán bánh mì dạo và để cuối tháng dành tiền gửi về Việt Nam được rồi. Trong khi việc định cư chưa biết là quốc gia nào sẽ nhận mình, nhưng người đã được ra đi tìm tự do rồi họ tự nghĩ rằng chính họ phải có bổn phận lo giúp đỡ cho những người còn ở lại quê nhà, vì khi ra đi, họ phải vay mượn hay hứa trả nợ trong một khoảng thời gian ngắn nào đó, mà nay ở ngoại quốc không gửi về, thì gia đình sẽ gặp khó khăn với chủ nợ. Thông thường một người ra đi phải lo bao nhiêu thứ tiền cho chủ tàu, cho việc mướn bãi đậu, cho việc ăn uống trên tàu v.v... đó là chưa kể đến những trường hợp bị cướp biển Thái Lan hay Mã Lai cướp sạch hết tất cả vàng bạc, đồng hồ, tư trang v.v... miễn là được tha cho mạng sống là quý rồi. Lúc ấy họ sẽ tự làm lại cuộc đời của mình và người mình khi gặp những cơn hoạn nạn như thế, thường hay tự an ủi rằng: “Người làm ra của chứ của đâu có làm ra người.” Đây là một phương ngôn, mà nhờ đó đã cứu vớt được không biết bao nhiêu người khi đã sa cơ lỡ vận.

Thuở ấy những anh chị em sinh viên đi du học từ miền Nam Việt Nam rất ít có người ra trường, đa phần là còn học ở một Đại Học nào đó trên phần đất của Tây Đức này. Trước năm 1975, mỗi sinh viên mỗi tháng còn chuyển được 150 USD, nhưng sau ngày miền Nam bị thất thủ vào tay người Cộng Sản miền Bắc thì hầu như ai ai cũng phải tự



lực cánh sinh, nghĩa là vừa đi làm vừa đi học, nên cũng khá vất vả. Từ đó việc vận động sự đóng góp của Phật tử Việt Nam để xây được một ngôi chùa lớn vào thời điểm 1975 đến 1986 là một công việc vô cùng khó khăn. Do vậy các chùa thuở ấy chỉ là những Niệm Phật Đường được thuê tạm trong vài năm để chờ ngày mua căn nhà khác lớn hơn làm điện thờ Phật, trong đó chùa Khánh Anh tại Bagneux của cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm là một điển hình.

Cuối tháng 12 năm 1978, hai chuyến tàu Hải Hồng bị neo tại cảng Hồng Kông, có hơn 2.500 trẻ em và người lớn (đa phần người Hoa ở Việt Nam đi theo tình trạng bán chính thức) đang gặp khó khăn về thực phẩm, thuốc men cũng như bệnh tật... Thuở ấy có ông cựu Thủ Hiến Tiểu Bang Niedersachsen là Tiến sĩ Albrecht động mối từ tâm nên đã ra tay cứu vớt 2.500 người đầu tiên này vào Tiểu Bang Niedersachsen, trong khi chưa được sự đồng thuận của chính quyền Liên Bang Đức. Nhưng chính nhờ việc làm nhân đạo này mà kể từ năm 1979 đến năm 1999 tàu Cap Anamur của ông Dr. Neudeckt chủ trương vớt người trên biển Đông, thì Quốc Hội Liên Bang Đức đã sẵn sàng mở cửa để đón hơn 11.300 người của riêng tàu Cap Anamur cứu vớt. Ngoài ra những tàu khác của Đức cứu vớt được người trên biển Đông cũng đưa về Đức, nên con số đến Đức tỵ nạn từ năm 1978 đến 1990 cùng với số người đến Đức đoàn tụ gia đình chắc cũng vào khoảng 40.000 người. Cộng thêm mấy ngàn sinh viên đi du học từ miền Nam Việt Nam cũng ở lại Tây Đức xin tỵ nạn thì số người Việt đã tăng lên thấy rõ.

Để kỷ niệm việc nhân đạo này của Thủ Hiến Tiểu Bang Nideresachsen thuở ấy, khi đức Đại Hồng Chung cho chùa Viên Giác, tôi đã cho khắc tên ông Thủ Hiến Dr. Albrecht của Niedersachsen để tạ ân người đầu tiên đã ra tay cứu vớt người tỵ nạn Việt Nam tại Tây Đức này. Mỗi ngày tiếng

Đại Hồng Chung ấy vẫn còn vang xa, xa mãi tận nhiều khung trời khác biệt cách nhau trong hằng trăm ngàn vạn dặm và 500 năm hay 1.000 năm sau, nếu quả Đại Hồng Chung này còn tồn tại, thì đây là một dấu mốc, mà người tỵ nạn Cộng sản Việt Nam của chúng ta tại xứ Đức này sẽ không bao giờ quên được. Khi còn sanh tiền hai ông bà Thủ Hiến của Niedersachsen đã thăm chùa Viên Giác nhiều lần và hiện tại bà Ursula von der Leyen, con gái của cố Thủ Hiến Dr. Albrecht, là Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng của Đức cũng đang theo dấu chân của cha mình thực hiện những chương trình ích quốc, lợi dân cho xứ Đức. Từ tháng 7/2019 bà đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban Châu Âu.

Ngày 9.11.1989 là ngày bức tường Bá Linh sụp đổ. Thế là có hàng ngàn, hàng vạn người Việt Nam đang lao động hay học tập tại Đông Đức cũng như Đông Âu như: Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi, Nga v.v... lại tìm cách đổ xô về Tây Đức, nên số người Việt tỵ nạn tại Đức càng ngày càng đông. Số này không dưới 50.000 người thuở ấy. Nếu làm một phép cộng thì cả nước Đức sau khi thống nhất vào ngày 3.10.1990, người Việt tỵ nạn ở cả hai miền Đông Tây có độ 100.000 người. Rồi từ 1990 đến nay (2018) qua gần 30 năm như thế, người lớn tuổi đã gởi thân nơi lòng đất lạnh của xứ người cũng không ít, đồng thời số sinh ra của lớp trẻ đi lao động Đông Đức và Đông Âu cũng tăng nhanh, nên con số này đã lên đến 160.000 người vào thời điểm của năm 2018.

Ban đầu họ tìm cách vào các trại tỵ nạn tại Berlin, Nürnberg, Hannover, Braunschweig v.v... nhưng vì ngôn ngữ không rành, nên đa phần họ tìm cách ghé vào các chùa hay Niệm Phật Đường bên Tây Đức thuở ấy để nương nhờ một vài đêm. Sau đó quý Thầy, quý Chú và quý Phật tử đã ở đây lâu năm hướng dẫn, giúp đỡ họ vào trại tỵ nạn để làm giấy tờ chính thức và sau khi họ có được nơi ăn chốn

ở rồi thì họ quay trở lại chùa để làm công quả, trong khi chờ đợi tìm được việc làm chính thức.

Niệm Phật Đường Viên Giác chính thức được thành lập vào ngày 5 tháng 4 năm 1978 tại Kestnerstr. số 37 ở trung tâm thành phố Hannover. Đầu năm 1980, Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức tài trợ tiền thuê hăng cũ làm chùa và tiền điện, gas, nước v.v... nên từ đó chúng tôi đã dời Niệm Phật Đường về đường Eichelkampstr. số 35A, để biến thành chùa Viên Giác. Trong thời gian ở đây, cho đến năm 1990, qua lời đề nghị của anh Nha sĩ Tô Vĩnh Hòa và chị Nguyễn Thị Hạnh, chúng tôi đã tạo mãi được 4.000m<sup>2</sup> đất tại đường Karlsruhe số 6. Năm 1984 mua đất, 1986 đặt viên đá đầu tiên nhưng mãi đến năm 1989 mới bắt đầu khởi công xây cất và năm 1991, lễ khánh thành đợt I đã được cử hành.

Chúng tôi cho đấu thầu với nhiều hăng xây cất và cuối cùng hăng Mehmel trúng thầu với giá phải chăng. Chúng tôi cũng cho đấu giá từng phần, cho từng phạm vi công việc xây dựng. Ví dụ như đào móng, đổ bê-tông, xây sườn nhà Đông, nhà Tây, sườn chùa và xây tường thì hăng ông Mehmel lo. Làm nóc chùa, nhà Đông, nhà Tây thì hăng ông Steimann lo, lợp ngói thì có hăng khác lo; tô, phun bột vào tường cũng như lát gạch chánh điện v.v... lại có những hăng khác nữa làm. Chạy điện, nước và sưởi thì Tuấn, Đông, Long, Phúc v.v... những người đã có tay nghề lo. Trong khi đó, những công việc phụ hồ, lát gạch nơi hội trường, Đông, Tây đường và tô một vài nơi thì do thợ tay ngang của những anh em tỵ nạn Đông Âu lo. Trong những người này có cả thầy Hạnh Bảo, Hạnh Vân, Hạnh Từ, Hạnh An, Hạnh Luận, Hạnh Lý, Hạnh Nhẫn v.v...

Vì tiền bạc không đủ cho việc xây dựng nên chúng tôi phải chạy đôn, chạy đáo để quyên góp hay mượn không lãi và cuối cùng đến năm 1993 thì chúng tôi đã tổ chức

Lễ Hoàn Nguyên ngôi chùa Viên Giác này. Ban đầu dự chỉ chỉ 3 triệu Đức Mã, nhưng cuối cùng thành khoản đã lên đến 9 triệu Đức Mã, trong này có mượn của Ngân hàng Deutsche Bank ở Hannover 700.000 Đức Mã và sau 15 năm trả nợ cả vốn lẫn lời lên 1 triệu 500 ngàn Đức Mã. Nghĩa là số ấy đã tăng gấp đôi và tiền để trả tiền mượn ấy cũng do Phật tử đóng góp, nên sau này những dự án khác như tạo mãi Tu Viện Viên Đức ở Ravensburg, miền Nam nước Đức hay mua 5.000m<sup>2</sup> đất bên cạnh chùa Viên Giác trong hiện tại, hay xây Quan Âm Các v.v... chúng tôi khuyên Thầy Hạnh Tấn và Thầy Hạnh Giới, Đệ nhất và Đệ nhị Trụ trì trong thời gian từ 2003-2008 và 2008-2017 không nên mượn tiền ngân hàng vì số tiền lãi quá nhiều, dẫu cho từ 2% đến 9% cũng là một con số không nhỏ, mà Phật tử chúng ta phải lo đóng góp để trả lại cho ngân hàng. Ngoài việc cúng dường tự nguyện của Phật tử rồi, nếu có thiếu thì hãy vay mượn không lãi của Phật tử, sau 5 hay 10 năm hoàn lại vẫn hơn và kế hoạch ấy chúng tôi đã thành tựu viên mãn cho nhiều dự án kế tiếp cũng như sẽ áp dụng cho những dự án trong tương lai.

Người cố vấn chương trình xây dựng chùa Viên Giác là ông Dr. Meihorst, người rất có thiện tâm, thiện chí, không tính công sức thù lao với chùa, mà còn cho chùa mượn tiền xây dựng không tính lãi nữa. Nay thì chùa đã hoàn lại hết cho ông ta rồi, nhưng ơn ấy chúng tôi sẽ không bao giờ quên cả.

Người tiếp theo là anh Kiến trúc sư Từ Hùng Trần Phong Lưu. Trong khi xây dựng, anh về Hannover ở lại cả hai ba năm như vậy để đốc thúc cho công trình trôi chảy và anh chỉ lấy lương tượng trưng trong thời gian anh làm việc cho chùa, chứ chưa bao giờ tính 10% của họa đồ của một kiến trúc sư như những công trình khác của Đức. Ân này chúng tôi vẫn mãi không quên và mong rằng những

thế hệ đời sau cũng nên tiếp tục nhớ ân những người đã thi ân cho mình vậy.

Đời sống của người tỵ nạn từ từ ổn định dần, họ bắt đầu nghĩ đến cuộc sống tâm linh, trong đó có những vấn đề như quan, hôn, tang, tế.

Quan (冠), đúng ra phải đọc là quán, là lễ đội mũ ngày xưa để đánh dấu sự trưởng thành của một người con trai, còn gọi là nhược quán (弱冠). Ngày nay nghi lễ này có nghĩa là những học sinh, sinh viên khi ra trường tốt nghiệp Trung học hay Đại học đều đi đến chùa để tạ lễ, mà chắc rằng trước khi thi ra trường, ngoài sự cố gắng học tập ra còn có sự cầu nguyện chư Phật hay Bồ Tát gia hộ cho họ nữa, nên việc tạ lễ ở chùa sau khi đã thành đạt một việc gì đó cũng là một việc bình thường ở những xã hội Á Châu của chúng ta, trong đó có Phật giáo.

Hôn (婚) ở đây là hôn lễ. Ngày xưa, ngoài việc làm lễ gia tiên cho đôi trai gái, cha mẹ hai bên còn hướng dẫn cô dâu đến chùa lạy tạ Tam Bảo nữa. Sau này, ở đầu thế kỷ 20, tại những ngôi chùa ở Việt Nam thường hay tổ chức Lễ Hằng Thuận cho cặp vợ chồng nên đôi, nên lứa.

Tang (葬) là tang lễ, chữ Hán đọc là táng, là những khi trong nhà có người qua đời. Niềm tin “sống gửi thác về” vốn là cốt tủy của những người theo đạo thờ cúng ông bà xưa nay, nên Đạo Phật chấp nhận tục lệ xưa cổ này và hướng dẫn thêm cho những người còn sống trong gia đình về nghiệp quả, luân hồi, đầu thai và khai thị cho các hương linh về sự vô thường, khổ, không, vô ngã... rồi tuần thất, hiếu sự v.v...

Ngoài ra các ngày lễ của Phật giáo như mừng một Tết âm lịch mỗi năm. Ngày rằm tháng tư lễ vía Đức Phật Thích Ca giáng trần. Rằm tháng bảy Lễ Vu Lan báo hiếu... Đó là chưa kể thêm những ngày vía Phật và Bồ Tát trong trọn

năm nữa. Do vậy, đối với người Phật tử có tín tâm, ngôi chùa vẫn là nơi bảo tồn và phát huy văn hóa cho những điều căn bản này.

Ngày nay, chùa chiền Việt Nam ở ngoại quốc hầu như đều sinh hoạt vào cuối tuần (thứ bảy và chủ nhật). Ngoài những việc thuyết giảng, cúng giỗ, làm tuần thất ra, chùa còn tổ chức những khóa học Việt ngữ cho con em người Việt thuộc thế hệ trẻ, sinh ra và lớn lên tại đây, vốn giỏi tiếng địa phương nhưng tiếng Mẹ đẻ thì yếu kém. Gia Đình Phật tử tại các chùa ở ngoại quốc thường đảm nhận luôn nhiệm vụ hướng dẫn tiếng Việt cho các em nữa. Nếu nơi nào không có tổ chức Gia Đình Phật tử thì các phụ huynh có khả năng sư phạm đứng ra lo cho các em học tiếng Việt.

Tất cả những phạm trù nói trên đều cần phải có tài chánh mới đảm bảo chất lượng được. Ví dụ như việc thuê cơ sở làm chùa hay Niệm Phật Đường. Xây chùa mới hay hội trường sinh hoạt cho những ngày lễ lớn trong năm v.v... in ấn kinh sách, báo chí, tổ chức những khóa hội thảo v.v... Tất cả đều cần phải có phương tiện, mà Phật giáo hay nói đúng hơn là những người Phật tử chỉ cúng dường, đóng góp tự nguyện chứ không có tính cách bắt buộc, nghĩa là ai giàu có, làm ăn phát đạt thì cúng chùa nhiều, ai làm ăn bình thường thì đóng góp theo khả năng của mình và nếu ai không có khả năng tài chánh mà thích đi chùa làm công quả cũng chẳng ai ngăn cản. Tất cả đều bình đẳng trước nghiệp lực của con người. Đạo Phật không như những đạo khác tại Âu Châu là phải đóng thuế nhà thờ và được khấu trừ thẳng vào lương hàng tháng, nên sự sinh hoạt có khi tốt ở mặt này mà mặt khác lại bị giới hạn. Điều đặc biệt ở các xã hội Tây Phương này là đều có những đạo luật rất hoàn hảo về vấn đề đóng góp cho những tổ chức có tính cách từ thiện xã hội. Mỗi người đi làm hay không đi làm, mỗi năm đều có thể đóng góp 10% tiền thu nhập của mình

và nếu có nhiều nữa cũng không ai cấm. Cuối năm, người đã đóng góp cho những công tác từ thiện của tôn giáo hay xã hội, công ích cộng đồng v.v... đều có thể làm đơn để xin quân bình thuế lợi tức và thông thường người đã cúng dường cho chùa hay những công việc từ thiện trên, nếu có đầy đủ giấy chứng nhận hợp lệ thì sở thuế sẽ trả lại cho người đóng góp 25% số tiền đã đóng góp, nhưng tối đa chỉ trong vòng 10% tiền lương, số tiền đóng góp nhiều hơn thì không được khấu trừ.

Ở một số nước Bắc Âu còn hay hơn các nước Trung Âu hay Đông Âu nữa. Ví dụ như người ấy là tín đồ của Đạo Phật và chùa đó có 1.000 tín đồ. Lẽ ra mỗi tháng tín đồ ấy phải đóng 10 Euro lệ phí sinh hoạt cho Hội Đoàn công ích từ thiện, xã hội, nhưng ở đây các chính phủ Bắc Âu lấy ngân quỹ của quốc gia đóng tiền ấy cho tổ chức từ thiện, thay cho những hội viên kia. Nếu đem con số 10 Euro một tháng cho một người thì một năm 12 tháng sẽ trở thành 120 Euro. Đem con số này nhân cho 1.000 người thì chúng ta sẽ thấy rằng chùa ấy, tổ chức ấy sẽ được 120.000 Euro. Đây là con số không nhỏ, mà chính phủ đã lo cho vấn đề đời sống tâm linh cho dân chúng, dầu khác tín ngưỡng, nhưng đang sinh sống tại quê hương của họ. Vì chính phủ lý luận rằng: người có tôn giáo là những người ít gây ra xáo trộn xã hội và ít phạm tội hơn. Do vậy chính phủ giúp tôn giáo ấy cũng là giúp cho chính họ vậy. Nhưng nếu chính phủ sở tại muốn tự mình trị an thì sẽ tốn kém hơn gấp nhiều lần việc trợ giúp kia, cho nên cả hai bên đều có lợi. Nghĩa là chính phủ cũng an tâm cho việc an sinh xã hội, mà chùa viện, các hội đoàn công ích từ thiện xã hội cũng có phương tiện để lo phát triển tổ chức và tín đồ của mình. Kết quả là xã hội được an bình thịnh trị.

Chùa Viên Giác tại Hannover, Đức quốc, cũng đã được Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức tài trợ từ năm 1979

đến 2004, suốt 25 năm như vậy, cho các vấn đề hội nhập của người tỵ nạn gốc là Phật tử, được hưởng những quy chế ưu đãi như vậy. Và ở đây, mỗi tổ chức, hội đoàn từ thiện, tôn giáo như thế mỗi năm đều được miễn đóng thuế lợi tức cho đến 35.000 Euro. Nếu tổ chức kinh doanh mà có lợi nhuận nhiều hơn số tiền được miễn thuế này, các chùa hoặc tổ chức từ thiện cũng phải đóng thuế cho chính phủ. Chỉ riêng phần cúng dường và nhận sự cúng dường từ Phật tử thì không có giới hạn và không bị đóng thuế trên số tiền cúng này. Cúng dường là sự tự nguyện, nên không xã hội hay Bộ Tài Chánh nào ở Âu, Mỹ hay Úc đánh thuế vào đó cả. Họ chỉ đánh thuế khi nào đồng tiền ấy sinh ra lợi nhuận nhiều hơn số đã quy định mà thôi.

Cũng có một số nước như Úc, Canada, Pháp, Đức, Bắc Âu v.v... chính phủ có thể cho thuê đất của chính phủ để làm chùa. Thời gian từ 60 đến 99 năm và cũng có nơi chính phủ cho thuê giá rẻ hơn bình thường, cũng có nơi chính phủ cho hẳn luôn những miếng đất công cộng để Phật tử xây chùa. Ngoài ra, khi xây chùa, nếu chùa thiếu tiền mướn nhân công để làm thợ hồ, thợ điện v.v... thì chính phủ gửi những người thợ chuyên môn này đang lãnh tiền thất nghiệp đến chùa và giúp chùa xây dựng hoàn thành nhanh hơn dự định, vì khỏi chờ nguồn tài trợ nhân công từ tiền cúng dường của Phật tử, thay vào đó các Bộ Lao Động đã giúp cho người lao động có công ăn việc làm và lãnh số tiền thất nghiệp ấy lại có ý nghĩa hơn khi họ gia tâm để làm những công việc công ích từ thiện, xã hội như trên.

Trên đây là những chính sách hiện có tại các xã hội Âu, Úc, Mỹ đối với tôn giáo, trong đó có cả Phật giáo cũng đang hưởng được những lợi ích mà các chính phủ sở tại đã tài trợ trực tiếp hay gián tiếp để cho chùa ấy xây hoàn thành. Lại cũng có nhiều nơi chính phủ còn tài trợ cho chùa từ 10% đến 30% kinh phí xây dựng nữa. Tuy nhiên cũng có một số



ngân hàng không dễ dãi mấy khi cho chùa mượn tiền để xây chánh điện. Vì họ lý luận rằng: Nếu cho mượn tiền để xây nhà thờ Thiên Chúa hay Tin Lành thì được, chứ cho chùa mượn thì không bảo đảm, vì nếu một nhà thờ Tin Lành mượn mà trả nợ không xong, ngân hàng có thể xiết nhà thờ ấy để bán cho Thiên Chúa hoặc ngược lại, chứ chùa Phật thì biết đem bán cho ai? Do vậy, nếu có một ngân hàng nào đó dễ dãi thì họ chỉ cho mượn để xây hội trường, nhà sinh hoạt, phòng học tập v.v..., để lỡ ra chùa không trả được thì họ xiết nợ và đem những cơ sở này thế chấp hay bán lại cho các tổ chức khác, để ngân hàng khỏi bị thâm hụt, lỗ lã. Thật ra, ngân hàng tính như vậy đúng chứ không sai, nhưng chưa hoàn toàn đúng hẳn, vì trên lý thuyết là như thế, nhưng thực tế không hẳn vậy. Chùa hay nhà thờ, đền thờ v.v... đều dựa trên niềm tin của tín đồ mà xây dựng nên những cơ sở vật chất như thế. Còn ngân hàng căn cứ vào lợi nhuận và sự tăng trưởng tiền thuế, tiền lương hằng tháng để xây dựng. Lâu nay có rất nhiều tổ chức lớn bị phá sản, mặc dầu họ có rất nhiều người chuyên môn tính toán về vấn đề tài chánh, trong khi đó Phật giáo hầu như không và chưa có ai tính toán thiệt hơn, thế mà ở ngoại quốc này riêng Phật giáo Việt Nam đã có hơn 750 ngôi chùa đã được tạo mãi và hầu như chưa thấy một ngôi chùa nào trên các châu lục để bảng “bán chùa” cả. Điều này đã và sẽ minh chứng cho những người chuyên môn làm địa ốc hay ngân hàng nên lấy đó làm một bài học cho sự nghiệp của mình. Vì lẽ sự nghiệp của tôn giáo dựa trên niềm tin của tín đồ chứ không phải dựa trên sự lợi nhuận của vấn đề kinh tế. Hai vấn đề khác nhau là chỗ này.

# KIẾN LẬP ĐẠO TRÀNG TU HỌC

Mỗi buổi sáng, vào giữa thời công phu khuya, các chùa Việt Nam ở trong cũng như ngoài nước thường hay tụng bài Phát nguyện văn (發願文) của Ngài Di Sơn (怡山) Nhiên Thiên sư, người Trung Hoa, được dịch sang tiếng Việt thành Sám quy mạng, chỉ vì bài ấy khởi đầu bằng hai chữ Quy mạng: Quy mạng thập phương Điều ngự sư (歸命十方調御師). Trong bài có đoạn:

*Kiến pháp tràng ư xứ xứ,  
Phá nghi võng ư trùng trùng.  
Hàng phục chúng ma,  
Thiệu long Tam bảo ...*

建法幢於處處。  
破疑網於重重。  
降伏眾魔  
紹隆三寶。

Nghĩa là:

*Dựng cờ pháp huy hoàng chốn chốn.  
Phá lưới nghi vây bủa trùng trùng.  
Hàng phục các ma,  
Hưng long Tam bảo ...*

Kể từ năm 1964 trở về sau, các chùa cũng có tụng bài “Sám Quy Mạng nghĩa” do Thiên sư Nhất Hạnh dịch và 4 câu trên được dịch như sau:

*“Đạo tràng dựng khắp nơi nơi,  
Lưới nghi phá hết trong ngoài sạch không.  
Tà ma hàng phục đến cùng,  
Truyền đăng Phật Pháp, nối dòng vô chung ...”*

Hai chữ pháp tràng (法幢) dịch thành đạo tràng (道場) là dịch thoát ý, vì pháp tràng là cây cờ pháp, là biểu tượng của Chánh pháp. Dịch giả chuyển dịch thành đạo tràng hẳn muốn nói lên ý nghĩa là nơi nào dựng cờ Chánh pháp ắt nơi ấy phải là đạo tràng.

Trước khi Ni Trưởng Thích Nữ Trí Hải viên tịch, Người cũng đã dịch bài Sám Quy Mạng này theo thể thơ song thất rất hay và đầy đủ ý nghĩa Tịnh Độ, riêng 4 câu này Ni Trưởng đã dịch như sau:

*“Khai đạo tràng hiển chân phá vọng,  
Diệt tan muôn trùng sóng hoài nghi.  
Quần ma úy phục theo về,  
Ba ngôi báu thịnh như kỳ Tượng, Sơ...”*

Tất cả đều tuyệt vời qua lời sám nguyện từ nguyên văn chữ Hán đến việc dịch ra Việt ngữ hoàn toàn của các Đại Pháp Sư, khiến chúng ta là những kẻ đi sau phải vô cùng thán phục. Vì lẽ khi đọc lên câu văn người ta sẽ dễ cảm nhận ngay về lời cũng như ý tưởng mà tác giả hay dịch giả muốn gửi đến cho những người đang hành trì.

Như vậy việc lập chùa, viện, tu viện, Phật học viện v.v... là những việc rất đáng làm, đáng được ca ngợi và tán dương. Bên trên chúng tôi đã trình bày vấn đề khó khăn như thế nào để có thể thuê chỗ làm một nơi được tạm gọi là Niệm Phật Đường, hay phải vận động Phật tử làm sao đóng góp bằng mọi hình thức để xây dựng nên một ngôi chùa. Đó không phải chuyện đơn giản, mà cần phải có nhiều bàn tay khối óc góp vào.

Căn cứ theo nội dung được in trong lịch Khánh Anh xuất bản năm 2018 tại Pháp, hiện nay tại Âu Châu gồm 13 quốc gia đã có chùa chính thức như sau:

Pháp quốc	33 Tự Viện
Hòa Lan	2 ngôi chùa
Anh quốc	3 ngôi chùa
Bỉ quốc	3 ngôi chùa
Thụy Sĩ	3 ngôi chùa
Áo quốc	1 ngôi chùa
Đức quốc	15 ngôi chùa và 22 Chi Hội Phật tử
Đan Mạch	7 ngôi chùa và 5 Chi Hội Phật tử
Na Uy	6 ngôi chùa và 5 Chi Hội Phật tử
Thụy Điển	5 ngôi chùa
Nga	1 ngôi chùa
Phần Lan	2 ngôi chùa
Ý Đại Lợi	1 ngôi chùa

Tổng cộng trong năm 2018 này, Phật giáo Việt Nam tại Âu Châu có tất cả là 92 ngôi chùa, tự viện và niệm Phật đường. Chùa lớn nhất như chùa Khánh Anh ở Évry, chùa Thiện Minh, Pháp quốc, chùa Viên Giác, chùa Bảo Quang, chùa Linh Thứu, Đức quốc, chùa Khuông Việt, Đôn Hậu, Đạo Tràng Liên Hoa ở Na Uy. Những ngôi chùa còn lại chánh điện nhỏ hơn, nhưng cũng có thể dung chứa từ 100 đến 300 người mỗi khi có lễ lớn như Tết, Rằm Tháng Giêng, Lễ Phật Đản, Lễ Vu Lan v.v...

Ở Âu Châu đa phần các chùa được xây dựng như một ngôi chùa thực sự, trong đó phải kể đến các chùa ở Pháp như: Khánh Anh Évry, Quan Âm, Tịnh Tâm, Thiện Minh, Vạn Hạnh, Phổ Hiền, Tùng Lâm Linh Sơn v.v... Ở Đức có những chùa được xây dựng chính thức như: Chùa Viên Giác, Linh Thứu, Phước Nghiêm. Ở Na Uy như: Chùa Khuông Việt, Đạo Tràng Liên Hoa, Đôn Hậu. Ở Thụy Điển như: Chùa Phật Quang, chùa Trúc Lâm. Ở Nga như chùa Thảo Đường. Ở Hòa Lan có chùa Vạn Hạnh. Ở Anh có

chùa Từ Đàm. Ở Đan Mạch có chùa Quảng Hương, chùa Vạn Hạnh. Ở Phần Lan có chùa Liên Tâm, Phúc Lâm v.v...

Nếu tính tổng cộng trong 92 ngôi chùa này, Âu Châu có 22 chùa được xây dựng chính thức với công trình kiến trúc quy mô như có Chánh điện, Hội trường, phòng sinh hoạt, phòng ngủ, trai đường, nhà bếp, nhà vệ sinh v.v... Trong 92 chùa này rộng nhất có thể nói là chùa Khánh Anh ở Evry, vì có thể chứa đến 1.500 người cùng một lúc. Thứ hai là chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc. Chùa này tuy diện tích nhỏ hơn Khánh Anh, nhưng khuôn viên chùa lớn gấp đôi Khánh Anh, nên mỗi lần Lễ Phật Đản hay Vu Lan số người về chùa tham dự các Đại Lễ đôi khi lên đến sáu hay bảy ngàn người cũng là một việc hay xảy ra suốt trong 30 năm nay (1989-2018).

Tiện đây cũng xin đề cập về lịch treo tường Khánh Anh để quý vị lãm tường. Lịch treo tường trên đó có in hình ảnh các chùa tại Âu Châu và bên dưới dán bloc lịch vào đó để xem và gỡ từng ngày rất tiện lợi. Trên mỗi tờ như vậy phần dưới cũng đều có 2 hay 4 câu thơ rất ý nghĩa. Ví dụ như:

*Đuốc sáng không soi giúp kẻ mờ,  
Nước sông khó rửa sạch lòng nhờ.  
Túi tham không đáy bao giờ đủ  
Tỉnh ngộ tu hành thoát giác mờ...*

Còn rất nhiều câu hay nữa, như ca dao, tục ngữ hay những câu trích ra từ kinh Pháp Cú v.v... Nhiều lúc tôi thấy chính tay Hòa Thượng Minh Tâm tự soạn lịch treo tường này và tôi có hỏi Hòa Thượng làm sao Thầy biết mà soạn? Thầy bảo rằng: “Ừ! Thì cắt chữ dán hoài nó quen đi, nếu không có ai soạn thì tôi soạn.” Nên nhớ rằng, ngày xưa cách đây hơn 40 năm về trước làm báo hay làm lịch rất cực, vì chữ nhỏ thì đánh máy, nhưng phải bỏ dấu bằng tay, chữ lớn thì phải cắt từng chữ và dán vào sau đó mới đem đi in.

Không như bây giờ có computer rất tiện lợi, nghĩa là đánh máy sai chữ nào, sau khi dò lại, có thể sửa liền chữ ấy cho đúng trên màn ảnh, chứ không cần phải cắt dán như xưa.

Ngày trước viết bài cho báo phải viết tay và gửi qua bưu điện, cả tuần hay mấy tuần lễ mới đến nơi nhận, nhưng bây giờ sau khi đánh máy, sửa lại xong, bài vở chỉ cần một cái nhấn nút là bên kia có thể nhận được bài để đọc hay layout cho sách vở và báo chí hay lịch, sách v.v... Không biết vài chục năm sau tình hình Internet còn tiến bộ đến mức nào nữa, chứ như bây giờ so với 40 năm trước đây thì quả thật chúng ta đã và đang tận dụng quá nhiều tiện nghi cho quá trình này rồi. Thế nhưng với cá nhân tôi, qua đó tác phẩm và dịch phẩm của mình, tôi vẫn cố gắng viết tay để khỏi phải bị hớ khi chưa lưu lại dữ kiện trong máy, rủi dưng một nút nào của máy, tự nhiên bị xóa đi hết. Quả là tốn công sức vô cùng. Vì sự suy nghĩ lần sau không giống như suy nghĩ của lần trước, nên tôi vẫn cứ viết tay là vậy. Nếu có sai, dễ bề chỉnh sửa lại hơn.

Còn một lý do khác tương đối tế nhị hơn mà ít người để ý đến. Đó là việc lưu bút lại cho đời sau. Chữ tôi viết thật ra không đẹp lắm, nhưng chừng 100 hay 200 năm sau nữa, nếu những bản thảo của tôi viết mà còn lại nơi đời này, thì đây là một kỳ công của một người tăng sĩ đã cầm bút và có một thời như vậy. Ngoài ra tôi không chủ trương xây tháp để thờ cốt hay chôn tôi ngoài vườn chùa nào đó, mà tôi quan niệm rằng: Nếu ai muốn gặp tôi thì hãy đọc những sách vở của tôi thì sẽ gặp tư tưởng của tôi ở đấy. Xác thân này rồi cũng sẽ ra tro ra bụi, nhưng tư tưởng kia sẽ luôn tồn tại với thời gian và năm tháng. Do vậy trên tầng thứ 5 trên cùng của Trung Tâm Viên Giác mới sẽ là nơi lưu trữ lại tất cả những hành hoạt của tôi trong suốt một cuộc đời tăng sĩ. Trong nhà hay phòng lưu niệm này sẽ gìn giữ lại tất cả những gì mà tôi đã kinh qua suốt mấy mươi năm có

mặt trên trần thế này. Tôi cũng không chủ trương là sau khi chết đem đi thiêu và để lại xá lợi, nếu có thì tốt, không có cũng không sao. Tư tưởng của một con người nằm trong sách vở, sự sống, sự cư xử hằng ngày, chứ không nhất thiết phải là những bằng chứng của việc lưu lại xá lợi xương hay răng. Tôi đã di chúc rằng: Nếu tôi chết hãy đem thiêu tôi và chia ra làm 5 hủ, mỗi châu để mỗi hủ và tùy theo quý thầy, cô, đệ tử muốn làm gì thì làm. Ví dụ như thả sông, thả biển hay bón phân cho cây trong rừng, chứ không nhất thiết phải xây tháp để thờ tro cốt ấy. Dĩ nhiên nếu có người xây tháp, tôi cũng không phản đối. Nghĩa là đối với tôi, sao cũng được với xác thân giả huyễn này, còn cái chính vẫn là sự tu tập cũng như hành trì trong suốt cuộc đời của hành giả, mới là điều quan trọng.

Còn một điều quan trọng nữa là tôi cũng không cần phải sống lâu. Khi bác sĩ bảo rằng: “Người này phải nhờ thức ăn cho vào bao tử hay cổ họng để sống” thì tôi không đồng ý và các đệ tử có thể cho các bác sĩ biết rằng đó là ý nguyện của tôi. Có thể từ 5 đến 10 ngày không trợ lực bởi nguồn thức ăn ấy thì tôi sẽ theo Phật, nhanh và gọn hơn là tư tưởng “còn nước còn tát” của người Việt Nam mình. Đa phần khi con cái thấy cha mẹ hay học trò, đệ tử muốn cho thân nhân mình sống lâu hơn để đỡ buồn, đỡ nhớ, nhưng đâu có ai biết rằng: Cái thân này bị đau bệnh cũng lắm khổ nhọc. Do vậy mà ông Tu-bạt-đà-la, người đệ tử xuất gia cuối cùng chứng A-la-hán lúc 120 tuổi và xin nhập Niết-bàn trước Đức Thế Tôn, như trong phẩm Kiều-trần-như, kinh Đại Bát Niết-bàn là một lý do thật chính đáng. Vì ông Tu-bạt-đà-la không muốn đau buồn khi phải nhìn Đức Phật nhập diệt.

Tôi viết những lời này khi tôi đã tròn 70 tuổi ta (1949-2018) và hơn 54 năm xuất gia học đạo (1964-2018), kể như thế cũng đủ minh chứng cho một đời người rồi. Sáu mươi

tuổi, rồi bảy mươi, tám mươi, chín mươi hay nhẵn đến 100 tuổi cũng đã là những tuổi thọ ở cõi đời này rồi. Vì tôi đã có tất cả trên phương diện một người xuất gia, nên tôi không đòi hỏi thêm bất cứ một thứ gì trên trần gian này nữa cả. Với tôi, tất cả đã đầy đủ lắm rồi. Còn việc khen, chê, tốt, xấu... tất cả xin để lại phía sau. Hãy quên đi tất cả để chỉ hướng về trong nội tại của mình. Ấy mới là vấn đề cần thiết nhất.

Chưa xây chùa thì nhiều người Phật tử hỏi rằng: “Tại sao Thầy chưa xây chùa?”, nhưng xây chùa xong rồi cũng phải hỏi lại chính mình và những người chung quanh là xây chùa để làm gì? Nếu tất cả Tăng Ni và Phật tử đã có câu trả lời rồi thì thiết nghĩ không cần phải lặp lại nữa. Nhưng xây chùa lên không phải cho những mục đích như để nổi danh, để buôn bán, để thỏa mãn tính hiếu kỳ của vị Trụ Trì hay thí chủ ấy, vì lẽ mục đích đã không chính đáng thì kết quả sẽ tồi tệ cho bao nhiêu thế hệ đi chùa về sau nữa, mà phải hiểu rằng chúng ta có bốn phận bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc cũng như văn hóa Phật giáo tại xứ người. Nếu hai điều này không thể hiện rõ nét được, thì cũng không cần vận động tài chánh xây chùa làm gì.

Có nhiều thầy chỉ biết cúng đám, không biết thuyết pháp, nên chùa quanh năm suốt tháng chỉ có cúng cầu siêu, cầu an... Ngoài ra nếu có vị pháp sư nào từ xa đến muốn thuyết pháp tại chùa thì vị trụ trì ấy không vừa lòng. Ở đây cũng xin mở ngoặc ra để nói vài lời về việc này. Chính quý thầy, cô phải tự hiểu rằng: “Tăng vô nhất vật”, nghĩa là người tăng sĩ không có vật nào là của riêng mình, ngay cả thân này. Vậy thử hỏi cố giữ mấy cây cột chùa để làm gì? Trụ trì là “trụ Pháp vương gia, trì Như Lai tạng”. Ấy mới xứng đáng là một người xuất gia, còn ngược lại những cơ sở vật chất ấy mình vẫn cho là do công khó của mình tạo ra mới có và từ đó mình bị cái danh này nó giữ



mình lại, nó đánh bóng cái ngã kia, để cho người xuất gia bị lâm vào thế khó xử. Từ đó thầy, trò, tử đệ có ý hướng khác nhau, nên một đạo tràng hay một ngôi chùa khác có thể sẽ được thành lập gần nơi chùa mình đã sinh hoạt lâu nay. Lý do là để đón những vị thầy nào mình thích, thỉnh mời về đó thuyết pháp.

Bên trên như chúng ta thấy tại Âu Châu này có 92 chùa chính thức có địa chỉ trên lịch Khánh Anh, nhưng cũng có chừng 20 đến 30 chùa không cùng khuynh hướng và lập trường với Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu Châu, nên đã không được liệt kê vào đây. Đó là chưa kể những đạo tràng do Phật tử tự động thành lập. Nếu kể chính thức và bán chính thức những đạo tràng như thế tại Âu Châu này, chắc cũng gấp 2 hay gấp 3 lần con số trên. Nghĩa là tại Âu Châu ngày nay có chừng 200 đến 300 đạo tràng lớn nhỏ như vậy đang sinh hoạt. Một số đạo tràng không tổ chức thành Hội có khai báo với chính quyền, mà chỉ đứng ra với tính cách cá nhân và quen biết độ vài ba chục Phật tử quanh vùng, họ mời đến nhà của họ sinh hoạt khi có một vị thầy nào đến giảng pháp, hoặc cũng có những đạo tràng tập trung nhiều người đã thọ Bồ Tát giới để tụng giới vào những ngày rằm hay ngày mồng một v.v...

Tiện đây cũng nên hiểu thêm về sự khác biệt giữa Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất và Giáo Hội Phật giáo Việt Nam ở trong cũng như ngoài nước như thế nào để người Phật tử có cái nhìn và sự cảm nhận thiết thực hơn.

Như tất cả chúng ta đều biết là Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập tại Chùa Xá Lợi ở Sài Gòn từ ngày 1 tháng 1 năm 1964, nghĩa là sau cuộc Cách Mạng 1.11.1963, Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đã nổi lên lật đổ thành công chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm vì đã đối xử bất bình đẳng với các tôn giáo, trong đó Phật giáo là

chính. Khi người Pháp chính thức đô hộ Việt Nam từ năm 1868 đến năm 1945, họ áp dụng Đạo Dụ số 10 cho Phật giáo và xem Phật giáo như là những Hiệp Hội Phụ Nữ, Hiệp Hội Thể Thao, Hiệp Hội Công Thương v.v... trong khi đó Thiên Chúa Giáo thì được biệt đãi bởi chính quyền thực dân Pháp và Thiên Chúa được xem là một Giáo Hội. Thiên Chúa Giáo khi ấy chỉ là thành phần số ít ở Việt Nam. Trước năm 1963, Thiên Chúa Giáo có độ 5 - 6% và Phật giáo thì chiếm con số hơn 80% dân số theo Đạo. Thế mà Phật giáo bị xem là một Hiệp Hội chứ không phải là một Tôn Giáo chính thống của Dân Tộc. Cho đến ngày 20 tháng 7 năm 1954 nước Việt Nam bị chia đôi ở vĩ tuyến 17, miền Bắc theo chủ nghĩa Cộng Sản và miền Nam Việt Nam theo chế độ tự do dân chủ. Ông Ngô Đình Diệm truất phế vua Bảo Đại qua việc Trưng cầu Dân ý vào ngày 26.10.1954, sau đó ông lên làm Tổng Thống cho đến năm 1963.

Trong thời gian 9 năm này, ở Miền Bắc Việt Nam, Phật giáo và các tôn giáo khác hoàn toàn tê liệt hay bị thủ tiêu, trong khi đó ở Miền Nam Việt Nam, tuy dân chúng và Phật tử được sống dưới chế độ dân chủ pháp trị, dưới sự cai trị của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, nhưng ông vẫn áp dụng Đạo Dụ số 10 thời thực dân Pháp cai trị còn để lại trên quê hương Việt Nam, nghĩa là ông vẫn trọng đạo của ông theo, xem Thiên Chúa Giáo là Giáo Hội, là tổ chức tôn giáo hợp pháp, còn Phật giáo chỉ là một Hiệp Hội mà thôi. Do vậy, cuộc tranh đấu của Phật giáo khởi đầu từ Huế, sau vụ các nạn nhân Phật tử bị thảm sát tại Đài phát thanh Huế nhân mùa Phật Đản mùng 8 tháng 4 năm Quý Mão (1963) và cuộc tranh đấu ấy chính thức chấm dứt vào ngày 1.11.1963 để đầu năm 1964 Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập do 9 tập đoàn ngồi lại soạn thảo bản Hiến Chương, nên đây có thể gọi là một Giáo Hội Phật giáo do dân lập và có nguồn gốc từ xưa đến nay.

Sau ngày 30.4.1975, người Cộng sản miền Bắc đã xâm chiếm miền Nam và mọi sự tự do đều bị cô lập, đàn áp, bắt bớ, chùa chiền bị đập phá, các vị lãnh đạo tinh thần của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất bị bắt bớ, tù đày, tra tấn v.v... nhất là trong thời điểm từ năm 1975 đến 1980. Vào đầu năm 1981, Nhà nước Cộng sản Việt Nam muốn kiểm soát chặt chẽ các tôn giáo nên họ đã thành lập ra một Giáo Hội Phật giáo Việt Nam, trong đó đa phần là những vị cốt cán của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất đã hy sinh cho đại sự như Hòa Thượng Thích Trí Thủ, hay thỏa hiệp theo họ như Hòa Thượng Thích Minh Châu, Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, Hòa Thượng Thích Trí Quảng v.v... Một số khác theo kháng chiến nay trở về như Hòa Thượng Hiền Pháp, Hòa Thượng Minh Nguyệt, Hòa Thượng Thiện Hào v.v... Chính quyền trộn chung hai thực thể này lại để thành lập một Giáo Hội Phật giáo Việt Nam. Những người không ủng hộ thường gọi là Giáo Hội Nhà Nước hay Giáo Hội Quốc Doanh. Giáo Hội này là một tổ chức nằm trong Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, mà Mặt Trận này chính là cánh tay nối dài của đảng Cộng Sản Việt Nam hay nói đúng hơn là chịu sự chi phối của Bộ Chính Trị Trung Ương đảng Cộng Sản Việt Nam và mọi việc tổ chức đều phải nhận chỉ thị từ Hà Nội.

Từ lý do này, Hòa Thượng Thích Thiện Minh, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát, Ni Trưởng Trí Hải v.v... quyết chống trả quyết liệt và qua câu nói của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Đệ Tứ Tăng Thống của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất thường hay bày tỏ quan điểm với chư tôn lãnh đạo Giáo Hội như sau: “Ngày xưa chúng ta từ con rạch nhỏ đã lao mình ra những con sông lớn, rồi biển cả đại dương mênh mông, còn bây giờ quý Ngài từ đại dương mênh mông lại quay

trở lại sông ngòi và những con rạch nhỏ ấy.” Chỉ chừng ấy thôi, chúng ta có thể thấy khí phách của những người lãnh đạo Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất thuở ấy là gì và tinh thần này vẫn triển khai mãi ở ngoại quốc từ năm 1975 đến nay. Vì ở đây có tự do tôn giáo thực sự, nên chúng ta có mọi quyền hạn để lo cho vấn đề tâm linh và tổ chức tôn giáo của mình.

Các Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất tại các châu lục vẫn trung thành với lý tưởng của Đạo Phật và Hiến Chương của Giáo Hội được thành lập từ năm 1964 đến nay, mặc dù năm 1966 rồi 1981, nội bộ Phật giáo có bị phân hóa, nhưng thuyền ai nấy ngồi, đường ai nấy đi và lý tưởng của người nào theo tổ chức nào thì cứ tuân thủ theo nội quy của tổ chức ấy.

Tại Âu Châu, năm 2018 kỷ niệm 30 năm khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu do cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm thành lập, nhưng nếu kể từ ban đầu thì phải tính thêm 5 năm khóa này được tổ chức tại chùa Khánh Anh Bagneux, Pháp quốc, từ năm 1983 đến nay, tổng cộng là 35 năm và Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu được chính thức thành lập ngày 27 tháng 12 năm 1990 tại Kongsvinger, Na Uy, qua việc thông qua bản nội quy của Giáo Hội gồm 11 Chương, 33 Điều, nhân khóa Tu học Phật Pháp Mùa Đông tại Na Uy năm 1990. Như vậy trước khi Giáo Hội thành lập thì chư Tăng Ni tại Âu Châu đã sinh hoạt chung với nhau về vấn đề hoằng pháp từ lâu rồi.

Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu là một Giáo Hội truyền thống, trung thành với tinh thần tranh đấu bất bạo động của Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Hòa Thượng Thích Quảng Độ, nhưng tiếc thay sau Giáo Chỉ số 9 được ban hành có chữ ký của Hòa Thượng Thích Huyền Quang ngày 25 tháng 9 năm 2007 thì xem

như các Giáo Hội truyền thống sinh hoạt lâu nay tại ngoại quốc bị tê liệt hoàn toàn và vô lý nhất là văn thư giải thích Giáo Chỉ số 9 này, đòi tất cả các Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất các Châu phải giải tán để quy về một mối. Đây là một việc làm thiếu dân chủ, độc tài, sai trái và phản lại tự do.

Ở ngoại quốc này, khi một tổ chức được thành lập thì chỉ có chính tổ chức ấy tự giải thể nếu không đi đúng đường lối của bản nội quy và không được hội viên tín nhiệm, chứ không một thế lực nào bên ngoài có quyền giải thể họ. Còn ở đây thì ngược lại, từ trong nước đã có văn thư chính thức yêu cầu giải thể các tổ chức Giáo Hội hợp pháp này, nên chúng tôi, những người cùng quan điểm đã ngồi lại họp với nhau tại Sydney, Úc Châu vào cuối năm 2008 đầu năm 2009 để trở thành một Ban Điều Hợp của Liên Châu và nhờ đó mà Giáo Hội mới còn tồn tại cho đến ngày nay.

Sau thời gian Giáo Chỉ số 9 xuất hiện ở ngoại quốc, ai ai cũng hoang mang thắc mắc và một hôm tôi đang nhập thất tại núi đồi Đa Bảo vùng Capelltown có Hòa Thượng Thích Quảng Ba đến thăm và sẵn đó chúng tôi gọi điện thoại trực tiếp về Hòa Thượng Thích Huyền Quang đang bị câu lưu tại Quảng Ngãi lúc bấy giờ, thưa qua nhiều chuyện và quan trọng nhất vẫn là Giáo Chỉ số 9.

- Bạch Hòa Thượng! Giáo Chỉ số 9 có phải Hòa Thượng ký và ban hành không?

- Vâng! Đúng vậy! Nhưng hôm đó tôi không biết là tôi đã ký vào cái gì, vì Minh Tuấn bảo rằng: Bên dưới công an đang canh gác, xin Hòa Thượng ký nhanh để cho con đem đi.

Như vậy bảo rằng, không phải Hòa Thượng ký thì không đúng, nhưng khi Hòa Thượng đặt bút ký thì Hòa Thượng đã không biết ký cái gì, vì lý do như đã nêu trên.

Điều tệ hại hơn là những người lợi dụng Giáo Chỉ này để ra tiếp những văn thư phản lại quyền Tự Do Tôn Giáo và Tự Do Dân Chủ. Tuy nhiên, nhờ sự bất tuân Giáo Chỉ ấy nên cho đến bây giờ Giáo Hội 4 châu vẫn sinh hoạt bình thường, xem như không có chuyện gì đã xảy ra cả. Nhân chứng sống cho cuộc điện đàm ấy là Hòa Thượng Thích Quảng Ba, Viện chủ Tu viện Vạn Hạnh tại Canberra, Úc châu và chúng tôi vẫn còn đang hiện hữu tại xứ Đức này và cũng mong rằng thời gian trôi qua đi, mọi việc sẽ sang trang và lùi về dĩ vãng, cho dù lịch sử thì vẫn là lịch sử.

Thời điểm trước năm 1975 và sau 1975 khác biệt nhau và nhất là thời điểm sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ vào ngày 9.11.1989 lại càng khác biệt nhiều hơn nữa về tư cách tỵ nạn của người Việt tại Đức, về quan điểm chính trị cũng như cách sống của người miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Tuy rằng khi vào chùa rồi, ít ai quan tâm hay nói chuyện về khuynh hướng của mình đang theo Giáo Hội nào, chùa nào, thầy nào v.v... nhưng đâu đó vẫn ẩn tàng những quan điểm khác biệt này của người Phật tử giữa hai miền Nam Bắc. Ví dụ điển hình như việc treo cờ trước chùa mỗi khi có lễ lớn như Tết Nguyên Đán, Phật Đản hay Vu Lan. Đa phần những chùa của người Việt tỵ nạn Cộng sản bên phía Tây của Âu Châu thì có treo cờ Quốc Gia, cờ Phật giáo và cờ của nước sở tại, nhưng các chùa Việt tại các xứ Đông Âu như Nga (chỉ treo cờ Phật giáo), còn ở Tiệp Khắc hay Ba Lan, ngoài cờ Phật giáo ra, còn treo cờ đỏ sao vàng nữa. Tuy các xứ Đông Âu bây giờ hầu như không còn theo chủ nghĩa cộng sản, nhưng những người Việt ra đi từ Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thì họ không quen với lá cờ miền Nam Việt Nam, mà họ chỉ quen với lá cờ đỏ sao vàng của miền Bắc, nên họ chỉ treo lá cờ này để nói lên thái độ chính trị của họ, trong khi đó những người Phật tử đi tỵ nạn thì không có lý do gì để treo lá cờ đỏ sao vàng này ở trong nhà

hay trước cổng chùa. Thế nhưng từ năm 1986 đến nay, nhất là khi đất nước Việt Nam có thay đổi về kinh tế, liên hệ làm ăn, buôn bán với các nước tư bản, thì người Việt tỵ nạn tại ngoại quốc, nay đã có quốc tịch của các nước sở tại, tìm cách về lại Việt Nam và khi những người này qua trở lại các xứ đã đưa đơn xin tỵ nạn thì khuynh hướng hay lập trường chống cộng như trước đây, trở nên mềm mỏng một cách lạ thường, nhất là việc treo cờ quốc gia, bây giờ từ tự do họ quên dần đi tư cách tỵ nạn của mình và các lễ lớn ở những ngôi chùa tỵ nạn cộng sản tại Tây Âu bây giờ chỉ thấy có cờ Phật giáo và cờ của nước sở tại, còn cờ vàng ba sọc đỏ tự dưng biến mất.

Đây là điều đáng quan tâm, vì lẽ các chùa này sợ treo cờ quốc gia sẽ không có những người gốc miền Bắc hiện cư trú tại đây ủng hộ. Và như thế, vô hình trung hình ảnh lá cờ tượng trưng cho lý tưởng tự do mà họ đã đánh đổi bằng sinh mạng của chính mình, bây giờ đã tự động lùi vào dĩ vãng và những hình thức đấu tranh cho tự do dân chủ và tự do cho tôn giáo ở Việt Nam cũng trở thành quên lãng một cách nhanh chóng. Đó là chưa kể đến việc mời quý thầy từ Việt Nam qua để thay thế cho những thầy, cô có quan niệm khác với người cộng sản vào chùa vốn có chủ trương chống cộng trụ trì, và khi thế hệ cũ đã ra đi thì tinh thần chống cộng ấy tự nhiên bị quên lãng và đẩy lùi về quá khứ.

Trên đây là tất cả những sự thật mà những người Phật tử nói riêng cũng như những người Việt đang có mặt tại Âu Châu nói chung đang gặp phải. Đúng hay sai, tốt hay xấu, xin để những trang sử này về sau các thế hệ nối tiếp sẽ viết thêm.

## AN CƯ KIẾT HẠ

**K**hi Đức Phật còn tại thế, nghĩa là cách đây hơn 26 thế kỷ về trước, trong 12 năm đầu, sau khi thành đạo, Đức Phật đã không chế giới luật, vì chư Tăng hoàn toàn thanh tịnh, nghe pháp xong là chứng quả, không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng kể từ năm thứ 13 trở đi, những hiện tượng tha hóa đã xảy ra trong Tăng đoàn, ngay cả khi Đức Phật còn tại thế, cho nên Ngài quyết định phải chế ra giới luật để phòng hộ sự tu tập của chư Tăng, trong đó có cả sự chế định vấn đề An Cư Kiết Hạ của Tăng đoàn.

Trước đây, những phái ngoại đạo Phạm Chí vẫn có sự cấm túc hay An Cư Kiết Hạ mỗi 3 tháng để rèn luyện thân tâm và nhất là khi mùa mưa đến, côn trùng thường hay sanh nở, nên để tỏ lòng từ bi đối với muôn loài, họ ở yên một chỗ. Trong khi đó Đức Phật quan sát và dạy rằng: “Ngay cả những loài vật chúng sống còn chia ra ranh giới để sanh tồn, thì loài người không thể không chia ra ranh giới để An Cư, nhất là không để cho ngoại đạo khinh chê là Sa Môn Thích Tử không gìn giữ quy giới.” Và kể từ đó những giới tràng, giới tướng được hình thành và việc khai, giá, trì, phạm về các giới trọng cũng như những giới nhẹ được Đức Phật chế định, nhằm ngăn chặn những lỗi lầm về sau khi Tăng sĩ gặp phải những sai trái.

Giới không phải là một sự trừng phạt, mà là một sự bảo hộ cho cá nhân mỗi con người đang thực hành con đường tịnh tu giới đức. Do vậy người xuất gia hay tại gia không phải sợ, khi chúng ta phạm giới, mà phải có tâm tầm quý, xấu hổ, khi đã phạm các giới nhẹ và ngay cả những giới trọng. Từ đó giới thể, giới tánh, giới tướng được chư Tăng



Ni và Phật tử hành trì một cách miên mật để bảo hộ giới thân huệ mạng của mình. Trong đó việc An Cư Kiết Hạ hay An Cư Kiết Đông mỗi năm 3 tháng của người xuất gia là điều tối cần thiết cho việc trở về với chân tâm Phật tính.

Đức Phật vẫn thường dạy rằng: “Ở đời có hai hạng người ta rất trân quý. Hạng người thứ nhất không bao giờ gây ra tội lỗi, dầu lớn hay nhỏ. Hạng người thứ hai sau khi làm sai quấy rồi, biết ăn năn sám hối.” Một người đã phạm giới nhưng với tâm chân thành hối cải có thể thực hiện những nguyên tắc sám hối theo quy định để làm cho thân tâm được trở lại thanh tịnh. Ngay cả những giới nặng cũng được phép sám hối nhưng cần phải có một tập thể gồm 20 vị tỳ-kheo Tăng để giải tội. Trừ ra 4 tội của nam, 8 tội của nữ xuất gia thuộc về ba-la-di thì không thể giải trừ.

An Cư Kiết Hạ là sự thúc liễm thân tâm, tu hành tịnh giới. Trong việc kiết giới An Cư Kiết Hạ hay Kiết Đông các bậc luật sư thường hay ví những con vật như bò, trâu, kiến, sư tử, cọp v.v... mỗi con, mỗi bầy đều tự chúng khoanh vùng để ở, tự tồn và xây dựng thành cộng đồng. Người xuất gia ngày xưa và nay cũng vậy, từ 4 vị tỳ-kheo trở lên được gọi là một đoàn thể Tăng-già. Đoàn thể ấy lấy giới luật làm đầu và cùng hòa hợp với nhau ở mọi khía cạnh như:

*Thân hòa đồng trú  
Khẩu hòa vô tranh  
Ý hòa đồng duyệt  
Kiến hòa đồng giải  
Lợi hòa đồng quân  
Giới hòa đồng tu*

Nghĩa là:

*Thân hòa sống chung một nơi.  
Miệng hòa không tranh cãi.*

*Ý hòa cùng vui vẻ.  
Thấy nghe cùng giải bày.  
Lợi lạc cùng chia đều.  
Giới hòa cùng tu học.*

Ngày xưa Đức Phật không lập Giáo Hội, mà Ngài thành lập Tăng đoàn. Nếu từ 4 vị tỳ-kheo Tăng hay 4 vị tỳ-kheo ni trở lên có cùng một quan điểm thì có thể tạo thành một Tăng đoàn. Thời Đức Phật, ngoài Tăng đoàn của Ngài tập hợp đến 1.250 vị tỳ-kheo, song song đó cũng có Tăng đoàn của Ngài Da-xá, Tăng Đoàn của Đề-bà-đạt-đa. Đây là hình thức dân chủ tối sơ của Phật giáo. Điều quan trọng là Tăng đoàn ấy có được chính những người trong Tăng đoàn chấp nhận hay Phật tử có ủng hộ hay không và thời gian được tồn tại là bao lâu, qua đó chúng ta mới thấy được đâu là chánh và đâu là không hợp với lẽ Đạo, trong đó có Tăng đoàn của Đề-bà-đạt-đa là một trong những ví dụ điển hình. Về sau này, Giáo đoàn càng ngày càng phức tạp, có nhiều Tăng đoàn, rồi tông phái v.v... tự tách rời ra để xây dựng thành đoàn thể riêng, nhằm phát triển những điều cần yếu mà vị Giáo Tổ ấy chủ trương. Điều này cũng dễ hiểu, vì Phật giáo giống như cây đại thọ, có cành lá sum suê đã sống hơn 2.500 năm lịch sử trên mảnh đất tâm linh khắp nơi của quả địa cầu này, nên cũng có cành lá xanh tươi to lớn, phát triển nhip nhàng, nhưng cũng có nhiều cành lá tự phát cùng một thân mẹ, qua thời gian không hấp thụ được khí trời và dưỡng chất từ cội rễ nên bị khô héo dần. Sự tốt tươi hay khô héo, tự thể của nó không phải tốt hoặc xấu, mà là một định luật tự nhiên của thiên nhiên, đất trời và vạn vật xưa nay vốn vậy.

Trong luật Tứ Phần có dạy rằng, chư Tăng Ni, mỗi năm phải “tam ngoạt an cư, cửu tuần cấm túc”. Nghĩa là: 3 tháng ở yên và trong 90 ngày ấy không đi đâu cả. Như thế, nếu giữ đúng luật, một hành giả tu học theo Đạo Phật mỗi

năm một lần An Cư để được một tuổi hạ. Tuy vậy cũng có nhiều trường hợp có duyên sự sáng đi chiều về thì không tính ngày bị vắng mặt tại giới trường. Nếu vắng mặt nhiều hơn 1 đêm trở lên 3 đêm thì phải tác bạch cho Chúng biết. Nếu có duyên sự như cha mẹ hay Thầy Tổ chết phải về cư tang trên một tuần lễ thì pháp an cư vẫn có giá trị, nhưng trong cả mùa An Cư, tất cả những lần ra khỏi giới trường cộng lại không được quá 45 ngày đêm, nghĩa là ngày ở trong giới trường phải nhiều hơn ngày ra khỏi giới trường. Đến kỳ mãn hạ tự tứ, những người ở trong giới trường trên 45 ngày đêm được nhận sự cúng dường Ca-bố-na hay gọi là công đức y và được tăng thêm một tuổi hạ, còn những người tuy cũng có tác pháp an cư hay tụng hạ, nhưng thời gian ở ngoài giới trường nhiều hơn thời gian hành trì, tu học tại giới trường thì giới tử ấy sẽ không đắc giới và không được xem là có thêm một tuổi hạ, danh từ trong nhà Phật gọi là hạ lạp. Tuy nhiên ngày nay có nhiều vị đã thọ giới tỳ-kheo, nhưng nhiều năm không an cư kiết hạ, không thọ tự tứ mà vẫn gọi là hạ lạp, ấy là điều không đúng, nên gọi là tăng lạp thì đúng hơn.

Thông thường sau ngày Rằm Tháng Tư, chính thức là ngày 16 tháng 4 âm lịch mỗi năm, chư Tăng Ni trong các đạo tràng có từ 4 vị tỳ-kheo trở lên, đều có thể làm lễ kiết giới An Cư Kiết Hạ, sau đó mỗi ngày đều có quá đường, kinh hành nhiều Phật, công phu sáng chiều và thời tụng kinh Tịnh Độ vào mỗi tối. Mỗi tháng 2 lần, vào sáng ngày mồng một và ngày rằm, chư Tăng Ni sau thời công phu khuya đều ở lại nơi chánh điện để tụng giới của mình đã thọ và suốt trong 3 tháng, những ngày rằm, mồng một đều phải như thế cả. Có nơi vào chiều mồng một hay rằm còn tụng Bồ Tát giới cho cả người tại gia đã thọ giới tham dự nghe giới nữa. Có nơi trước ngày rằm tháng bảy âm lịch chừng 5 đến 10 ngày phải tổ chức lễ Tự Tứ (có nghĩa là vui

về nói lỗi của mình ra sau 3 tháng an cư), sau đó phải trở về chùa Tổ của mình để giúp cho Thầy Tổ tổ chức Lễ Vu Lan. Nhưng đúng pháp thì ngày 16 tháng 7 âm lịch mỗi năm, sau Lễ Vu Lan, chư Tăng Ni mới làm lễ Tự Tứ. Đó là ngày hoan hỷ của Tăng đoàn.

Từ năm 1984 đến nay (2018), hơn 34 năm như vậy, cá nhân tôi và đại chúng tại chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc, đều cử hành lễ tác pháp an cư 3 tháng như vậy. Năm đầu tiên không đủ 4 vị tỳ-kheo, nên thuở ấy tôi mời thầy Thích Nhất Chân, thầy Thiện Huệ và một vị thầy người Pháp lúc bấy giờ đang ở Khánh Anh sang chùa Viên Giác Hannover để cùng tôi tác pháp an cư. Thuở đó ở chùa Linh Sơn tại Paris, cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi đã có đồng Tăng chúng nên mỗi năm Ngài đều tổ chức An Cư Kiết Hạ như vậy cho đến khi Ngài viên tịch. Ngoài ra, các chùa khác thuở bấy giờ khó mà thực hiện được điều này, đa phần là “nhất tăng nhất tự” nên không thể bỏ chùa của mình đi tòng hạ cả 3 tháng như thế, nên có chăng chư tăng ni ấy chỉ đến chùa chính vào những ngày bố-tát tụng giới mà thôi.

Tại chùa Viên Giác Hannover, kể từ năm 1984 đến nay tôi đã lập nguyện là trong suốt mùa An Cư Kiết Hạ 3 tháng ra, mỗi tối vào lúc 20 giờ thay vì có thời Tịnh Độ tụng kinh A-di-đà hay Phổ Môn, Pháp Hoa v.v... thì tôi phát nguyện lễ bái hồng danh chư Phật và Kinh bộ. Đầu tiên chúng tôi lạy kinh Ngũ Bách Danh, nghĩa là 500 danh hiệu của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và sau đó phát nguyện thọ trì lễ bái kinh Tam Thiên Phật Danh rồi kinh Vạn Phật. Kế tiếp là chúng tôi phát nguyện lạy kinh Pháp Hoa mỗi chữ mỗi lạy. Sau kinh Pháp Hoa, chúng tôi phát tâm lạy kinh Đại Bát Niết-bàn, bản Việt dịch gồm 2 quyển, mỗi quyển dày độ 700 trang, lạy mỗi chữ một lạy. Đến nay quyển 2 sắp lạy hết, đã đến phẩm Di Giáo thứ 26, nghĩa là chỉ còn

3 phẩm nữa là chúng tôi lạy xong kinh Đại Bát Niết-bàn. Sau đó chắc chỉ trì tụng kinh Đại Bảo Tích vào mỗi đêm, trong mùa An Cư Kiết Hạ mà thôi, chứ không còn khả năng đứng lên ngồi xuống để lạy kinh mỗi chữ mỗi lạy như xưa kia nữa.

Tôi đã phát nguyện hành trì việc này từ năm tôi 35 tuổi và nay đang ở độ tuổi 70, nên việc lễ bái ấy dừng lại cũng đã là một thời điểm đáng dừng, vì chiếc xe tứ đại này cũng không thể chạy mãi trên một đoạn đường dài vô tận của sinh tử được.

Riêng Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, mỗi năm tổ chức 2 lần An Cư Kiết Đông và An Cư Kiết Hạ trong 10 ngày tại chùa Khánh Anh và lồng vào trong khóa tu học Phật Pháp Âu Châu tại những địa phương có tổ chức khóa tu học, không khí thật là an bình và lợi lạc cho tất cả Tăng Ni cũng như những Phật tử từng hạ. Tuy An Cư mỗi lần chỉ có 10 ngày, nhưng cũng có tác pháp an cư và lễ mãn hạ tự tứ. Tất cả đều như Pháp và như Luật, chỉ có thời gian là không đủ 90 ngày như luật định. Riêng tôi phải thâm tạ ân Tam Bảo, vì lẽ nếu không có những ngày tháng tự phát nguyện an cư kiết hạ như vậy thì những dự định cũng khó thành. Ví dụ như việc dịch kinh, viết sách, dạy chúng, lạy Phật hằng đêm v.v... để từ đó bản thân tôi có được một chút công phu, công quả trong cuộc đời tu học, hành trì.

Kể từ năm 2003 đến cuối năm 2011, bước sang đầu năm 2012, trong 10 mùa đông của xứ Đức, tôi đã sang Úc Châu để tịnh tu nhập thất trên núi đồi Đa Bảo tại vùng Campbell Town và Blue Mountain liên tục mỗi năm 2 tháng như thế và 1 tháng tại Ấn Độ cũng như Thái Lan. Nhờ vào thời gian độc cư nhàn cảnh này mà tâm tôi yên hơn để mỗi năm hoàn thành 2 tác phẩm hoặc 2 dịch phẩm và trong suốt 10 năm đó, tôi đã hoàn thành 20 tác phẩm như thế, trong 66 tác

phẩm đã xuất bản từ mấy chục năm nay. Con kiến dù nhỏ, nhưng mỗi ngày siêng năng đào hang, làm tổ và tha mồi, chẳng mấy chốc ụ đất càng cao dần và nếu có nước lụt đến, đàn kiến kia đỡ lo bị ngập nước.

Sách Hành hộ luật nghi<sup>1</sup> nói rằng: “*Ngũ hạ dĩ thượng tức Xà-lê vị, thập hạ dĩ thượng thị Hòa Thượng vị.*” (五夏已上即闍梨位, 十夏已上是和尚位。) Nghĩa là: Năm hạ trở lên là ngôi vị A-xà-lê, mười hạ trở lên là ngôi vị Hòa thượng. Ví dụ vị ấy 20 tuổi thọ giới tỳ-kheo, cứ mỗi năm đều an cư liên tục như vậy từ 5 đến 10 năm thì nơi giới đàn được cung thỉnh truyền giới. Tuy vị ấy còn nhỏ tuổi, nhưng vì đã an cư theo luật định nên được cung thỉnh vào những ngôi vị trên, và những cách gọi A-xà-lê hay Hòa thượng ấy chỉ có giá trị khi giới đàn truyền giới còn tồn tại. Sau khi giới đàn xong, tất cả đều phải theo hệ thống hành chánh của Tăng đoàn, nghĩa là từ 20 đến 40 tuổi gọi là Đại Đức, sau đó được Giáo Hội tấn phong lên hàng giáo phẩm Thượng Tọa. Từ 40 tuổi đến 60 tuổi, thêm 20 năm An Cư Kiết Hạ nữa để đủ 40 hạ lạp sau khi thọ giới tỳ-kheo thì vị ấy được mọi người tôn xưng là Hòa Thượng. Nếu vị này sống đến 80 tuổi trở lên, đa phần được chư Tăng Ni, Phật tử cung kính gọi là Đại Lão Hòa Thượng. Đây chỉ là những việc tiêu biểu trong thiên môn xưa nay, nhưng cũng có nhiều điều ngoại lệ. Ví dụ như trên nguyên tắc tuổi đủ 20 mới được thọ giới tỳ-kheo, nhưng cũng có nhiều người tuổi chưa đến 20 vẫn được thọ giới tỳ-kheo như thường.

Trong quyển “Nghiên cứu Giáo đoàn Phật giáo thời nguyên thủy”, đã có lần tôi dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt, có dạy rằng: “Nếu có đứa trẻ được sinh ra tại chùa hay

<sup>1</sup> Tức Giáo Giới Tân Học Tỳ-kheo Hành Hộ Luật Nghi (教誡新學比丘行護律儀), Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, Tập 45, kinh số 1897, trang 871, tờ b, dòng 11, 12.



ai đó gởi đứa bé này vào chùa từ lúc mới sinh thì mỗi năm của đứa bé ở chùa này được tính thêm 1 tháng tuổi.” Như vậy, 18 năm ở chùa liên tục được cộng thêm 18 tháng tuổi, nghĩa là đứa bé ấy đến 18 tuổi rưỡi thì có thể thọ giới tỳ-kheo, tuy chưa đủ 20 tuổi nhưng khi cộng thêm 18 tháng tuổi thì đủ số tuổi theo luật định. Cũng có những trường hợp đặc biệt khác như có nhiều vị quá xuất sắc, thay vì vị Bổn Sư cho đệ tử của mình thọ sa-di xong thì mấy năm sau mới cho thọ giới tỳ-kheo và Bồ Tát giới, nhưng vì quá đặc biệt nên vị này được thọ ba đàn trong một ngày, nên được gọi là Tam Đàn Cụ Túc, nghĩa là buổi sáng thọ giới sa-di hay sa-di ni, buổi trưa thọ giới tỳ-kheo hay tỳ-kheo ni và buổi tối được thọ giới Bồ Tát xuất gia gồm 10 giới trọng và 48 giới nhẹ.

Trong quyển Nghiên cứu Giáo đoàn này cũng vạch ra cho chúng ta thấy rằng có đến 10 cách thọ giới tỳ-kheo chứ không phải một cách duy nhất như lâu nay chúng ta thường thấy. Đó là đàn giới có Tam Sư và Thất Chứng, nghĩa là ở giữa có vị Đàn Đầu Hòa Thượng, hai bên là hai vị Yết-ma và Giáo thọ A-xà-lê. Tiếp đó là 7 vị Tôn Chứng Tăng-già. Đây được gọi là một giới đàn hợp pháp. Vào thời Đức Phật còn tại thế hay cho đến bây giờ đa phần Tăng-già đều căn cứ theo tinh thần này để truyền giới cho những người xuất gia muốn thọ giới pháp của Phật chế để hành trì.

Hơn 2.500 năm đã trôi qua, Phật giáo đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm của lịch sử và giới luật có nơi vẫn giữ nguyên như cũ, nhưng cũng có nhiều nơi tự mở ra cho Giáo Hội của mình, tông phái của mình một con đường khác giản đơn hơn, trong đó có nhiều giới khó định nghĩa được, như Phật giáo Nhật Bản từ thế kỷ 13 đến nay hay những tông phái có gia đình của Phật giáo Tây Tạng và Đại Hàn. Dĩ nhiên Phật giáo Việt Nam cũng không ngoại lệ như những vị theo Phật giáo Cổ Sơn Môn hay những tổ chức

Phật giáo hiện đại khác, họ không hoàn toàn tuân thủ giới luật, vì lẽ họ bảo rằng: Trước khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Ngài có bảo ngài A-nan rằng: “Những giới nào không cần thiết và không thích hợp với phong thổ của các địa phương thì có thể bỏ bớt.” Thế nhưng lúc ấy Ngài A-nan đã bị Ma Ba Tuần ngăn che tâm tánh, nên đã chẳng thưa hỏi lại với Đức Phật là giới nào nên bỏ và giới nào nên giữ, nên bây giờ một số chư Tăng và ngay cả chư Ni cũng đã tự động bỏ hay thêm vào một số giới cho thích hợp với những quốc độ mà họ đang tu tập cũng như hướng dẫn cho người địa phương hành trì. Đúng hay sai, việc này hãy để cho thời gian trả lời vậy.

Chư Tổ thường dạy rằng: “Tăng ly chúng tăng tàn, hổ ly sơn hổ bại.” Nghĩa là: “Làm người xuất gia mà sống xa chúng lý thì vị tăng ấy xem như đã đến thời kỳ cuối và cọp kia (nếu) sống xa núi thì xem như đã bại rồi.” Đây là những điều kiện ắt có và đủ để cho những người xuất gia phải gìn giữ cẩn thận, chớ có trái phạm, buông lung. Người xuất gia cũng mang thân thể là con người, như bao nhiêu con người khác. Họ cũng có hỉ, nộ, ái, ố, bi, ai, dục lạc và tài sắc, danh thực thùỵ vốn là điều mà không ai là không bị vấp ngã. Vậy đứng trước sắc đẹp, tình yêu thương, sự giàu có, danh vọng, địa vị phải làm sao đây? Theo Ngài Nagarjuna (Long Thọ) thì những loại ngũ dục bên trên nó giống như những cơn ngựa, càng gãi thì nó lại càng ngứa thêm. Tốt nhất là chúng ta tự làm chủ mình và dừng lại đúng lúc trong mọi tình huống như vậy. Mình phải tự hỏi mình rằng: Tình bao nhiêu thì đủ? Tiền bao nhiêu thì được gọi là nhiều? Danh vọng, địa vị, những sự cám dỗ khác, chẳng khác nào người bị khát nước, mà cứ dùng nước biển để uống vào, thì cơn khát lại tiếp tục khát thêm và chính đây là lý do mà chúng ta biết là mình phải tự dừng lại lúc nào và cái gì là quan trọng nhất đối với mỗi hành giả khi



thực hành giáo lý của Đức Phật. Đối với Ngài, Ngài chưa bao giờ cấm ai một điều gì, mà Ngài luôn khuyên ai đó đã lìa xa con đường Bát Chánh thì hãy tự quay về để nương tựa vào tự thân của mình. Dĩ nhiên, khi mới bước vào Đạo, ta cần có thầy, bạn hướng dẫn, nhưng sau khi học hiểu về Tam Pháp Ấn, về 37 phẩm trợ đạo, về ngũ triền cái v.v... thì chính mình phải tự tìm lại con người của mình, đó mới chính là điều quan trọng bậc nhất.

Có nhiều người sau khi lập gia đình rồi, có con cái cháu chắt rồi mới phát tâm xuất gia. Tuy tuổi đã cao mới tìm được chốn để nương thân, tuy bị trôi nổi theo thuyền đời trong nhiều năm tháng, nhưng chính sự ham tu, cầu tiến và nhất là đã ý niệm việc vô thường trong từng niệm niệm sinh diệt rồi, những người như vậy cũng thành công trong việc hạ thủ công phu tu niệm không phải là ít.

Việc xuống tóc, cạo đầu là những việc thể hiện trong giai đoạn ban đầu của người xuất gia, nhưng việc này không phải dừng lại nơi đó. Vì xuất gia “cạo tâm” quan trọng hơn cạo tóc. Nếu tóc trên đầu cạo nhẵn mà tâm không cạo sạch, thì liệu có ích gì cho một cuộc đời xuất gia tu tập? Nếu người xuất gia không hạ thủ công phu qua phép hành thiền hay niệm Phật mà cứ lo tăng cường pháp học cho thật nhiều, để chỉ lý luận suông, thì sự học ấy liệu có bổ ích gì cho việc tu hành của mình? Nhưng với tôi chủ trương hơi khắt khe một chút. Đó là học và hành hay nói đúng hơn là pháp học và pháp hành phải thực hiện ngang nhau thì mới mong con đường tiến đến sự giải thoát giác ngộ không lệch hướng. Trong sự hành trì có việc tụng kinh, trì giới, hành thiền, niệm Phật, trì chú v.v... mà việc An Cư Kiết Hạ là một trong những điều tối quan trọng trong mỗi năm mà người xuất gia không thể xem nhẹ.

# NHỮNG KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP ÂU CHÂU

**K**hi mới nhìn vào tiêu đề này quý vị sẽ nghĩ ngay đến 3 điểm chính. Đó là khóa giáo lý này tổ chức tại Âu Châu, chứ không phải ở những châu lục khác và điểm thứ 2 không kém phần quan trọng, đó là “tu” và điểm cuối cùng thứ 3 mới kể đến việc học. Vậy những ai đến với khóa này phải hiểu rõ mục đích cũng như tôn chỉ như thế thì sẽ không bị thất vọng, hoặc chỉ hy vọng quá nhiều về một việc nào đó cho chuyện gặp gỡ bạn bè hay trao đổi công việc làm ăn, buôn bán v.v... thì sẽ chán nản ngay, vì trọng tâm của các khóa tu học này là nhắm vào hàng xuất gia cũng như tại gia, đào tạo, huấn luyện cho mọi người trở thành những người lãnh đạo của Giáo Hội và là những người Phật tử thuần thành khi đến với Đạo.

Khóa tu học Phật Pháp Âu Châu đầu tiên được tổ chức tại Hòa Lan vào năm 1988, khóa thứ 2 tại Berghof (gần Hannover - Đức quốc) và cho đến nay sau 30 khóa, xứ Đức này đã đăng cai tổ chức 6 lần như thế. Kế khóa thứ 2 tại Berghof là khóa tại Paffenhofen (gần München). Tiếp đến là tại Todstedt (gần Bremen) và tại địa phương Neuss này đã tổ chức được 3 lần vào năm 2010, 2015 và lần thứ 30 vào năm 2018, bắt đầu từ ngày 23 tháng 7 và chấm dứt vào ngày 1 tháng 8 năm 2018. Một chặng đường dài 30 năm như thế có rất nhiều chuyện để nói, để viết và để kể lại, không biết bao nhiêu là công việc của mỗi năm, mỗi nước v.v... Tính từ Bắc Âu trở xuống những nước sau đây đã đăng cai tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu trong suốt 30 lần qua, gồm một hay nhiều lần: Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan, Đan Mạch, Anh Quốc, Bỉ Quốc, Đức Quốc, Áo Quốc, Thụy Sĩ, Pháp, Ý. Như vậy đã có 11 quốc gia tổ chức thành

công các khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu như vậy. Hầu như không có khóa nào dưới 500 Phật tử tham dự, mà đa phần từ 500 đến 700 người, rồi 900 hay trên 1.000 người tu học trong 10 ngày như ở Ý và ở Áo.

Ban đầu chỉ có một, hai lớp cho Tăng Ni và Phật tử, nhưng sau đó thì chia ra làm nhiều lớp 1, 2, 3 và 4. Sau này lớp 1 lại chia ra thêm 1A và 1B, vì các em thanh thiếu niên đông quá. Những lớp này đều do chư tôn đức Tăng Ni trẻ hướng dẫn các em, đôi khi còn dùng đến các ngôn ngữ khác như: Anh, Pháp hay Đức ngữ để diễn đạt hoặc để trả lời những câu hỏi của các em nữa. Thật là tuyệt vời, và lớp 1A, 1B càng ngày càng có nhiều em thanh thiếu niên ghi tên tham dự.

Khi cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm còn sanh tiền, Ngài đã chế ra một danh từ mới. Đó là lớp của “Đại Học Oanh Vũ”. Học sinh của Đại Học này là những em bé theo cha mẹ đi tu học khóa giáo lý. Tuổi từ 3 đến 10. Do vậy mà giờ gởi cho các anh chị em huynh trưởng Gia Đình Phật tử Việt Nam tại Âu Châu đảm trách, giống như là giờ gởi ở vườn trẻ vậy. Nghĩa là mấy giờ cha mẹ dẫn con đến gởi để yên tâm theo dõi các khóa học và mấy giờ đến đón lại con em của mình về. Đây là một sự thành công không nhỏ khi cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm còn tại thế đã sáng tạo ra phương tiện này để cho cả cha mẹ và con cái đều có thời gian cùng tu học với nhau trong một không gian rộng rãi và thời gian đa phần là được tổ chức vào cuối tháng 7 bước qua đầu tháng 8 mỗi năm, khi các em có những ngày nghỉ lễ ở trường học, thì có thể tham dự khóa tu học Phật Pháp Âu Châu với cha mẹ của mình. Thật không còn gì lý tưởng bằng.

Đôi khi Gia Đình Phật tử Việt Nam tại Âu Châu cũng có những trại huấn luyện được tổ chức kèm chung vào với khóa tu học, nên nhìn đâu cũng thấy những chiếc áo lam

của đoàn sinh Phật tử hiện diện xen kẽ với những bậc phụ huynh, những bác lớn tuổi, thật là đẹp tuyệt vời. Hình ảnh này ít thấy nơi đâu tổ chức được như Giáo Hội Âu Châu trong suốt thời gian 30 năm qua.

Lớp 2 là lớp sơ cơ mới vào đạo. Đa phần những lớp này đều do chư vị Đại Đức hướng dẫn. Lớp 3 là lớp chuyên khoa, nghĩa là ai đã đi tham dự khóa 2 nhiều lần rồi, những năm sau đó cứ ghi danh vào học lớp 3 là đúng nhất. Đây phải nói là một lớp tu học đặc biệt. Vì đa phần gồm những bác lớn tuổi do chư Thượng Tọa và chư Hòa Thượng hướng dẫn, học những bộ kinh, luật, luận cao siêu. Tất cả đều mang dáng dấp những học giả của Phật giáo khi nghiên tâm đến tánh không, hữu vô, còn mất v.v... Họ cũng là những người trí thức Phật tử. Có người có đến 2 bằng tiến sĩ nhưng vẫn miệt mài suốt nhiều năm trường tham gia những khóa tu học cùng Giáo Hội Âu Châu như vậy. Hình ảnh ấy thật đẹp tuyệt vời.

Lớp 4 là lớp dành cho chư Tăng Ni. Đa phần là những vị Tăng Ni không có nhiệm vụ điều hành khóa Tu Học, khi đến đây được sắp vào lớp này. Những vị hướng dẫn đa phần là những vị Giáo Thọ thâm niên, đem kinh nghiệm tu học và hồng pháp của mình suốt mấy chục năm qua chia sẻ với lớp người đi sau này. Ví dụ như chia sẻ về cách đảm nhận vai trò của một vị trụ trì tại các chùa hay các tự viện, tu viện như thế nào? Cũng có một số vị Giáo Thọ hướng dẫn về giới luật, đôi khi cũng chia sẻ những khó khăn với Tăng Ni về vai trò lãnh đạo hay công việc hồng pháp v.v...

Ngày trước Giáo Hội chủ trương cho Tăng Ni học mỗi ngày 3 thời sáng, chiều, tối giống như các học viên Phật tử, nhưng sau này cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm muốn tổ chức khóa An Cư Kiết Hạ đi kèm, nên buổi tối chư Tăng

Ni, đa phần dùng thời giờ của Phật tử học Pháp, thì trì tụng một đến nhiều phẩm trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Thông thường trong 10 ngày mùa hạ như thế chư Tăng Ni trì tụng xong một quyển Pháp Hoa 28 phẩm, dày độ 700 trang giấy khổ A5. Trong khi đó Phật tử tham gia mỗi ngày cũng có 3 thời khóa tu, đó là hành thiền và trì tụng kinh Lăng Nghiêm vào buổi sáng, trưa đi kinh hành quá đường, chiều có khóa lễ Tịnh Độ do chư Ni hướng dẫn, đôi khi tự chính các Phật tử làm chủ lễ và trì tụng. Chư Tăng Ni thay vì tụng vào buổi chiều như các Phật tử tại gia thì buổi tối, chính là thời kinh thứ 3 vậy.

Trong khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu thường có tổ chức lễ Bồ-tát tụng giới cho người xuất gia cũng như những vị cư sĩ đã thọ Bồ Tát giới tại gia vào một buổi sáng nào đó, sau thời kinh Lăng Nghiêm nằm trong khóa tu học. Ví dụ như sáng ngày 27 tháng 7 năm 2018 nhằm ngày 15 tháng 6 năm Mậu Tuất, sau khi tụng Lăng Nghiêm thập chú xong, chư tỳ-kheo ni và Thúc-xoa đảnh lễ Tam Bảo và bước ra khỏi giới trường của Tăng để đi về giới trường của Ni nhằm tụng những giới đã lãnh thọ của mình. Kế tiếp là những vị cư sĩ đã thọ Bồ Tát giới tại gia thì tháp tụng theo một vị rành giới luật này để bổ-tát tụng giới. Tại Âu Châu đã truyền cho tại gia 2 loại giới luật Bồ Tát. Đó là loại 10 giới trọng và 48 giới nhẹ. Loại thứ 2 là 6 giới trọng và 28 giới nhẹ. Có khi còn được Giới Sư giải thích thêm về những điểm nghi của các giới tử đã thọ giới nữa. Tiếp đến vị tụng giới sẽ giáo giới cho những cư sĩ tại gia thọ 5 giới và sau đó là giáo giới cho những sa-di và sa-di ni thọ 10 giới.

Sau khi tất cả những vị chưa thọ giới tỳ-kheo ra khỏi giới trường rồi, vị Giới Sư mới hỏi vị Tăng Sự hay vị Thủ Tọa để vấn hòa. Đây gọi là phép “Yết-ma” để tìm sự đồng thuận của Tăng đoàn mỗi khi có một vấn đề hệ trọng nào đó cần được thông qua. Tiếp đến, vị Giới Sư này có thể

tụng lược của 250 giới, nếu trường hợp không có thì giờ, nhưng đa phần tụng hết các giới như:

- 4 Giới Ba-la-di
- 13 Pháp Tăng Tàn
- 2 Pháp bất định
- 30 Tội Xả Đọa
- 90 Tội Đọa
- 4 Pháp hướng bỉ hồi
- 100 Pháp chúng học, và
- 7 Pháp dứt sự tranh cãi

Đây là tất cả 250 giới về mọi hình thức, từ oai nghi tế hạnh cho đến việc đắp y, mặc áo, đi khất thực, xây dựng chỗ ở, lên chùa tháp v.v... Người xuất gia nếu không nghe giới và không thực hành giới thường xuyên thì sẽ không thể nào làm tăng đạo hạnh cho mình được. Vì lẽ có sự hành trì, thì oai nghi tế hạnh mới được chiếu soi từ nội tâm đến ngoại cảnh.

Phần cuối của việc tụng giới, vị Giới Sư đọc tóm gọn lại lời dạy của 7 vị Phật trong quá khứ như sau:

“Nếu như có pháp của Phật, cùng hòa hợp trong Giới kinh này, đều cần phải học.

*Nhấn nhục là đạo thứ nhất  
Phật nói pháp vô vi là hơn  
Xuất gia làm nào phiền người  
Thì chẳng gọi là sa-môn.*

Đây là lời của Đức Tỳ-bà-thi Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói trong Giới kinh.

*Thí như người có mắt sáng  
Hay tránh đường hiểm ác*

*Trong đời có người thông minh  
Hay xa lìa các điều ác.*

Đây là lời của Đức Thi-khí Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói trong Giới kinh.

*Không chê cũng không ghét  
Nên vâng giữ giới luật  
Uống ăn vừa biết đủ  
Thường ở chỗ rảnh không  
Tâm định ưa tinh tấn  
Là lời chư Phật dạy.*

Đây là lời của Đức Tỳ-xá-phù Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Pháp nói trong Giới kinh.

*Ví như ong lấy mật hoa  
Không làm hư sắc và hương  
Chỉ lấy vị nó mà đi  
Tỳ-kheo vào làng cũng thế  
Đừng làm chướng trái việc người.  
Không xem làm cùng chẳng làm  
Chỉ xem việc làm của mình  
Hoặc là đúng hoặc chẳng đúng.*

Đây là lời của Đức Câu-lưu-tôn Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói trong Giới kinh.

*Tâm đừng buông lung  
Pháp Phật nên siêng học  
Như thế không lo buồn  
Tâm định nhập Niết Bàn*

Đây là lời của Đức Câu-na-hàm Mâu-ni Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói trong Giới kinh.

*Tất cả việc xấu chớ làm,  
Nên vâng làm các điều tốt.*

*Tự tịnh ý chí của mình,  
Ấy là lời chư Phật dạy.*

Đây là lời của Đức Ca-diếp Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói trong Giới kinh.

*Khéo giữ gìn nơi cửa miệng,  
Tự sạch ý chí của mình.  
Thân chớ làm các điều ác,  
Giữ ba nghiệp này thanh tịnh.  
Có thể làm được như thế,  
Là chánh đạo của Thế Tôn.*

Đây là lời của Đức Thích-ca Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, trong 12 năm, vì thanh tịnh tăng mà nói ra Giới kinh này.”

Kể từ những khóa đầu tiên thật là thô sơ của 30 năm về trước đã tổ chức tại Hòa Lan hay Berkhof, Đức quốc vào những năm 1988, 1989, cho đến nay tất cả đã trở thành dĩ vãng, nhưng những dư âm của dĩ vãng ấy luôn hiện về mỗi khi hè sắp sang, khi các lớp học tại các trường Trung Tiểu Học đóng cửa để nghỉ hè trong 2 đến 3 tháng, thì Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu đã mở ra một cơ hội cho những ai muốn trau dồi Phật Pháp, học hỏi giáo lý Phật Đà. Chỉ trong vòng 10 ngày thôi, nhưng 10 ngày ấy giá trị vô cùng.

Nhớ lại mùa hè năm 1989 cũng là mùa đã bắt đầu khởi công xây dựng chùa Viên Giác tại đường Karlsruherstr. số 6 bây giờ. Thuở ấy tôi đã muốn tổ chức một khóa tu học mà nơi chốn thì chưa muốn được, một nhân duyên hy hữu là Phật tử Lý Chấn Lợi tại Hannover vừa mua được một cơ sở nhà hàng tại Berkhof gần Hannover, có cả khách sạn nữa. Do vậy tôi đã ngõ ý với Phật tử Lý Chấn Lợi là Giáo Hội sẽ thuê chỗ này để làm khóa tu học thứ 2 cho Giáo Hội. Gia đình Lý Chấn Lợi đồng ý ngay và xin cúng dường chỗ



ngủ cho học viên, riêng phần nấu nướng cho khóa tu thì các học viên tự đảm nhận. Vì khách sạn và nhà hàng mới được mua lại, cần phải tân trang rất nhiều, nên cuối cùng chỉ sử dụng được vài phòng và một phòng lớn để làm chánh điện, trong khi đó, phòng ốc cho các vị Giảng Sư như: Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Hòa Thượng Thích Nhất Chân và Hòa Thượng Thích Thiện Huệ (thuở ấy ba vị này còn là Thượng Tọa và Đại Đức) được chúng tôi thuê một khách sạn bên cạnh để ba vị này ở lại, nhưng không dùng sáng tại khách sạn, mà quý Thầy sang chỗ tổ chức khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 2 dùng quá đường cũng như sáng và chiều với các học viên.

Nếu tôi nhớ không lầm, kỳ 2 ấy chư Tăng Ni chừng 10 vị và Phật tử tham dự chưa đến 150 người. Thế mà vui. Còn bây giờ sau 30 năm số học viên tham dự tăng theo cấp số nhân hay lũy thừa rồi. Cũng là một niềm vui, nhưng là những nỗi lo cho Ban Tổ Chức về các khâu như: trần thiết hội trường, trai soạn, di chuyển đón đưa, phòng ốc cho việc ngủ nghỉ và phòng ốc cho việc tu học, hành trì. Đây là những bài toán khó giải. Thế mà từ Ban Tổ Chức địa phương đến Ban Tổ Chức Trung Ương của Giáo Hội luôn luôn thành tựu viên mãn về mọi khâu tổ chức cũng như mọi mặt của mọi vấn đề.

Nếu ở nhà trong vòng 10 ngày ấy thì học viên cũng phải đi chợ mua sắm thức ăn, bây giờ đi tu học, lấy số tiền ấy đóng góp chung với Ban Tổ Chức, để cho Ban Tổ Chức khỏi lâm vào chuyện khó xử khi nghĩ về vấn đề tài chánh chi tiêu. Nếu những học viên nào có khả năng thì cúng dường thêm cho Ban Tổ Chức để Ban này có tịnh tài cúng dường vào cuối khóa cho chư Tôn Đức Tăng Ni, để chư Tăng Ni có phương tiện di chuyển từ nơi này qua nơi khác, nhằm mang ánh sáng Phật Pháp đến cho mọi người. Đây là một việc làm lưỡng lợi, vì vừa có công đức mà chư Tăng

Ni cũng đỡ lo toan khi nghĩ đến khoản tiền di chuyển to lớn này. Đúng là ở Âu Châu người Phật tử phải chuẩn bị cho một chủ nghĩa thực dụng là như vậy.

Nói chung tất cả mọi chi phí cho một khóa Tu Học Phật Pháp như thế đều phải tự lực cánh sinh, chứ Giáo Hội Âu Châu chưa hề được một cơ sở chính quyền nào bảo trợ cả, ngoại trừ 3 lần tổ chức tại trường Gesamtschule ở Erftet, Neuss từ năm 2010, 2015, 2018 là một ngoại lệ. Vì Quảng Lộc Nguyễn Gia Phước đang làm việc cho thành phố Neuss, nên quen biết với chính quyền địa phương và đã mượn được cơ sở này để tổ chức khóa Tu Học Phật Pháp, mỗi lần như thế cả Tăng Ni và Phật tử không dưới 700 người tham dự trong 10 ngày. Đại khái Giáo Hội chỉ phải trả tiền điện, nước, gas, làm vệ sinh, dọn sạch rác rưởi sau khóa Tu Học v.v... khoảng trên 15.000 Euro cho mọi sự kiện như vậy. Nếu tổ chức ở những nơi khác, dĩ nhiên là tiện nghi hơn, nhưng số tiền phải trả cho các khu có nội trú hay những trường học v.v... mỗi lần như thế không dưới 30.000 Euro cho 700 tham dự viên.

Khi cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm còn sanh tiền, Ngài đã tự tổ chức và suy nghĩ ra những điều gì làm lợi lạc được cho khóa Tu Học thì Ngài thực hiện. Ví dụ như việc kêu gọi những Phật tử ở xa không đi tham dự khóa Tu Học được thì nên phát tâm gửi về chùa cúng dường một hay nhiều bao gạo để nuôi học viên và mỗi bao gạo trị giá là 30 Euro. Có nhiều người nghĩ rằng giá bao gạo như thế thì đắt quá, thay vì gửi qua bưu điện hay ngân hàng để cúng tiền tương đương cho những bao gạo mà họ muốn cúng, thì họ mang thẳng gạo đến chùa. Đây cũng là một chủ nghĩa thực dụng, nhưng không thực tế, vì lẽ gạo không thể chở đi từ nước này qua nước khác một cách dễ dàng được. Nên cuối cùng Phật tử cúng dường hiện kim, tùy theo khả năng của mỗi người, là việc khả thi nhất. Cuối khóa, sau

khi tổng kết lại, đôi khi việc cúng dường một bao gạo này gần bằng tiền học phí mà các học viên đã đóng góp. Nếu kế hoạch này hay thì tôi hy vọng rằng suốt mấy chục năm sau vẫn còn tồn tại như thường.

Trong khi đó những châu khác như Mỹ, Canada và Úc, mỗi lần tổ chức khóa Tu Học Phật Pháp như thế các chùa đều phải nấu cơm chay gây quỹ, hay bán vé để nhờ nhà hàng nấu và phải nhờ thêm văn nghệ đóng góp nữa thì những buổi gây quỹ ấy mới thành công.

Lấy một ví dụ điển hình về mọi phương diện của khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 30 tại Neuss để chúng ta có một cái nhìn khái quát hơn.

Ngày thứ nhất (23/7/2018), nhằm ngày thứ Hai, là ngày tập trung tại khóa học. Hầu như tất cả các học viên từ khắp nơi ở Âu Châu đều đã chuẩn bị từ hơn nửa năm về trước để về đây tham dự khóa tu này. Có kẻ đi máy bay, có người đi xe lửa. Cũng không thiếu những chuyến xe bus chở đầy người chạy từ Paris đến, từ Straßburg lên. Cũng không thiếu những chuyến xe bus chở ít người, nhưng nhiều hành lý như từ Hannover, Đan Mạch. Một số khác thì chở cả vợ chồng con cái đi cùng, nào soong, nào chảo nấu nướng, nào chén, nào bát, nào đĩa muông cho khóa học. Kinh sách để biếu tặng vào cuối khóa cũng được chở đi trên chuyến xe bus này xuất phát từ chùa Viên Giác. Kẻ hẹn người chờ, kẻ đi, người gọi, kẻ đến, người trông v.v... tất cả giống như một ngày hội lớn của dân tộc. Cho đến tối ngày thứ nhất, những ai muốn đến tham dự khóa tu học từ đầu đến cuối hay 3 đến 5, 7 ngày thì đã đến ngay từ ngày đầu tiên này.

Khó nhọc nhất trong ngày này phải nói là Ban Trai Soạn địa phương và Ban Vận Chuyển. Có những chuyến bay đến trễ, hoặc có những chuyến không được báo trước v.v... Tất

cả những việc này, toàn Ban Tổ Chức phải lo giải quyết cho được tốt đẹp. Khi về đến chỗ khóa Tu Học, người tham gia được đón chào như những thượng khách từ xa đến bằng những tô mì, tô phở của Ban Trai Soạn cung cấp. Sau khi nộp phiếu ghi danh cùng lệ phí tu học cho từng cá nhân hay gia đình là nhận bảng tên, số phòng nghỉ, lãnh nệm hay ghế bố để ngủ nghỉ, về đến phòng ai nấy cũng đều mệt nhừ sau một hành trình dài, nên mọi người lần đùng ra ngủ.

Sáng hôm sau, ngày thứ hai của khóa tu học là ngày lễ khai mạc, rất trọng đại và nhiều ý nghĩa lồng chung vào trong lễ này.

Ở Đức, Gia Đình Phật tử luôn là cánh tay mắt của Giáo Hội. Các anh chị em còn trẻ khỏe, lanh lợi, nên giải quyết công việc rất nhanh và có tính khoa học. Năm nay Thầy Hạnh Giới làm Trưởng Văn Phòng chăm sóc, cố vấn cho các anh chị em Gia Đình Phật tử, nên công việc rất chạy và hầu như không tồn đọng bất cứ việc gì cả. Thầy Hạnh Bổn tuy là Trưởng Ban Tổ Chức nhưng hình như nhàn nhã hơn Thầy Hạnh Giới, vì những gì cảm thấy làm không xong là đẩy qua cho Sư huynh Hạnh Giới để giải quyết giùm là xong chuyện ngay. Thầy Hạnh Bổn luôn bị động, giống như Phật tử Quảng Lộc Nguyễn Gia Phước, nghĩa là cần hay thiếu bất cứ cái gì ở đâu trong các phạm vi như: trang trí, bếp núc, bánh mì, gạo, nước, giấy bút văn phòng v.v... tất cả đều đi tìm hai người này. Mấy ngày đầu mới gặp, tôi thấy cả hai đều bơ phờ, nhưng mấy ngày sau khi đã đi vào nề nếp thì những vị này đã tỉnh lại.

Từ ngày 18 đến ngày 22/7/2018, gồm 5 ngày trước khóa tu học, từ Hannover, từ Koblenz đã có những chuyến xe bus nhỏ, được thuê để chở đồ đạc và nhân sự không dưới 20 người, hợp lực với các Phật tử địa phương để giúp đỡ như dựng lều, rửa chén bát, lo dựng phong màn cho chánh điện, chõ bàn ghế cho các lớp học, chuẩn bị bếp núc, rau cải v.v...

Kỳ này có quý thầy Phổ Tấn, Tâm Nhứt, Hạnh Vân, Hạnh Luận, Hạnh Tuệ, Trung Thành, Thông Triêm và những Phật tử như: Thiện Phương, Đồng Thọ, Thiện Đạt v.v... đã nhiệt tình ngay từ ban đầu, hy sinh những ngày nghỉ hè của mình về đây để giúp cho quý Thầy. Quý sư cô đến từ Berlin như: Huệ Châu, Tuệ Đăng, Tuệ Vân, Tuệ Nguyệt. Sư cô Hạnh Trang đến từ Tübingen, đệ tử của Ni sư Minh Hiếu đến từ Koblenz, Sư cô Tuệ Đàm Châu và các đệ tử tại gia v.v... ngay từ ban đầu, tất cả thành viên trong Chi Bộ đều có mặt để chia sẻ Phật sự quan trọng này.

Năm nay có quý thầy Hạnh Tấn, Hạnh Hòa, Viên Duy về chung vai cùng khóa học trong việc giảng dạy những lớp lớn 2, 3 hay các lớp thanh thiếu niên 1A và 1B. Đây là những hình ảnh đẹp mà sau bao nhiêu năm mới có được. Năm 2018 có đến 118 Tăng Ni tham dự và trên 800 học viên đến từ 13 quốc gia tại Âu Châu và Á Châu để tham dự khóa học 10 ngày này.

Về phía khách Tăng được mời giảng dạy trong kỳ này chỉ có Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Hội Chủ Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan đến chứng minh và giảng dạy. Những giờ giảng khác đều do chư Hòa Thượng, chư Thượng Tọa và quý Đại Đức trong Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu đảm trách. Đặc biệt năm nay lớp thanh thiếu niên, tuổi từ 13 đến 20, chiếm đến 18% nghĩa là có đến 120 em về đây tham dự. Không khí thật vui nhộn với hình ảnh của tuổi trẻ năng động.

Như trên đã trình bày, mỗi ngày có 3 đến 4 thời kinh và có 3 tiết học cho tất cả các lớp 1A, 1B, 1, 2, 3, ngoại trừ Đại Học Oanh Vũ. Riêng lớp của chư Tăng Ni thì mỗi ngày có 3 lần tụng kinh sáng, trưa và tối trì tụng kinh Pháp Hoa. Giờ học thì chỉ có 2 tiết sáng và chiều. Giữa khóa có phiên

họp Giáo Hội. Thông thường lớp 2 và lớp 3 được học chung dưới sự giảng dạy của một vị khách Tăng được mời, vì hầu như tất cả thành phần Ban Chấp Hành của Hội Đồng Điều Hành gồm các Tổng Vụ cũng như những Phụ Tá Tổng Vụ phải đi họp phiên họp thường niên quan trọng này. Những khách Tăng, khách Ni hay những vị không có trách nhiệm trực tiếp trong Giáo Hội thì lên chánh điện để trì tụng kinh Pháp Hoa.

Trong toàn khóa có một ngày niệm Phật luân phiên trọn ngày từ sáng đến chiều trong 8 tiếng đồng hồ và chia ra làm 4 nhóm, mỗi nhóm 200 người hay ít hơn. Có nhiều người tham gia niệm Phật từ sáng đến chiều luôn, ngoại trừ giờ dùng cơm trưa theo phương thức tự phục vụ (self service). Tiếng niệm Phật trầm hùng vang dội cả một không gian trường học rộng lớn ở vùng Nordrhein Westfalen này.

Sau ngày niệm Phật là ôn bài để ngày hôm sau thi và buổi chiều là bế giảng. Buổi tối là đêm văn nghệ cuối khóa, có cả những ca sĩ chuyên nghiệp đến hát nữa. Kỳ này có ca sĩ Gia Huy đến từ Hoa Kỳ trình diễn những tiếng hát lời ca vào tối 31/7/2018. Đặc biệt, năm nay kỷ niệm 30 năm khóa tu học, nên Ban Tổ Chức đã đặt quà trước từ Việt Nam, tặng cho mỗi học viên một túi nhỏ đeo vai, trên đó có thêu hình logo của khóa tu học kỳ thứ 30 và 120 vị Tăng Ni thì có 120 túi đựng y áo trông rất lịch sự. Một chiếc bánh do cô Nữ, chị của Quảng Lộc và một số Phật tử khác làm để cúng dường nhân sự kiện trọng đại này và đủ để cho 700 đến 800 người mỗi người có một khẩu phần thưởng thức.

Để chuẩn bị cho lễ khai mạc, Ban Tổ Chức kỳ này đã huy động các em trong Gia Đình Phật tử mang cả 2 con lân từ Hannover đến, dẫn đầu đoàn cung nghinh có cả tiếng múa lân và cờ Phật giáo khổ lớn có đến 8 thiếu nữ mặc áo dài lam rước từ phòng học của chư Tăng Ni đến chánh điện. Tiếp sau đó là nhiều thiếu nữ mang sẵn trên tay

những đài hoa để chuẩn bị cho bài vũ “múa dâng hoa” sau khi chư Tôn Đức và các Phật tử đã an tọa nơi Phật điện. Phía sau đoàn thiếu nữ cầm đài hoa là bê tích tượng do chư tôn đức Tăng đảm trách. Kế đến là hai cây lọng, che hai bên vị Hòa Thượng cao tuổi hạ nhất. Từ đó cho đến hết đoàn cung nghinh là chư Tôn Đức Tăng, chư Tôn Đức Ni tuần tự diễn hành theo tiếng niệm Phật và tuổi hạ trước sau của mỗi người. Cả một đoàn người y áo vàng rực xen lẫn với màu xanh của lá cây, màu vàng, trắng của tường nhà, trường học đã tạo nên một bức tranh thật là sinh động, nhộn nhịp. Đặc biệt năm nay vào những ngày có lớp học, có khi nhiệt độ lên đến 37°C như ngày 27/7/2018. Tuy nhiên trong ngày khai giảng 24/7/2018 nhiệt độ chỉ ở ngưỡng 32 đến 35°C mà thôi.

Tất cả đoàn cung nghinh khi đến trước cửa lớn chánh điện thì tiếng niệm Phật bên trong của Thượng Tọa Thích Hoàng Khai đã làm át đi cả tiếng trống múa lân nhộn nhịp. Cả hội trường trên chánh điện đều trầm lắng lạ thường, mọi người dõi theo lời giới thiệu chương trình lễ khai mạc của Thầy Viên Duy cũng như Thầy Hạnh Giới. Sau khi niệm hồng danh Phật và tụng Tứ Hoàng Thệ Nguyên, mọi người được mời ngồi và mọi việc lần lượt diễn ra như trong chương trình đã định, gồm Lễ dâng hoa của Gia Đình Phật tử, lời tác bạch của Thầy Hạnh Bản, Trưởng Ban Tổ Chức cung thỉnh chư tôn đức giảng sư giảng dạy cho các học viên trong suốt 10 ngày. Kế đến là giới thiệu thành phần tham dự và Thầy Trưởng Ban Tổ Chức đọc diễn văn tuyên bố lý do để bắt đầu cho khóa tu học kỳ này.

Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt được cung thỉnh ban đạo từ và Thầy Hạnh Giới dịch lời cung thỉnh sang tiếng Đức. Kế tiếp là đôi lời phát biểu của ông Thị Trưởng thành phố Neuss và một vị khác đại diện cho vùng sở tại thuộc cơ quan nhà nước. Cả hai bài phát biểu này đều được hơn

600 cử tọa học viên và 120 Tăng Ni hiện diện hôm đó hoan hô một cách nhiệt liệt với những tràng pháo tay hầu như không dứt. Đặc biệt nhất là Thầy Hạnh Giới đã phiên dịch từ tiếng Đức sang tiếng Việt rất lưu loát, khiến cho mọi người hiện diện hôm đó rất tán thán với tài phiên dịch của thầy.

Kế tiếp, chúng tôi đại diện cho Ban Giám Luật đã trình bày những khía cạnh của thế giới qua các bình diện chiến tranh, thiên định và môi trường mà các nhà chính trị học như Ghandi, nhà hóa học như Steven Hawking (Anh quốc) đã nghiên cứu và tôi cũng cho rằng những phát minh của họ vào thế kỷ 20 cũng như 21 đã làm sáng tỏ thêm lời dạy của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni từ cách đây hơn 2.500 năm về trước. Cuối bài phát biểu, tôi nhấn mạnh về sự trợ giúp của chính quyền Cộng Hòa Liên Bang Đức và thành phố Neuss. Ngoài ra tôi cũng đề cập đến sự cho và nhận giữa người Việt và người bản xứ, đặc biệt là thế hệ thứ 2, thứ 3 được sinh ra và lớn lên tại Đức nói riêng cũng như tại ngoại quốc nói chung, về sự siêng năng học tập, đóng thuế cho các nước sở tại khi đi làm, góp phần làm rạng danh cho các nước sở tại khi người Việt đang làm ăn sinh sống tại đó.

Sau phần tặng quà lưu niệm là phần chụp hình chung của toàn học viên, khách mời và chư Tôn Đức Tăng Ni tham gia khóa tu học. Đây là một bức hình bình thường như bao nhiêu bức hình khác, nhưng nó ghi dấu lại tất cả những gì đã diễn ra trong một thời điểm nhất định gần 2 tiếng đồng hồ và để lưu lại ngày sau rằng: Chúng ta, những người Phật tử tha hương đã có một thời như thế. Chúng ta đã cùng về dưới Phật đài, đứng dưới cờ Việt Nam Cộng Hòa, cờ Đức và cờ Phật giáo để tôn vinh giá trị tinh thần khi quê Mẹ của chúng ta cách đây thật xa, ngàn trùng xa cách, không biết bao giờ mới với tới được.



Thượng Tọa Thích Tâm Huệ, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa Giáo Dục của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu đã tán dương tinh thần tu học kiên cố của các học viên và Thượng Tọa cũng đã niệm ân chư tôn đức giảng sư đến giảng dạy cho các học viên trong khóa tu học này.

Buổi ngộ trai hôm 24/7/2018 không cúng quá đường. Tuy nhiên, có hai Phật tử từ Anh quốc và Thụy Sĩ đến cúng dường trai tăng để dâng lên hiện tiền Tăng bảo và vào lúc 15 giờ chiều cùng ngày, Hòa Thượng Đệ nhất Chủ tịch Thích Tánh Thiệt đã có mấy chục phút khai thị cùng Thượng Tọa Quảng Hiền và Thượng Tọa Thông Trí.

Phân phân chia các Ban Hành đường, Trai soạn, Thi giả v.v... cũng đã được quý Thượng Tọa cho phân chia một cách hợp lý. Trong phiếu ghi danh đã ghi rõ hết mọi chi tiết rồi, nên ở chánh điện giờ này chỉ là phân tổng hợp lại các Ban cho thống nhất mà thôi. Những vị trên 60 tuổi đều được nghỉ, không phải chấp tác hay phải gia nhập vào một Ban nào cả. Thay vào đó, các em thanh thiếu niên đã đỡ đàn cho quý Bác lớn tuổi không ít, khi tham gia vào Ban Vệ sinh hay những Ban nặng nhọc khác của khóa học.

Trước khi thọ trai, chư Tăng Ni đã tác pháp An Cư Kiết Hạ trong 10 ngày như pháp (xin xem phần An Cư Kiết Hạ bên trên). Sau khi nhị vị Hòa Thượng đối thú tác bạch an cư xong, hai vị cao tuổi hạ ngồi lên trên bàn cao để thọ an cư cho từng 3 vị tỳ-kheo, tỳ-kheo ni hay thức-xoa cũng như sa-di và sa-di ni. Đến khi giải chế an cư sau 10 ngày cũng hành pháp Yết-ma như vậy. Đứng ra một tuổi hạ được tính trong các mùa An Cư Kiết Hạ hay An Cư Kiết Đông là phải có trên 45 ngày đêm ở trong một giới trường nhất định, còn bây giờ 10 ngày cũng gọi là An Cư, nhưng chỉ là phương tiện để cho đời sau khỏi quên mà thôi. Riêng

việc hành trì, mỗi người phải tự soi rọi nội tâm của mình thì việc tấn tu đạo nghiệp mới phát triển được.

Buổi tối 26 tháng 7 năm 2018 có phiên họp thường niên của Giáo Hội tại phòng học của lớp 4. Độ 30 chư Tôn Đức Tăng Ni đã nghe Thầy Hạnh Bốn, Trưởng Ban Tổ Chức kỳ này tường trình qua vấn đề chi thu tài chánh của khóa học và thông qua để bàn đến khóa tu học kỳ thứ 31 vào năm 2019 sắp đến. Nếu không có gì trở ngại thì năm sau sẽ được tổ chức tại Bỉ. Đây là một nước nhỏ tại Âu Châu, nhưng có rất nhiều tu viện Thiên Chúa giáo còn sót lại, nên chúng ta dễ dàng thuê mượn hơn là những xứ Bắc hay Trung Âu khác.

Trọng điểm của năm nay bàn đến việc An Cư Kiết Đông tại chùa Khánh Anh vào đầu tháng 1 năm 2019 sắp đến và ngày Về Nguồn thứ 11 sắp diễn ra tại chùa Khánh Anh vào cuối tháng 9 năm 2018 này. Cuối cùng bàn đến việc tấn phong cho một số chư Tôn Đức Tăng Ni đã dày công đóng góp cho Giáo Hội. Kết quả là Thượng Tọa Thích Quảng Hiền, Thượng Tọa Thích Minh Giác đã được Đại Hội tấn phong lên hàng giáo phẩm Hòa Thượng và Ni Sư Thích Nữ Diệu Phước được tấn phong lên hàng Ni Trưởng. Buổi họp chấm dứt trong tinh thần hoan hỷ, nhưng cũng có nhiều vấn đề nan giải, cần phải trải qua thời gian cùng năm tháng mới có thể hoàn thiện được, trong đó có những vấn đề như tấn phong Trụ Trì các tự viện, việc Giới Đàn và Chấn Tế v.v...

Sáng hôm sau, ngày 27/7/2018, sau thời ngời thiền, tụng Lăng Nghiêm thập chú, Hòa Thượng Đệ nhất Chủ tịch đã đọc Giáo Chỉ tấn phong cho ba vị vừa được Giáo Hội quan tâm trong các Phật sự tại địa phương của Giáo Hội trong thời gian qua để được xứng đáng nhận lãnh trách vụ cao cả hơn trong tương lai. Hòa Thượng Thích Bảo Lạc

đã ban lời đạo từ và cuối cùng 3 vị tân Hòa Thượng cùng tân Ni Trưởng đã chấp tay cung kính nói 3 lần “Y giáo phụng hành” và đánh lễ chư Tôn Đức trong thành phần Giáo phẩm Trung ương của Giáo Hội.

Tu học, học tu và làm việc là 3 tiêu đề mà cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã đề ra và ngày hôm nay đã trở thành phương châm của tất cả Tăng Ni cũng như Phật tử khắp nơi khi thực hành Bồ Tát hạnh của mình. Qua những buổi giảng, các băng được thâu lại và cuối khóa phát hành cho các Phật tử tham dự cũng như tặng đến chư Tôn Đức Tăng Ni để làm tài liệu về sau. Thông thường trong mỗi ngày vào giờ Ngọ trai quá đường, các học viên từng nước lớn hay nhiều nước nhỏ hùn lại với nhau để tác bạch làm lễ cúng dường trai tăng và trai phạn. Lời tác bạch thật là chân thành cảm động và lời đáp từ của chư Tôn Đức cũng rất thực tế, nên cả người cho lẫn người nhận đều có được nhiều điểm chung khi thọ nhận việc cúng dường thanh tịnh của ngày hôm đó, khi dâng phẩm vật lên cúng dường chư Tăng Ni hiện diện.

Năm nay, đặc biệt sau mỗi thời kinh sáng tất cả chư Tăng Ni cũng như các học viên Phật tử đều được nghe những lời Pháp ngữ ngắn gọn của chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, nên ai nấy cũng cảm nhận được lợi lạc của Pháp và việc hành trì Pháp trong cuộc sống hằng ngày của mỗi người và đặc biệt là những người đang thực hành hạnh của Phật.

Buổi bế giảng có thêm phần tặng kinh sách, nhận chứng chỉ đã tốt nghiệp cũng như nghe cảm tưởng của các học viên đậu cao trong 3 lớp và đặc biệt là lời đạo từ của Hòa Thượng Thích Bảo Lạc đến từ Úc Châu, gói ghém tất cả những chân tình của người con Phật trong và sau 10 ngày khóa Tu Học đã diễn ra.

Sau lễ bế mạc, Ban trang trí và các Ban khác đã tất bật thu dọn tất cả những gì đã bày ra, trả lại không gian như trước đó cho nhà trường, để sau khi nghỉ hè xong, vào trường học lại niên khóa khác không thấy có bất cứ điều gì khác thường, mặc dầu một khóa tu học Phật Pháp Âu Châu đã trải qua 10 ngày, có cả hàng trăm, hàng ngàn con người ngồi thiền một cách hùng tráng, lời kinh tiếng mõ thật là trầm hùng, mà hiện tại chỉ là những gì đã lui về trong dĩ vãng.

Sáng sớm ngày 1 tháng 8 năm 2018, tất cả học viên đã chuẩn bị sẵn sàng để trở về trụ xứ của mình. Họ cũng giống như những đàn chim yến mang yên vui hạnh phúc đến với mọi người qua tiếng hót của mình và cũng giống như một đàn ong bay đi khắp bốn phương trời, tìm hút hương thơm của hoa cỏ để tạo thành chất mật ngọt cho muôn người thọ hưởng.



## NHỮNG ĐẠI GIỚI ĐÀN

**Đ**ối với Nho giáo, những Nho sinh sau khi học xong Tứ thư, Ngũ kinh v.v... thì lên chông để lên Kinh đô ứng thí. Trường thi ngày trước là những bãi cỏ trước sân chùa, thí sinh phải mang lều chông đến đó trước cả mấy tháng để ôn bài vở và kết quả cho 3 bậc tú tài, cử nhân và tiến sĩ ngày ấy gọi là: Thi Hương, Thi Hội và Thi Đình. Có người đậu tú tài cả 2 lần đi thi như thế, nên gọi là Tú Kép, cũng có người đậu đầu cả 3 kỳ thi này nên gọi là Tam Nguyên. Danh hiệu Trạng Nguyên dành cho người đậu cao nhất, danh hiệu Bảng Nhãn dành cho người đậu thứ nhì và danh hiệu Thám Hoa dành cho người đậu thứ ba. Cả ba danh hiệu này được gọi chung là Tam Khôi. Do vậy, Trạng Nguyên đôi khi cũng được gọi là Khôi Nguyên. Từ những thành quả trong thi cử như vậy, những nhân tài này sẽ được bổ dụng làm quan tại triều đình hay ở các địa phương.

Trong đạo Phật cũng có những kỳ thi, nhưng không phải để chọn người ra làm quan, mà chọn người làm Phật, nên chỗ khảo hạch giới tử được gọi là Tuyển Phật trường. Chính nơi này là cơ hội để làm thăng hoa đời sống của người xuất gia về sau và có giá trị miên viễn cho cả một cuộc đời hành đạo. Thông thường, người mới vào chùa phải làm chú tiểu, học hạnh của người xuất gia, có nơi gọi là chú điệu. Đó là: điệu đi, điệu đứng, điệu ngồi, điệu ăn, điệu nói v.v... tất cả đều phải theo quy luật của nhà chùa, mà người xưa thường dạy rằng: “Hành như phong, tọa như chung, lập như tùng, ngọa như cung.” (行如風，坐如鐘，立如松，臥如弓。) Nghĩa là: Dáng đi nhẹ nhàng như gió thoảng, dáng ngồi vững chãi như quả chuông úp xuống,

dáng đứng ngay thẳng vững vàng như cây tùng và dáng nằm thư thái, hơi cong người tựa như cây cung giương ra.

Tất cả 4 cử chỉ hàng ngày này đều nằm gọn trong 24 thiên oai nghi của người xuất gia. Ngoài ra còn có Tỳ Ni tức là những câu kệ và những bài chú khi ăn cơm, khi uống nước, khi đi tiểu tiện, đại tiện v.v... bất cứ lúc nào và bất cứ ở phạm vi nào, nhất cử nhất động của người xuất gia phải lấy giới luật làm đầu. Hành trì thì có hai thời công phu bái sám vào sáng sớm hay chiều tối, một chú tiểu hay một tiểu ni bất buộc phải thuộc nằm lòng. Đây là giới, đây là luật, không ai được miễn trừ cả.

Sau 3 đến 5 năm ở chùa, nếu vị sư phụ xét thấy người đệ tử ấy có đầy đủ khả năng thì sẽ làm đơn gửi đến nơi có tổ chức Đại Giới Đàn, đề nghị cho thọ giới sa-di hay tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, Bồ Tát giới v.v...

Ở trong nước, ngày xưa tổ chức một Đại Giới Đàn như thế không khó, vì có nhiều giới tử từ nhiều nơi phát tâm xin về thọ giới. Nhưng ở ngoại quốc ngày nay, người xuất gia còn khó kiếm hơn vàng bạc, kim cương. Khó lắm. Vì lẽ một cậu bé khi học xong Tiểu Học thì vào Trung Học, khi xong Trung Học thì vào Đại Học. Sau khi tốt nghiệp Đại Học có thể tiếp tục theo học hậu Đại Học để có chỗ đứng cao hơn trong xã hội. Cũng có người học xong Đại Học rồi thì đi tìm việc làm để có tiền mua xe, tậu nhà và đón người yêu về ở chung, sau đó cưới nhau để trở thành chồng vợ, rồi sanh con đẻ cái. Nói chung, sống trong xã hội vật chất sung túc nên con đường tương lai dường như luôn rộng mở huy hoàng trước mắt họ, chẳng có gì là khó khăn, khổ não. Như vậy con đường xuất gia của một thanh niên hay thiếu nữ ở ngoại quốc này quả thật là thiên nan, vạn nan. Nếu có, đa phần là những người đã có gia đình, sau khi đã về hưu mới phát tâm cầu đạo giải thoát. Lúc đó thì đã quá già

rồi. Nếu 65 tuổi về hưu, ở chùa được 10 năm thì thọ giới sa-di rồi tỳ-kheo, lúc ấy tuổi cũng đã 75 rồi. Nếu ra làm việc cho chùa, cho Hội chắc chỉ còn 5 đến 10 năm nữa là cùng, sau đó là bệnh hoạn, rồi theo Phật về Tây. Dĩ nhiên là điều này chẳng ai muốn cả, nhưng hoàn cảnh ở ngoại quốc ngày nay là như vậy. Có nhiều giới đàn mở ra, giới sư nhiều hơn giới tử. Nếu một giới đàn đủ nghĩa, thì phải có 10 vị thầy. Đó là tam sư và thất chứng, trong khi đó giới tử dưới 10 vị tham dự thì xem như giới tử ít hơn giới sư cũng không phải là điều không xảy ra ở ngoại quốc này.

Tại Phật Học Viện Quốc Tế ở Los Angeles, Hoa Kỳ, nơi cố Hòa Thượng Thích Đức Niệm làm Giám Đốc, vào năm 1983 lần đầu tiên có mở một giới đàn lấy tên là Thiện Hòa, năm đó có độ 40 giới tử thọ giới. Nhân giới đàn này những vị sau đây được tấn phong từ phẩm vị Đại Đức lên hàng giáo phẩm Thượng Tọa. Đó là:

1. Ngài Thích Minh Tâm (Pháp)
2. Ngài Thích Nguyên Đạt (Hoa Kỳ)
3. Ngài Thích Tín Nghĩa (Hoa Kỳ)
4. Ngài Thích Thiện Trì (Hoa Kỳ)
5. Ngài Thích Bảo Lạc (Úc Châu)

Trong giới đàn này cá nhân tôi đã được cố Hòa Thượng Thích Đức Niệm mời làm Tuyên Luật Sư. Tam Sư lúc ấy là cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi, cố Hòa Thượng Thích Thiên Định và cố Hòa Thượng Thích Đức Niệm.

Tại Âu Châu, giới đàn Đại Nguyên đầu tiên được cố Hòa Thượng Thích Thiên Định, Trụ Trì chùa Pháp Hoa tại Marseille, Pháp quốc, cho khai đàn truyền giới tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, sa-di và sa-di ni vào mùa hè năm 1988. Năm ấy Thầy Hạnh Nguyên, Thầy Hạnh Tấn và cô Hạnh Niệm được thọ sa-di và sa-di ni. Mới đó mà năm nay 2018 cũng



đã tròn 30 năm rồi. Nhân giới đàn được mở ra, Hòa Thượng Thích Thiên Định đã tấn phong 4 vị Đại Đức lên Thượng Tọa. Đó là:

1. Ngài Tánh Thiệt (Pháp)
2. Ngài Kim Bang (Pháp)
3. Ngài Phước Toàn (Pháp)
4. và tôi Thích Như Điển đến từ Tây Đức.

Tôi thọ giới tỳ-kheo năm 21 tuổi (1971) tại giới đàn Quảng Đức ở Tu Viện Quảng Đức của cố Hòa Thượng Thích Quảng Liên (xin xem thêm quyển Thiên Niên Kỷ Giới Đàn của Thượng Tọa Thích Đồng Bổn biên soạn). Thuở bấy giờ tỳ-kheo có độ 300 giới tử và trong khi tôi đắc giới tỳ-kheo thì Thầy Minh Phát chùa Ấn Quang mới thọ giới sa-di. Nếu kể đúng ra phải đủ 40 tuổi đời và 20 Tăng Lạp mới được tấn phong lên hàng Thượng Tọa, nhưng lúc đó Âu Châu này các vị giáo phẩm ít quá, vả lại quý Ngài lớn nghĩ rằng phải có phẩm vị để đi làm việc cho dễ dàng, nên các Ngài đã tấn phong tôi khi tuổi đời mới 39 tuổi Tây (40 tuổi ta) và kể Tăng Lạp thì tôi mới được 18 tuổi, chưa tròn 20 năm sau khi thọ giới tỳ-kheo. Thế mà tôi đã được nhận lãnh phẩm vị Thượng Tọa từ cố Hòa Thượng Thích Thiên Định ở giới đàn Đại Nguyện tại chùa Pháp Hoa của Ngài cách đây 30 năm về trước.

Năm 1990, chùa Thiện Minh tại Lyon, nơi Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt trụ trì, nhân Lễ Khánh Thành có tổ chức một giới đàn gọi tên là Liễu Quán. Lúc ấy, cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi làm Đàn Đầu Hòa Thượng, cố Hòa Thượng Thích Thiên Định làm Yết-ma A-xà-lê, cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm làm Giáo Thọ A-xà-lê và tôi làm Tuyên Luật Sư cùng với các vị Tôn Chứng Sư khác của cả đàn giới bên Tăng và đàn giới bên Ni. Những vị đắc giới trong Đại Giới Đàn này, nay cũng có vị đã được tấn phong lên phẩm

vị Hòa Thượng, nhất là những vị thuộc Giáo Hội Phật giáo Linh Sơn, là giới tử của giới đàn này. Có thể họ là những người xuất gia ở tuổi trung niên nay đã trên 60 hay 70 tuổi, mà tuổi đạo mặc dù chưa tới 30 năm sau khi thọ giới tỳ-kheo, nhưng môn phái Linh Sơn đã tấn phong lên hàng Hòa Thượng và Ni Trưởng.

Năm 1993, nhân Lễ Hoàn Nguyên chùa Viên Giác tại Hannover, tôi đã tổ chức một giới đàn gọi tên là Minh Hải. Lần này cũng có đủ Tam sư, Thất chứng và có 5 vị sa-di đăng đàn thọ Cụ Túc giới trong giới đàn này. Đó là:

1. Thầy Minh Tánh (Na Uy)
2. Thầy Hạnh Nguyên (Đan Mạch)
3. Thầy Hạnh Tấn (Đức)
4. Thầy Từ Trí (Đức)
5. Thầy Nghĩa Ân (Hoa Kỳ)

Đàn Đầu Hòa Thượng là cố Hòa Thượng Thích Thiên Định. Yết Ma là cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm và Giáo Thọ là cố Hòa Thượng Thích Minh Lễ. Sau gần 30 năm dâu bể, quý Ngài trưởng thượng đã về với Phật và Giáo Hội vẫn còn đây, vẫn sinh hoạt đầy sức sống, mãnh liệt hơn nữa là khác, nhưng nhìn lại hình bóng của người xưa, ở đâu cũng không thể tìm ra được nữa.

Giới Đàn này giới tử cũng rất đông và năm 1994 tôi lại mở thêm một giới đàn nữa. Lần này Thầy Hạnh Bảo đã thọ giới tỳ-kheo. Từ ấy đến nay (2018) tại chùa Viên Giác đã mở ít nhất là 5 Đại Giới Đàn như thế, nhưng lớn nhất có thể nói là giới đàn Pháp Chuyên năm 2008, khi tôi được tấn phong lên Hòa Thượng, lúc tuổi ta đủ 60. Lần ấy có ít nhất là 50 giới tử thọ giới. Từ đó đến nay đã 10 năm, tại Viên Giác chưa tổ chức lại giới đàn nào nữa cả. Có lẽ vào năm 2019 khi tôi 70 tuổi, sẽ tổ chức một giới đàn nữa để

đánh dấu một sự kiện quan trọng của đời người là: Xưa nay sống đến tuổi 70 là hiếm.

Trong khoảng thời gian này, chùa Thiện Minh đã tổ chức thêm một giới đàn nữa vào lần Về Nguồn thứ 5 của năm 2011. Lần này có những giới tử người Đức đến từ chùa Phật Huệ cũng thọ lãnh giới pháp tỳ-kheo và tỳ-kheo ni. Nhân Lễ Khánh Thành chùa Khánh Anh tại Évry, Pháp quốc, sau 20 năm xây dựng (18.6.1995 - 16.8.2015), mặc dầu cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã viên tịch tại Phần Lan trước đó 2 năm (2013), nhưng Giáo Hội và môn đồ pháp quyến cũng cố gắng tổ chức nhiều lễ lạt khác nhau, trong đó có Đại Giới Đàn để tri ân người đã sáng lập ra nền Phật giáo Việt Nam tại Âu Châu này, nên Lễ Khánh Thành ngày ấy chắc không dưới 3.000 người tham dự.

Đặc biệt qua những giới đàn được tổ chức tại chùa Viên Giác Hannover, Thiện Minh tại Lyon và Khánh Anh Évry, Giáo Hội đã mở ra một cơ hội cho những người nữ Tây Phương như: Anh, Pháp, Đức, Đan Mạch, Hòa Lan được thọ giới tỳ-kheo ni. Vì lẽ những nữ tu này theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng thì họ chỉ được thọ giới sa-di ni mà thôi, chứ không được thọ thức-xoa và dĩ nhiên giới tỳ-kheo ni càng không được phép. Đã có lần tại Đại Học Hamburg tổ chức một buổi hội thảo có sự hiện diện của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, vị Thủ Tướng của Tây Tạng cùng chư Tăng và chư Ni thuộc các truyền thống Bắc Tông như Trung Hoa, Đại Hàn, Đài Loan và Việt Nam, cốt yếu là tham khảo tinh thần Luật Tạng Tứ Phần xem có thể áp dụng cho phép chư Ni theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng thọ giới Cụ túc được hay không, thì câu trả lời cho đến nay sau 10 năm vẫn là không. Lúc ấy Đại Học Hamburg có mời Giáo sư Lê Mạnh Thát từ Việt Nam, Hòa Thượng Quảng Ba từ Úc, Sư cô Thích Nữ Hạnh Trì từ Hoa Kỳ và tôi từ Hannover. Khi phần hội thảo rất sôi nổi được

diễn ra với các cử tọa thì Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 thốt lên bằng tiếng Anh rằng: “Phải chi Đức Phật còn tại thế, thì việc này dễ giải quyết biết bao!”

Nhân buổi dùng cơm trưa với Ngài tại khách sạn nơi Ngài ở lại với vị Thủ Tướng, các Bộ Trưởng và các Dân Biểu người Đức, lúc ấy cũng có Hòa Thượng Thích Quảng Ba tham dự nữa, tôi đã thưa hỏi Ngài thật kỹ là tại sao những người nữ tu theo truyền thống của Phật giáo Tây Tạng không được thọ giới tỳ-kheo ni thì Ngài bảo rằng: Từ xưa đến nay tại Tây Tạng chưa có truyền thống cho Ni thọ giới tỳ-kheo. Do vậy mà bây giờ không biết nên bắt đầu bằng cái gì, vì lẽ 3 phái còn lại của Tây Tạng như Sakya, Kagyu và Nyingma khó chấp nhận một hình thức như thế, ngoại trừ phái Gelugpa của Ngài vô hình trung đã chấp nhận và đề xướng việc sửa đổi cách truyền giới cho Ni thọ giới Cụ túc, nhất là cho những vị người Đức, Pháp, Anh, Ý đã xuất gia theo truyền thống của Phật giáo Tây Tạng lâu nay.

Tôi đã thấy và cũng đã chuẩn bị việc này từ lâu cho chư Ni của Đức để được thọ giới tỳ-kheo ni. Vì lẽ bây giờ Phật giáo Việt Nam của chúng ta ở tại những xã hội Âu Mỹ này là đa số, nhưng trong tương lai gần chừng 20, 30 hay 40 năm nữa thì thế hệ người Việt Nam xưa sẽ ra người thiên cổ, số mới sinh ra và lớn lên tại Đức này hầu như ít biết về truyền thống cổ của Phật giáo Việt Nam là gì, nên người địa phương sẽ là đa số trong tương lai, mà ngay từ bây giờ nếu Phật giáo Việt Nam chúng ta không giúp họ về cách thọ giới rồi An Cư Kiết Hạ, tụng giới, cho người nữ xuất gia, Tự tứ, cách tính tuổi đạo v.v... để được làm Yết Ma, Giáo Thọ hay Đàn Đầu Hòa Thượng Ni trong tương lai gần thì cũng lỡ đi một hay nhiều cơ hội. Cho nên, kể từ hơn 15 năm nay, cá nhân tôi đã hỗ trợ cho họ tổ chức thành một khối những người xuất gia: DBO (Deutsche Buddhistische

Ordengesellschaft), nghĩa là Cộng đồng của người Đức xuất gia.

Cách đây hơn 200 năm, hay gần đây nhất chừng 100 trở lại 50 năm, có rất nhiều người Đức cả Tăng lẫn Ni phát tâm xuất gia. Nhưng sau khi thọ giới tại Á Châu, họ ít quay về lại quê hương, vì lẽ người Á Châu rất quý kính người Âu Châu khi đến Á Châu xuất gia học đạo. Và lại, về lại Âu Châu thì làm sao đi khất thực và bảo hiểm cũng như những phương diện vật chất khác cũng khó giải quyết lắm, nên họ thường chọn ở lại Á Châu.

Cộng đồng Tăng lữ Đức (DBO) ngày nay chưa nhiều, có thể chỉ trên dưới 30 vị. Con số này còn khiêm nhường lắm so với hơn 80 triệu dân của Đức, trong đó cũng được gần nửa triệu người có cảm tình với Phật giáo. Họ đa phần từ Thiên Chúa giáo hay Tin Lành, có truyền thống nhiều đời theo những đạo này. Nay bỏ đạo của họ và đi xuất gia theo Phật giáo. Phải nói rằng đây là một trong những quyết định khó khăn mà họ đã làm được, nên chúng ta phải có bổn phận hộ trì, giúp đỡ, khuyến khích họ. Nếu một mai này tại Âu Châu nói chung và xứ Đức nói riêng, Phật giáo lại như bông hoa sen trồng trên tuyết, mà bây giờ đang và sẽ đâm chồi nảy lộc, và vươn mình khỏi bụi hồng trần để tỏa ra những hương thơm ngào ngạt, nhằm tô điểm cho đời có nhiều hương sắc hơn, thì quả thật những việc làm của chúng ta ngày hôm nay chẳng vô nghĩa chút nào.

Muốn được gọi là một Đại Giới Đàn thì thường phải đầy đủ giới tử ở các Đàn: tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di ni và Bồ Tát giới, Thập Thiện giới cùng Ưu-bà-tắc giới. Có những nơi không cho thọ Thập Thiện và Ngũ giới vẫn có thể gọi đó là một Đại Giới Đàn, nếu Đàn giới ấy đầy đủ Tam Sư Thất Chứng, Tam Sư Ngũ Chứng, Tam Sư Nhị Chứng hay chỉ có Tam Sư. Cũng có nhiều trường hợp đặc biệt chỉ có một vị Thầy truyền giới tỳ-kheo ở nhà Tổ,

khi bị đi xa hay có binh biến, không tổ chức được giới đàn đầy đủ Tam Sư Thất Chứng như ước nguyện, thì đây gọi là giới đàn Phương Trượng. Nhưng dầu ở bất cứ một hình thức nào thì Đại Giới Đàn ấy phải có Đàn Thọ Bồ Tát giới cho cả người xuất gia lẫn tại gia, nên giới đàn Bồ Tát gọi là Đạo tục thông hành giới. Thường thì 10 giới trọng và 48 giới nhẹ, cả người tại gia lẫn xuất gia đều có thể lãnh thọ quy giới này.

Sau này có một số Phật tử tại gia không thể lãnh giữ đủ 10 giới nặng và 48 giới nhẹ, nên chư tôn đức giới sư mới căn cứ theo Ưu-bà-tắc giới kinh để soạn ra giới Bồ Tát tại gia gồm 6 giới trọng và 28 giới nhẹ. Tuy nhiên, trong kinh Đại Bát Niết-bàn và kinh Vô Lượng Thọ khuyên người thọ giới không thể thiếu tâm từ bi đối với chúng sanh và nên ăn chay trường, nên từ 6 giới trọng, 28 giới nhẹ, từ từ hành giả thực hành theo con đường Bồ Tát đạo nên bước đến con đường cao hơn nữa là 10 giới trọng và 48 giới nhẹ.

Giới tỳ-kheo là giới của Thanh Văn, khi nhìn vào tướng của một vị Thanh Văn, bắt buộc vị ấy phải thân tướng trang nghiêm, lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) phải đầy đủ. Nếu khiếm khuyết một trong sáu căn thì không thể làm biểu tượng cho trời người, làm chỗ nương tựa của tứ chúng được, cho nên bắt buộc một người xuất gia theo Thanh Văn giới không được rơi vào trường hợp này.

Trong khi đó, giới Bồ Tát không bắt buộc điều này. Ngay cả quỉ thần, người tàn tật, bệnh hoạn, bán nam bán nữ vẫn có thể đăng đàn thọ giới Bồ Tát này được, không có vấn đề gì trở ngại cả. Nếu một vị thọ giới tỳ-kheo bên Nam Tông không thọ Bồ Tát giới cũng không sao, nhưng nếu một hành giả thuộc Đại Thừa, sau khi thọ giới tỳ-kheo mà không thọ giới Bồ Tát gồm 10 giới trọng và 48 giới nhẹ thì không được. Nếu là như vậy, có nghĩa là người tu Đại

Thừa ấy vẫn còn phải thực hành hạnh của Thanh Văn. Bên những giới đàn của Đại Thừa, sau khi truyền Bồ Tát giới, có nơi còn tấn hương hay đốt ngón tay, ngón chân để cúng dường chư Phật và chư Bồ Tát nữa.

Xem kinh Pháp Hoa, phẩm thứ 23 về Dược Vương và Dược Thượng Bồ Tát, chúng ta thấy việc thiêu đốt tay chân hay thân thể của những hành giả tu theo Bồ Tát, không phải việc này mới đây tại Trung Quốc mới xảy ra, mà từ trong vô lượng kiếp hai Ngài Dược Vương và Dược Thượng Bồ Tát đã thực hành ý nguyện ấy. Có nhiều người nguyện đốt 3 liêu hương trên đầu, trên 2 tay hay dưới 2 chân. Nhiều lúc cũng có người phát nguyện đốt đến 6 hay 9 nốt. Ngoài ra, nhân cơ hội giới đàn trang nghiêm và không khí chí thành của các giới tử, qua chuông trống rền vang cả Phật điện, nơi tuyển Phật trường đã làm cho các giới tử không còn biết đau đớn là gì nữa. Thông thường, vị Tuyên Luật Sư trước đó phải đo từ điểm giữa chân mày lên đến mỏ ác là bao nhiêu, đoạn chấm mực đen lên đó để cho những Thị giả biết rằng băng keo 2 mặt sẽ được dán chặt vào đó trước, cuối cùng sẽ có vị giới sư tấn hương cho đặt bột (ngải cứu) dán lên trên băng keo đã có bề rộng của điểm hương phải được đốt liêu lên đó. Khi tiếng niệm Phật vang lên, cũng là lúc vị giới sư trên tay cầm cây nhang đang đổ châm vào ngải cứu, ngải cứu sẽ bùng cháy. Lúc ấy nhờ tiếng niệm Phật thật lớn của chính đương sự cũng như của những người đang trợ niệm ngồi chung quanh giới đàn, hay của các giới sư, hòa lẫn cùng với tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng khánh, tiếng trống, tiếng linh v.v... nên giới tử thọ giới cảm thấy an tâm hơn và từ từ độ nóng lan dần xuống đầu, da đầu bắt đầu cháy, cho đến khi nào ngải cứu tàn hết mới thôi.

Trong khi đó, có những vị hộ đàn đứng trước mỗi giới tử dùng những ngón tay của mình cào nhẹ nhiều lần trên

đầu của giới tử theo nhịp trống, nhịp linh, nhịp tang cho đến khi nào ngải cứu đã tàn, lúc ấy người hộ đàn lấy một tấm khăn vải đã thấm nước lạnh thật ướt, đập ngay lên ngải cứu đã tàn và giữ lại chừng 10 đến 15 phút, đoạn lấy hẳn xuống. Những giai đoạn như thế là những việc cần thiết để tiến hành cho việc tấn hương và chừng vài ngày sau trên đầu đã bắt đầu ngứa ngáy khó chịu, khiến giới tử đã về đến chùa rồi, không thể nhịn gãi được. Điều ấy có lẽ cũng sẽ không giải quyết được chuyện đã ngứa, nhưng ít ra cũng giải quyết tạm thời cơn ngứa cần phải được gãi. Chừng 4 hay 5 ngày sau những chấm hương trên ngải cứu đã đóng vảy và cứ gõ vảy từ từ thì sẽ có những liều đã được đốt thật tròn, đều và đẹp mắt. Nhưng cũng có lắm người khi tấn hương không được toại ý lắm, vì ngải cứu cháy không hết hay ngải cứu không tròn khi được cháy mà hay bị méo lớn hơn hay nhỏ hơn nơi đốt liều thì cái đầu trở nên khó coi một chút, nhưng dầu sao đi nữa thì đây là một sự cúng dường thân thể lên chư Phật và chư vị Bồ Tát có ý nghĩa nhất trong ngày trọng đại, khi mình được chính thức trở thành Trưởng Tử Như Lai. Đây là một niềm vinh hạnh, một hạnh phúc của đời người xuất gia, vì dễ gì tự dùng giới tử có thể phát nguyện một đại sự như vậy, nếu không có Đại Giới Đàn.

Từ giới đàn Minh Hải đến giới đàn Pháp Chuyên được tổ chức tại chùa Viên Giác Hannover Đức quốc từ năm 1993 đến 2008 qua 5 lần như thế, hầu như không có lúc nào là không có việc tấn hương cho các giới tử thọ tỳ-kheo hay tỳ-kheo ni, nhưng những giới đàn khác được tổ chức ở Âu Châu sau này đã giới hạn việc tấn hương. Vì lẽ việc này liên quan đến sức khỏe của người thọ giới cũng như bảo hiểm, nên có lẽ từ nay về sau các giới đàn tại Âu Châu sẽ không còn thấy được hình ảnh của những giới tử khi thọ giới tỳ-kheo hay tỳ-kheo ni có được vinh dự này.





Trong khi đó, các giới đàn Nam Tông thì khác. Họ không quan trọng về việc hành Bồ Tát hạnh, mà chú trọng về hình tướng của một tỳ-kheo Thanh Văn, nên ngoài việc cạo nhẵn đầu, người thọ giới bên Nam Tông phải cạo lông mày nữa. Họ định nghĩa rằng: Nếu đầu cạo nhẵn mà lông mày không cạo, thì đó không phải là một người đi xuất gia. Thế nhưng ở những nước theo Phật giáo Bắc Tông như Trung Quốc hay Đài Loan thì lại khác, họ không để ý đến lông mày mà hay để ý đến 2 bàn chân vị tăng sĩ ấy đang đi giày làm bằng vải, sọt hay làm bằng cỏ, hoặc giày làm bằng da. Nếu vị tăng sĩ dùng giày da để đi thì họ cho rằng vị tăng sĩ ấy thiếu tình thương đối với chúng sanh, vì dùng da của chúng để tạo nên những đôi giày như vậy. Ngoài ra họ cũng hay nhìn lên đầu của vị sư ấy có tấn hương hay không? Ở Đài Loan, nếu một vị Tăng hay Ni khi thọ giới tỳ-kheo mà không phát tâm tấn hương để cúng dường chư Phật và chư vị Bồ Tát, thì đó chưa phải là một vị tỳ-kheo hay tỳ-kheo ni đúng nghĩa.

Bản thân tôi đã thọ giới tỳ-kheo vào tháng 10 năm 1971 tại giới đàn Quảng Đức ở Tu Viện Quảng Đức, Việt Nam, lúc ấy mới vừa thi Tú Tài 2 xong và chuẩn bị lên đường sang Nhật Bản để du học trong nhiều năm, nên tôi đã ngần ngại không thọ tấn hương mãi cho đến bây giờ. Vì vậy, bây giờ mỗi lần tôi ngồi ngang hàng với những vị Tôn Túc của Bắc Tông ở Đài Loan hay trên thế giới, ngay cả những người xuất gia nhỏ tuổi sau này, họ nhìn tôi với một ý niệm khác một chút. Không phải họ không tôn kính, nhưng trong đầu họ chắc chắn sẽ tự hỏi rằng: Tại sao có một vị Đại Sư đến từ Đức quốc như thế mà khi nhìn trên đầu thì chẳng thấy những nốt tấn hương này? Vậy thời gian, năm tháng, phong tục tập quán v.v... từ từ sẽ tự nó có thể giải thích việc này.

# NHỮNG ĐÀN TRÀNG CHẤN TẾ CÔ HỒN

**Ở** đâu có người sinh sống thì ở đó sẽ có người chết. Sống và chết là 2 trạng thái của cuộc đời và kèm theo đó lại có không biết bao nhiêu chuyện khác nữa. Ví như buồn, vui, giận, hờn, ốm đau, mạnh khỏe, tuổi trẻ, tuổi già v.v... Hễ có sinh là có tử. Đó là định luật từ xưa nay, nhưng sinh như thế nào và tử như thế nào lại là vấn đề nhân duyên và nghiệp lực của mỗi người có liên hệ đến quá khứ, hiện tại và vị lai. Cũng có người sau khi chết, thân thức được đi lên cõi cao hơn, mà cũng có lắm người sau khi chết thân thức bị dẫn vào chỗ tối tăm nguy hiểm như những cảnh giới của địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh mà Đức Phật đã từng giảng thuyết trong nhiều bộ kinh khác nhau, ở cõi này hay ở nhiều cõi khác nữa.

Nếu không có cảnh giới khổ đau, thì sẽ không có cảnh giới an lạc giải thoát. Do vậy mà trong 3 cõi Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới, Đức Phật đã chỉ rõ có 25 cảnh giới hiện hữu của chúng sanh (nhị thập ngũ hữu), bao gồm:

Cõi Dục có 14 cảnh giới chúng sanh gồm: Trời, Người, A Tu La, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Cu Lô Châu, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Tứ Thiên Vương thiên, Diệm-ma thiên, Tam thập tam thiên và Tha Hóa Tự Tại Thiên. Mỗi cảnh giới chúng sanh như thế đều có tuổi thọ khác nhau. Ví dụ như một ngày ở cõi Tứ Thiên Vương bằng 50 năm ở cõi thế gian này và một ngày ở cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên bằng 1.600 năm ở cõi Ta-bà của chúng ta. Tất cả đều do phước báu và nghiệp lực ở đời này hay nhiều đời khác tích tụ lại để chúng ta

dần trả quả đã vay và từ đó chúng ta cứ tiếp tục bị trôi lăn trong vòng sanh tử.

Cõi Sắc có 7 cảnh giới chúng sanh. Đó là: Sơ thiên thiên, Nhị thiên thiên, Tam thiên thiên, Tứ thiên thiên, Đại Phạm thiên, Vô tướng thiên và Ngũ Tịnh cư thiên. Tất cả những loài chúng sanh ở cõi Sắc đều không có hình tướng như ở cõi Dục và phước báu cũng như tuổi thọ của họ nhiều hơn ở cõi Dục này.

Cõi Vô Sắc có 4 cảnh giới chúng sanh nữa. Đó là: Không vô biên xứ thiên, Thức vô biên xứ thiên, Vô sở hữu xứ thiên và Phi tướng phi phi tướng xứ thiên. Tất cả những chúng sanh ở 4 cảnh giới này biến hóa khôn lường và có đời sống cao hơn cũng như lâu dài hơn so với những chúng sanh ở cõi Sắc và cõi Dục.

Trong tất cả 25 cảnh giới hiện hữu ấy, chúng sinh hữu tình ấy đều có sự hiểu biết và cảm nhận khác nhau lúc thọ thai cũng như lúc mãn kiếp. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển 8 có dạy, đại ý rằng: Nếu chúng sanh nào tình nhiều tướng ít thì khi lâm chung thân thức bị lôi kéo xuống cõi dưới và nếu chúng sanh nào tướng nhiều tình ít thì khi lâm chung, thân thức của họ sẽ bay bổng lên những cảnh giới cao hơn và tái sinh vào đó.<sup>1</sup> Từ cõi này đi lên hay từ cõi này đi xuống, tất cả đều phụ thuộc vào những việc làm, vào hành xử của chúng ta trong hiện tại. Đây chính là cái nhân để quyết định những việc trong tương lai, còn quá khứ đã là những gì chúng ta không thể thay đổi được, nên cũng không cần truy nguyên. Khi nhìn những kết quả trong hiện tại chúng ta cũng biết được quá khứ như thế nào rồi.

---

<sup>1</sup> Độc giả có thể tham khảo thêm Kinh Đại Bảo Tích, quyển 4, phẩm XIII (Pháp Hội Phật thuyết nhơn xử thai) và Phẩm XIV (Pháp Hội Phật thuyết nhập thai tạng).

Đức Phật và chư vị Bồ Tát có lòng từ bi vô lượng, không từ bỏ một chúng sanh nào ở cõi này hay cõi khác. Do vậy, Phật nói ra vô số phương tiện hay dùng những phương pháp khác nhau, nhằm hướng dẫn cho chúng sanh thoát ly sinh tử. Đây là mục đích chính khi chư Phật xuất hiện trên đời này. Nếu được tái sanh về cảnh giới cao hơn, đó là nhờ phước báu, nhưng nếu tái sanh vào cảnh giới của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì biết nhờ ai tế độ? Do vậy, những đàn tràng giải oan được lập ra dựa theo những kinh văn như Pháp Hoa, Di Đà, Địa Tạng v.v... nhằm tế độ tâm thức đã sa đọa vì ác nghiệp và không biết sám hối, hơn nữa lại không gặp được thiện hữu trí thức giúp đỡ, nên phải chịu trầm luân trong cảnh khổ. Việc tế độ những chúng sanh khổ não như vậy là một việc làm rất cần thiết cho người sống cũng như người đã mất.

Chuyện kể rằng: Vào thời Đức Phật Thích-ca Mâu-ni còn tại thế, bên cạnh hương thất của đức Phật trên núi Linh Thứu có hai hang động, một của Ngài A-nan và một của Ngài Xá-lợi-phất. Ngài Xá-lợi-phất là bậc trí tuệ đệ nhất, thường làm Giáo Thọ dạy bảo chúng Tăng, là bậc thầy của những người mới xuất gia.

Còn Ngài A-nan luôn ở gần Đức Phật với nhiệm vụ làm thị giả, hầu cận Đức Phật. Một hôm, sau khi hầu Phật về lại động đá của mình để thiền định thì Ngài A-nan cảm nhận được lời nói của một con quỷ thốt ra tiếng nói bên tai của mình rằng: “Đây là chỗ ở của tôi lâu nay, sao Ngài lại đến chiếm chỗ của tôi?” Khi Ngài A-nan tâm trạng hoang mang không biết phải làm thế nào thì Đức Phật từ hương thất của mình dùng thần lực đưa cánh tay thật dài tận đỉnh đầu của A-nan, xoa đầu và nói: “Hãy định tĩnh, ta sẽ giúp con.” Từ đó, Đức Phật kể cho Ngài A-nan nghe thân phận của những loài chúng sanh khác kém phước báu hơn mình nên mới bị sanh vào những thế giới như thế và chính

họ rất cần sự tế độ của chúng ta. Hãy cầu nguyện cho họ, hãy hướng dẫn họ, hãy dùng lòng từ bi để giúp họ ra khỏi cảnh giới tối tăm kia.

Khởi đầu chỉ là câu chuyện như vậy, nhưng khi Phật giáo được truyền qua Trung Quốc từ Ấn Độ rồi Việt Nam, Đại Hàn, Nhật Bản v.v... mỗi nơi đều tiếp nhận sự cầu nguyện, tế lễ khác nhau cho hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc tại đó, nên những Đại Trai Đàn Chẩn Tế được mọc lên khắp nơi, nhằm cầu nguyện cho âm dương đều lợi lạc. Nghĩa là cầu nguyện cho người chết sớm sanh về cảnh giới an lành hơn và người còn, tất cả gia đình con cái đều được bình an, mạnh khỏe.

Chẩn tế (賑濟) có nghĩa là cứu giúp, giúp đỡ, đối với người đang nghèo khó hoặc lâm cảnh hoạn nạn, cần kíp, ví dụ như ban cho ánh sáng, thức ăn, sự hiểu biết v.v... Như vậy phải có người lớn hơn lo cho người nhỏ, người có địa vị cao hơn, lo cho kẻ thấp kém hơn, người giàu có lo cho kẻ bần cùng. Các vị Pháp Sư giảng pháp cho các loài chúng sanh bị đọa đày vào những cảnh giới khổ đau gọi là Pháp thí. Ngạ quỷ bị đói khổ, cô hồn bị đơn độc, súc sanh thì ngu độn v.v... tùy theo nhu cầu của mỗi chúng sanh mà người đang đứng ở vị thế cao hơn có thể ban vui, cứu khổ cho họ.

Một Đàn Tràng Chẩn Tế, chiêu mộ những oan hồn uổng tử, những ngạ quỷ âm linh như vậy có nhiều cách bày biện khác nhau, nhưng tựu trung thường được thiết trí như sau:

Nơi Phật điện có Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và chư vị Bồ Tát. Trước Đức Phật có một cái màn chắn ngang qua, khi vị Chủ sám hay các gia trì sư thăng đàn thì kéo màn này lại. Việc làm này có hai ý nghĩa. Đó là thay Phật tuyên dương pháp ngữ cho những người ở cõi âm và mặt khác vì cung kính chư Phật và chư vị Bồ Tát nên chư Sư trong Ban

Kinh Sư của Đàn Tràng phải cung kính như vậy mới tạo thành một cái đức vô hình để cho những chúng sanh khác lấy đó làm sự cung kính.

Thông thường, phía sau vị gia trì có hình tượng con Đê Thính hay con Thanh Sư, đây là một linh vật mà Đức Địa Tạng thường hay cưỡi để đi vào cảnh giới địa ngục. Khi vị gia trì sư ngồi ở thế liên hoa, từ ngoài nhìn vào thấy như Ngài đang cưỡi Đê Thính để đi tiếp độ các hương linh, thay thế cho Bồ Tát Địa Tạng, dạo đi trong những cõi của địa ngục nghe ngóng tiếng kêu cứu của chúng sanh mà đến tiếp độ vậy. Còn 4, 6 hay 8 vị kinh sư ngồi hai bên, kể cả tả hữu giám đàn là những vị phụ họa theo lời kinh tiếng kệ nhằm giúp cho những sinh linh bị chìm đắm trong biển khổ tử sinh theo đó mà vơi đi nghiệp dữ, sớm nghe kinh kệ và cầu cho họ sanh về thế giới an lành hơn.

Phía trước có 5 bàn thờ, gọi là ngũ phương ngũ Phật. Bàn thờ ở giữa là bàn thờ trung ương, thờ Đức Tỳ Lô Giá Na Phật, có nơi thờ hình của Ngài Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Đó là hóa thân của Ngài Địa Tạng. Bốn phía có thờ các vị Phật ở cõi Đông, cõi Tây, cõi Nam và cõi Bắc. Chính giữa đối diện với bàn kinh sư là bàn thờ của Ngài Tiêu Diện Đại Sĩ. Tượng của Ngài rất hung dữ, lưỡi le dài đến bụng, mắt trợn lớn, trông rất hung bạo, hai tay cung ra giống như một đại lực sĩ khi nhìn vào. Tương truyền rằng đây chính là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Trước cổng chùa có một lá phướn dài, trên đó có lời triêu thỉnh 36 loại cô hồn, ngã quỷ ở trên không, dưới nước, trong rừng sâu nước độc, trên mặt đất khô cằn, hoặc bị chết trôi, chết cháy, chết vì bom rơi đạn lạc nơi chốn sa trường hay sinh non đẻ muộn, hoặc bị dao đâm, tự tử hay lắm loại nghịch cảnh chết oan v.v... Tất cả đều được cầu

siêu độ nhằm cứu vớt họ ra khỏi cảnh giới bị giam cầm lâu ngày nơi địa ngục. Đây chính là việc thể hiện tình thương đối với những người đã bị sinh về thế giới không an lành, ngày đêm lo âu phiền muộn, không biết lúc nào mới ra khỏi. Do vậy đàn tràng chiêu mộ để giải oan cho những nghiệp thức như trên và sự cầu nguyện ấy chính là giúp cho họ thêm một niềm tin, một sức mạnh để vững vàng bước ra khỏi chiếc cầu sanh tử vào ao nghiệp lực đang bủa vây chung quanh họ. Nhưng điều quan trọng là họ phải biết thức tỉnh, biết xấu hổ cho những việc làm của mình trong quá khứ, thì sự cầu nguyện ấy mới thành tựu. Bằng không, một bên tạo đầy đủ phương tiện, nhưng bên kia vẫn còn u mê không chịu bước lên cầu giải thoát sanh tử luân hồi thì chư Tăng cũng đành chịu, chứ không thể giúp cho họ thêm nhiều hơn thế nữa.

Các chùa hay các thí chủ thường bày biện nhiều thức ăn như cơm, cháo, gạo, muối, bánh, trái, hương, hoa, trà, quả v.v... để chẩn thí. Có nơi còn làm nhiều cộ bánh thật cao, xếp chồng lên nhau để sau khi vị gia trì chẩn thí thì những người chung quanh đàn túa ra giựt lấy. Không phải đói khát mới lấy, mà hình thức ấy chứng tỏ rằng kẻ ban cho và người thọ lãnh đã tương ứng với nhau. Một đàn tràng như vậy gọi là một đàn tràng thành tựu.

Thông thường một đại lễ cầu siêu, giải oan, bạt độ như thế phải tổ chức trong ba ngày. Ngày đầu gồm khai kinh bạch Phật, cúng ngọ, tiến linh. Buổi chiều tụng kinh Địa Tạng và buổi tối thì thuyết pháp cho hương linh nghe. Sang ngày thứ hai cũng cúng ngọ và tiến linh, tụng kinh Địa Tạng. Có nơi vào đêm thứ 2 này có lễ rước vong trong địa ngục nữa, nhưng đa phần bây giờ lễ này chư Sư đã lược bớt. Đến ngày thứ ba, buổi sáng cũng cúng ngọ, tiến linh, buổi chiều từ 2 đến 6 giờ dâng đàn chẩn tế cô hồn và sau cùng là hoàn mãn.

Dĩ nhiên, mỗi Đàn Tràng Chấn Tế như thế tùy theo vùng miền có thể cử hành khác nhau, tán tụng cũng khác nhau. Chuông, trống, kèn, phèng la cũng khác nhau về nhịp điệu cũng như âm hưởng. Ví dụ như ở miền Bắc, vị Gia Trì hay đội mũ Tỳ Lư, vị Sám Chủ không đội mũ hiệp chuông, trong khi ở miền Trung và miền Nam thì mũ Tỳ Lư khác với mũ Tỳ Lư của miền Bắc. Cách tán tụng cũng như thế. Tán Huế rơi hơn tán Quảng và Bình Định. Tiếng trống Bình Định dồn dập hơn tiếng trống Huế, nghe như tiếng trống giục quân của Hoàng đế Quang Trung. Trong khi tán Quảng thì chơn chất hơn, còn tán miền Nam đa phần bị ảnh hưởng của cải lương. Tuy có tán xóc, tán rơi, tán trạo, tán tang hai mõ một, tang 3 mõ 4, nhưng nếu không hành trì theo từng vùng miền thì chắc rằng các vị kinh sư khó mà tạo thành một nhịp điệu chung được. Cho nên chữ Hòa trong Phật giáo rất quan trọng là như vậy. Nếu lễ nhạc không hòa nhịp thì khó làm cho người sống an vui, như vậy người chết làm sao hưởng được trọn vẹn để siêu sanh về cảnh giới cao hơn được.

Điểm chính yếu của Đàn Tràng là sự thanh tịnh. Nếu gia chủ và Sám chủ đều thanh tịnh thì mọi việc sẽ thành tựu viên mãn. Sự thanh tịnh ấy chính là tấm lòng của người đứng ra lo việc chấn thí và ngay cả những người nhận của được chấn thí nữa.

Năm 1991, khi làm Lễ Khánh Thành đợt 1 của chùa Viên Giác Hannover Đức quốc, tôi có thỉnh Thượng Tọa Thích Quán Không, Trụ trì chùa Khuông Việt ở Na Uy làm Sám Chủ và Gia Trì Sư. Thuở ấy có thuê cả một chiếc tàu thủy trên cảng Hamburg, có thể chứa đến 300 người, ra khơi vớt vong, sau đó rước chư hương linh ra đi tỵ nạn bị chết chìm trên biển cả về lại chùa Viên Giác để làm Đàn Tràng Chiêu Mộ.



Năm 1993, khi Lễ Hoàn Nguyên đến, tôi cũng có tổ chức đàn Chấn Tế để cầu nguyện cho âm siêu dương thái. Những năm sau này, khi nào có tổ chức Đại Giới Đàn hay mừng thọ năm về ngôi Phương Trượng lúc 54 tuổi (2003) cũng như mừng thọ lúc 60 tuổi (2008) hay tấn phong Hòa Thượng nhân Đại Giới Đàn Pháp Chuyên ở chùa Viên Giác, tất cả đều có cử hành Lễ Chấn Tế Cô Hồn vào chiều thứ bảy hay chiều chủ nhật. Xưa nay mới chỉ chấn tế theo nghi thức của Phật giáo Huế, Phật giáo Quảng Nam và Phật giáo Bình Định. Riêng Phật giáo miền Bắc và Phật giáo miền Nam thì chưa có lần nào cung thỉnh về chùa Viên Giác cả. Hy vọng từ đây về sau, nếu có cơ hội, chúng tôi sẽ cung thỉnh các Ban Kinh Sư này để cho đầy đủ nghi lễ của Phật giáo Việt Nam nhằm xiển dương tinh thần “Phật Pháp Bất Ly Thế Gian Pháp”.

Nếu chấn tế vào chiều thứ bảy thì được nhiều người tham dự, nếu chấn tế vào chiều chủ nhật thì những Phật tử ở xa phải về nhà để sáng hôm sau đi làm, nên số người tham dự ít đi. Trong ngày thứ bảy có rất nhiều lễ khác nữa. Do vậy nếu chùa tổ chức chấn tế ngày thứ bảy thì Phật tử tham dự lễ này sẽ không tham dự được lễ khác, nhưng biết tính sao bây giờ, khi mà tại ngoại quốc này tất cả chúng ta đều phải bị lệ thuộc vào điều kiện sinh sống cũng như làm việc, nên đành phải chấp nhận như vậy. Ngay như những ngày Lễ Phật Đản, Vu Lan hay rằm, mồng một hằng tháng, chúng ta cũng không thể cử hành đúng ngày được. Vì đa phần những ngày tính theo âm lịch đều rơi vào trong tuần làm việc, nên chùa phải cử hành những lễ nghi này vào ngày chủ nhật trước hoặc sau đó. Ngay như ngày Phật Đản hay Vu Lan ở Việt Nam chỉ tổ chức đồng loạt cùng ngày, còn ở đây phải kể là mùa Phật Đản hay mùa Vu Lan mới đúng. Mỗi mùa như vậy thường kéo dài một tháng, vì lẽ những vị Thầy chứng minh không

thể đi nơi này và bỏ nơi khác được. Do vậy tổ chức cả mùa như thế nó cũng có cái hay là chư Tăng Ni hay Phật tử đều có thể chọn theo giờ giấc thuận tiện trong tháng của mình để tham gia đại lễ chỗ này hay chỗ khác.

Chỉ riêng có một lễ duy nhất mà tất cả các chùa ở ngoại quốc ngày nay đều cử hành cùng một lúc. Đó là lễ đón giao thừa Tết Nguyên Đán và nghinh xuân Di Lạc (vào khuya 29 tháng 12 âm lịch nếu tháng thiếu). Đêm giao thừa rất linh thiêng huyền diệu. Mặc cho tuyết bên ngoài có rơi, nhưng khi tiếng chuông giao thừa được gióng lên, pháo nổ rền vang trước cửa Đại Điện thì bên trong những lời kinh trầm hùng và lời chúc nguyện đầu năm của vị Trụ Trì đến với toàn thể những nam nữ tham gia lễ Phật, hái lộc đầu Xuân, thì đó là dấu hiệu của một năm mới âm lịch theo người Việt Nam bắt đầu, trong khi hàng xóm người Đức, người Pháp, người Mỹ vẫn còn ngủ yên hay có kẻ vẫn đang thực hiện công việc của mình.

Có một điều cũng nên mở ngoặc ở đây để giải thích về 2 chữ giao thừa (交承) cho rõ thêm. Giao là chuyển giao, thừa là đón nhận, tiếp nhận. Giao thừa là sự chuyển giao và tiếp nhận giữa năm mới và năm cũ. Năm cũ qua đi, hết thảy những gì đã thành tựu hoặc còn dang dở, vào giờ phút chấm dứt này sẽ giao lại cho năm mới. Năm mới cũng bắt đầu từ giờ phút giao thừa này, nhận lấy những thành quả từ năm cũ cũng như những trách nhiệm cần phải tiếp tục hoàn thành. Như vậy lễ giao thừa phải đón vào đúng 12 giờ khuya nơi địa phương mình cư ngụ mới đúng. Nếu đón giao thừa theo giờ Việt Nam sẽ không đầy đủ ý nghĩa này. Vì nếu đón lúc 6 giờ chiều ngày 29 hay 30 Tết tại Đức (nghĩa là đúng 12 giờ khuya bên Việt Nam), thì ở Đức thì chưa gọi là năm mới được. Trong khi đó ở Úc, Tân Tây Lan, phải đón giao thừa trước Đức cả 10 hay 12 tiếng đồng hồ, còn ở California phải đón giao thừa sau Đức cả 9 tiếng

nữa. Như vậy chúng ta đã rõ. Tuy là đón Tết cùng chung một ý nghĩa, thế mà giờ giấc phải luân chuyển trong 24 tiếng đồng hồ để khế hợp với giờ giấc của địa phương.

Chùa Khuông Việt tại Na Uy khi làm Lễ Khánh Thành cũng có làm Lễ Chấn Tế. Chùa Đôn Hậu (Na Uy), Chùa Phật Quang, chùa Đại Bi Tâm, chùa Trúc Lâm (Thụy Điển), chùa Vạn Hạnh, chùa Quan Âm, chùa Quang Minh, chùa Quảng Hương (Đan Mạch), chùa Bảo Quang, chùa Linh Thứu, chùa Bảo Thành, chùa Phật Huệ, chùa Tâm Giác, chùa Phổ Bảo, Tu Viện Viên Đức, chùa Phước Nghiêm (Đức), chùa Khánh Anh, chùa Thiện Minh, chùa Linh Sơn, chùa Khuông Việt, chùa Phổ Hiền, chùa Vạn Hạnh (Pháp), chùa Trí Thủ (Thụy Sĩ), chùa Thảo Đường (Nga) v.v... hầu như nơi nào cũng đều có cử hành Lễ Chấn Tế Cô Hồn, phóng sanh, phóng đăng vào mùa Vu Lan báo hiếu. Trước và sau đó cũng có nhiều chùa cử hành lễ này, nhưng đa phần lệ thuộc vào Ban Kinh Sư có thời gian vào khi nào, hoặc chùa đó phải có đại lễ gì thì mới nhân cơ hội đó để tổ chức những Đàn Tràng chiêu mộ để âm dương cùng lợi lạc, mà Phật tử về chùa cũng một công hai ba việc luôn thể.

Ở ngoại quốc này, khi muốn tham gia một đại lễ nào, gia đình phải dự trù trước đó cả năm, vì công ăn việc làm, vì hăng xướng, nên phải hoạch định trước. Do vậy mà chùa lúc nào cũng đông người, dầu cho trời bên ngoài có tuyết rơi nhiều hay mưa rơi tầm tã vào mùa Phật Đản hay Vu Lan, người về chùa dự lễ vẫn đông như người đi trẩy hội đầu xuân, không khí thật là ấm cúng vô cùng.

Chùa là nơi bảo tồn và phát huy nền văn hóa của Dân Tộc và của Phật giáo, nên cha mẹ luôn quan tâm đến con cái của mình, sợ rằng chúng sau này không còn biết đến cội nguồn, ông bà Tổ Tiên, nên chùa vốn là chỗ dựa tâm linh

vững chắc nhất, không có bậc làm cha mẹ nào không quan tâm đến việc này. Do vậy, dầu cho đường có xa bao nhiêu đi chẳng nữa, về chùa có tốn kém bao nhiêu đi chẳng nữa thì Phật tử vẫn vui vẻ đóng góp, không nề hà gì cả. Nhờ vậy mà sau gần 50 năm ở ngoại quốc (1975-2018), hàng ngàn ngôi chùa Việt Nam đã được xây dựng lên khắp 5 châu lục, nhằm bảo vệ và phát huy truyền thống cao đẹp này.

Lễ nghi, lễ nhạc, lễ lộc v.v... vốn là những hình thức cầu nguyện có tính cách tâm linh. Lời kinh tiếng kệ sẽ dẫn con người vào nơi sâu thẳm của tâm hồn. Tiếng chuông, trống, linh, tang, mõ, phách v.v... là những nhạc cụ của lễ nhạc không thể thiếu trong một nghi thức thường ngày như công phu khuya vào mỗi sáng tại chùa hay cúng Ngọ và công phu chiều cũng như Tịnh Độ vào mỗi tối. Đó là chưa kể những lễ lớn như Khánh Thành, Trai Đàn Chẩn Tế v.v... còn có cả một ban nhạc lễ, nào đàn cò, sáo, tù và v.v... đi kèm theo lễ rước hay phụng tấu vào lúc khai kinh, khiến cho buổi lễ càng trầm hùng, thanh thoát, làm cho cả người còn sống cũng như người đã quá vãng trong đời này hay ở nhiều đời nhiều kiếp khác khi nghe đến câu kinh lời kệ phải sâu lắng tâm tư khi nghĩ về đời sống tâm linh của mỗi người trong hiện tại. Còn đối với những người đã quá vãng thì những âm nhạc này là sự giao thoa giữa người sống và người chết, người còn và kẻ mất, cả âm lẫn dương đều lợi lạc cho phần tâm linh không nhỏ. Vì vậy chúng tôi mong rằng mãi cho đến bao giờ đi nữa thì những Đàn Tràng như vậy vẫn còn tồn tại nơi thế gian này.



## NHỮNG BUỔI HỌC PHẬT CHO NGƯỜI NGOẠI QUỐC

**T**ôi không rõ biết tường tận là Đạo Phật đã có ảnh hưởng với người Âu Châu kể từ lúc nào, nhưng chắc chắn ở Đức này bắt đầu từ thời triết gia Schopenhauer. Ông ta không là một nhà Phật học, nhưng kể từ đầu thế kỷ 19, nghĩa là cách đây trên dưới 200 năm có lẽ ông Schopenhauer đã bắt đầu làm quen với Đạo Phật qua tác phẩm “The Light of Asia” và từ đó ông ta có cảm tình với Phật giáo, nên trong phòng làm việc của ông có tôn trí một tượng Phật nhỏ, có lẽ do chính ông thỉnh ở đâu đó hay do một người nào tặng cho ông mà ngày nay không thấy sử sách nào ghi rõ lại việc này.

Từ đầu thế kỷ 20 đã có nhiều người Pháp, Anh, Đức sang Tích Lan để xuất gia và hầu như những vị này không về lại Âu Châu, sau một thời gian tu học và hành đạo lâu dài tại đó. Ví dụ như Ngài Nyanaponika người Đức (1901 - 19.10.1994). Ngài sinh tại Siegmund Feniger và Ngài đã nhận Ngài Nyanatiloka (người Tích Lan) làm Thầy. Năm 1936, Ngài chính thức thọ giới sa-di và năm 1937 thọ giới tỳ-kheo. Ngài là người có công dịch phần lớn kinh Nam Truyền trực tiếp từ tiếng Pali sang tiếng Đức. Ngày nay những người nghiên cứu về truyền thống Nam Tông ít gặp khó khăn là nhờ công của Ngài dịch trực tiếp ngôn ngữ Pali sang tiếng Đức, cũng giống như Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch sang tiếng Việt và Ngài Bodhi người Hoa Kỳ dịch sang tiếng Anh vậy. Cả 3 vị Đại Sư này đều có một vị trí nhất định khi đứng vào nền văn học Phật giáo trên thế giới, trong đó có Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 và Thiên Sư Thích Nhất Hạnh.

Tôi đến Đức từ năm 1977, sau đó phải học tiếng Đức một năm tại trường Volkshochule và Đại Học Kiel, kể đó năm 1978 dời về Hannover, thành lập chùa Viên Giác và kể từ đó có nhiều cơ hội để tiếp xúc với báo chí cũng như với những người Đức đang sinh sống chung quanh chùa. Từ năm 1981 đến 1991 là 10 năm làm quen với cách làm việc của người Đức. Thỉnh thoảng vẫn có những lớp học của các học sinh trường Đức xin đến chùa để tìm hiểu Đạo Phật. Thuở ấy tiếng Đức tôi vẫn còn kém, nên đôi khi phải dùng đến tiếng Anh để hướng dẫn các học sinh Đức ngồi thiền và nghe Phật Pháp. Đôi khi có Phật tử Thị Chơn cũng giúp tôi việc này, ngay từ lúc ban đầu khi mới thành lập chùa Viên Giác và mãi đến một thời gian dài, cả mấy chục năm sau khi Thị Chơn còn làm Hội Trưởng Hội Phật tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Đức, cũng như ngay trong hiện tại, vào thời điểm của năm 2018, nghĩa là sau 40 năm chùa Viên Giác được thành lập, Thị Chơn vẫn giữ việc hướng dẫn các lớp học sinh, sinh viên cũng như những người Đức lớn tuổi đến chùa muốn tham quan và học hỏi Phật Pháp cùng với Thiện Tâm Hugo. Đây là một việc rất cần thiết cho mọi giai đoạn phát triển của Phật giáo riêng tại xứ Đức này.

Phật giáo không có cơ quan truyền giáo, nên ai muốn đến với Đạo Phật cũng được và bất cứ lúc nào họ muốn thì họ có thể đọc qua sách vở hay tự điện thoại tìm chùa, tìm Thầy học đạo. Do vậy, có nhiều người đến với Đạo Phật như là sự tò mò, sau khi hiểu biết ít nhiều rồi, họ xin quy y Tam Bảo và họ tìm hiểu ở nhiều truyền thống khác nhau như: Thiên, Kim Cang Thừa, Tịnh Độ v.v... Có nhiều người Đức sang Nhật Bản hay Thái Lan học Thiền và sau vài ba năm họ về lại Đức mở thiền đường để hướng dẫn cho những người Đức sơ cơ.

Năm 1984, tôi có độ cho một người Đức xuất gia pháp danh là Thiện Nam, cậu này rất giỏi tiếng Việt, đã học

thuộc lòng kinh Lăng Nghiêm, Di Đà, Hồng Danh và Mông Sơn Thí Thực, nhưng năm ấy cũng là năm tôi phát tâm lay kinh Ngũ Bách Danh, tức 500 danh hiệu của Đức Quan Thế Âm, mỗi đêm 100 lay vào mùa An Cư Kiết Hạ đầu tiên này, nhưng Chú không kham nổi với việc lễ bái này nên đã bỏ chùa đi biên biệt, không một lời giã từ.

Đến năm 1996 có một người Đức khác nữa đến xin xuất gia với tôi tên là Frank Sanzenbacher, tôi cho Pháp danh là Thiện Bình, sau khi thọ sa-di nhận Pháp tự là Hạnh Hảo và thọ tỳ-kheo năm 2000, tôi cho Pháp hiệu là Giác Hạnh. Thầy này tốt nghiệp Cao Học Triết tại Đại Học Hamburg về tiếng Hán cổ và Việt ngữ. Đã hai lần hoàn tục và nay đã xuất gia lại và đang tu theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng tại Goslar.

Tôi muốn đưa ra những ví dụ này để làm tiêu biểu cho sự tu học của người Đức nó khó khăn là dường nào khi họ đến với Đạo Phật. Hai người Đức này trước khi xuống tóc đều đã thuộc lòng 2 thời công phu sáng, chiều cũng như một phần oai nghi tế hạnh, nhưng có lẽ họ khó tìm được một lối thoát cho một cuộc sống nội tâm khi ở chùa Việt, mặc dầu cả 2 người đều rất giỏi tiếng Việt khi ứng xử với những người Việt chung quanh cũng như lúc tụng kinh bái sám v.v... Tất cả đều có thể quy vào hai chữ “nhân duyên” là hợp lý nhất. Nhân duyên họ đến với Đạo Phật Việt trong sự tình cờ và nhân duyên rời khỏi ngôi chùa Viên Giác thân thương tại Hannover cũng chỉ là một trong muôn ngàn lý do mà một người xuất gia không muốn tiếp tục theo truyền thống này nữa, cũng đành chịu thôi chứ biết nói sao hơn bây giờ.

Khi tôi bắt đầu dọn qua chùa mới từ năm 1991 đến nay (2018), nghĩa là cũng đã 27, 28 năm rồi, hầu như ngày nào cũng có người Đức đến chùa. Họ không thăm viếng thì



cũng lễ bái, nếu không có lớp học thường xuyên cho học sinh, sinh viên thì cũng có những người Đức theo vợ hay chồng người Việt Nam đi lễ chùa vào những ngày lễ lớn như Tết Nguyên Đán, Rằm Tháng Giêng hay Phật Đản, Vu Lan v.v... Họ đến với Đạo Phật một cách tự nhiên như thế và từ từ họ làm quen với Phật Pháp qua sách vở hay qua chính những hình ảnh sống thực tại chùa qua các thời kinh hay những giờ Thiền tọa. Đa phần họ thích học Thiền vì ít dùng đến ngôn ngữ. Và lại Thiền giúp họ giải tỏa những nội kết của gia đình trong một cuộc sống xã hội xô bồ như ngày hôm nay. Đồng thời Thiền cũng giúp cho họ giải quyết những sự trầm cảm và căng thẳng qua công việc của họ hàng ngày ở hãng xưởng. Do vậy mà Thiền Chánh Niệm của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh rất thích hợp cho người Âu Châu ngày hôm nay. Tại vùng Waldbrol thuộc miền Trung nước Đức có một trung tâm Thiền, gọi là Viện Phật Học Ứng Dụng Âu Châu do Thầy Chân Pháp Ấn trông coi, rất được giới trí thức của Âu Châu quan tâm, đến đó để học hỏi và tu tập.

Bản thân tôi cũng vậy, khi mới vào đề của bao khóa học cho người Đức, dầu lớn hay nhỏ, ví như sinh viên, người lớn tuổi hay học sinh nhỏ tuổi, tôi đều giải thích cho họ về cách đếm hơi thở theo kinh An Ban Thủ Ý (安般守意經) mà ngày xưa Đức Phật đã dạy cho hàng đệ tử xuất gia cũng như tại gia. Hành giả hành thiền, sau khi ngồi bán già hay kiết già ở trạng thái yên tĩnh, bắt đầu từ từ hít vào và thở ra, đếm một rồi hai, ba... cho đến 10. Đoạn hít vào thở ra như trước, nhưng phải đếm ngược lại từ 10, 9, 8, 7... cho đến một. Tuy chỉ đơn giản như thế, nhưng nếu tâm hành giả loạn động, không tự tập trung tư tưởng thì vẫn quên liên tục. Như vậy phải bắt đầu đếm lại từ 1, 2, 3... đếm tới rồi đếm lui cho đến khi nào thuần thục. Có thể là trong 10 phút, mà nhiều khi có thể cần đếm nhiều lần và

cứ thực tập liên tục trong nhiều năm như vậy thì tâm của hành giả sẽ từ từ lắng đọng. Thiền chính là nếp sống, là hơi thở ra vào mà chính mỗi cá thể sẽ làm chủ được mình ở mọi phương diện như đi, đứng, nằm, ngồi v.v...

Kể từ đầu năm 1994 đến năm 1999, suốt hơn 5 năm như vậy có một người Đức tên là Helmut Hanefeld xin về chùa Viên Giác làm công quả và tôi đã huấn luyện cho ông ta từ từ thay thế hướng dẫn cho những lớp học Phật Pháp cho học sinh các trường Trung Học Đức cũng như những sinh viên của Đại Học. Phần tôi chỉ xuất hiện trên chánh điện khi buổi lễ bắt đầu bằng hình thức trì tụng bài kinh Bát Nhã bằng tiếng Việt và sau đó cho học sinh ngồi thiền, đoạn nói một vài pháp ngữ bằng tiếng Đức, đôi khi nói về Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo hay Cuộc đời Đức Phật v.v...

Phần đặt câu hỏi của học sinh hay sinh viên đa phần tập trung vào những hình tượng tại chùa qua việc mắt thấy tai nghe. Đôi khi cũng có những câu hỏi hay, nếu trước đó có những thầy cô giáo đã hướng dẫn, hoặc chính những câu hỏi này học sinh và sinh viên đã hỏi giáo sư của họ, nhưng giáo sư trả lời chưa rõ ràng, nên đây là cơ hội để cho học sinh và sinh viên hỏi trực tiếp chúng tôi. Ví dụ như: Phật giáo có tin vào một vị chúa tể sáng tạo ra thế giới này không? Phật giáo có cơ quan truyền giáo hay không? Niết-bàn là gì và ai có thể đến Niết-bàn? Một người vừa theo đạo Thiên Chúa nhưng có thể quy y theo Phật giáo được không? Bên Thiên Chúa có 10 giới cấm, còn bên Phật giáo có bao nhiêu giới? Tại sao phải ăn chay? Đời sống của một tu sĩ độc thân hay được quyền lập gia đình? Giáo lý căn bản của Đạo Phật là gì? Phật giáo có làm công tác xã hội không? Tại sao những quốc gia theo Phật giáo đa phần là những quốc gia nghèo? Nam nữ có được bình quyền dưới nhãn quan của Phật giáo không? Ai là người thay thế Đức Phật khi Ngài không còn hiện hữu trên cuộc

đời này nữa? Đức Phật bụng bự là Đức Phật nào? Vòng hào quang của Đức Phật ý nghĩa ra sao? Lá cờ Phật giáo tại sao có 5 màu? Đạo Phật ở Đức được truyền vào tự thuở nào? Có người Đức nào đi xuất gia theo Phật giáo không? Mỗi năm chùa này có bao nhiêu lễ lớn? Đời sống hằng ngày của người xuất gia tại chùa ra sao? Vấn đề hôn nhân đồng tính, Phật giáo nghĩ thế nào? Trong Đạo Phật chủ trương có địa ngục hay không và ai là người phải bị đày xuống địa ngục? Sau khi chết đi về đâu? Thế nào là thân trung ấm? Thế nào là chuyển di tâm thức? Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 có phải là Giáo Chủ của Phật giáo không? Một ngày quý vị tu sĩ ăn mấy bữa? Tại sao chư Tăng bên Theravada không dùng trưa sau 12 giờ? Đời sống kinh tế của chùa ra sao, phải tự túc hay nhận của bố thí? Vị trí của người già trong đạo Phật như thế nào? Sau khi chết thì thiêu hay chôn và chùa có nghĩa địa không? Tại sao cúng bông hoa và trái cây trên bàn Phật nhiều như vậy? Sau khi cúng xong những trái cây ấy có dùng được không? Tại sao vào chùa phải bỏ giày dép bên ngoài? Tại sao nam nữ không được ngồi chung mà phải phân chia ra hai bên? Người tu tại sao không để tóc mà phải cạo tóc? Hoạt động của Phật giáo Đức như thế nào? Đại Học nào ở Đức có phân khoa Phật Học? Tổ chức nào là tổ chức lớn nhất của Phật giáo trên thế giới và trụ sở đóng ở đâu? Người Tăng sĩ có quyền lái xe hơi không hay hoàn toàn đi bộ? Ai là người quản lý chùa này? Vị trí của một vị Sư trụ trì ra sao? Người cư sĩ Phật tử có thể đóng góp được những gì cho sự phát triển Phật giáo tại đây? Hằng ngày quý vị tụng kinh bằng tiếng Việt hay tiếng Đức? Có bao nhiêu Phật tử Việt Nam tại nước Đức và có bao nhiêu người Đức theo Phật giáo? Theo Phật giáo có cần phải đóng thuế hằng tháng cho chùa, giống như đóng thuế cho các nhà thờ Thiên Chúa và Tin Lành không? Lấy vợ đâu có phải là một điều tội lỗi, tại sao người xuất gia lại không lập gia đình? Phật giáo Việt Nam có cho người đi tu

ngắn hạn không? Ý áo của Thầy màu vàng, nhưng tại sao màu này khác với màu y của những vị Sư khác? Đức Phật có phải là một vị thần linh không? v.v... và v.v...

Dĩ nhiên là còn rất nhiều câu hỏi nữa, tùy theo từng nhóm đến học Phật tại chùa khác nhau. Ví dụ như Lotary Club hay Lion Club đa phần là những người giàu có và trí thức thì họ sẽ đặt những câu hỏi khác. Những Giáo sư Đại Học hay Trung Học họ có nghiên cứu nhiều về Phật giáo, nên câu hỏi của họ cũng thâm sâu hơn, nhiều khi chính họ hỏi rồi họ còn trả lời giùm cho mình nữa. Đa phần các nhóm sinh viên thì đứng đắn, nghiêm túc hơn là những học sinh Trung Học. Tại Đức, nên giáo dục rất phong phú và họ chia ra các cấp bậc học tùy theo khả năng và học lực ngay từ khi còn Tiểu Học, nên sau khi vào Trung Học, tất cả đều đã được định hình rồi. Có những lớp đặc biệt dành riêng cho những người tàn tật, câm, ngọng, điếc. Có những lớp dành cho những trẻ em học nghề. Có những lớp dành cho các em học kém (Hauptschule), có những lớp dành cho những em học trung bình (Realschule), có những lớp dành cho những em đi học tiếp lên Đại Học (Gymnasiums Schule). Cũng có nhiều em từ Hauptschule qua học ở Realschule và từ đây các em có thể chuyển qua Gymnasium để tiếp tục học lên Đại Học, nhưng trường hợp này rất hiếm.

Tại Việt Nam ngày xưa, tất cả đều cho học sinh học chung cùng một lớp và ngay cả khi xong Trung Học Đệ Nhất cấp rồi, vẫn không được cho học riêng. Do vậy trình độ giáo dục của Việt Nam ngày xưa tuy cao nhưng không bằng sự giáo dục học đường của những xã hội Tây Phương ngày nay.

Nếu là những em học sinh học ở trường Hauptschule xin đến chùa để tham quan và học giáo lý thì chúng tôi chỉ nói một ít giáo lý ngắn gọn và cho nghe một vài bài kinh hay bài tán Phật mà thôi. Phần đặt câu hỏi hầu như không

có gì đáng kể. Nếu phải nêu ra những câu hỏi đặc biệt để tìm hiểu về Phật giáo thì chỉ có những sinh viên Đại Học và những học sinh trường Gymnasium là hỏi nhiều nhất. Đây là những đề tài khá phổ thông và ban đầu ông Helmut Hanefeld cùng tôi hướng dẫn. Sau này ông Hanefeld không còn ở chùa nữa và tôi thì bận công việc Phật sự ở nhiều nơi khác nhau trong tuần, nên việc này đã giao lại cho Phật tử Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp và Thiện Tâm Hugo đảm trách. Mãi cho đến bây giờ, những lớp học như thế cho sinh viên, học sinh người Đức vẫn còn lui tới tại chùa.

Sau khi có người tham gia những khóa học giáo lý căn bản rồi, họ đề nghị tôi nên cho họ học giáo lý cao hơn và những bài kinh hay những quyển kinh quan trọng hơn để họ hiểu thêm về Phật giáo Đại Thừa, Phật giáo Nguyên Thủy và Phật giáo Kim Cang Thừa. Tôi thấy đề nghị này cũng hữu lý nên kể từ năm 1993 đến 2003, suốt trong 10 năm như thế, cứ mỗi tuần vào lúc 20 giờ tối thứ tư, tại phòng hội họp của chùa Viên Giác Hannover, tôi đều có hướng dẫn cho họ bằng tiếng Đức qua các bản kinh văn đã có sẵn, cho họ đọc lên từng câu hay từng đoạn, sau đó giải thích và cho họ đặt câu hỏi. Ví dụ như Kinh Bát Nhã thì thâm sâu vô tận và người Đức đã dịch sang tiếng Đức rất chuẩn. Khi học, tôi lấy tư tưởng của Ngài Nagarjuna về Bát Bất Trung Đạo để nói qua. Đây là một loại triết học Phật giáo rất cao thâm, trí tuệ tuyệt vời về tánh không, nên người Đức rất thích. Kế tiếp học Kinh A Di Đà, rồi Kinh Vu Lan, Kinh Dược Sư và cuối cùng là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Tất cả đều là người Đức và tiếng Đức được thảo luận liên tục, nhờ vậy mà tôi có thêm được nhiều từ ngữ về Phật Học.

Trong lớp này có vợ chồng ông Dr. Dienemann, ông Helmut Hanefeld, cô Doko, ông Hội trưởng và một vài hội viên Hội Phật giáo Nam Tông tại Hannover mà tờ Der

Mitteler Weg (Trung Đạo) là cơ quan ngôn luận của họ. Bây giờ thì ông Dr. Dieneman vẫn còn sinh hoạt bên Hội Chöling thuộc Phật giáo Tây Tạng, ông Helmut Hanefeld thì đã qua đời, cô Doko trở thành đệ tử y chỉ của tôi và xuất gia theo truyền thống Thiên Tào Động của Nhật Bản và những vị trong Hội Phật giáo Nam Tông của Đức vẫn còn hoạt động tích cực tại Hannover. Số lượng chừng 10 người, nhưng trong 10 người ấy đã trở thành những người lãnh đạo của Phật giáo người Đức tại vùng Hannover, thủ phủ Tiểu bang Niedersachsen này.

Từ năm 1978 tôi đã có cơ hội tham gia với một tổ chức Phật giáo của người Đức, gọi là DBU, chữ viết tắt của Deutsche Buddhist Union, nghĩa là Hiệp Hội Phật giáo Đức. Tôi nhớ không lầm thì lần đầu tiên tôi đã đến Waldorf ở gần Köln cùng với Bác sĩ Trâm và anh chị Nguyễn Ngọc Tuấn để tham dự một Đại Hội, nhưng thấy họ toàn là cư sĩ chứ không có một vị Tăng sĩ nào cả và từ đó tôi đã giới thiệu về cơ cấu hành chánh của Phật giáo Việt Nam tại quê nhà cho họ biết về Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo. Viện Tăng Thống gồm toàn những bậc cao tăng thạc đức và chỉ có người xuất gia mới tham dự. Còn Viện Hóa Đạo là thành phần lãnh đạo trực tiếp Giáo Hội gồm có cả tăng sĩ lẫn cư sĩ. Họ nghe chỉ để mà nghe, vì Phật giáo tại Đức thuở ban đầu hầu như không có Tăng sĩ tham gia, đa phần là những người cư sĩ tự học Phật đầu đó, rồi ra hướng dẫn cho lớp cư sĩ đi sau. Cho nên vào năm 1978, nghĩa là cách 40 năm về trước, việc tôi từ Nhật Bản đến đây với hình thức một Tăng sĩ mặc pháp phục chư Tăng là một hiện tượng lạ đối với họ. Tổ chức này đến nay vẫn còn hoạt động rất mạnh trên khắp nước Đức và cơ quan ngôn luận của họ là tờ Buddhismus Aktuell. Ngoài ra, Phật giáo Tây Tạng tại Đức dưới sự lãnh đạo của Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 cũng như Ngài Thubten Ngawang từ năm

1978 đến nay tại Hamburg cũng đã phát triển vượt bậc, đã đào tạo ra nhiều Tăng Ni có học vị cao như Sư cô Tiến sĩ Carola, hiện nay là Giáo sư tại Đại Học Hamburg về Phân khoa Phật giáo Tây Tạng, Sư cô Thubten Choedron ở Schneeverdingen hiện là Hội trưởng của DBO, chữ viết tắt của Deutsche Buddhistische Ordengesellschaft, nghĩa là Cộng đồng người Đức xuất gia.

Nguyên là cách đây hơn 15 năm về trước tôi đã đề nghị những người xuất gia tại Đức, những người nói tiếng Đức, không phân biệt tông phái, nên lập một tổ chức Tăng Ni để điều hành Phật sự và thuở ban đầu họp tại chùa Viên Giác Hannover có ít nhất cũng 70 Tăng Ni tham gia và bầu Thầy Thiện Sơn làm Hội Trưởng. Sau này Thầy Thiện Sơn không còn tu nữa thì Sư cô Thubten Choedron tiếp tục nhiệm vụ này cho đến ngày hôm nay và trụ sở đặt tại Schneeverdingen. Đa phần những người nữ xuất gia theo Phật giáo Tây Tạng họ chỉ thọ đến sa-di ni mà thôi. Các giới thức-xoa và tỳ-kheo ni nếu muốn thọ phải đi cầu theo các truyền thống Phật giáo Đại Thừa khác như Việt Nam, Đại Hàn và Đài Loan. Do vậy trong những giới đàn mà chùa Viên Giác tổ chức tại Đức hay các giới đàn tổ chức tại Pháp như Thiện Minh và Khánh Anh chúng tôi đều khai mở phương tiện cho những người Âu Châu, đặc biệt là phái nữ, không được thọ giới thức-xoa và tỳ-kheo ni theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng thì Phật giáo Việt Nam sẵn sàng trao giới tướng tỳ-kheo ni cho họ. Vì vậy, Phật giáo Đức theo Tây Tạng hay Phật giáo Pháp, Phật giáo Hòa Lan, Phật giáo Anh Quốc, Scotland v.v... đều có những liên hệ mật thiết qua sự khai giới tại những giới đàn này.

Trước Đệ nhị Thế chiến (1939 - 1945) tại Leipzig có thành lập một hội Phật giáo Đức, nhưng sau đó trong thời kỳ Hitler cũng như thời kỳ Cộng sản (1949 - 1989) bên

phía Đông hoàn toàn bị tê liệt tất cả những hoạt động tôn giáo, kể cả Phật giáo, và sau ngày thống nhất nước Đức (3.10.1990) bên Đông Đức phong trào học Phật đã bắt đầu sống dậy, hòa nhịp cùng phía Tây, cùng chung sự hô hấp trong cùng 2 lá phổi của tự do, nhân quyền và nhân bản được tôn trọng.

Ở nước Đức cũng như hầu hết các nước tại Âu Châu, dĩ nhiên mỗi nước có chủ trương khác nhau về vấn đề tín ngưỡng và một tôn giáo muốn hoạt động lâu dài phải qua những giai đoạn sau đây:

Đầu tiên là những người cùng chí hướng, cùng niềm tin tập trung tại một nơi nào đó bầu ra một Ban Chấp Hành và thông qua một Bản Nội Quy cũng như nộp biên bản thành lập Hội lên cơ quan chính quyền địa phương sở tại. Ban Chấp Hành thường phải có từ 5 đến 7 người. Đó là một Hội Trưởng, một Phó Hội Trưởng Nội Vụ, một Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ, một Thư Ký và một Thủ Quỹ. Ngoài ra có nhiều Tiểu Bang đòi hỏi có thêm 2 Ủy viên như Văn Hóa và Nghi Lễ chẳng hạn, nhưng cũng có nơi chỉ cần 3 người là đủ. Điều này tùy thuộc vào nội quy của Hội mình soạn ra và cứ mỗi tháng phải họp một lần, mỗi năm phải có một Đại Hội Thường Niên và cứ 2 hay 4 năm bầu lại thành phần Ban Chấp Hành một lần theo cách trực tiếp và bầu kín.

Nếu một tổ chức tôn giáo không báo cáo cho chính quyền địa phương mà đã đi vào hoạt động thì sẽ dễ bị theo dõi. Có khi chính quyền sở tại gán cho tổ chức đó là hoạt động chui hay tổ chức đen, không khai báo. Điều này dẫn đến nguy hiểm cho nhiều việc về sau này.

Việc tiếp theo phải nhờ một Notar (Chưởng Khế) xem xét hồ sơ của Hội thật kỹ lưỡng và nhiều khi cả toàn Ban Chấp Hành phải có mặt trước ông ta để ký giấy tờ khai báo



việc thành lập Hội chính thức lên Tòa Án. Sau thời gian chừng 3 tháng, tổ chức này sẽ nhận được giấy ghi danh tại Tòa Án. Tiếng Đức gọi là e.V, có nghĩa là eingetragen Verein - là Hội này đã được khai báo.

Công đoạn thứ 3 là sau khi Hội hoạt động độ chừng một năm, phải nhờ Notar gửi lên Bộ Tài Chánh địa phương để xin được hưởng tư cách pháp nhân, từ thiện, công ích xã hội. Tiếng Đức gọi là: Gemeinnütziger Verein. Chừng một vài tháng sau, Bộ Tài Chánh sẽ gửi giấy này về và đa phần họ cho thử thách trong 18 tháng. Sau 18 tháng ấy họ sẽ cấp giấy chứng nhận đầy đủ pháp lý cho việc hoạt động có liên quan đến tài chánh của Hội mình. Ở Đức, một người đi làm bình thường cho đến những người làm lương cao, mỗi năm đều có thể đóng thuế cho việc từ thiện ở Việt Nam hay trên thế giới, ngay cả việc ủng hộ xây chùa, in kinh ấn tống tại nơi mình ở v.v... trích từ 10% của lương cố định và trong 10% ấy, nếu có giấy chứng nhận của những cơ quan đã được nhà nước công nhận thì người cúng dường ủng hộ những dự án kia được nhận lại từ Bộ Tài Chánh vào cuối năm số tiền 25% trong việc đóng góp đó. Dĩ nhiên đây là việc tự nguyện, không có tính cách bắt buộc, nhưng nhà nước Đức khuyến khích cho những người làm từ thiện cũng như giúp cho các tổ chức tôn giáo, công ích từ thiện có điều kiện để thực hành những dự án đã đưa ra trong năm. Nếu trong nhiều năm liên tục mà tổ chức kia không hoàn thành nhiệm vụ khai báo việc chi thu của Chùa hay của Chi Bộ, của Hội Phật tử v.v... thì Bộ Tài Chánh có quyền rút lại tư cách pháp nhân này. Đây là một quyền lợi của người cúng dường cũng như bổn phận của một Hội Từ Thiện, chúng ta nên quan tâm triệt để vấn đề này.

Thông thường một Hội Từ Thiện hay Tôn Giáo có quyền nhận bao nhiêu tiền cúng dường cũng được, miễn sao có những giấy tờ chứng minh hợp lệ, nhưng mỗi tôn giáo, mỗi

tổ chức từ thiện khi kinh doanh bất cứ mặt hàng nào có tính cách sinh lời thì phải đóng thuế 19% hay 25% tùy theo từng Tiểu Bang bắt đầu từ số tiền thực thu trên 35.000 Euro trở đi. Việc này chỉ riêng Đức, còn những nước khác ở Âu Châu như Pháp, Bỉ, Anh lại khác và những nước Bắc Âu lại còn khác hơn nữa (xin xem lại phần Kiến lập Đạo tràng Tu học ở phía trước).

Tại nước Đức, có rất nhiều Hội Phật giáo được thành lập, nhưng để được e.V hay Gemeinütziger Zweck thì có rất ít. Có lẽ họ không cần hay không biết đến quyền lợi này, hay họ không đủ tư cách pháp nhân thì phải nhờ Chương Khế của họ cố vấn, nếu không, sẽ bỏ lỡ nhiều cơ hội cho việc hoạt động có tính cách công ích của tổ chức mình cho quần chúng.

Riêng Phật giáo Việt Nam tại Đức, chúng ta có 2 tổ chức có tính cách tôn giáo pháp nhân. Đó là Chi Bộ Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Đức Quốc được thành lập năm 1979 tại Hannover và năm 1980 đã được tư cách pháp lý này. Hội Phật tử Việt Nam Ty Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức được thành lập từ năm 1978 và sang năm 1979 đã được tư cách này. Cả hai tổ chức này hoạt động song song, rất linh động để điều hành nhiều ngôi chùa, Niệm Phật Đường và 22 Chi Hội cũng như 7 Gia Đình Phật tử Việt Nam tại Đức. Kể từ khi thành lập đến nay cũng đã 40 năm rồi (1978-2018). Dĩ nhiên là Chi Bộ cũng như Hội Phật tử sẽ được kế thừa qua thời gian nhiều năm tháng nữa để việc bảo tồn và phát huy văn hóa của chúng ta tại nước Đức nói riêng cũng như Âu Châu nói chung hữu hiệu hơn.

Từ Bắc Âu như Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan, Đan Mạch, kể đến là Anh quốc, Ái Nhĩ Lan và Trung Âu như các nước Đức, Pháp, Bỉ, Hòa Lan, Thụy Sĩ, Ý, Áo, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Lục Xâm Bảo v.v... đâu đâu cũng có

thành lập chùa, Niệm Phật Đường và những tổ chức tu học của người Việt cũng như của người bản xứ sở tại. Đã từ lâu, tại Âu Châu cũng có một tổ chức Phật giáo gọi tên là EBU (European Buddhist Union), nghĩa là Liên Hiệp Phật giáo Âu Châu. Họ đa phần là những người Phật tử trí thức. Trụ sở đóng tại Pháp, nhưng ngày nay chỉ còn thâu nhỏ lại tại vùng Straßburg, mỗi năm họ tổ chức một ngày Lễ Phật Đản chung cho những Tông Phái Phật giáo như: Thiên, Tịnh Độ, Kim Cang Thừa, Phật giáo Lào, Thái Lan, Việt Nam, Campuchia v.v... Họ gặp nhau để tụng kinh, cầu nguyện, thiền tọa và thuyết trình. Cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm khi còn sanh tiền hay tham dự những lễ hội như thế này tại Straßburg, Pháp quốc. Kế tiếp có Làng Mai do Ni Sư Chân Không hướng dẫn những thiền sinh đến đây để hướng dẫn thực tập chánh niệm cho những người Pháp, người Đức tham dự Đại Lễ này. Bản thân chúng tôi mỗi năm cũng thường đến Straßburg để thuyết trình bằng tiếng Anh, tiếng Pháp hay tiếng Đức trong những lễ nghi tôn giáo như thế. Đặc biệt Straßburg là một trung tâm chính trị và hành chánh của Âu Châu, nên mỗi lần có Lễ Phật Đản, ông Hội Trưởng thường hay mời những chính khách như Dân Biểu, Nghị Sĩ hay Xã Trưởng v.v... đến đọc diễn văn. Đây là một việc ngoại giao rất khôn khéo giữa chính quyền và tôn giáo mà chúng ta cần nên duy trì.

Giai đoạn cuối để Phật giáo được công nhận là một tôn giáo bình đẳng về pháp lý như Thiên Chúa giáo và Tin Lành cũng như Hồi Giáo tại Âu Châu, Phật giáo phải cần đủ 3 điều kiện như tại Đức luôn được yêu cầu. Đó là:

Một phần ngàn là Phật tử tại Tiểu Bang hay nước đó. Ví dụ như Hamburg có 3 triệu người Đức thì ít nhất phải có 3.000 người Đức hay người ngoại quốc là Phật tử. Ở Berlin có 10 triệu người Đức đang sinh sống thì phải có ít nhất là 10.000 người là Phật tử. Thực sự cũng không khó

để tìm đủ số người theo Phật giáo như quy định, nhưng cho đến nay tại tất cả các Tiểu Bang ở nước Đức đều chưa thực hiện được việc này. Trong khi đó, ở Áo và ở Ý thì các chính quyền sở tại đã công nhận Phật giáo là một tôn giáo, có quyền lợi như Thiên Chúa giáo và Tin Lành.

Tại Đức, người Việt theo Phật giáo ít nhất cũng là 100.000 người trong 160.000 người đang sinh sống tại xứ sở này, nhưng vì lẽ người Việt Phật tử sống rải rác khắp nơi trên nước Đức, nên khó quy về một Tiểu Bang nào để đủ số lượng một phần ngàn như Tiểu Bang và Liên Bang đòi hỏi. Bây giờ chúng ta là một trong những dân tộc có số lượng Phật tử đông nhất tại xứ Đức này, nhưng trong tương lai, người Đức sẽ có số tín đồ theo Phật giáo đông hơn, nên chúng tôi dành quyền đi đầu này cho người Đức, vì dẫu sao đi nữa thì chúng ta vẫn là những người ngoại quốc đang sinh sống tại Đức. Chúng ta nên tùy thuận theo họ thì hay hơn, để sau này khi trở thành một *Offenlichkete Recht* (quyền công cộng - công khai).

Điều thứ hai mà nhà nước Đức yêu cầu là Hội đó sau khi được Tòa Án sở tại cũng như Bộ Tài Chánh công nhận hoạt động tích cực không gián đoạn trong 30 năm trở lên. Nếu nhìn vào tư cách này thì Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Chi Bộ Đức Quốc đã hội đủ điều kiện này (1979-2018), trên dưới 40 năm hoạt động như thế cho Cộng đồng người Việt cũng như người Đức tại đây, nên năm 2018 và 2019 có 4 sự kiện đáng ghi nhớ để ghi lại 40 năm hoạt động Phật giáo trên xứ Đức này. Đó là kỷ niệm thành lập Chùa Viên Giác (1978-2018), thành lập Hội Phật tử Việt Nam Ty Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức (1978-2018). Sang năm 2019 sẽ kỷ niệm thêm 2 sự kiện quan trọng nữa. Đó là thành lập Chi Bộ Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (1979-2019) và kỷ niệm tờ Báo Viên Giác xuất bản 40 năm (1979-2019).

Điều kiện thứ 3 để được xem là một tôn giáo là Hội ấy phải được sự tin tưởng của Bộ Tài Chánh Tiểu Bang. Thế nào là sự tin tưởng? Sự định nghĩa và câu trả lời hơi khó, nhưng điều ấy có nghĩa là: Hội đó có hoạt động về tài chánh trong sạch, lành mạnh không? Hội đó khi hoạt động như vậy có bị Bộ Tài Chánh nghi ngờ hay bị cấm hoạt động trong một thời gian không? v.v.. và v.v...

Điều thứ 3 này, cả hai tổ chức của Chi Bộ và Hội Phật tử cho đến nay sau gần 40 năm sinh hoạt hoàn toàn được Bộ Tài Chánh của Tiểu Bang Niedersachsen tin tưởng và cứ hằng năm, hằng quý chùa Viên Giác cũng như người cố vấn thuế vụ phải nộp tất cả hồ sơ chi thu lên Bộ Tài Chánh để cứ 4 năm như vậy Bộ Tài Chánh cấp cho Chi Bộ và Hội Phật tử một hồ sơ mới được chứng thực đầy đủ là việc kê khai tài chánh suốt trong 4 năm qua rõ ràng, minh bạch.

Nói chung, Phật giáo tại nước Đức ngày càng có nhiều người biết đến, tin theo bằng nhiều cách khác nhau như đọc sách báo về Phật giáo, ăn chay trường để thể hiện lòng từ bi lợi tha, ngời thiên để trị vấn đề trầm cảm, tụng kinh để phát sinh trí tuệ, thực hiện nhiều việc công ích từ thiện xã hội để tâm từ bi càng ngày càng được phát triển. Vì từ bi và trí tuệ giống như hai cánh của một con chim đại bàng, nếu đại bàng muốn cất cánh bay cao xa giữa tầng không thì không thể bay với một cánh.

## HÀNH HƯƠNG, CHIÊM BÁI

**N**ếu ai đó có về hành hương chiêm bái Phật tích tại Ấn Độ một lần rồi thì không thể nào quên hình ảnh của những người Phật tử Tây Phương. Nào Anh, nào Mỹ, nào Đức, nào Pháp v.v... họ đã hòa quyện vào dòng người tại Bồ-đề Đạo Tràng, nơi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thành đạo dưới cội Bồ-đề cách đây hơn 2.500 năm về trước, để lễ bái, cầu nguyện, thiền định, mua sắm, làm từ thiện v.v... Tứ Thánh Địa chính là nơi đản sanh của Đức Phật, nay nằm cạnh biên giới của Népal; Bồ-đề Đạo Tràng tại Gaya, nơi Đức Phật thành đạo và ánh sáng chân lý từ đây đã truyền đạt đến khắp nơi trên thế giới; Varanashi bên cạnh bờ sông Hằng, nơi thuyết pháp lần đầu tiên của Đức Phật, độ cho 5 anh em Kiều-trần-như; và Kushinagara, nơi Đức Phật nhập Đại Niết-bàn. Tiếng Anh gọi 4 nơi này là Four Holy Place, nghĩa là Tứ Thánh Địa, còn tiếng Trung Quốc gọi là Si Tong Shin nghĩa là Tứ Động Tâm. Cả 2 cách gọi đều có ý nghĩa cả, nhưng tôi thích gọi Tứ Động Tâm hơn. Vì sao vậy? Vì lẽ bất cứ ai ai, từ vua chúa như Vua A-dục sau này đến những hoàng đế đương thời hay Ngài Huyền Trang ở thế kỷ 7, rồi những hoàng thân quốc thích, công chúa, hoàng hậu Thái Lan, Népal, Nhật Bản, Việt Nam, Bhutan v.v... hay những thứ dân của Ấn Độ ngày nay, hoặc những người đến từ Tây Phương trong hiện tại, ai đã đến trước Kim Cương Tòa rồi thì cũng một lần tự nhiên phải quỳ gối xuống dưới cội Bồ-đề, bên Kim Cương Tòa, nơi Đức Phật đã chiến thắng ma quân để thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tất cả đều bình đẳng trước Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni, đều xúc động đến sâu thẳm tâm can, một lòng hướng về đấng Đại Giác, cho nên dùng chữ “động tâm” là vì nghĩa đó.

Để rõ biết tấm lòng này của người con Phật, hãy thử đọc qua những vần kệ trong sách *Trung Phong tam thời hệ niệm nghi phạm*, than thở về nỗi ân hận hối tiếc khi sinh ra vào thời không được gặp Phật:

佛在世時我沉淪，  
今得人身佛滅度  
懊惱自身多業障，  
不見如來金色身

*Phật tại thế thời, ngã trầm luân,  
Kim đắc nhân thân, Phật diệt độ.  
Áo não tự thân, đa nghiệp chướng,  
Bất kiến Như Lai kim sắc thân.*<sup>1</sup>

Dịch nghĩa:

*Khi Phật ở đời, con trầm luân,  
Nay được thân người, Phật diệt độ.  
Buồn rầu cho mình, nhiều nghiệp chướng,  
Chẳng thấy Như Lai, sắc thân vàng.*

Thiết nghĩ chỉ cần đọc qua 4 câu thơ này chúng ta cũng cảm nhận sâu sắc được mức độ cung kính của người Phật tử đối với giáo lý nhiệm mầu, thậm thâm cao cả của Đức Thế Tôn là dường bao!

Những tăng sĩ và Phật tử Tây Tạng tại Bồ-đề Đạo Tràng lạy Phật theo lối “ngũ thể đầu địa”, nghĩa là đứng thẳng nghiêm trang rồi gieo năm vóc xuống sát đất. Năm vóc có nghĩa là đầu gối bên phải, đầu gối bên trái, tay phải, tay trái và cuối cùng là đỉnh đầu, tất cả đều phải nằm sát dưới mặt đất. Từ điển Phật Quang giải thích ý nghĩa cách lạy này như sau:

---

<sup>1</sup> Xem sách *Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Nghi Phạm* (中峯三時繫念儀範), thuộc Vạn Tục Tạng, Tập 74, kinh số 1465, trang 70, tờ a, dòng 24 - tờ b, dòng 1.

1. Khi gối bên phải sát đất, nguyện cho chúng sinh được đạo chính giác.
2. Khi gối bên trái sát đất, nguyện cho chúng sinh không khởi tà kiến ngoại đạo, tất cả đều an trụ trong đạo chính giác.
3. Khi tay phải sát đất, nguyện như Thế Tôn ngồi tòa kim cương, đại địa rung động, hiện bày tướng lành, chúng nhập đại Bồ-đề.
4. Khi tay trái sát đất, nguyện cho chúng sinh xa lìa ngoại đạo, dùng 4 nhiếp pháp thu phục những người ương ngạnh, khiến họ vào chính đạo.
5. Khi đỉnh đầu sát đất, nguyện cho chúng sinh lìa tâm kiêu mạn, đều được thành tựu Đỉnh tướng Vô kiến.

Có người lạy mỗi ngày cả 1.000 đến 3.000 lạy như thế. Thỉnh thoảng có những người Phật tử đi hành hương mang tiền, trà, bánh, chuối đến cúng dường cho những vị này, có khi lên cả hàng ngàn vị trong khuôn viên Bồ-đề Đạo Tràng như vậy. Những người Tây Tạng lớn tuổi họ cũng cố gắng lạy như thế, nếu ai không lạy được thì họ đi nhiễu quanh Đại Tháp giác ngộ và lấy tay xoay vào xa luân, trong khi đó miệng thì niệm “Án Ma Ni Bát Di Hồng” bằng tiếng Tây Tạng.

Từ Trung Tâm Tu Học Viên Giác ở Bồ Đề Đạo Tràng, cứ mỗi sáng sớm, đoàn hành hương của chúng tôi bắt đầu từ 4 giờ, khi sương khuya còn se lạnh trên hai bờ vai, nhiều người trong đoàn đã ra trước nơi có tượng Phật trong Đại Tháp để đánh lễ và sau đó ra phía Kim Cương Tòa nằm phía sau Đại Tháp trái chiếu, bày chuông mõ ra trước, để khi chúng tôi ra chậm vài phút sau đó có nơi chốn để trì tụng kinh Lăng Nghiêm bằng tiếng Việt, đồng thời lúc đó có giọng tụng tiếng Pali của các Sư Nam Tông qua loa phóng thanh như: Namo Tasa Bagahato Arahato Sama Samboudhasa, có nghĩa là: Con xin cung kính đánh lễ bậc



A La Hán đã chứng thành bậc Vô Thượng Chánh Giác. Rồi tiếng tụng kinh của các Phật tử Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản, Cam Bốt, Lào, Tích Lan, Miến Điện và Việt Nam hòa chung một không khí thanh cao huyền diệu chung với loài chim chóc đang hót vang vào sớm mai trên những nhành lá của cây Bồ-đề, tạo nên một bản nhạc du dương, một cung đàn tuyệt diệu, mà nét nhạc này khó ai có thể diễn tả bằng lời, chỉ có những ai đã một lần đến được đây rồi thì mới cảm nhận được.

Năm 1987, trước khi chùa Viên Giác tại Hannover được xây dựng, Thầy Huyền Diệu có khuyên tôi là nên đi chiêm bái các Phật tích tại Ấn Độ một lần và lần ấy có cả cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm nữa. Thầy Huyền Diệu thân hành dẫn chúng tôi đi hành hương Phật tích và sau khi về lại Đức, tôi đã viết một quyển sách nhan đề là “Lòng Từ Đức Phật”, trong đó tôi tường thuật lại chuyến đi đầu tiên này về đất Phật và tôi nói rằng khó có được chuyến thứ 2. Nhưng thật là pháp Phật nhiệm mầu, những năm về sau, hay nói đúng hơn là mỗi năm ít nhất có một lần, nhiều khi 2 lần, tự nhiên thân và tâm tôi hướng về xứ Phật và việc đi hành hương, lễ bái đã trở thành một việc tất yếu.

Sở dĩ tôi nói không đi nữa, vì thấy rằng khắp nơi tại Ấn Độ thấy ở đâu cũng dơ cả, nào rác rưởi, phân dãi, trâu, bò, dê, gà v.v... cùng người sống chung với nhau và hầu như họ không quan tâm gì cả. Thế mà thấy trên môi họ luôn nở những nụ cười thật là dễ thương, đôi khi bị hiểu lầm, vì người Ấn Độ lác đầu qua lại có nghĩa là đồng ý cho một sự việc, chứ không phải như người Tây Phương ở đây. Họ ăn trâu, cả đàn ông lẫn đàn bà, vận váy và trên đầu thường chít khăn lớn, trên đó đội những hũ nước hoặc rơm rạ, bước đi thông dong đường như chẳng có việc gì đang xảy ra quanh mình. Nét đẹp vô tư ấy ít tìm thấy được ở những xã hội Tây Phương ngày nay. Ở đây chúng ta không

thiếu tiền bạc, nhưng thiếu tình người và những nụ cười tự nhiên như vậy.

Tôi về Ấn Độ vì nhiều lý do, có khi dẫn cả đoàn hành hương, nhưng sau này đa phần đi một mình hay 3 đến 4 người là nhiều. Một là để tạ ơn Tam Bảo đã gia hộ cho tôi có một đời sống nội tâm thật phong phú, một sức khỏe thật dồi dào, một tinh thần thật là cương nghị. Hai là đến đây để có cơ hội cúng dường trai tăng, làm phước bố thí cho người nghèo và ba là thăm viếng chư Tăng Ni đang du học tại Ấn Độ từ năm 1994 đến năm 2012, mà chùa Viên Giác và cá nhân tôi đã trợ giúp cho họ đến 187 học bổng. Sau 19 năm như vậy, chư Tăng Ni học tại đây đã tốt nghiệp Tiến Sĩ hay Cao Học là 132 vị. Những vị ấy bây giờ đang giảng dạy tại các Đại Học Phật giáo tại Việt Nam như quý Thầy, quý Cô Hương Nhũ, Tịnh Vân, Giới Hương v.v... và cũng có nhiều vị ngày nay đang ở ngoài quốc để làm Phật sự như Thầy Đồng Văn, Như Tú, Hạnh Đức, Giác Trí, hay những Sư Cô như Minh Huệ, Giới Hương v.v... Tất cả chỉ có một mục đích duy nhất là làm sao cho Phật giáo Việt Nam được hưng thịnh sánh vai với các nước Phật giáo bạn, lấy lời dạy của bậc Đạo Sư làm kim chỉ nam hướng thượng cho cuộc sống của chính mình và cho tha nhân qua pháp học, pháp hành hay ngay cả pháp học và pháp hành mà quý Thầy, quý Cô đang hành trì.

Đã ba lần tôi đi tam bộ nhất bái với chư Tăng Ni và quý Phật tử trong đoàn hành hương từ dưới chân núi Linh Thứu lên đến Hương Thất của Đức Phật. Mỗi lần như thế độ 3 tiếng đồng hồ từ sáng sớm tinh sương lúc 5 giờ và đến 8 giờ thì lên đến đích. Ai có đến nơi này rồi sẽ cảm nhận được những sự linh thiêng huyền diệu. Nơi này đã ghi lại dấu chân ngày xưa của Đức Phật. Ngài thường lên xuống núi Linh Thứu để đi vào thành Ma-kiệt-đà gặp Vua Tần-bà-sa-la cùng Hoàng Hậu Vy-đê-hy và cũng chính con

đường mòn này ngày xưa Vua Tần-bà-sa-la đã cưỡi ngựa đi lên Hương Thất để diện kiến Đức Thế Tôn.

Ngày xưa ấy, nay đã lùi về dĩ vãng cả hơn 2.500 năm rồi và ngày xưa ấy nay lại còn đây với bước đặng trình của những người con xa xứ đến đây để đánh lễ Kim Thân của Đức Điều Ngự, nhưng Ngài đã không còn. Tôi và đoàn người đã hòa mình vào với cây cỏ núi rừng, tiếng chim hót bên tai khi lạy xuống hay đứng lên trên từng bậc thang cấp. Chung quanh đâu đây là phân bò, phân người, phân heo, phân gà cùng người ăn xin ngồi chen chúc ở hai bên ven đường lên xuống đang ngửa tay ra để chờ xin của bố thí của những người hành hương đến từ khắp nơi trên thế giới. Đến đây rồi chẳng thấy mình là gì cả. Mình sẽ tự hỏi, mình là ai đây? Ngã và ngã sở là gì? Có phải ta chính là phân và phân kia cũng chính là ta? Mùi hôi của nước tiểu xông lên từ nền đất vào buổi sáng tinh sương hòa quyện với lửa củi được đốt cháy để sưởi ấm gần đầu đó đã khiến cho tôi nhiều khi phải ngẩng đầu lên nhìn qua lại để xem cảnh tượng ấy là cảnh tượng gì? Và điều gì đã xảy ra chung quanh đây, trong khi miệng vẫn lâm râm niệm Phật, hai tay vẫn đặt ngay ngắn dưới trán, hai đầu gối vẫn chạm đất khi lạy và tâm thì hướng đến Hương Thất của Đức Phật đang ngự trị trên đỉnh núi Linh Thứu này.

Đoàn vừa đi, vừa lạy, vừa nghỉ với thể điệu tam bộ nhất bái, nghĩa là cứ bước ba bước thì lạy xuống một lạy. Cứ thế và cứ thế từ thấp lên cao, từ dưới chân núi lên đến đỉnh của Linh Thứu sơn qua 3 tiếng đồng hồ công phu như vậy. Mồ hôi của ai cũng nhễ nhại, nhưng tâm cảm của ai cũng an lạc lạ thường. Bởi lẽ chung quanh mình, không phải chỉ có một mình mình hay đoàn của mình biết hành hương, lễ bái nguyện cầu khi đi đến Tứ Thánh Địa, mà những người ngoại quốc khác như Thái Lan, Miến Điện và Tích Lan họ còn cung kính nơi này hơn cả người Việt Nam. Họ chỉ đi

chân trần và trên đầu đội lễ vật như hoa hương để cúng dường và miệng thì niệm kinh theo âm tiếng Pali. Có nhiều đoàn hành hương đi xuống núi sau khi họ đã chiêm bái và cầu nguyện nơi Hương Thất của Đức Phật. Họ thấy chúng tôi thành kính lễ bái như vậy, có nhiều người cũng lạy lại, hoặc ngồi nép sát bên lề đường bên kia, hai tay chắp lại tỏ vẻ cung kính. Đây là hạnh lành của những người Phật tử đang gieo vào tâm thức cho nhau những cử chỉ cao quý trân trọng như vậy.

Đã ba lần tôi thực hiện được tam bộ nhất bái như thế khi đánh lễ Đức Thế Tôn nơi núi Linh Thứu cùng với đoàn hành hương hay với quý Thầy Cô nhận học bổng của chùa Viên Giác. Tháng 11 năm 2018 chúng tôi cũng đã thực hiện được như thế ở lần thứ 3, lúc mà tôi đã ở tuổi 70 rồi. Ngày tháng trôi qua thật nhanh, mới năm nào tôi 35 tuổi bắt đầu lạy kinh Ngũ Bách Danh, rồi Tam Thiên Phật Danh rồi kinh Vạn Phật. Kế đó tôi phát nguyện lạy kinh Pháp Hoa mỗi chữ một lạy, sau kinh này tôi thấy còn khỏe mạnh, nên đã phát tâm lạy kinh Đại Bát Niết-bàn cũng mỗi chữ mỗi lạy và cả 2 quyển như thế độ trên 1.500 trang kinh toàn là chữ nhỏ. Và ngày lại tháng qua, tôi và Đại Chúng chùa Viên Giác đã lạy đến phẩm Di giáo thứ 26 và chỉ còn 3 phẩm ngắn nữa là xong. Có lẽ trong đầu năm 2019 là xong tâm nguyện lễ kinh mỗi chữ một lạy, sau 35 năm hành trì trong mỗi mùa An Cư Kiết Hạ 3 tháng. Tiếng Đức có câu là: “Ohne Anfang ohne Ende” nghĩa là: “Không có cái bắt đầu thì sẽ không có cái cuối cùng.” Chúng ta đang đi có nghĩa là chúng ta sẽ đến. Nếu không đi làm sao đến? Miễn sao chúng ta khởi lên một niệm lành thì năng lực của lời nguyện ấy sẽ dẫn ta đến đích. Nếu chúng ta cứ mãi ngồi một chỗ thì chuyện gì cũng sẽ chẳng thành chuyện gì cả.

Cuộc đời tu học và hành đạo của tôi như thế kể ra cũng mãn nguyện lắm rồi, vì lẽ những gì tôi mong ước, hầu như

tất cả đã được thực hiện. Như vậy há chẳng vui sao, trong khi chung quanh mình có không biết bao nhiêu người mong muốn đủ thứ, nhưng cuối cùng đâu có được việc gì.

Người Nga có câu tục ngữ rằng: “Mất tiền là không mất gì cả, mất danh dự là mất một phần lớn của cuộc đời. Chỉ có những người nào mất đi niềm tin, kẻ ấy mới là kẻ mất tất cả.” Đúng vậy, trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy rằng: “Niềm tin là mẹ sinh ra các công đức.” Công đức sinh ra từ niềm tin, mà nếu có tiền nhiều cũng không thể mua được niềm tin. Chỉ những người nào có ý chí, kẻ ấy mới thể hiện được niềm tin của mình qua việc cầu nguyện hay lễ bái, trì kinh. Trong khi đó, người mất tiền thì có thể tìm lại tiền nếu cố công đi làm; mất danh dự cũng có thể tạo lập lại danh dự, nhưng nếu ai đó mất niềm tin đi rồi thì muôn vạn kiếp khó tìm lại cho mình một đời sống an lạc của nội tâm.

Nhiều Thầy, Cô ở Hoa Kỳ, Canada, Úc, Âu Châu và sau này trực tiếp từ Việt Nam, mỗi năm dẫn đoàn một hay nhiều lần trong mùa mát của Ấn Độ kể từ tháng 9 đến tháng 3, đi đến 4 thánh tích để chiêm bái nguyện cầu, làm phước, bố thí, cúng dường. Nhiều người lúc chưa đi hành hương thì niềm tin còn hơi hợt, nhưng khi đã đến những nơi này rồi thì phát tâm quy y Tam Bảo hay xuống tóc cũng như phát nguyện ăn chay trường hay ăn chay kỳ. Có nhiều người trước đây mở nhà hàng mặn, nay phát nguyện ăn chay trường sau khi đã đi hành hương về nơi Phật Tích. Họ đã mạnh dạn đổi sang nhà hàng chay, không còn bán thịt và ngay cả những chất say như rượu, bia cũng không bày bán trong tiệm nữa. Quả đây là một sự chuyển hóa thật diệu kỳ mà ai có đến đây rồi mới chứng biết được, chứ nghe diễn tả hay kể lại thì khó tin được việc này. Do vậy tôi thường hay nói rằng: “Người chưa đi hành hương về xứ Phật hay chốn Tổ cũng giống như người thấy người ta

bày lên bàn tiệc những món ăn thật là hấp dẫn, đẹp mắt mà chưa thưởng thức được hương vị của nó.” Ở đây cũng vậy, nếu chỉ xem phim ảnh hay nghe người khác kể lại việc đi hành hương các Thánh Tích thì sự cảm nhận ấy cũng không khác gì những người chỉ ngắm nhìn thức ăn ngon trên bàn tiệc, mà chưa thưởng thức những thức ăn kia.

Chúng ta thường nghe mọi người chung quanh than rằng: “tôi không có thời giờ”, “tôi không có đủ tiền”, “tôi không có sức khỏe để đi”. Đó cũng là những lý do chính đáng. Nhưng ai đã tin rằng chính mình không làm chủ được sự sống chết trong cuộc đời này, không thể biết cái chết đến lúc nào thì tiếc tiền để làm gì? Khi chết, tiền bạc danh vọng, vợ con, của cải, tài sản đều sẽ không mang theo được, ngoại trừ nghiệp lực mà thôi. Nếu ai đó nghĩ rằng mình còn có thể sống trong vòng 10 năm, 5 năm hay 3 năm nữa thì trong những năm còn lại đó họ sẽ làm gì? Hay vẫn lo tính chuyện tương lai dài lâu hơn nữa? Không - chắc chắn một điều là nếu ta có chết đi thì cuộc đời và sự sống trên thế gian này vẫn tồn tại. Tâm thức ta sẽ sanh về một thế giới khác và xương cốt thịt da của ta sẽ trở thành phân để vun bón cho cây cỏ tiếp tục xanh tươi, cốt làm đẹp cho cuộc đời. Đâu có ai thương xót ta bằng chính ta đâu, mà không tự lo tu thân tích đức cho mình, cứ lo tu giùm cho thiên hạ?

“Tiền tài như phấn thổ, nhân nghĩa tợ chân kim”, nghĩa là tiền bạc giống như bột đất, chỉ có nhân nghĩa đạo lý mới là vàng thật. Thứ vàng này không thể mua ngoài tiệm mà mỗi người phải tự tạo cho chính mình, như một thứ kim cương rắn chắc nơi cõi lòng mình. Rồi đây ai cũng chết, chắc rằng ai ai cũng hiểu điều đó, nhưng buông sự tham dục ra thì không muốn. Chúng ta luôn kéo nó về mình để tích tụ tánh tham lam, ích kỷ thành sông, thành núi, mà ít ai chia sẻ sự hiểu biết, sự giàu có của mình cho những người kém may mắn hơn.

Nếu cuộc đời này có lẽ công bằng thực sự thì ai sanh ra cũng phải giống nhau, chứ không thể có kẻ làm vua mà cũng có lắm người làm phu khuân vác. Việc làm tuy không xấu, tư cách mới là điều đáng nói vô cùng. Người ta trọng người khác không phải vì tiền, vì sự giàu có, mà người ta nể người khác vì tư cách của người ấy đứng đắn. Do vậy mà ta vẫn thường nghe nói rằng: Tư cách làm nên con người là vậy. Nếu người giàu mà có tư cách, ta cũng nên nể phục, trong khi đó người nghèo mà chẳng có tư cách gì cả thì ta cũng không thể bênh vực cái nghèo khó kia được.

Từ đó, giới luật chính là nền tảng căn bản đạo đức của con người, nhất là người xuất gia thì chúng ta không thể quên được điều này. Với 3.000 oai nghi tế hạnh của 3 đời quá khứ, hiện tại và vị lai, nhân cho 4 oai nghi đi đứng nằm ngồi của 250 giới thể. Tất cả chừng ấy hành động, chừng ấy công việc hành trì, giới luật đã giúp cho chúng ta thăng tiến về đời sống nội tâm. Giới không phải là một sự trừng phạt, mà chính là một sự bảo hộ cho chính thân cũng như tâm của mình. Giới cũng không phải là sự ngăn cách, mà giới ở đây chính là mực thước, là mẫu mực cuộc sống đạo đức thường ngày của mỗi chúng ta trên cuộc sống trần thế này. Cao thượng hay thấp hèn không phải do sự giàu sang mang đến, mà điều ấy chính do tư cách làm nên, mà tư cách ấy không phải tự nhiên mà thành tựu. Nó chính là sự huân tập từ chủng tử lành của giới, định và huệ. Nếu con người không có được những đặc tính ưu việt này thì con đường đến với Đạo Phật vẫn còn xa thăm thẳm.

Đến Ấn Độ để chiêm bái những Phật tích, có nhiều nơi đáng để đi như: di tích tinh xá Trúc Lâm, Đại Học Na-lan-đà, động Thất Diệp, Kushinagara nơi Đức Phật nhập Niết-bàn, Lam-tỳ-ni, nơi Đức Phật đản sanh hay tinh xá Kỳ Viên, vườn của ông Trưởng Giả Cấp Cô Độc, tháp chàng Vô Nãi v.v... Nghĩa là đến mỗi nơi đều có ý nghĩa riêng của nó

mà người hay nhóm hành hương phải phân chia thời gian thích hợp để đi và đến được tất cả những nơi này thì phúc báu vô cùng.

Tôi không có ý giới thiệu hết những nơi này, nên chỉ giới thiệu vài nơi cần đi cũng như cần đến để thể nghiệm về tâm linh mà thôi. Điểm dừng chân sắp tới có tính cách tiêu biểu ở nhiều mặt là Varanashi, nơi có vườn Lộc Uyển (Senath), nơi thuyết pháp lần đầu tiên của Đức Phật về Tứ Diệu Đế cho 5 anh em Kiều-trần-như. Nơi đây cũng là Thánh Địa của đạo Bà-la-môn, nên mãi đến ngày nay tại Thánh Địa này vẫn còn mang nhiều vẻ kỳ bí lạ thường. Ví dụ như dòng sông Hằng rất dài, bắt nguồn từ Tây Tạng, chảy qua Hy-mã-lạp sơn, chảy ngang giữa nước Ấn Độ và đổ về biển Ấn Độ. Khi chảy qua Varanashi, nơi có lò thiêu người, xác bò, đôi khi có cả xác người được liêng xuống đó. Nào là rác rưởi, nào bông vụn thọt, hoa súng, hoa sen... trải đầy trên mặt nước, dưới lòng sông. Thế mà có cả hàng trăm, hàng ngàn người Ấn Độ tắm gội, hụp lặn quanh năm suốt tháng tại dòng sông này mà chẳng nghe ai nói đến ốm đau, chỉ nghe và biết rằng dòng sông tuy vậy mà chẳng bị ô nhiễm. Những người Bà-la-môn đến đây để tắm gội, nghĩ rằng nước của dòng sông thiêng ấy sẽ gội sạch được tội lỗi của họ ở đời này và nhiều đời khác nữa. Không biết có phải chỉ nhờ vào lòng tin này mà có những bệnh tật nan y được chữa khỏi hay chẳng? Hay do một năng lực nào khác?

Chữ Varanashi cũng có nghĩa là “chư thiên đọa xứ”, nơi chư thiên bị đày xuống. Ngày xưa, ở đây có nhiều tiên nhân, nhưng ngày nay chỉ thấy toàn những người phạm tục, cõi trần, có cả đàn ông lẫn đàn bà đang tắm gội nơi đây. Trên dòng sông này cũng còn hình ảnh của những người theo đạo hỏa thể Ni-kiên-tử. Nghĩa là ngày xưa trong kinh điển điển tả như thế nào thì ngày nay tại dòng sông này vẫn còn lặp lại y như những thời xa xưa ấy. Những người



này trên thân họ chẳng quần một miếng vải nào, khắp mình được bôi tro trát trấu, mình và đầu vẽ lên nhiều hình tượng khác nhau. Họ ngồi trên những chiếc thuyền và bơi đi trên dòng sông thiêng này, miệng họ đọc kinh và dường như họ chẳng quan tâm đến những người chung quanh. Việc ai nấy làm là vậy.

Trên bờ sông Hằng, nhiều người hì hục khiêng những xác chết để lên một nơi đã định sẵn, đoạn chất củi để cháy chung quanh tử thi. Những người con trai đầu cạo nhẵn chỉ còn chừa lại một ít tóc để trả hiếu cho mẹ cha và đàn bà con gái hầu như không được lai vãng đến chốn này, mặc dầu người chết đó là chồng hay cha họ. Họ không được phép nhìn mặt lần cuối trước khi thân xác kia được hỏa thiêu. Sau 24 tiếng đồng hồ thiêu, thân cát bụi kia lại trả về cho cát bụi. Nào xương, nào thịt, nào da... bây giờ đã trở thành bụi trần và thân nhân hốt lấy cho vào hũ rồi đem thả xuống sông Hằng ngay trước mặt. Đó là người giàu có. Nếu người nghèo khó không đủ tiền thì họ đưa ngay đồng tro tàn xuống dòng sông thiêng kia, đoạn thân nhân khoác nước rửa tay, rửa chân, rửa mặt và trở lại chốn xưa.

Dường như người Ấn Độ nào cũng quan niệm rằng, trong cuộc đời phải đến được dòng sông thiêng này một lần, nếu không ít nhất lúc chết cũng phải khiêng xác đến đây, rồi nhấn chìm xác xuống dòng sông này trước khi đem thiêu. Như vậy là họ đã mãn nguyện lắm rồi. Thỉnh thoảng có những chú bò ngơ ngác đứng nhìn con người đang thực hiện nghi lễ hỏa táng như tự ngàn xưa còn lưu truyền lại, trong khi đàn chó dại đang chạy lang thang đâu đó để kiếm ăn và trên bầu trời cũng có nhiều con chim kên kên đang bay qua liệng lại để canh xác chết đang nằm đó.

Tôi vẫn thường hay nhắc nhở cho những Phật tử Việt Nam cũng như những người Đức biết rằng: Hành hương về xứ Ấn Độ, chính là hành hương về đất Phật, còn hành

hương về Trung Quốc là hành hương về chốn Tổ. Nếu ai đó có tâm kết nối với nhiều chuyến đi xa có thể ghé ngang qua Ấn Độ cũng là điều không phải là không thể, ít nhất là hạ cánh máy bay xuống Gaya, gần Bồ-đề Đạo Tràng để chiêm bái nơi thành đạo của Đức Phật, đây là một trong những nơi linh thiêng huyền diệu lạ thường.

Tại Trung Quốc có 4 Thánh Địa của 4 vị Bồ Tát. Đó là: Nga Mi Sơn, nơi hiện thân của Bồ Tát Phổ Hiền. Phổ Đà Sơn, nơi hiện thân của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Cửu Hoa Sơn, nơi hiện thân của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát và Ngũ Đài Sơn, nơi thị hiện của Ngài Đại Trí Văn Thù Sư Lợi. Thật ra 4 vị Bồ Tát này đều không có lịch sử rõ ràng như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tại Ấn Độ, nên chúng ta có thể nói rằng: Đây là những vị Bồ Tát có tính cách tượng trưng do chư Tổ Trung Hoa vì sự cảm ứng trong các kinh điển mà đã cho dựng nên những Đạo Tràng như thế để người đời sau có nơi y cứ mà tu hành, chứ trên thực tế thì chưa chắc gì 4 vị Bồ Tát này đã có mặt ở Trung Quốc, mà không có mặt ở Việt Nam, Đại Hàn, Nhật Bản hay ngược lại. Chẳng qua những gì đã trở thành thói quen thì việc ấy gọi là truyền thống, mà truyền thống đã trải qua nhiều đời lại trở nên một phong tục tập quán khó từ bỏ, vì đã ăn sâu, bám chắc vào cội rễ cùng văn hóa của xứ ấy rồi. Đây là sự thành công của chư Tổ Sư truyền thừa từ Ấn Độ qua Trung Hoa cũng như Nhật Bản. Khởi đi từ óc sáng tạo của người Trung Quốc, nên các vị Bồ Tát ấy cũng hiện thân nơi quốc độ này để giúp cho những ai tin tưởng nơi các Ngài được thành tựu những sự cầu nguyện hay nhằm đáp lễ một điều gì đó qua sự tin tưởng nguyện cầu của tín chủ.

Tinh thần của Phật giáo Đại Thừa là tinh thần thăng hoa lên đỉnh điểm cao nhất, mà Phật giáo Nguyên Thủy vẫn là nền tảng căn bản nhất. Ví dụ, 37 phẩm trợ đạo do Đức Phật dạy, dù rằng Nam Tông, Bắc Tông hay Kim

Cang Thừa, hay bất cứ một tông phái nào của Phật giáo xuất hiện đi chăng nữa thì không thể đi ra ngoài 37 phẩm trợ đạo này. Nếu có chăng thì đó là những việc thăng hoa mà thôi. Ví dụ trong kinh tạng Nam truyền chúng ta thấy rất rõ ràng là Tam Pháp Ấn chỉ có Vô Thường, Khổ và Vô Ngã, nhưng sau này Đại thừa phát triển mạnh về phương Bắc thì chư Tổ Sư đã thêm vào tinh thần của “Không” để trở thành Tứ Pháp Ấn. Nếu xét về nguyên tắc thì tinh thần này vẫn không sai, nhưng đứng về phương diện chơn truyền thì trong những kinh điển Nam truyền không thấy đề cập đến. Dĩ nhiên là cái “Không” này hay tánh không, Đức Phật có đề cập đến ở những nơi khác trong các tạng Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh và Tiểu Bộ Kinh.

Nói về phương pháp niệm Phật cũng thế. Trong Nikya chỉ đề cập đến 10 cách niệm. Đó là: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thí, niệm Giới, niệm Thiên, niệm an ban (sở tức), niệm hưu tức, niệm về ngũ ấm (thân vô thường) và niệm tử (về cái chết). Như vậy các Đại Luận Sư bên Đại Thừa cũng có thể căn cứ từ đây để suy diễn ra các phương pháp niệm Phật, niệm danh hiệu chư vị Bồ Tát. Thực hành nhiều cách như thế là để cho chúng sanh thích hợp với pháp môn nào thì cứ theo đó mà hành trì. Nếu chúng ta lấy một ví dụ điển hình để mô tả cho tinh thần phát triển này thì chúng ta sẽ dễ hiểu và dễ chấp nhận. Ví dụ, một đứa bé mới sinh ra, cha mẹ đặt cho nó một tên gọi, Nguyễn Văn Sinh chẳng hạn, và nó sẽ mặc bộ đồ của đứa bé mới sinh. Khi lên 3 tuổi, nó vẫn tên là Nguyễn Văn Sinh, nhưng nó không thể mặc bộ đồ của đứa trẻ lúc mới sinh được nữa. Lúc lên 5 tuổi, 10 tuổi, 20 tuổi, 30 tuổi, 50 tuổi hay cả khi đến chết, người ấy lớn dần, tên vẫn không thay đổi do cha mẹ đặt cho từ lúc nhỏ, nhưng áo quần, quan điểm luôn phải thay đổi theo thời gian và năm

tháng, nếu không là vậy thì Nguyễn Văn Sinh chẳng phải là Nguyễn Văn Sinh nữa. Phật giáo cũng giống như vậy thôi. Đạo Phật có mặt trên thế gian này đã trải qua hơn 2.500 năm lịch sử rồi và sự hiện diện của Phật giáo xuyên suốt từ Đông qua Tây, từ Nam đến Bắc, ngày nay trên cả 5 châu lục nơi nào cũng có tinh thần của Phật giáo hiện hữu, nếu đem so lại với cái gốc của Phật giáo Ấn Độ ngày xưa thì nó không còn nguyên vẹn nữa, nhưng cũng không thể nói rằng: Đây không phải là Phật giáo.

Về tinh thần Nguyên Thủy và Đại Thừa cũng vậy. Theo Ngài Thánh Nghiêm là một học giả của Đài Loan, tốt nghiệp Tiến Sĩ Phật Học tại Đại Học Risso Nhật Bản vào năm 1976, đã chứng minh qua quyển sách “So sánh Tôn Giáo học” mà Thầy Chân Tính đã dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt thì Ngài cho rằng: Trong kỳ kết tập kinh điển lần thứ nhất, tinh thần Phật giáo Đại Thừa không phải là chưa hình thành, nhưng vì lẽ Ngài Ma-ha Ca-diếp luôn chủ trương về hành thiền và tu hạnh đầu-đà (dhūta), nên Ngài chỉ triệu tập 499 vị A La Hán và sau này có thêm Ngài A-nan để trở thành 500 vị cùng một quan điểm, chứ Ngài Ma-ha Ca-diếp không triệu tập những vị đã chứng quả A-la-hán theo tinh thần Đại Thừa. Đây có thể là một sự sơ tầm, một sự chứng minh tương đối mới, trong cái cũ của mấy ngàn năm văn hiến Phật giáo và lý do này chúng ta có thể khả dĩ tin được.

Riêng tôi thì nghĩ rằng: Phật giáo giống như một cây đại thụ, trên thân cây có nhiều cành và nhiều lá, nhiều hoa, nhiều quả. Cành nào hút được chất nuôi dưỡng từ thân cây thì phát triển mạnh và cành nào không trực tiếp hấp thụ được chất dinh dưỡng từ thân cây chính, từ rễ cây, từ sự hấp thụ nước qua nhiều giai đoạn chuyển biến thì cành ấy sẽ bị chết ngay trên thân cây kia. Ví dụ, ngoài giáo đoàn của Đức Phật ra vẫn còn giáo đoàn của Da-xá, của

Đê-bà-đạt-đa, của tỳ-kheo Xa-nặc nữa. Những giáo đoàn này tuy cũng mọc ra từ cây đại thọ giác ngộ ấy, nhưng nó không thấm nhuần được tinh thần giới luật của Phật chế nên đã tự chết khô từ mấy ngàn năm nay và cũng không ai tiếp tục truyền thừa. Như vậy, tinh thần Đại Thừa là tinh thần phải khế hợp với căn cơ và thời đại cũng như phong tục, tập quán của những dân tộc được tiếp nhận và phải hòa nhập vào đó, biến thể theo nhiều hình thái khác nhau nhưng vẫn giữ gìn tinh túy cốt lõi của Phật pháp để tồn tại và phát triển, nên tại Trung Quốc mới có sự ra đời của bốn đại danh sơn, nơi mà 4 vị Bồ Tát này thị hiện theo văn hóa phong tục của người Trung Quốc.

Ví dụ như tinh thần Bồ Tát Quán Âm thì ở Ấn Độ, Tây Tạng, Ngài là nam nhơn chứ không phải người nữ, nhưng khi Phật giáo được du nhập vào các nước Trung Hoa, Đại Hàn, Việt Nam, Nhật Bản thì Ngài trở thành người nữ, mà trong những mẩu chuyện hiện thân của người nữ này thì Đại Hàn có Quan Âm Thiện Sĩ gồm một Hồng Hải Nhi và một con chim Đại Bàng ngậm chuỗi hạt bay bên Đại Sĩ, Trung Hoa lại có Quan Âm Diệu Thiện con của vua Diệu Trang Nghiêm, trong khi đó Việt Nam của chúng ta lại có Quan Âm Thị Kính. Đứng về phương diện lịch sử thì đây là thành quả từ dân gian và chính niềm tin tại những đất nước đó đã xây dựng nên những mẩu Bồ Tát đi vào đời để độ sanh như thế, chúng ta cũng không thể nói rằng những việc ấy là sai trái được.

Ngay trước khi Đức Phật nhập Đại Niết-bàn, Ngài cũng đã căn dặn A-nan rằng: Những giới luật nào không cần thiết thì nên bỏ bớt đi và những giới luật nào thích nghi với phong tục cũng như tập quán tại xứ đó thì phải giữ lại. Như vậy là Đức Phật đã cho phép, nhưng vì những giờ phút cuối của Đức Phật, ma Ba Tuần đã che mất tâm trí của Ngài A-nan, nên Ngài A-nan chẳng hỏi được là giới

nào nên bỏ và giới nào không nên bỏ. Do vậy trong kỳ kết tập kinh điển lần thứ nhất tại động Thất Diệp, Ngài Ca Diếp và Ngài Ưu Ba Ly cho trùng tuyên lại tất cả các giới để cho vào luật Tạng sau này. Như vậy chúng ta có thể nói rằng: Những hành xử của Đại Thừa đã lấy căn bản từ Phật giáo Nguyên Thủy, từ kinh Tạng Pali và những nhà chủ trương Đại Thừa đầu tiên như Ngài Mã Minh, Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân phát xuất từ Ấn Độ chứ không phải chỉ bắt đầu từ Trung Hoa hay Việt Nam hoặc Nhật Bản.

Cố Hòa Thượng Tuyên Hóa là người Trung Hoa, khi đến Hoa Kỳ hoàng pháp từ những năm 1972 đến đầu thế kỷ 21 tại Vạn Phật Thánh Thành gần San Jose, Ngài đã chủ trương rất phóng khoáng về việc truyền giáo tại quê hương mới này và từ tư tưởng Đại Thừa phóng khoáng đó, Ngài đã tạo ra 4 đại đô thị tại Canada và Hoa Kỳ thành 4 nơi thị hiện của 4 vị Bồ Tát như Ngài Văn Thù tại Calgary, Ngài Phổ Hiền tại San Francisco, Ngài Quan Âm ở Los Angeles và Ngài Địa Tạng ở San Diego. Trong hiện thế người ta nghe hơi chói tai, vì những vị Đại Sĩ này không hiện hữu tại Hoa Kỳ, nhưng 1.000 năm sau hay 2.000 năm nữa, biết đâu những nơi này sẽ trở thành những Thánh Địa linh thiêng của 4 vị Bồ Tát, thì chúng ta cũng không thể gọi đó không phải là Phật giáo được.

Dĩ nhiên, khi tinh thần nhập thế của Đại Thừa đi sâu vào tinh thần văn hóa bản địa để phát triển như thế, đôi khi cũng bị văn hóa địa phương chi phối không ít. Ví dụ như tại Nhật Bản thì Thần Đạo và Phật Đạo tuy không giống nhau, nhưng cái gì vô vi thì nhiều người cũng có thể tin đó là tánh không của Đạo Phật. Ở Việt Nam có đạo thờ cúng Tổ Tiên, Ông Bà. Đó không phải là Đạo Phật, nhưng chúng ta cũng không thể bỏ ra ngoài Đạo Phật được. Vì lẽ tinh thần thờ cúng Tổ Tiên, Ông Bà cha mẹ nhiều đời

nhiều kiếp, tinh thần uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây v.v... không đi ra ngoài tinh thần báo ân, báo hiếu của Đạo Phật mà xuất phát từ câu chuyện Tôn Giả Mục Kiền Liên vào địa ngục để cứu mẹ.

Như vậy, việc đi hành hương chiêm bái đến các chốn Tổ cũng rất cần thiết cho người Phật tử Việt Nam cũng như người ngoại quốc từ Âu Châu trở về Ấn Độ, Thái Lan, Dharamsara, Trung Quốc, Việt Nam, Đại Hàn hay Nhật Bản. Đôi khi những người học Phật Âu Mỹ ngày nay họ hay dùng từ Zen-Buddhismus để gọi tông phái của họ đang hành trì nữa. Chữ này nếu dịch đúng nghĩa là: Phật giáo Thiền. Mới nghe qua thấy có vẻ không có gì đáng quan tâm, nhưng nếu phân tích sâu vào nội dung thì Thiền không phải là Phật giáo, mà Thiền chỉ là một tông phái của Phật giáo. Nếu gọi Zen-Schule, Zen-School thì được. Điều này có nghĩa là Tông phái Thiền, ngành Thiền học v.v... có lẽ dễ nghe và dễ chấp nhận hơn. Vì lẽ những vị Đạo Sư dạy Đạo chỉ dạy cho Thiền Tào Động của Nhật Bản hay Thiền Lâm Tế của Trung Hoa, nhưng cũng ít người biết rằng Thiền Tào Động của Nhật Bản cũng có gốc gác từ Trung Hoa và Thiền Lâm Tế chắc hẳn phải bắt nguồn từ Ấn Độ. Mặc dầu là Thiền Mặc Chiếu hay Thiền Thoại Đầu hoặc Công Ấn hay gì gì đi nữa thì Thiền khởi đầu vẫn căn cứ từ kinh An Ban Thủ Ý. Đó là Thiền Chánh Niệm hay Thiền Quán hơi thở. Bên Nam Tông có Thiền Vipassana, nhưng dầu cho Thiền nào đi nữa thì cũng không thể thiếu Thiền Chỉ và Thiền Quán được. Nước từ thượng lưu chảy dần xuống trung lưu rồi hạ lưu, cũng là dòng nước ấy, nhưng khi nước chảy qua những khúc sông bị lở hay bồi thì nước kia phải tùy thuận uốn cong mình để chảy theo địa hình núi non hiểm trở ấy. Cuối cùng nước chảy ra biển và khi nước đã hòa mình vào biển cả rồi thì nước ấy là nước chung cho mọi tên gọi, chứ không còn gọi tên một loại nước nào khác nữa.

Điều này Đức Phật cũng đã dạy qua kinh tạng Nam truyền rằng: Giáo lý của Ngài không có sự phân biệt giai cấp và tôn giáo khi máu của ai cũng đỏ và nước mắt của ai cũng mặn. Ngoài ra tánh Phật của mỗi chúng sanh đều có, dầu cho đó là người thuộc giai cấp bà-la-môn, giáo sĩ, thương nhân, phê-xá hay thủ-đà-la đi chăng nữa, khi họ chứng quả tối thượng Bồ-đề thì quả vị ấy không sai khác, cũng giống như những dòng sông tại Ấn Độ tuy chỗ phát xuất khác nhau, nhưng khi nước sông kia chảy vào biển cả thì nước sông Hằng hay sông Tín Độ cùng nhiều con sông khác nữa, cũng sẽ có chung một tính chất là ướn. Phật tánh của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy.

Nhiều người Đức theo Phật giáo Tây Tạng, đôi khi chỉ nghĩ về văn hóa, ngôn ngữ, nghệ thuật của Tây Tạng. Điều ấy hẳn sai. Vì Phật giáo đồng hóa chung vào nền văn hóa của dân tộc ấy, nhưng không bị đồng hóa hoàn toàn bởi những văn hóa của dân tộc kia. Đó mới gọi là Đạo Phật. Đạo của hiểu biết và thương yêu. Đạo của tình thương, của Từ Bi và Trí Tuệ. Người Phật tử dầu là người Đức, người Pháp hay người Việt Nam đi chăng nữa thì nên nắm vững tinh thần này để học Phật, tu theo Phật, hành theo hạnh Phật thì muôn đời Phật giáo vẫn còn tồn tại trên thế gian này.

*(Hai Chương trên được viết tại Nhật Bản,  
xong vào ngày 9/8/2018)*





# TANG LỄ, HÔN LỄ VÀ NHỮNG NGÀY LỄ LỚN TRONG NĂM

## Tang lễ

**C**hương này tương đối có nhiều vấn đề để trình bày. Đầu tiên xin đề cập đến vấn đề tang lễ của người Việt Nam tại Đức nói riêng và tại Âu Châu nói chung. Sở dĩ chúng tôi chỉ đặc biệt nói về nước Đức, vì nơi đó tôi đã sống hơn 40 năm (1977-2018), nên rành rẽ về phong tục, tập quán của xứ này cũng như việc phải xử sự như thế nào khi một người sắp lâm chung và cử hành một tang lễ. Riêng nghi lễ tống táng hay tang lễ Phật giáo Việt Nam tại Đức thì đã được Hạnh Giả viết một luận án Tiến sĩ bằng tiếng Đức vào năm 2011 và cũng đã được dịch ra tiếng Việt. Quý vị ở Đức có thể tham cứu thêm sách của Hạnh Giả để được hướng dẫn tường tận hơn.

Ở Âu Châu mỗi nước đều có cách riêng ở các nghĩa trang hay nhà quàn khi cử hành và tổ chức một tang lễ. Mặc dầu chôn cất hay hỏa thiêu, hay rải tro vào rừng, vào biển v.v... mỗi nơi đều có một luật lệ riêng và nơi đây tôi chỉ xin trình bày những việc xảy ra tại nước Đức này.

Thông thường khi một người sắp lâm chung, thân nhân cũng có thể làm theo yêu cầu của họ. Ví dụ như sau 8 tiếng đồng hồ mới liệm, hoặc giả muốn đem về nhà để cho tới 36 tiếng đồng hồ, sau đó mới đem đi chôn, thiêu hay mang vào nhà quàn v.v... Tất cả những việc này đều có thể thực hiện được cả, nhưng với điều kiện là người thân phải trình báo cho nhà chức trách tất cả những sự việc mà người thân của

mình mong muốn. Đa phần đều được chuẩn y, không phải bằng miệng, mà tất cả đều phải qua giấy tờ của những cơ quan sở tại có trách nhiệm trực tiếp về vấn đề tổ chức một tang lễ.

Thông thường khi trong gia đình có người thân sắp ra đi, hay đã ra đi, điều đầu tiên là thân nhân nên liên lạc về chùa. Quý Thầy và quý Sư Cô sẽ coi ngày thuận tiện cho việc liệm, để tang, tiễn đưa lần cuối, thiêu hay chôn cất v.v... Trong một tuần lễ đến nửa tháng phải thực hiện cho xong việc này. Ở những thành phố nhỏ ít có vấn đề, nhưng những thành phố lớn, đa phần những người chết cũng phải sắp hàng để được chôn cất hay hỏa thiêu theo thời gian giữa nhà chùa và nhà quản ấn định. Ở những thành phố lớn, những nghi lễ này thường xảy ra trong vòng một tiếng đồng hồ tại nhà cầu nguyện, sau đó đưa thi hài người chết ra nghĩa địa để chôn cất hay đưa thẳng vào lò thiêu.

Ở Pháp thường cho thân nhân tham gia lễ hỏa táng và chờ sau khi thiêu xác xong, thân nhân có thể tự tay mang cốt của người thân mình về chùa hay về nhà, không cần giấy phép của cơ quan nào cả, nhưng ở Đức thì không được quyền này, mà tất cả đều phải do nhà quản lo liệu. Điều này có nghĩa là sau khi thiêu xong, hũ cốt ấy gửi đi đến đâu thì tại địa phương lưu giữ hũ cốt ấy phải có giấy nhận cốt thì nhà quản bên Đức mới gửi về một chùa hay một cơ sở nghĩa địa nào đó như ở Việt Nam, Trung Quốc hay Hoa Kỳ và phải có giấy xuất cảnh của cái cốt kia mới hợp lệ, còn thân nhân của người mất sẽ không được làm bất cứ một việc gì cả, ngoại trừ việc tham dự lễ tống táng của người thân.

Ở Đức, khi thiêu đa phần họ không cho gia đình vào nơi lò thiêu và nếu có cũng chỉ vài ba người họ hàng quyến thuộc và một vị Sư. Có lẽ nơi thiêu chặt hẹp cũng như có

thể nguy hiểm đến tánh mạng của người còn sống hoặc giả thân nhân khi chứng kiến ngọn lửa đốt cháy quan tài có thể bị kích động chẳng? Có thể có nhiều lý do khác nhau nữa, nhưng luật ở Đức là vậy.

Sau khi thiêu, nếu thân nhân muốn đem cốt về chùa thờ đến 49 ngày cũng được, nhưng sau đó phải đem chôn vào nghĩa địa của chùa. Hầu như tất cả chùa Việt Nam ở Đức đều được chính phủ cấp cho một phần đất trong nghĩa trang của chính phủ, như chùa Viên Giác Hannover, chùa Bảo Quang Hamburg, chùa Linh Thứu Berlin v.v...

Sau khi chôn cất xong còn làm bia cho người mất và thông thường có hai cách chôn. Cách thứ nhất là chôn sau 20 hay 25 năm sẽ được gia hạn, loại này gọi là Wahlen Grab (trong 1m<sup>2</sup> có thể chôn đến 4 hũ cốt) và cách thứ hai gọi là Rheinhen Grab (loại này sau 20 năm biến mất luôn và không được gia hạn). Mộ bia cũng phải làm theo kích thước cũng như loại đá mà nghĩa địa cho phép.

Ở Đức ngày nay có 4 cách tống táng:

Cách thứ nhất là chôn cất, cách này đa phần chúng ta đã quen, không khác bên Việt Nam là mấy.

Cách thứ 2 là thiêu, thiêu xong rồi chôn, nhưng cách thứ 2 này có thể chọn 3 phương pháp khác nhau để lo cho người thân của mình. Phương pháp A đã được trình bày bên trên. Phương pháp B là đem ra biển để rải cốt này. Nói thì đơn giản vậy, chứ không phải đem đi biển nào cũng được và thả ở đâu trên biển cũng được. Tại Đức có thể thả ở biển Puttgarten, Kiel và Nordsee, nhưng phải do nhà quản loại thủy táng đảm trách, chứ chúng ta không một ai được tự thực hiện nghi lễ này. Vì lẽ chúng ta không biết là rải cốt nơi đâu và hũ đựng cốt phải bằng vật liệu gì để sau 24 tiếng đồng hồ, cốt ấy tự phân hủy vào nước biển. Thân nhân chỉ có thể quyết định ngày tháng để rải cốt qua sự

điều đình với vị Sư của chùa ở gần đó và có bốn phận phải chi trả số tiền tốn kém mà thôi. Cách này thật ra rất tiện lợi, vì không phải làm bia mộ, cũng chẳng phải chăm sóc mộ hằng tháng, hằng năm và cũng chẳng phải gia hạn sau 20 năm v.v...

Loại C mà ngày nay ở Đức cũng có rất nhiều người thực hiện. Cách này gọi là Waldbestattung (chôn vào rừng), nghĩa là ở những cánh rừng được ấn định sẵn, thân nhân mang cốt của người đã qua đời vào chôn dưới một gốc cây, nơi đó cũng đã có chôn nhiều hũ cốt rồi. Nơi đây không có bia mộ, không ghi tên tuổi của người mất, không nhang khói v.v... đây gọi là những ngôi mộ ẩn danh.

Ngoài ra cũng có nhiều người sau khi thiêu, mang hài cốt của thân nhân mình về Ấn Độ để rải nơi sông Ni Liên hay sông Hằng v.v... cũng có không ít người đã thực hiện việc này. Đồng thời cũng có những người muốn mang cốt của thân nhân mình về Việt Nam hay Trung Quốc. Tất cả đều được phép, nhưng phải qua những thủ tục như trên, mà cơ quan nhà nước Đức đã ấn định.

Cho đến nay ở tại Đức hay Âu Châu mới chỉ có những loại hình tống táng như thế, không biết trong tương lai còn loại nào khác nữa không, nhưng tất cả cũng chỉ là “thân cát bụi sẽ trả về với cát bụi”. Điều này ứng với lẽ vô thường và sanh diệt của vạn pháp trên thế gian này, Đức Phật đã dạy cho chúng ta trong nhiều kinh điển khác nhau. Điều quan trọng là chúng ta đã ý thức như thế nào về sự sống và sự chết này hay chưa? Ai sinh ra rồi cũng phải đi vào chỗ chết cả, nhưng chết như thế nào, đó là cách của một người thường hay của một bậc đại nhân thì chúng ta nên tự quyết định cho sự ra đi của mình trong lúc vẫn còn sống, hơi thở vẫn còn đều với nhịp đập của con tim là điều quan trọng nhất.

## Hôn lễ

Đám cưới, danh từ trong chùa gọi là “Hàng Thuận”, nghĩa là cả đàn ông và đàn bà có chung một lý tưởng, một hướng đi. Do vậy trước khi hôn lễ được cử hành chính thức, cô dâu chú rể hay cha mẹ hai bên nên đến chùa để gặp vị Thầy hay Sư Cô trụ trì để dự tính tổ chức một buổi lễ cưới theo tinh thần của Phật giáo, thì việc này cũng không phải là mới so với người Phật tử Việt Nam trên dưới 100 năm nay.

Sau khi đã sắp đặt ngày tháng rồi, cô dâu chú rể lo in thiệp cưới, mời bà con họ hàng hai bên và kể cả những người quen thân của hai họ nữa. Trên thiệp cưới thường ghi rõ là Lễ Hàng Thuận tổ chức vào lúc mấy giờ tại chùa nào. Nếu người bạn buổi tối không đi tham dự tiệc cưới được, thì cũng có thể đến chùa mừng cho cô dâu chú rể cũng không sao cả. Đa phần người ta hay tổ chức vào trưa thứ bảy tại chùa và tối thứ bảy là tiệc tùng để cô dâu chú rể đón mời những khách đến tham dự tiệc cưới tại tư gia hay tại một nhà hàng đã định trước. Thỉnh thoảng cũng có những đám cưới làm lễ tại chùa vào ngày chủ nhật và tối đó có tiệc tùng để khoản đãi hai họ. Ở hải ngoại ngày nay đa phần đều bận công ăn việc làm, nên tất cả các lễ nghi tôn giáo hầu như đều dồn vào 2 ngày cuối tuần thứ bảy và chủ nhật. Ngoại trừ lễ tang, ít có nơi nào tổ chức vào ngày chủ nhật, nhiều lắm là ngày thứ bảy có thể cử hành, nhưng tang lễ đa phần được bắt đầu từ sáng thứ hai cho đến chiều thứ sáu.

Cô dâu chú rể đa phần ăn vận theo lễ phục truyền thống, nghĩa là áo dài khăn đóng, khi đến làm lễ tại chùa và vị Thầy chủ lễ sẽ sắp đặt cho tân lang và tân giai nhân quỳ lên phía trên riêng biệt và cùng lặp lại lời thệ nguyện 3 lần theo tinh thần của kinh Thiện Sanh. Tiếp đó vị thầy

sẽ giảng về ý nghĩa của đạo vợ chồng và cuối cùng là chú rể đeo nhẫn cho cô dâu và ngược lại cô dâu cũng sẽ đeo nhẫn cho chú rể. Sau phần nghi lễ tụng kinh cầu nguyện và nghe bài giảng là phần chụp hình lưu niệm. Sau phần này có thể dùng trưa hay dùng trà bánh tại chùa. Việc này tùy theo gia đình hai bên, nên sắp đặt trước với vị Thầy Trụ Trì thì sẽ hay hơn.

## Ngày Tết

Về những ngày lễ truyền thống của Phật giáo Việt Nam tại xứ người. Đầu tiên chúng ta phải kể đến Tết Nguyên Đán của người Việt. Tết này không phải của Phật giáo, nhưng ngày mồng một tháng giêng vốn là ngày Đản Sinh của Ngài Di Lặc, nên Phật giáo Đại Thừa đã chấp cánh cùng dân tộc Việt Nam tổ chức những ngày Lễ Tết rất trọng thể gồm những phần như sau: Lễ đưa chư Thiên về Thiên Cung, Lễ rước Ông Bà hay cúng tất niên, lễ đón giao thừa, lễ Phật đầu năm, lễ đưa Ông Bà, lễ đốt đèn Dược Sư, lễ Rằm Tháng Giêng v.v... chúng ta sẽ tuần tự điểm qua từng lễ một để ghi lại những nét đẹp văn hóa của người Việt đang sống tại xứ người.

Thông thường từ ngày 23 tháng chạp trở đi, các chùa ở trong nước cũng như ở hải ngoại đều tất bật lo chùi dọn chùa viện từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới. Nơi đâu cũng được sơn sửa cho mới để “tống cựu nghinh tân” và thời gian 7 ngày cuối năm này đa phần các chùa đều úp chuông mõ xuống, gọi đây là những ngày tiễn chư thiên về Thiên cung. Đó là cách nói hoa mỹ, chứ thật ra tiếng nói dân gian thường hay gọi là “đưa ông Táo về trời”. Nhưng ngày nay ở hải ngoại đều dùng bếp gas hay bếp điện, làm gì có ông Táo mà đưa. Và lại chữ Trời đối với dân gian là

một vị Chúa Tể, mà trong đạo Phật thì ít gọi Trời, mà gọi là chư Thiên ở cõi Dục hay chư Thiên ở cõi Sắc.

Dầu sao đi nữa, đối với các chú tiểu mới vào xuất gia thì đây là thời gian vui nhất, vì lễ không phải dậy sớm hằng ngày, ít nhất là một tuần lễ. Đến trưa ngày 30 Tết, nếu tháng thiếu thì ngày 29 âm lịch, chùa cũng có lễ rước ông bà, nếu chùa nào không cúng lễ này thì có buổi lễ sám hối tất niên vào buổi tối, kéo dài thời gian đến 24 giờ khuya để đón giao thừa, thường có tiết mục văn nghệ do các Gia Đình Phật tử đảm trách cùng với các nghệ sĩ nhà nghề. Trước hay sau đó có lễ chúc thọ lên chư Tôn Đức của Ban Hộ trì, Chi Hội hoặc Gia Đình Phật tử lên quý Thầy, Cô đang đảm trách nhiệm vụ Trụ Trì của chùa và quý Thầy, Cô cũng lì-xì trở lại để lấy hên vào đầu năm mới.

Đúng 12 giờ khuya, tiếng Đại Hồng Chung đầu tiên được vang lên giữa không gian yên ả của đêm trừ tịch, kèm theo đó là tiếng pháo nổ giòn tan của những người đi lễ đốt, hòa quyện với khói hương cũng như tiếng trống, tiếng linh, tiếng tang của chư Tăng Ni hòa nhịp sau khi vị chủ lễ khai lễ đầu xuân. Vì là không khí ngày xuân, nên đa phần chỉ tụng bài tựa của kinh Lăng Nghiêm, Lễ Di Lạc và Tự Quy Y. Sau đó, vị sư Trụ Trì quay xuống phía dưới Phật tử để chúc phúc đầu năm. Thông thường là những lời đạo từ ngắn hay đọc thông điệp của Giáo Hội nhân dịp Tết đến Xuân về. Cuối cùng là phát lì-xì và 2 quả quít. Một quả tượng trưng cho Đại Cát và một quả tượng trưng cho Đại Lợi. Đôi khi vị Trụ Trì còn phát sô-cô-la đầu xuân cho những người đi lễ nữa.

Cả ngày mồng một, mồng hai cũng như vậy, suốt từ sáng đến tối, chùa không bao giờ vắng khách thập phương lai vãng. Nếu năm nào đón giao thừa vào tối thứ sáu là một cái Tết tuyệt vời, vì những ngày lễ cuối tuần sẽ có



đông Phật tử lui tới, nhưng dấu cho ngày mồng một Tết có rơi vào ngày nào trong tuần đi chăng nữa thì đa phần người Việt sống xa xứ của chúng ta cũng lấy ngày nghỉ để đi chùa lễ Phật đầu năm.

Đến ngày mồng ba ít khách vắng lai, chùa thường hay tổ chức trì tụng kinh Pháp Hoa hay kinh Dược Sư trong một ngày hay kéo dài đến rằm tháng giêng, trước khi cúng cầu an, nhưng sao giải hạn.

Ngày Tết cũng như ngày thường ở ngoại quốc ngày nay việc ăn mặc áo quần mới để về quê ngoại như ngày nào ở tại quê hương hầu như không còn nữa, vì ngày nào cũng ăn mặc chỉnh tề để đến sở, nên cả người lớn cho đến trẻ em ngày nay ở ngoại quốc không phải nô nức chờ đợi Tết đến để được mặc áo quần mới như xưa nữa, mà Tết là một nét văn hóa đặc thù của tất cả những dân tộc trên thế giới, nên câu tục ngữ, “Có đói cũng ngày Tết, có hết cũng ngày mùa” thật là đúng với mọi người và mọi hoàn cảnh ở khắp mọi nơi trên hành tinh này.

Từ mồng 8 đến Rằm Tháng Giêng, không khí vui Tết đã bắt đầu lắng dịu dần, thay vào đó mọi người đều phải bắt đầu lại công ăn việc làm thường nhật của mình như những người chung quanh và cái Tết cổ truyền cũng như Rằm Tháng Giêng dần trôi về dĩ vãng và chờ đợi 365 ngày sau nữa, mọi người lại nô nức để đón Xuân sang. Xuân sắp tới sẽ già hơn xuân này và nhân mùa xuân ngay trong ngày mồng một Tết, người Việt Nam gọi là mừng tuổi. Vì chính ngày linh thiêng này người Việt Nam đón một tuổi mới, nên gọi là tuổi Ta, còn tuổi Tây tức là tuổi khi giáp một năm, đúng ngày sinh nhật mới tính một tuổi. Chư Tăng Ni sau khi kiết hạ an cư 3 tháng từ Rằm tháng Tư đến Rằm tháng Bảy sẽ có một ngày Lễ Tự Tứ hay giải chế và chính ngày này chư Tăng Ni sẽ có thêm được một tuổi

hạ. Chỉ 3 tháng tính một tuổi, chứ không phải đủ 12 tháng trong 1 năm mới tính một tuổi. Tuổi Đồi và tuổi Đạo khác nhau như vậy.

## Lễ Phật đản

Trước năm 1963, tại Việt Nam thường cử hành Lễ Phật Đản Sinh vào ngày mồng 8 tháng 4 âm lịch, nhưng về sau này đa phần đều cử hành lễ này vào ngày Rằm tháng 4. Vì lễ chữ Vesak có nghĩa là trăng tròn, mà trăng mồng 8 thì chưa tròn, nên chưa gọi là Vesak được. Và lại tổ chức Phật giáo Liên Hữu Thế Giới (World Buddhist Fellowship) sau này đã ấn định lại Vesak cũng có nghĩa là Lễ Tam Hợp. Đó là ngày Thành Đạo, ngày Đản Sinh và ngày nhập Niết Bàn của Đức Phật. Tuần tự là rằm tháng hai, rằm tháng tư và rằm tháng 12.

Ngày xưa ở Việt Nam lễ này đối với người Phật tử rất trọng đại, nên ngoài đường có diễn hành xe hoa đi khắp phố phường, phóng sinh, phóng đăng v.v... Nhưng ngày nay ở ngoại quốc, nếu nơi nào có người Việt ở đông đảo như Nam Bắc California, Hoa Kỳ, năm khi mười họa mới có một lần tổ chức xe hoa như thế để rước kiệu Đức Thế Tôn đi ngoài đường phố công cộng, trong khi Âu Châu này, ngay cả ở Paris, nơi có số người Việt đông đảo, nhưng chưa bao giờ tổ chức được một lễ hội to lớn như thế ở bên ngoài cho công chúng. Nếu có chăng thì những vị Đại Sứ của các nước Phật giáo như Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện v.v... thường mượn trụ sở của Liên Hiệp Quốc để tổ chức tụng kinh, đọc thông điệp của Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc nhân ngày Đản Sinh của Đức Phật, cúng dường trai tăng, thuyết trình v.v... Ở đây sẽ nhận chân ra được tính cách truyền thống của một số nước theo Phật giáo khác nhau về y vàng, ẩm thực, ngôn ngữ để tụng kinh v.v... Nhưng tất

cả cũng đều hướng về một điểm. Đó là kính mừng sự ra đời của Đức Phật, nhằm làm sáng tỏ giá trị nhân bản của Ngài như Ngài đã tuyên bố trong kinh Pháp Hoa là chư Phật xuất hiện trên đời này với mục đích là “Mở bày cho chúng sanh đi vào tri kiến của Phật.”

Ngoài ra, hầu như tự viện nào cũng cử hành lễ Phật Đản để cho Phật tử có cơ hội đến chùa lễ bái nguyện cầu, nghe giảng pháp v.v... Ở đây phải nói là mùa Phật Đản mới đúng, vì lẽ mỗi khi Phật Đản hay Vu Lan về ở Âu Châu, Mỹ Châu hay Úc Châu, phải cử hành vào 4 cái cuối tuần, đôi khi có cả 8 nơi tổ chức lễ, có như vậy chư tôn Trưởng Lão mới có thời gian để đi chứng minh và thăm viếng ở những nơi xa xôi hơn. Như vậy cũng tiện cho một số Phật tử nữa, vì lẽ nếu cuối tuần này bận, không tham gia dự lễ Phật Đản ở chùa này được, thì tuần tới hay tuần tới nữa đi đến những chùa khác để lễ bái nguyện cầu. Như vậy thật là sự lợi lạc cả cho nhiều bên, nhiều sự kiện.

## Lễ Vu Lan

Đến mùa Vu Lan báo hiếu lại là một dịp khác nữa để người con Phật thể hiện chữ Hiếu của mình đối với hai đấng sanh thành, ngay cả người còn lẫn kẻ đã ra người thiên cổ. Đây là đạo hiếu của người Á Đông nói chung chứ không phải chỉ có riêng nơi người Phật tử. Trong Tăng Chi Bộ Kinh tập I - Chương II (VI): 2 trang 119, 120 có nói về sự đền đáp công ơn cha mẹ mà Đức Phật đã dạy rằng:

“Này các tỳ-kheo, ta tuyên bố rằng có hai vị mà con người không thể nào đền đáp được công ơn. Hai vị ấy là ai vậy? Đó là Cha và Mẹ.

“Thậm chí nếu một người trên một vai cõng mẹ và vai kia cõng cha, làm như vậy nếu sống được một trăm năm,

cho đến khi tuổi tròn một trăm và nếu người ấy chăm sóc cha mẹ bằng cách bôi dầu, xoa bóp, tắm rửa, đấm bóp tay chân và ngay cả dọn phân của cha mẹ. Như vậy người ấy vẫn chưa làm đầy đủ bốn phận đối với cha mẹ, cũng chưa đền đáp được công ơn của cha mẹ. Ngay cả nếu người ấy thiết lập, bố trí cha mẹ như những vị vua chúa tối cao trên quả đất này với bảy báu vật thật sang trọng, người ấy vẫn chưa làm đủ bốn phận đối với cha mẹ, cũng chưa đền đáp được công ơn của cha mẹ. Vì sao? Vì công ơn của cha mẹ thật vĩ đại, cha mẹ nuôi con khôn lớn, cho con ăn và dạy cho con biết về cuộc đời.

“Nhưng, người mà cha mẹ không có lòng tin, biết khuyến khích, sắp xếp và bố trí cho cha mẹ có lòng tin, người có cha mẹ thiếu đạo đức biết khuyến khích, sắp xếp và bố trí cho cha mẹ sống có đạo đức, người có cha mẹ keo kiệt, biết khuyến khích, sắp xếp và bố trí cho cha mẹ biết bố thí, người có cha mẹ còn mê muội, biết khuyến khích, sắp xếp và bố trí cho cha mẹ có trí tuệ. Đây các tỳ-kheo, một người như vậy là đã làm đầy đủ bốn phận đối với cha mẹ: Người ấy đã đền đáp công ơn cha mẹ và đã đền đáp nhiều hơn những gì mà cha mẹ đã làm cho người ấy.”

Đoạn văn này do cố Hòa Thượng Thích Minh Châu, Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn dịch thẳng từ tiếng Pali và đoạn văn này cũng được Đạo hữu Nguyên Nhật Trần Như Mai ở Úc dịch theo quyển: “Lời Phật dạy về sự hòa hợp trong cộng đồng và xã hội - Hợp tuyền từ kinh tập Pali ở trang 265. Đây là những lời xưa nhất được phát xuất ra từ kim khẩu của Đức Phật. Vào cuối đời của vua Tịnh Phạn, chính Đức Phật đã về thăm bệnh vua cha, nói pháp cho vua cha nghe và ngay cả lúc đi hỏa thiêu Đức Phật cũng đã kê vai vào quan tài để đưa vua cha đi thiêu. Như thế chữ hiếu đã vẹn toàn, dầu cho là Đức Phật hay một đấng quân vương nào trên trần thế này đi chăng nữa

cũng không thể thiếu bốn phận này đối với hai đấng sinh thành.

Khi Đạo Phật được truyền đến các nước khác theo Nho giáo như Trung Hoa, Đại Hàn, Việt Nam và Nhật Bản, thì Đạo Phật nghiêm nhiên được chấp nhận một cách dễ dàng theo truyền thống đạo hiếu của việc làm người. Cũng từ lời dạy căn bản trong kinh tạng Pali này mà có những bản kinh như Vu Lan Bồn hay kinh Báo Ân Phụ Mẫu v.v... cũng không ngoài chữ Hiếu mà Đức Phật đã dạy cho các Thầy tỳ-kheo khi Đức Phật còn tại tiền. Như vậy giữa tinh thần Nam Truyền và Bắc Truyền không khác nhau nhiều về đạo làm con khi phụng dưỡng cha mẹ. Bên Đại thừa còn tạo thêm nơi việc ở hiền gặp lành, gieo gió gặt bão qua câu chuyện của bà Thanh Đề mẹ ngài Mục-kiền-liên hay hiếu nữ Quang Mục, tiền thân của Bồ Tát Địa Tạng trong kinh Địa Tạng, nhằm giúp chúng sanh mê muội đời nay thấy rõ được nẻo chánh đường tà và khuyên cha mẹ trở về con đường thiện như phần hai của đoạn kinh văn trên thì đó mới là việc trả hiếu đúng nghĩa nhất.

Lễ Vu Lan được tổ chức vào ngày Rằm tháng Bảy âm lịch, nhưng trước đó cả tuần các chùa đều có dâng số cầu siêu cho các hương linh đã quá vãng ở đời này hay nhiều đời trước nữa. Nhân cơ hội này, chùa cũng cầu nguyện cho những anh hùng liệt nữ “vị quốc vong thân”, có thể nơi rừng sâu nước độc hay trên biển cả mệnh mông, cũng như những oan hồn không nơi nương tựa, chưa tái sinh được sau 49 ngày. Do vậy mà các chùa thường hay tổ chức lễ cúng Đại Thí Mông Sơn hay lễ Chẩn Tế Cô Hồn. Đây chính là cơ hội để âm dương có thể giao hòa với nhau về tư tưởng “sống gói thác về” và để tưởng nhớ đến những người thân mình đã quá vãng.

Sau này, nhất là từ những năm vào thập kỷ 60 trở lại đây, qua tác phẩm Bông Hồng Cài Áo của Thiên Sư Nhất

Hạnh đã được Phạm Thế Mỹ phổ nhạc, được hát lên trong ngày Vu Lan báo hiếu. Ai còn mẹ thì cài lên mình một đóa hoa màu hồng và ai mất mẹ thì cài lên áo một cành hoa trắng. Màu trắng tượng trưng cho sự tang thương mất mát. Theo tôi thì đây là tác phẩm hay nhất trong 150 tác phẩm của Thiên Sư Nhất Hạnh. Tuy là tác phẩm mỏng nhất, nhưng đã được dịch ra hơn 50 ngôn ngữ trên thế giới và hầu như gần 90 triệu người Việt Nam ở trong cũng như ngoài nước không ai là không biết đến bài hát về Mẹ được phổ từ tác phẩm này nhân mùa Vu Lan báo hiếu về.

Sau này trong nước có nhạc sĩ nào đó sáng tác bài “Tâm sự người cài hoa trắng” cũng rất hay, đã nói lên được tất cả tình cảm của người con đã mất mẹ khi thấy mình đơn cô giữa chợ đời. Tiếp đến có bài “Tình cha” hay “Uống nước nhớ nguồn” cũng được các ca sĩ nổi tiếng hay nghiệp dư hát lên trong mùa Vu Lan báo hiếu, khiến cho ai nấy cũng ngậm ngùi và nhớ đến công đức của hai đấng sinh thành qua sự diễn tả tài tình của các ca sĩ cũng như nội dung của những bài hát đã chuyển tải được nỗi lòng của những người con khi còn cha mẹ và ngay cả khi cha mẹ không còn bên mình nữa.

Ngày nay ở khắp nơi nơi hải ngoại, mỗi chùa mỗi vẻ tổ chức Lễ Vu Lan khi nắng hạ đã yếu dần, lá vàng ngoài sân bắt đầu đổ xuống thì những đoạn văn ngắn về tâm sự của chiếc hoa hồng hay nỗi cô đơn của cành hoa trắng cũng đã được những văn sĩ nào đó gọt giũa thành những câu văn thật là đậm đà tình nghĩa mẹ cha cũng như thiên nhiên đất trời và vạn vật. Nếu có một ngày nào đó trời thật trong, đọc những đoạn văn như thế thật là khúc chiết thì đâu đó trong chánh điện, nơi giảng đường ta sẽ thấy được những giọt nước mắt lăn dài trên hai gò má của nhiều người. Thỉnh thoảng lại có những tiếng nấc ngậm ngùi như nhớ lại hai đấng từ thân vào một thuở xa xôi nào đó, mà giờ

ngồi đây người con lại không có cơ hội để đền đáp công ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha trong muôn một ấy.

Thỉnh thoảng cũng có những màn cải lương, những câu vọng cổ hay những màn kịch ngắn được trình diễn trên những sân khấu của chùa và nếu những nghệ sĩ chuyên nghiệp diễn xuất thì cũng không khó lấy đi những giọt nước mắt của những khán thính giả đang ngồi xem. Những tràng pháo tay như chưa bao giờ dứt, những giọt nước mắt như chưa bao giờ ngưng và tiếng than khe khẽ đầu đó của những người một thời làm cho mẹ khổ tâm cũng được thể hiện qua nhiều phong thái khác nhau của những nghệ sĩ điêu luyện diễn xuất hay những người xem cùng cảnh ngộ.

Vu Lan về gợi nhớ đến công đức sanh thành dưỡng dục của mẹ cha. Dầu cho chúng ta có đang sống ở chân trời góc biển nào đi nữa thì không ai là không có cha tạo thành và không ai là không có mẹ để dưỡng nuôi ta thành người, đưa ta vào đời, tạo công danh sự nghiệp cho ta. Và vì thế bốn phận làm con, dầu là người xuất gia hay tại gia chúng ta cũng không được phép quên ơn dưỡng dục cù lao ấy. Ân ấy cao tợ non xanh, nghĩa ấy sâu hơn biển cả. Do vậy mà ca dao Việt Nam mới có câu:

*Công cha như núi Thái Sơn,*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

## LỄ HỘI QUÁN ÂM

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, là một vị Bồ Tát bên Đại Thừa Phật giáo, được xem là biểu tượng của lòng từ bi cứu độ chúng sanh, qua phẩm Phổ Môn thứ 25 trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà người Phật tử Việt Nam nói riêng cũng như những xứ Á Châu theo Phật giáo Đại Thừa nói chung vẫn thường hay lễ bái cầu nguyện. Ngài là một vị Bồ Tát

hầu cận Đức Phật A-di-đà, theo kinh A-di-đà. Ngài không phải là một vị Bồ Tát lịch sử, nghĩa là từ trong kinh điển và qua lời giới thiệu của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà mỗi dân tộc theo Đại Thừa Phật giáo tạo hình tượng Ngài khác nhau.

Ví dụ, hình tượng của Ngài được tạc ở Ấn Độ, Tây Tạng, Bhutan với dạng người nam chứ không phải người nữ. Những hình này cũng đa dạng như Quan Âm ngàn tay ngàn mắt, Quan Âm 4 tay, Quan Âm 11 đầu v.v... Nhưng khi tinh thần Phật giáo Đại Thừa đến Trung Hoa thì Quan Âm trở thành người nữ với sự tích Công chúa Diệu Thiện con vua Diệu Trang Nghiêm.

Tinh thần Quan Âm khi đến Đại Hàn cũng trở thành hiện thân người nữ, nhưng là câu chuyện của Quan Âm Thiện Sĩ và khi Đức Quan Thế Âm được du nhập vào Việt Nam thì Ngài trở thành Quan Âm Thị Kính. Ngày nay ở các nước Nam Tông như Thái Lan, Tích Lan, hay Miến Điện, trong các chùa vẫn có thờ tượng của Bồ Tát Quán Thế Âm. Có lẽ đây là do những người Phật tử gốc Đại Thừa, nhất là những người Hoa đang sinh sống tại đó, nên đã ảnh hưởng ít nhiều chăng?

Trong các chùa Đại Thừa Phật giáo ngoài việc thờ tôn tượng Đức Bổn Sư ở giữa ra, phía dưới thường hay thờ tượng Tây Phương Tam Thánh. Đó là tượng Đức Phật A Di Đà ở giữa, Đức Quan Âm bên tay trái và tượng Đức Đại Thế Chí bên tay phải.

Ngày nay, ở các xứ Á Châu thường đúc những tượng của Ngài Quan Âm cao cả mấy chục mét đứng trên núi nhìn ra biển hay ở một địa danh nổi tiếng nào đó để du khách dễ thăm viếng, nhất là trong những ngày lễ vía của Ngài vào 19 tháng 2 âm lịch, 19 tháng 6 và 19 tháng 9. Thật ra đây không phải là ngày sinh thật của Ngài, mà



tất cả đều dựa theo những truyền thuyết của Phật giáo Trung Quốc, nên chúng ta mới có 3 ngày lễ vía Ngài như vậy. Ngay cả ngày vía Đức Phật A-di-đà vào 17 tháng 11 âm lịch mỗi năm là ngày viên tịch của Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ Thiên Sư. Tương truyền Ngài là hiện thân của Đức A-di-đà, nên Phật giáo Trung Quốc đã lấy ngày này làm lễ kỷ niệm Ngài.

Ở Âu Châu hầu như chùa nào xây dựng xong cũng đều có tôn trí hình tượng Đức Quan Âm để cung kính lễ bái trước khi vào chùa và chính vị Bồ Tát này cũng đã cứu khổ cứu nạn khi họ ra đi tỵ nạn và nổi trôi trên mọi nẻo đường trần và khi đến được bến bờ tự do rồi thì họ tìm đủ mọi cách để cúng dường cho chùa và chùa sẽ tôn tạo những tôn tượng Quan Âm có ý nghĩa như vậy. Từ chùa Khuông Việt, Liên Hoa Đạo Tràng, Đôn Hậu, Tam Bảo ở Na Uy đến chùa Đại Bi Quan Âm, Phật Quang, Trúc Lâm ở Thụy Điển, rồi chùa Liên Tâm, Phúc Lâm ở Phần Lan, Quan Thế Âm, Vạn Hạnh, Quảng Hương, Quang Minh, Liễu Quán ở Đan Mạch... nơi nào cũng có thờ tượng của Đức Quán Thế Âm ở trong chùa hay lộ thiên bên ngoài vườn chùa nữa.

Ở Đức có rất nhiều chùa dựng tượng Quán Thế Âm lộ thiên như: Bảo Quang Hamburg, chùa Linh Thứu Berlin, chùa Viên Giác Hannover, chùa Bảo Đức Oberhausen, chùa Tâm Giác München, chùa Phước Nghiêm Leipzig, chùa Phật Huệ Frankfurt v.v...

Tại Pháp có chùa Khánh Anh Évry, chùa Quan Âm, chùa Linh Sơn, chùa Tịnh Tâm Paris, chùa Thiện Minh Lyon, chùa Phổ Hiền Straßburg, chùa Vạn Hạnh Nantes... ở đâu cũng có tôn trí tôn tượng của Ngài. Có tượng lớn, có tượng vừa, có tượng làm bằng đá, có tượng thép vàng, có tượng sơn màu v.v... nhưng tượng nào cũng toát ra vẻ từ bi, khiến cho người người khi lễ bái nguyện cầu cảm thấy thân tâm luôn được an lạc.

Tại Bỉ, Thụy Sĩ, Hòa Lan, Ý cũng như thế, hầu như chùa nào cũng có thờ hình tượng của Bồ Tát Quán Thế Âm, dầu lớn hay nhỏ, tất cả cũng chỉ với mục đích là mang tình thương đến cho mọi người và giúp mọi người thoát khỏi cơn mê, sớm về bờ giác.

Tại chùa Viên Giác Hannover có đến hai tượng Quán Thế Âm lộ thiên. Một tượng được an trí ở giữa hồ sen, nằm ngay phía trước chánh điện của chùa. Tượng này được thỉnh từ Đài Loan cùng với tượng Đức Phật Thích Ca từ những năm 1984, khi mà Việt Nam chưa có sự liên hệ trực tiếp với thế giới bên ngoài kể từ sau năm 1975. Tượng này làm bằng thạch cao, có dáng như người Hoa hơn là người Việt. Tượng cao chừng 2 mét, được sơn màu trắng và trên hai tay của Ngài có cầm nhánh dương liễu cũng như tịnh bình. Sau 35 năm như thế, Ngài đã ngự trị nơi hồ sen của chùa Viên Giác tại Hannover như là một chứng nhân của lịch sử Phật giáo tại đây.

Sau này, chùa Viên Giác thỉnh thêm một tôn tượng Đức Quán Thế Âm bằng đá cẩm thạch có xuất xứ từ Miến Điện, do thợ Trung Quốc điêu khắc và sau đó chuyên chở về Việt Nam, cuối cùng tái nhập vào Đức. Tượng này đã tôn trí một thời gian trong khuôn viên chùa Viên Giác, nhưng nay thì đã được di dời về vùng Ravensburg và đang tôn trí Ngài tại Quan Âm Các, Tu Viện Viên Đức, từ năm 2010 đến nay.

Một tôn tượng khác đặc biệt hơn, được đặt từ Trung Quốc, cao gần 7 mét. Đây là tượng của Đức Bồ Tát Quán Thế Âm ngự trên con cá gáy hóa rồng. Tượng làm bằng Firebe Glass, nhẹ, đẹp. Bên ngoài thếp vàng trông rất trang nghiêm với dáng từ hòa của một người mẹ hiền, trên tay với cành dương liễu và bình nước cam lồ. Tượng được đặt trên một tòa nhà cao 4 mét và bên trong có thờ hơn

1.000 tượng Quán Âm nhỏ như những hóa thân của Bồ Tát Quán Tự Tại.

Thợ Trung Quốc khi thực hiện việc tạo tượng thường theo thói quen là làm khung hình, đắp mô, tạo dáng, chứ không tính độ chịu đựng so với chiều cao hay trọng lượng v.v... Do vậy mà khi đem về đến Đức, sau khi dựng tượng lên lần thứ nhất, chính quyền địa phương Hannover buộc phải hạ tượng xuống để tính sức chịu đựng. Vì lẽ ở Đức mưa gió nhiều và độ an toàn phải có để tránh trường hợp bị gãy đổ bất thường khiến nhiều người có thể bị nạn, nên thủ tục này phải cần rất nhiều thời gian mới tái dựng lên được. Khi gặp vấn đề rắc rối như thế, liên lạc liên qua Trung Quốc thì họ cũng chỉ trả lời đại khái là lâu nay họ vẫn tạc tượng như thế, chứ không tính sức chịu đựng cũng như trọng lượng. Ở đây trọng lượng có thể xác minh được, nhưng còn độ chịu đựng phải đành chịu thua. Từ đó quý Thầy mới nhờ đến những kỹ sư chuyên môn tính xác suất chịu đựng của tôn tượng này và hình như sau cả mấy năm mới tái dựng tượng của Ngài lên được. Thật đúng là: cái khó khăn không ai chờ đợi phía trước, nó vẫn đến với mình như thường.

Sau khi Thầy Hạnh Giới (Trụ trì đời thứ 2 từ năm 2008-2017) hoàn tất khu hoa viên của tôn tượng Quan Âm lộ thiên này, đã thưa với tôi là chùa mình mỗi năm nên làm Lễ Hội Quan Âm một lần để cho các Phật tử ở xa về có nơi chiêm bái, nguyện cầu. Dĩ nhiên tôi không có lý do gì để từ chối việc này, nên đã thuận và tìm ra một phương án. Vì lẽ mỗi năm như thế có rất nhiều lễ, Phật tử đều về chùa, hầu hết do tự nguyện, nhưng nếu một người hay một gia đình đi về chùa mỗi năm từ một đến hai lần như thế thì sự tốn kém cho việc di chuyển, cúng dường, lưu trú v.v... không phải là ít, nên chúng tôi đã đồng ý là nên làm vào mùa Lễ Vu Lan Báo Hiếu thì tiện hơn cả. Tuy cách xa

ngày 19 tháng 6 âm lịch gần cả một tháng, là ngày lễ vía của Ngài, nhưng sự kết hợp này là điều cần thiết cho cả nhà chùa cũng như cho các Phật tử ở xa nữa.

Thông thường Lễ Hội Quán Âm được tổ chức ngoài trời, nằm trong khuôn viên của chùa Viên Giác, nơi có thể đặt cả ngàn cái ghế để ngồi trên những thảm cỏ xanh và khoảng trống ở giữa nằm phía sau tượng Đức Thích Ca sơ sanh dùng làm chỗ lễ bái, tụng kinh, ca múa cũng như đêm hoa đăng vào tối thứ bảy trong mùa Vu Lan báo hiếu. Những điệu múa “Quán Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn” hay múa lân, múa dân tộc thường được trình diễn trước lễ đài Quán Âm lộ thiên này rất hùng tráng và mang nhiều ý nghĩa cũng như nhiều sắc thái khác nhau, khi nhắc về lòng từ bi vị tha của vị Bồ Tát này. Không ai là không cảm động khi được Ngài cứu qua bệnh tật hay gặp cơn nguy khốn trong cuộc đời, nên sự hiện diện của Bồ Tát Quán Thế Âm ở giữa cuộc đời, nơi chốn Ta-bà khổ đau tục lụy này là một biểu tượng cần thiết cho mọi người và mọi loài.

Đêm hoa đăng thường do Thầy Hạnh Giới và quý Sư Cô hướng dẫn trong giờ giải lao giữa đêm văn nghệ. Vì lẽ nếu cử hành sớm quá thì không đốt đèn được và về khuya quá thì mọi người đã về. Nhiều khi tưởng chừng như không cử hành Lễ Hội Quán Âm vào buổi sáng, cũng như Lễ Hoa Đăng vào buổi tối được, vì bầu trời đen nghịt, mưa nặng hạt vây bủa chung quanh đó đây trong sân chùa. Nhưng bao giờ cũng vậy, giống như một phép lạ nào đó do cầu nguyện đã mang tới. Ví dụ như từ 9 đến 10 giờ sáng thì trời mưa và bắt đầu lúc 11 giờ cử hành Lễ Hội Quán Âm thì trời tạnh. Đến tối cũng vậy, nhiều khi văn nghệ bắt đầu tại hội trường thì bên ngoài bắt đầu mưa, nhưng gần đến lúc giải lao, trời lại tạnh. Nhờ đó mà những lễ hội xưa nay của chùa Viên Giác luôn cử hành đúng giờ và chưa bao giờ có lễ nào phải hoãn lại hay hủy bỏ cả.

Có một điều rất đặc biệt là bất cứ Lễ Phật Đản hay Vu Lan kể từ năm 1978 đến nay cũng đã 40 năm như thế. Trước một tuần hay một ngày cử hành lễ bầu trời rất đẹp, nhưng khi ngày thứ sáu chùa vừa chuẩn bị lễ thì trời bắt đầu mưa, dầm mưa nhỏ hay mưa to gì, cũng có một trận như vậy và đến khi lễ vừa tổ chức xong, chiều chủ nhật hay sáng thứ hai trời lại mưa một lần nữa. Đây là điềm lành chăng? Nhưng không phải chỉ một năm, mà cả 40 năm qua đều như vậy cả. Đúng ra không phải chỉ có chùa Viên Giác tại Hannover là có hiện tượng này, mà hầu như tất cả các chùa ở nước Đức, Âu Châu hay hải ngoại đều gặp những sự may mắn như vậy. Có lẽ câu “hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân” rất đúng cho những trường hợp này chăng?

## **Phật Thất và Những Khóa Tu Miên Mật**

Đây là danh từ Hán Việt, cứ một lần cử hành lễ này thường là 7 ngày. Trong 7 ngày ấy có những chương trình tu học khác nhau từ sáng đến tối, giống như tu miên mật để dành cho những hành giả đã qua những khóa tu Bát Quan Trai hay tịnh khẩu, bây giờ muốn chiêm nghiệm giáo lý nhiệm mầu của Đức Phật nên họ đã dàn xếp công việc gia đình đâu đó ổn thỏa để về chùa tu tập cho được yên ổn. Có khi cả hai vợ chồng cùng đi, có khi chỉ một người, vì người ở nhà còn phải lo cho con cái hay cha mẹ già nữa, nên ít khi có được thuận duyên là cả hai vợ chồng cùng về chùa tu một lúc được.

Trong kinh tạng Nam truyền cũng như Bắc truyền đều có đề cập đến vấn đề thuận duyên và vấn đề nghịch cảnh trong sự tu hành tại gia như sau:

- Nếu trong gia đình có người chồng hiểu đạo sống với người vợ không hiểu đạo. Điều này giống như tiên ông sống với quý nữ.

- Nếu người vợ hiểu đạo sống với người chồng không hiểu đạo, điều này chẳng khác nào tiên nữ sống với quý nam.
- Trong trường hợp cả hai ông bà cùng hiểu đạo cùng tu tập cũng giống như tiên ông sống với tiên bà.
- Nhưng cũng có lắm trường hợp là người chồng không hiểu đạo sống với người vợ cũng không hiểu đạo thì giống như một địa ngục, trong đó có quý nam và quý nữ sống chung với nhau. Một gia đình như vậy khi sinh ra con cái cũng chẳng phải tốt đẹp gì.

Cho nên tục ngữ Việt Nam chúng ta cũng có câu là: “Thuận vợ thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn” là vậy, hoặc câu thơ nhân gian ám chỉ việc này cho dễ hiểu như sau:

*Ông tu mà bà cũng tu,  
Đến khi thành Phật ngồi chung một bàn.*

Đọc “Thánh Nghiêm tự truyện” tôi đã rút ra được nhiều bài học hay. Trong đó có nhiều câu chuyện càng đọc lại càng thấm thía. Ngài là người Trung Hoa lục địa, tỵ nạn cộng sản sang Đài Loan, sau đó du học tại Nhật Bản. Năm 1976, Ngài tốt nghiệp Tiến Sĩ Phật Học tại Đại Học Risso Tokyo. Sau khi về lại Đài Loan, Ngài chưa có nơi cư trú nên sang Mỹ hoạt động một thời gian tại chùa Đông Sơ ở New York, do người Hoa sáng lập trước đó. Tuy là một Tiến Sĩ danh giá của Nhật Bản như thế, nhưng Ngài vẫn bị Hội Trưởng và Ban Tri Sự tại đó coi thường và cuối cùng Ngài quyết định ra sống dưới gầm cầu tại New York như là một người vô gia cư trong 6 tháng như vậy. Trong thời gian này Ngài đã thể hiện cuộc sống đúng nghĩa của mình là một người vô sản thực sự. Nhưng một hôm, phép mầu đã đến trong giấc ngủ báo mộng cho Ngài biết là ở vùng ngoại ô của Đài Bắc có một thí chủ có mấy dãy núi và

từ dãy núi này phát ra âm thanh của những tiếng trống đang đánh lên giục giã và có ý thỉnh Ngài về. Ứng với điều mộng, Ngài về lại Đài Loan và lập nên Đạo Tràng ở những dãy núi này và gọi tên địa danh này là “Pháp Cổ Sơn”. Địa phương này hiện tại rất nổi tiếng, vì có tổ chức quy củ cho những người tu Phật Thất hay học Đại Học Phật giáo tại đây cũng được thuận nhận một cách dễ dàng.

Chùa Đông Sơ ở New York, tôi đã một lần ghé qua vào năm 1979 và từ đó đến nay họ vẫn gửi tạp chí Chan Magazine đến Đức để biếu. Mỗi năm xuất bản 4 số và họ vẫn để tên người sáng lập là Ngài Master Venerable Dr. Sheng Yeng. Địa chỉ chùa và tạp chí như sau:

*Chan Meditation Center (CMC)*

*Chang Hwa Fashi, Director*

*Dharma Drum Mountain Buddhist Association*

*90-56 Corona Avenue*

*Elmhurst, NY 11373 USA*

*Tel. 718 - 592 - 6593,*

*E-mail: Chacenter@gmail.com*

Hoặc *E-mail: chanmagazine@gmail.com*

*www.Chancenter.Org và www.Ddmba.org*

Đó chẳng qua là một kỷ niệm và kỷ niệm chỉ một lần thoáng ghé qua thăm, mà cho đến nay gần 40 năm vẫn còn liên hệ.

Cũng trong quyển “Thánh Nghiêm tự truyện” này Ngài có thuật lại tư tưởng của mình qua 4 cảnh giới Tịnh Độ cho cả những hành giả tu Thiên lẫn tu Tịnh Độ như sau:

1. Nhân gian Tịnh Độ
2. Thiên quốc Tịnh Độ
3. Phật quốc Tịnh Độ
4. Tự tánh Di-đà Tịnh Độ

Tư tưởng này cũng là tư tưởng mở lối cho những vị thiên sư có chỗ để nương vào cõi Tịnh Độ. Tịnh Độ ấy không riêng cho người tu theo Pháp môn niệm Phật A-di-đà, mà kể luôn cho những vị tu Thiên. Vì Tịnh Độ có nhiều vô lượng cõi, còn Sukhavatti (Cực Lạc) chỉ có một cõi mà thôi. Đó là cõi giải thoát sanh tử luân hồi qua 48 lời nguyện của Đức Phật A-di-đà, nên một cõi như thế đã hiện hữu và hiện tại Đức A-di-đà đang là Giáo Chủ của cõi này.

Cũng trong sách này, Ngài Thánh Nghiêm đã diễn tả tâm trạng của những người chuẩn bị về chùa tu Phật Thất như sau: Trước khi đi tham dự Phật Thất, những hành giả này chuẩn bị rất cẩn thận. Tất cả mọi việc đều giải quyết đầu vào đó, cái gì chưa dùng đến thì gói lại trong tâm thức và khi đến chùa rồi, cứ ngỡ rằng mình đã gói trọn những điều phải làm ấy vào gói hành trang kia và để trên gác rồi, nhưng từ từ, mỗi ngày hành giả lại mở ra xem lại trong gói hành trang ấy đã ghi những gì. Hóa ra khi đi tu học thì mình chuẩn bị quá công phu và chu đáo, nhưng khi đến khóa tu học rồi thì hành giả dễ có cảm tưởng trống không, nên hay giở lại ký ức trong các gói hành trang để tìm về dĩ vãng, trong khi thực tế là hành giả phải tu tập tại Đạo Tràng này từ sáng đến tối với thời khóa biểu sát sao, nhưng tâm của chúng sanh ấy vẫn còn bị sự vọng động chi phối., Nghĩa là khi tâm động thì chuẩn bị cho được tịnh và trong khung cảnh thanh tịnh thì tâm của hành giả bắt đầu động. Cả hai điều này ngay cả Thiên hay Tịnh Độ cũng khó chấp nhận được.

Cho nên Thiên hay chủ trương là “here and now”, nghĩa là giờ nào việc ấy. Ở đây là ở đây, bây giờ là bây giờ. Ăn ta biết ăn, ngủ ta biết ngủ, chứ không phải trong khi ăn lo chuyện đi ngủ, hoặc trong khi ngủ ta lại tính toán chuyện khác. Như vậy thì chẳng chánh niệm chút nào cả.



Nếu ngồi Thiền hay niệm Phật mà thiếu chánh niệm thì kết quả sẽ không đưa chúng ta đến mục đích rõ ràng nhất định được. Cho nên câu chuyện trên đây của Pháp Sư Thánh Nghiêm là một câu chuyện bình thường, nhưng giá trị thì không gì có thể sánh bằng được. Vậy chúng ta hãy chú tâm về việc chánh niệm này.

Chùa Linh Thứu Berlin, chùa Bảo Quang Hamburg, chùa Viên Giác Hannover, chùa Bảo Thành Koblenz, chùa Tùng Lâm Linh Sơn Limoges, Pháp quốc, thường được Thầy Hạnh Giới hướng dẫn các khóa tu Phật thất hay những khóa tu Miên Mật nhiều ngày và nhiều Phật tử đã gặt hái được nhiều điều lợi lạc khi tham gia Phật thất như thế.

Thông thường những người tham gia Phật thất hay dậy sớm hơn thường lệ để làm vệ sinh cá nhân, tập thể dục, sau đó là thiền tọa cũng như trì tụng Thần chú Thủ Lăng Nghiêm. Ăn sáng, trưa và tối trong chánh niệm. Đôi khi có người lo dọn cơm nước sẵn trước, nhưng cũng có lúc hành giả phải tự lấy thức ăn cho mình. Sau đó là những giờ huân tu niệm Phật hoặc nghe giảng.

Nếu Phật thất có 7 ngày thì trong đó có 2 ngày niệm Phật miên mật hoặc tọa thiền. Gần cuối khóa có lễ đốt đèn cúng dường cũng như các lễ sám hối đi kèm. Trong khi những khóa tu miên mật có thể tổ chức vào cuối tuần hay từ 4 đến 7 ngày thì Phật thất luôn giữ đúng thời khóa biểu của 7 ngày như vậy. Nếu ở Nhật Bản, thường hay có buổi tham vấn với vị thiền sư. Có thể là những nghi tình khi tham thiền hay khi đọc sách. Tất cả những điều này hành giả có thể trình thưa với vị Thầy của mình. Cũng có nơi gọi là trình Pháp nữa. Pháp ấy do người học trò phát hiện ra, nhưng nghĩ rằng chưa chắc đã đúng Pháp, nên cần phải nhờ Thầy ấn chứng. Nếu không làm vậy thì người đệ tử có thể đi sai đường.

Tại Ấn Độ, con số 7 là con số linh thiêng. Ví dụ như Đức Phật tham thiền dưới cội Bồ Đề ở thành Gaya 7 lần 7 như vậy, tổng cộng là 49 ngày. Con số này cũng là con số quyết định cho việc đi đầu thai của thân Trung Âm như trong kinh Địa Tạng<sup>1</sup> đã có đề cập đến một cách rất rõ ràng. Cho nên người Phật tử tại sao thường hành trì 3 đến 7 lần một câu thần chú, một bài kinh hay một sự dẫn thân tu học. Phải trải qua một giai đoạn như vậy để cho thân lẫn tâm có đầy đủ thời gian gạn lọc những trần cấu trong cuộc đời. Khi nào tham sân si vắng mặt thì giới định huệ mới phát sanh. Điều này cũng tương tự như việc trong tâm mình có lòng từ bi ngự trị toàn khắp thì sự hận thù không có cơ hội để tồn tại.

Ngày xưa khi Đức Phật còn tại thế, trước khi Ngài đắc đạo, Ngài đã tham vấn và học thiền với hai vị Thầy ngoại đạo là Ngài A-la-la và Ngài Uất-đâu-lam-phất. Cả hai vị này đều chứng đến cảnh Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, nhưng tất cả đều thuộc về thiên chỉ. Họ dừng lại ở chỗ chứng đắc và hưởng lạc thú trong sự tư duy cũng như không có ý thoát ly cảnh khổ. Do vậy, Đức Phật bỏ họ đi và sau 49 ngày thiền tọa dưới cội Bồ Đề, Ngài đã chứng được Thiên Quán qua đệ cửu đại định. Đó là Diệt tận định. Thiên ngoại đạo khác với Thiên của Phật giáo là chỗ này.

Trong 10 pháp niệm của Nam truyền gồm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thí, niệm Giới, niệm Thiên, niệm an ban, niệm hưu tức, niệm về thân thể và niệm về sanh diệt, niệm an ban, tức là đếm hơi thở, ngày nay cả Nam truyền và Bắc truyền đều hành trì. Tuy chỉ là làm chủ hơi thở của mình khi hít vào và thở ra, nhưng nếu thực hành một cách nghiêm túc chuẩn mực thì đây là căn bản

---

<sup>1</sup> Xem thêm trong kinh Đại Bảo Tích, phẩm thứ 14, Pháp hội Phật thuyết Nhập Thai Tạng.

Thiền Tuệ Minh Sát (Vipassana) hay Thiền Công Án hoặc Thiền Thoại Đầu của các Thiền Sư Trung Hoa và Nhật Bản sau này.

Khi Đức Phật còn tại thế, chư Tăng Ni và các Phật tử chỉ thuần tu thiền mà chứng quả A-la-hán hay Bồ Tát, còn ngày nay tâm người yếu đuối, năng lực tự thân quá mỏng nên phải nhờ đến pháp môn niệm Phật. Nhờ lòng từ bi, sự lợi tha của Đức Phật A-di-đà và chư vị Thánh chúng Quán Thế Âm Bồ Tát cũng như Đại Thế Chí Bồ Tát mà hành giả có thể dễ siêu thoát về thế giới Tây Phương Cực Lạc do tâm nguyện của các Ngài. Đây là pháp môn tối thắng mà các vị thiền sư cũng đã hành trì cũng như khi Phật Thất, Phật tử cũng thường hay tu học.

## BỒ TÁT GIỚI XUẤT GIA VÀ BỒ TÁT GIỚI TẠI GIA

**N**gười xuất gia theo Bắc tông khi thọ giới tỳ-kheo với hình thức là giới của Thanh Văn, nghĩa là lục căn phải đầy đủ như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không được khiếm khuyết. Nếu thiếu hay bị tật bệnh bẩm sinh thì không được thọ giới tỳ-kheo. Nhưng Bồ Tát giới thì không cấm việc này. Tuy nhiên, người xuất gia bên Bắc tông sau khi thọ giới tỳ-kheo phải thọ Bồ Tát giới xuất gia, nếu không thọ giới này thì việc thực hành giới tỳ-kheo rất khó. Nên giới Bồ Tát gọi là “đạo tục thông hành giới”, nghĩa là giới của người xuất gia lẫn người tại gia cùng hành trì. Giới này bên Phật giáo Nam tông không có, chỉ có nơi chư Tăng Ni theo Phật giáo Đại thừa. Riêng Nhật Bản, kể từ khi chư Tăng lập gia đình, gần nhất là từ thời kỳ Minh Trị Duy Tân (1868) cho đến nay, chư Tăng không thọ giới tỳ-kheo nữa, mà họ chỉ hành trì theo Bồ Tát giới gồm 10 giới chính và 48 giới phụ.

Phật nói kinh Phạm Võng Bồ Tát tâm địa phẩm (梵網經菩薩心地品) có hai phần. Phần đầu do Đức Phật Lô-xá-na giảng về quả vị của Bồ Tát có 40 bậc: Thập Phát Phu, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cương và Thập Địa. Phần sau cho biết Đức Thích-ca Mâu-ni kiết giới Bồ Tát gồm 10 điều trọng và 48 điều khinh. Người trì giữ giới này sẽ được dứt hẳn tất cả tâm bệnh và chứng chơn thường, chơn lạc, chơn ngã, chơn tịnh của quả Đại Niết-bàn. Giống như cam lộ, người uống vào sẽ khỏi bệnh khổ mà được an vui và sống lâu.

Giới không có nghĩa là một sự trừng phạt, mà chính là sự bảo hộ cho giới thân, huệ mệnh của mình. Ai giữ được

các giới trọn vẹn, người ấy sẽ được giải thoát sanh tử luân hồi. Nếu thọ giới rồi mà phá giới, dầu trong vô tình hay cố ý, phải có tâm sám hối, xấu hổ về những việc mình đã làm, muốn sửa đổi lại cho tốt hơn, thì việc ấy chư Phật, chư vị Bồ Tát, chư Tăng sẽ chứng minh cho. Đức Phật vẫn thường dạy rằng: “Trong đời này có hai hạng người đáng quý. Hạng thứ nhất là không bao giờ gây ra tội lỗi và hạng thứ hai là đã gây ra tội lỗi rồi liền biết sám hối, ăn năn.” Nếu không có tâm sám hối, thì đó không phải là kẻ trượng phu, dầu cho đó là người nam hay người nữ, quốc vương hay những người hạ tiện bình dân.

Tại Việt Nam ngày xưa và sau này cũng có một vài nơi ở ngoại quốc, sau khi thọ giới tỳ-kheo, tỳ-kheo ni rồi, đàn Bồ Tát được thiết lập kế đó để cho các giới xuất gia lần tại gia có thể thọ giới chung. Có nơi còn cho tấn hương, thọ lễ cho người xuất gia trên đỉnh đầu, trên tay hay trên thân thể v.v... Nhưng sau này có đôi việc liên quan đến vấn đề sức khỏe của người thọ giới nên đa phần người xuất gia ít thọ pháp tấn hương này. Ngày xưa ở Việt Nam nếu là cư sĩ tại gia muốn thọ Bồ Tát giới này là người lớn tuổi hoặc góa bụa. Đời sống gia đình đã rảnh rang, không còn bị trói buộc bởi duyên chồng vợ nữa. Do vậy họ thường hay cạo đầu, ăn chay trường, lúc ấy mới nghĩ đến việc thọ giới này. Họ khác người xuất gia là vẫn còn ở nhà, chứ không bắt buộc phải ở chùa như người xuất gia, nhưng tâm của họ luôn hướng đến việc muốn làm lợi mình và lợi người như trong luật của Phật chế. Nhiều người cho rằng: Người tại gia không được thọ 10 giới trọng và 48 giới nhẹ. Điều này không thấy nơi nào đề cập đến. Có lẽ vì quý Thầy sợ Phật tử bị phạm vào giới dâm dục chăng? Trên thực tế, kinh Phạm Võng Bồ Tát giới do Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch từ chữ Hán sang Việt ngữ (không thấy năm xuất bản) do Phật giáo Việt Nam - Giáo Hội Tăng-già Nam Việt xuất

bản. Như vậy chúng ta nên hiểu rằng quyển Bồ Tát giới này xuất hiện trước năm 1964 khi Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất hình thành. Trong giới thứ 3 thuộc về Giới Dâm nói rằng: Nếu Phật tử tự mình dâm dục, bảo người dâm dục, với tất cả phụ nữ, các loài cái, loài mái, cho đến thiên nữ, quỷ nữ, thần nữ cùng phi đạo mà hành dâm: như dâm dục, duyên dâm dục, cách thức dâm dục, nghiệp dâm dục. Là Phật tử, đối với tất cả không được cố dâm dục. Lẽ ra phải có lòng hiếu thuận, cứu độ tất cả những chúng sanh, đem pháp thanh tịnh khuyên dạy người, mà trái lại không có tâm từ bi, làm cho mọi người sanh việc dâm dục, không lựa súc sanh, cho đến hành dâm với mẹ, con, chị, em trong lục thân. Phật tử này phạm “Bồ Tát Ba-la-di” tội (26) phần này thuộc trang 21 và giải nghĩa chú thích thứ 26 này phía dưới như sau:

*“Phật tử tại gia thời trừ vợ chồng chính thức, Phật tử xuất gia thời với tất cả nam nữ, nếu hành dâm, phạm Ba-la-di, mất giới.*

*“Phật tử tại gia Thọ Bát Quan Trai cũng đồng như người xuất gia.*

*“Phật tử tại gia, nơi vợ chồng chính thức mà hành dâm trái thời, trái chỗ, trái nơi, thì phạm tội khinh, phải đối thú sám hối.*

*“Trái thời là ban ngày, ngày lễ Phật, Bồ Tát, ngày trai.*

*“Trái chỗ là trừ nam căn, nữ căn.*

*“Trái nơi là không phải phòng ngủ riêng của vợ chồng.”*

Như vậy người Phật tử tại gia không phải là không thọ 10 giới trọng và 48 giới nhẹ được, tuy rằng họ vẫn còn sống đời sống vợ chồng. Chỉ cần đúng thời, đúng chỗ và đúng nơi là được thọ giới này. Do vậy ngày xưa các vua chúa trước khi phong vương thường hay thọ giới này và gần đây nhất

vào cuối thế kỷ 17, Ngài Thạch Liêm Thích Đại Sán (釋大汕) truyền Bồ Tát giới tại gia cho chúa Nguyễn Phúc Chu với giới danh là Thiên Túng Đạo nhân, cũng căn cứ trên giới này để truyền.

Ngoài ra những người thọ giới này thường ăn chay trường để thể hiện lòng từ bi đối với chúng sanh, nên trong phần giới nhẹ thứ 3 có dạy như sau:

*“Nếu Phật tử cố ăn thịt [thì phạm giới]. Tất cả thịt của mọi loài chúng sanh đều không được ăn. Luận về người ăn thịt thì mất lòng đại từ bi, dứt giống Phật tánh. Tất cả chúng sanh thấy đều tránh xa người này. Người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi. Vì thế nên tất cả Phật tử không được ăn tất cả thứ thịt của mọi loài chúng sanh. Nếu cố ăn thịt, Phật tử này phạm khinh cấu tội.”*

Như vậy đối với người xuất gia Đại thừa không khó mấy để giữ gìn giới này cẩn thận, nhưng Phật tử tại gia không phải ai cũng ăn chay trường được, vì công ăn việc làm, vì đời sống gia đình v.v... nên họ chỉ ăn chay được mỗi tháng 10 ngày hay ăn chay kỳ mỗi năm 3 tháng vào tháng giêng, tháng bảy và tháng mười cũng như những ngày lễ vía Phật, Bồ Tát. Tuy nhiên họ cũng muốn thọ Bồ Tát giới tại gia.

Do vậy từ đầu thế kỷ 20 trở đi, nghĩa là cách nay chừng 100 năm về trước, tại Trung Quốc có một nhà cách mạng của Phật giáo là Thái Hư Đại Sư đã căn cứ theo Ưu Bà Tắc giới kinh soạn ra Bồ Tát giới tại gia riêng biệt gồm 6 giới trọng và 28 giới nhẹ. Trong 28 giới nhẹ này, không có giới bắt buộc phải ăn chay trường. Như thế từ đây phương tiện được chồng lên phương tiện, nên mới có nhiều người cư sĩ dễ dàng phát tâm thọ Bồ Tát giới tại gia hơn. Do vậy ở Âu Châu này từ trong quá khứ đến hiện tại có nhiều giới đàn truyền cho cả hai loại giới Bồ Tát này. Riêng tại nước Đức,

kể từ khi mở đàn giới từ năm 1993 đến nay đều truyền 10 giới trọng và 48 giới nhẹ cho cả giới xuất gia và tại gia. Vì lẽ trong kinh Đại Bát Niết-bàn cũng có khuyên rằng: Để tiến đến vô thượng Bồ-đề thì người Phật tử không thể thiếu tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh. Do vậy cần phải trường trai để thể hiện lòng từ bi. Nếu là như vậy thì vì phương tiện chư Tôn Đức truyền trao cho những Phật tử tại gia theo tinh thần của Ưu Bà Tắc giới kinh gồm 6 giới trọng và 28 giới nhẹ thì từ từ ở một thời điểm nào đó thuận tiện cũng nên hợp thức hóa hay thọ lãnh chính thức trong một giới đàn có truyền Bồ Tát giới gồm 10 giới trọng và 48 giới khinh như trong kinh Đại Bát Niết-bàn thì mới đúng nghĩa.

Kể từ khi có khóa tu học Phật Pháp Âu Châu, từ năm 1988 trở về sau, hầu như năm nào cũng có truyền giới cho những vị Phật tử tại gia, nếu hội đủ từ 30 giới tử trở lên. Nếu kể con số tổng quát, chắc bây giờ Âu Châu cũng có trên dưới 1.000 người đã thọ giới này. Kể đến người đi, kể còn người mất, kể mới người cũ đan xen nhau và vì thế tinh thần của Bồ Tát giới được thể hiện khắp nơi, tại nhà, tại chùa, tại những nơi công sở làm việc hay nơi buôn bán làm ăn v.v... Tất cả đều mang đến nhiều sự lợi lạc cho bản thân người thọ giới cũng như cho Giáo Hội. Chính từ cơ hội thể hiện lòng từ bi này mà có người trước khi thọ giới Bồ Tát mở tiệm ăn mặn, nhưng sau khi thọ giới Bồ Tát tại gia rồi, họ liền đổi tiệm ăn mặn thành tiệm chay và việc buôn bán không có gì trở ngại mà ngược lại còn thăng tiến hơn nữa. Bồ Tát giới cũng có giới không được uống rượu và bán rượu, nên cửa tiệm bán chay bây giờ họ cũng không bán bia, bán rượu nữa. Đây là kết quả của việc phát tâm thọ giới vậy.

Có lần Hòa Thượng Nhất Chân và Hòa Thượng Thiện Huệ còn cư ngụ tại chùa Khánh Anh ở Bagneux, quý Thầy đã đưa ý kiến lên với cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm là



nên cho những người Phật tử tại gia thọ Bồ Tát giới đáp y nâu vào những ngày tụng giới, hay khi có khóa tu học. Ban đầu thì cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm ngần ngại, nhưng sau đó được Hòa Thượng Thích Tấn Thiet và tôi tán đồng ý kiến này, nên cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm cũng đã thuận theo và kết quả là Âu Châu đã đi đầu về vấn đề cho Phật tử tại gia thọ Bồ Tát giới được đáp y nâu. Từ đó Châu Mỹ, Châu Úc và bây giờ ngay cả tại Việt Nam, có một số Đạo Tràn tu học cũng ứng dụng việc tùy duyên này, đã cho những người Phật tử tại gia thọ Bồ Tát giới đáp y. Nhưng chúng tôi cũng đã căn dặn rất kỹ là khi đáp y này không được đi tụng cầu siêu hay cầu an tại các tư gia của những Phật tử khác và đặc biệt là khi đến chùa nào hay nơi chốn nào đến ngày tụng giới mà quý Thầy hay tại chùa đó có Phật tử thọ Bồ Tát giới tại gia rồi mà không đáp y khi tụng giới thì các giới tử tại Âu Châu mặc dầu có mang y theo cũng không nên đem ra đáp nơi không phải thời và không phải lúc như vậy. Theo chỗ chúng tôi được biết, cho đến bây giờ sau gần 30 năm truyền giới cho Phật tử tại gia ở Âu Châu như vậy, chưa có vấn đề gì đáng tiếc xảy ra ở phạm vi này.

Bây giờ Giáo Hội Âu Châu lại cải tiến thêm một vài việc nữa. Đó là 2 năm mới truyền Bồ Tát giới tại gia một lần và người muốn thọ Bồ Tát giới, trước đó phải thọ giới Thập Thiện. Thập Thiện giới gồm Thân có 3 giới, Khẩu có 4 giới và Ý có 3 giới. Đó là giới không được sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời thêu dệt, không nói lời hung ác, không tham, không sân và không si. Tuy là 10 giới, nhưng 3 giới sau thuộc về ý không phải dễ giữ, nhưng nếu ai giữ được trọn vẹn thì phước báu vô cùng. Từ đây có thể làm quen dần với các giới của Bồ Tát tại gia, cũng là một điều nên thể hiện.

Chính vì thế, năm 2018 khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 30 tổ chức tại Neuss, Đức Quốc, có đến gần 100 Phật tử tại gia xin thọ giới Thập Thiện và sang năm 2019 sẽ có cơ hội thọ Bồ Tát giới. Đây là lần thứ 3 tổ chức khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu tại Neuss, hai lần trước vào những năm 2010 và 2015, nhưng chỉ lần này mới khai phương tiện để cho các Phật tử tại gia thọ giới Thập Thiện. Năm này cũng là một năm đặc biệt. Đó là trời nóng quá, có ngày lên đến 37°C, nhưng có đến 120 Tăng Ni khắp các quốc gia từ Âu Châu về tham dự cùng với 800 đến 900 học viên của 13 nước Âu Châu cũng như Á Châu và Hoa Kỳ, nhưng mọi việc đều hoàn toàn tốt đẹp.

Có một hôm, vào ngày 30.7.2018, trời bên ngoài nóng lắ, chúng tôi từ bên ngoài đi vào sân trường học, tự nhiên thấy một chiếc xe cứu hỏa trong sân trường. Trong đầu có linh tính là điều không lành đang xảy ra. Nhìn vào trong thấy mấy người Đức đang vạch lá cây trong bụi để tìm một cái gì đó. Tôi hỏi Thầy Hạnh Giới là việc gì đã xảy ra? Thầy ấy bảo rằng: Mấy đứa nhỏ đang chơi trong sân trường, thấy con nhím bị kẹt giữa 2 gốc cây không ra được, nên các em đã gọi Sở cứu hỏa đến cứu giúp con nhím. Nhưng lúc xe chữa lửa đến thì con nhím kia đã thoát thân được rồi.

Ở đây có mấy vấn đề được nêu ra là: Trẻ con ở đây có quyền gọi điện thoại thẳng cho Cảnh Sát, nếu bị cha mẹ hay những người khác bạo hành, đánh đập... Trong trường hợp này, ở đây các em đã lanh lẹ gọi Sở cứu hỏa để cứu một sinh mạng, dù không phải là người. Đây là hành động nhân từ mà các em học được ở các trường học tại Đức và chính các em cũng sẽ là những người Phật tử chân chính khi thực hành giới thứ nhất của Phật giáo là không sát hại sinh mạng của kẻ khác, mà còn mở lòng từ bi để cứu mạng cho chúng nữa. Quả là một hành động tuyệt vời, chỉ có với những em được sinh ra và lớn lên tại những xã hội Âu

Mỹ này mới được dạy những điều nhân từ như vậy. Có em quy y Tam Bảo, có em cũng xin ba mẹ xuống tóc Tu Giới Duyên mấy ngày trong khóa Tu học. Thật là những điều tuyệt diệu mà ở tại quê nhà, cha mẹ khuyên các em chưa hẳn đã nghe lời. Chỉ khi nào các em đến đây rồi, các em học từ bạn, từ Thầy, Cô những điều hay lẽ phải, nên các em đã tự phát nguyện quy y cũng như xuống tóc. Theo Ban Tổ Chức của khóa Tu Học kỳ này cho biết, số lượng học viên tuổi từ 13 đến 20 trong kỳ này chiếm tỷ số 18% trên số người tham dự. Đó là một sự cổ động không bằng lời nói, mà bằng sự hiện thực của tuổi trẻ và cũng xin niệm ân quý Thầy, Cô trẻ cũng như các Anh Chị Huynh Trưởng thuộc Gia Đình Phật tử Việt Nam tại Đức Quốc và Âu Châu lâu nay đã chăm sóc kỹ các em, nên ngày nay, đây chỉ là kết quả mà thôi.

Tất cả những quy trình của việc thọ Bồ Tát giới cho người tại gia như thế cũng đã gọi là tạm ổn, nghĩa là người đó có thể đi chùa nhiều năm, nhưng chưa quy y Tam Bảo và đến một lúc nào đó họ cảm thấy khả dĩ có thể lãnh hội được giáo lý nhiệm mầu của Đức Phật cũng như thời cơ đã đến thì người ấy có thể chọn một vị Thầy để quy y và sau khi thọ Tam quy, Ngũ giới người ấy sẽ có một Pháp danh theo sự truyền thừa của vị Thầy Bổn Sư. Sau khi quy y Tam Bảo người Phật tử ấy siêng năng đi chùa để học hỏi thêm giáo lý hay làm công quả và đặc biệt là cuối tuần nếu chùa có tổ chức Lễ Thọ Bát Quan Trai thì nên tham gia để hành trì pháp môn Tịnh Độ hay Thiên Tọa. Từ đó bắt đầu phát nguyện ăn chay kỳ hoặc ăn chay trường và nên bước thêm lên một bước nữa. Đó là thọ giới Thập Thiện và sau Thập Thiện là Bồ Tát tại gia.

Vấn đề thọ giới pháp không khó, nhưng để thực hành giới ấy mới khó. Ví dụ là Bồ Tát, phải có lòng từ bi đối với tất cả chúng sanh theo tinh thần Lục Độ, Vạn Hạnh. Đó là

Bồ Thí Ba-la-mật, Trì Giới Ba-la-mật, Nhẫn Nhục Ba-la-mật, Tinh Tấn Ba-la-mật, Thiên Định Ba-la-mật và Trí Tuệ Ba-la-mật. Tất cả đều có chữ Ba-la-mật đi sau, nghĩa là rốt ráo. Nếu bồ thí chưa rốt ráo thì không gọi là Ba-la-mật được. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định và trí tuệ cũng như vậy. Vấn đề ở đây là thực hành. Điều này rất quan trọng, vì nếu người học Phật chỉ nói lý thuyết suông và không hành trì thì những công năng huân tập chưa có, nên khó có thể nhiếp phục người khác được.

Có 4 điều phát nguyện khi thọ Bồ Tát giới xuất gia cũng như tại gia là:

*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ.*

*Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.*

*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.*

*Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.*

Bốn câu này người xuất gia và người tại gia vẫn trì tụng hằng ngày, nhưng việc thể hiện tinh thần Bồ Tát hạnh nơi người với người, nơi người với vật, không phải là chuyện đơn giản. Ví dụ khi nói đến chúng sanh là nói chung, chỉ cho tất cả mọi loài trong nhiều cảnh giới khác nhau. Thế nhưng ở trong gia đình giữa cha mẹ, vợ chồng, con cái đã thuận thảo chưa? Người thọ Bồ Tát giới có thể hiện lòng từ bi của mình đối với những người gần gũi nhất với mình chưa, chứ đừng nói chi những người xa lạ khác.

Còn phiền não thì đầy đây. Ai đó nếu chẳng may chạm đến cái ngã của mình một chút là tham, sân, si nổi lên khó kiềm chế được. Không những vậy, mình còn mang phiền não đến với mọi người khác nữa, làm cho họ cũng phải khổ sở vì mình không ít. Như vậy sự đoạn trừ phiền não đâu phải là chuyện dễ làm?

Phật dạy vô lượng pháp môn, nhưng chúng ta thì lười biếng, trễ nải, chậm chạp v.v... không tiếp thu việc học hỏi

một cách chân thật, chí tình, cầu tiến mà cốt chỉ làm cho có lệ mà thôi.

Nếu không thể hiện được tinh thần vị tha vì tha nhân và đồng loại hay khác loại, thì con đường đi đến giải thoát việc sanh tử cũng khó thành.

## ĂN CHAY, PHÓNG SANH, BỐ THÍ, CÚNG DƯỜNG

**T**ừ khi con người sinh ra trên quả địa cầu này, vấn đề sanh, lão, bệnh, tử không ai là không phải trải qua. Tất cả đều khởi đầu từ một chữ ăn, bởi vì không ăn thì không sống, mà đã là không sống thì làm sao có các giai đoạn thứ 2, thứ 3 và thứ 4. Nhưng ăn như thế nào thì trong kinh điển của Đạo Phật đã đề cập đến không ít, nhất là trong quyển “Phật nói luận A-tỳ-đàm về việc thành lập thế giới” đã nói quá rõ nên chúng tôi không nhắc lại ở đây nữa. Nghĩa là, con người của chúng ta từ nguyên thủy đã từ cõi trời Quang Âm Thiên đến đây và cũng chính vì cái ăn mà thân thông đã mất và không trở lại cõi trời được, nên cứ mãi mãi làm người cõi này. Nguyên thủy loài người ăn đất, kế đó ăn rau quả, tiếp theo săn bắn, chài lưới, tiếp theo là chăn nuôi gia súc để làm món ăn cho mình.

Ở đây hãy phân tích theo cấu trúc vật lý của cơ thể hiểu thêm về thức ăn tự nhiên của muôn loài như thế nào. Trên nguyên tắc chung, những loài nào có cấu trúc răng bằng thường chỉ ăn rau quả, tạm gọi là ăn chay hay không ăn mạng sống của loài khác. Loài người vốn có răng bằng như các loài bò, ngựa, thỏ, khỉ v.v... Chỉ có những loại động vật có răng nhọn mới ăn thịt sống như: cọp, beo, sư tử, gấu v.v... Đồng thời, những loài này còn có cấu trúc ruột non và ruột già ngắn, thích hợp với việc tiêu hóa và đào thải phế phẩm ra khỏi cơ thể rất nhanh. Trong khi đó, loài người có ruột non và ruột già dài, giữ thức ăn lại rất lâu nên chỉ thích hợp để tiêu hóa các loại thực phẩm có nguồn gốc thực vật. Do vậy, về mặt cấu trúc tự nhiên thì không có lý do

gì để con người ăn mạng sống của chúng sanh cả, vì con người sau khi giết những loài khác như: cá, trâu, bò, heo, gà, nai v.v... đều phải nấu, chiên, xào, luộc cho chín mới dùng được, chứ không thể dùng thịt sống như những loài động vật có răng nhọn.

Những năm tháng đầu tiên khi đến Đức (1977) đi đâu tôi cũng phải mang theo một bình chao, vì lẽ người Việt Nam tỵ nạn tại Đức lúc đó rất ít, chỉ có một số sinh viên đi du học từ trước năm 1975 còn trú lại để học cho xong chương trình bác sĩ, kỹ sư hay nha sĩ, mà đa phần họ không biết nấu chay như thế nào. Do vậy tôi phải mang chao theo, chỉ cần họ nấu cơm và luộc rau để tôi ăn với chao là xong một bữa rồi, còn điểm tâm sáng hay tối thì ăn bánh mì hay mì gói cũng được. Đời sống tu sĩ nhàn nhã như vậy và tự do tự tại, không bị trói buộc vào bất cứ chuyện gì cả, ngay cả chuyện tài chánh nhiều khi tôi cũng không phải lo. Khi cần đi đâu đó thì tự nhiên rồi cũng có người hỗ trợ vé máy bay hay tàu hỏa.

Nếu người tại gia sống có gia đình, vợ chồng, con cái, mỗi lần đi đâu xa phải tính trước cả năm, chứ đâu phải tính tháng, mà cũng chẳng tính trước được ngày nào. Vì lẽ còn hăng xướng phải xin phép nữa, đâu có đơn thuận để nghỉ ngay khi có việc cần phải đi, đơn giản giống như người xuất gia. Bây giờ với tôi, nếu ở đâu đó cần đến mình như ở Canada, Úc, Nhật hay Hoa Kỳ, như phải tham dự đám tang của những bậc trưởng thượng hay tham gia đại hội đột xuất thì bất cứ giờ nào, ngày nào tôi cũng có thể bay đi được, không cần phải xin phép ai cả, ngay đến vấn đề visa cũng khỏi phải lo, vì tôi có quốc tịch Đức đã hơn 30 năm nay rồi, mà ai có quốc tịch Đức thì có thể đi đến 177 nước trên thế giới không cần visa, khi đến biên giới họ đóng dấu nhập cảnh là xong. Đây là một trong những passport quyền lực nhất nhì trên thế giới.

Ngày ấy mỗi lần có lễ lớn như Phật Đản, Vu Lan hay Tết v.v... chúng tôi phải lái xe đi Aachen hay Hamburg để mua đậu hủ. Chỉ những nơi này mới có thể mua được số nhiều, còn những tiệm bán đồ Á Đông ở các thành phố nhỏ khác thì khó tìm ra số lượng lớn. Còn ngày nay, sau hơn 40 năm tôi định cư ở Đức, từ Flensburg đến Konstanz, nghĩa là từ Bắc đến Nam nước Đức, suốt một chiều dài cả 2.000 cây số, quý vị có thể vào bất cứ tiệm bán thực phẩm nào của Đức như: Aldi, Rewe, Real, Kaufland, Netto v.v... bất cứ tiệm lớn, nhỏ hay trên núi, dưới biển... chỗ nào quý vị cũng có thể mua được thực phẩm chay. Ngoài đậu hủ, ngày nay còn có kỹ nghệ làm xúc-xích chay, hèm chay, đồ xào chay, chả chay, nem chay v.v... Tất cả chừng 125 loại thực phẩm chay, quý vị tha hồ lựa chọn.

Đài truyền hình Đức chính thức cho biết rằng, hiện có khoảng 12 triệu người Đức không dùng thịt và họ đổi sang ăn chay trường. Ăn chay của họ cũng có đến 16 loại khác nhau, như trên các hãng máy bay lớn thường cung cấp cho khách hàng ăn chay của họ. Đó là Avolacto Vegeterian (loại đồ chay có trứng và sữa) hay chỉ Avo hoặc chỉ Lacto. Có nơi làm đồ chay theo kiểu Á Châu, Ấn Độ, Ả Rập hay Tây phương. Mới đây tôi cũng có dịp đi máy bay của Mỹ và trên những hãng máy bay này họ chỉ cung cấp cho khách hàng 2 loại thức ăn. Đó là ăn chay hay ăn mặn, chứ không phải chọn lựa những loại khác. Việc này thật tiện lợi vô cùng. Cũng thế, nếu quý vị đi Ấn Độ, trên máy bay hay ở quán xá dọc đường, quý vị không sợ khó đặt được đồ chay, vì lẽ 80% dân số Ấn Độ ăn chay, nên ở đâu cũng có thể mua đồ chay được.

Người Đức ngày nay ăn chay không phải vì theo Đạo Phật Bắc Tông, mà vì lẽ ăn thịt động vật quá nhiều sẽ bị bệnh béo phì, tăng cân và hay những bệnh khó trị từ thịt động vật mà ra. Không những ở Đức mà Anh hay Pháp



bây giờ kỹ nghệ chay cũng bắt đầu phát triển rất mạnh. Có những loại paté chay của Anh và Pháp còn ngon hơn của Đức chế nữa. Thỉnh thoảng tôi cũng có xem tin tức trên đài truyền hình Đức để biết được rằng những hãng sản xuất thực phẩm chay này cũng luôn được Sở Vệ Sinh kiểm soát về độ an toàn của thực phẩm, nhằm bảo đảm cho người tiêu thụ về vấn đề sức khỏe. Trong hơn 100 mặt hàng chay như thế, chỉ có chừng 3 đến 5 mặt hàng sử dụng hàn the quá lượng cho phép, còn bao nhiêu loại thực phẩm chay hấp dẫn khác đều qua được sự kiểm soát gắt gao của Sở Vệ Sinh này.

Người xưa thường nói: “Họa tùng khẩu xuất, bệnh tùng khẩu nhập.” Quả đúng như vậy. Sở dĩ chúng ta mang họa vào thân cũng bởi vì cái miệng này ba hoa đủ thứ, khiến cho người nghe bực mình. Và bệnh tật khó khăn cho thân này vì lẽ cái gì cũng ăn cả. Từ miệng mà vào là do việc ăn uống. Nếu chúng ta ăn uống cẩn thận không làm hại lòng từ bi đối với chúng sanh thì chúng sanh sẽ mừng vui biết bao. Điều này cũng giống như chúng ta khi gặp tai nạn mà không trở nên người tàn phế hay bị chết một cách tức tưởi không chờ đợi vậy.

Bây giờ người ta còn trồng cả đậu nành trên nước Đức này nữa, để sau khi thu hoạch họ chế biến qua khâu kỹ nghệ thành sản phẩm chay tiêu thụ trên mọi miền của nước Đức, thật là tiện lợi vô cùng và nhiều khi còn xuất cảng sang các nước Âu Châu cũng như những châu khác nữa.

Phóng sanh có nghĩa là thả ra sự sống, cứu cho một vật khác được tự do. Ví dụ như một người bị ở tù lâu năm, nếu có ngày được tự do thì gọi là phóng thích. Ai mà không vui khi sự tự do được trả lại? Ví dụ như con chim thì cần bầu trời tự do để bay nhảy, con cá phải cần có nước, chứ nếu cá thiếu nước, làm sao vui được? Như vậy, ai đã bị sa

vào vòng lao lý thì rõ được nỗi khổ này. Nếu chúng ta so sánh việc chim, cá bị bắt sống khi đang bơi lội nhón nhờ dưới nước thì cũng chẳng khác gì con người đang sống tự do, tự nhiên bị gông cùm xiềng xích. Ai mà không muốn có ngày ra khỏi cảnh khổ ấy? Nếu chúng ta hiểu được nỗi khổ này của chúng sanh thì chúng ta sẽ luôn tìm cách để cứu chúng, khi chúng bị bắt, bị bán vào hàng cá, hàng thịt, cốt chỉ để làm thú vui ngon miệng của loài người. Làm được vậy thì chắc rằng chúng ta sẽ có tuổi thọ dài lâu hơn và phúc báu ấy không nhỏ, vì đã cứu được không biết bao nhiêu sinh mạng và nhờ đó chúng có thể đoàn tụ với gia đình của chúng. Điều này cũng giống như loài người thôi. Nếu trong gia đình có một người vì bất cứ lý do gì đó bị bắt và bị giam giữ, thân nhân bè bạn chắc chẳng có ai vui gì và gia đình người thân sẽ tìm đủ mọi cách để cứu người kia ra khỏi chốn giam cầm. Nếu được đoàn tụ với gia đình, quả là điều phúc báu biết bao. Con vật cũng vậy, trong khi đi tìm mồi, chẳng may bị sa vào lưới, thế là sự tự do không còn nữa, chỉ biết chờ chết với dao thót kề bên. Nếu bây giờ có ai đó đến cứu mạng chúng, chắc hẳn chúng sẽ vui như con người vậy.

Nhưng cũng có lắm người bảo rằng “vật dưỡng nhơn”, loài vật sinh ra là để nuôi sống con người. Nói như vậy chỉ là ý vào thế mạnh đấy thôi! Nếu đem con người đến trước miệng cọp, beo, sư tử, cá sấu thì lúc đó ai sẽ dưỡng ai? Chắc rằng con người sẽ không tránh khỏi bị xé thịt phanh thây. Lúc đó còn lập luận kiểu ấy được chẳng?

Có người cũng bảo rằng, nếu chúng ta phóng sanh trên đầu nguồn nước, lại có người ở phía dưới nguồn đặt lưới, đặt lờ để bắt lại. Như vậy việc phóng sanh ấy liệu có ích gì? Hỏi như thế chỉ để bắt bí người khác, nhưng ở đây chúng ta có nhiều cách để trả lời như sau. Thứ nhất là sự tự do. Nếu sự tự do là quý nhất trên đời này, hơn cả tiền bạc

nữa, thì một phút, một giây được tự do thì đã quá đủ rồi. Thứ hai việc phát tâm làm việc thiện của chúng ta, ngay lúc đó đã có chư Phật và chư vị Bồ Tát chứng minh, khởi cần mong đợi là việc ấy sẽ như thế nào sau khi chúng ta phóng sanh. Thứ đến, người đặt lưới, giăng câu để tiếp tục bắt những chúng sanh mà ta đã phóng sanh, chính là do họ tự tạo nghiệp mới, còn phần ta, ta đã tạo thiện nghiệp. Việc ấy nên làm, không phải vì họ bắt mà chúng ta thiếu lòng từ bi để cứu khổ, cứu nạn cho những chúng sanh bị lâm nguy.

Ngày nay có nhiều Hội Phóng Sanh được thành lập. Họ chung tiền với nhau đi đến bất cứ nơi nào mà cá chim bị bắt, họ mua hết và thả ngay trong ngày đó và hầu như không đặt trước là mua bao nhiêu chim cá để phóng sanh. Nếu chúng ta ra điều kiện trước, khiến họ còn tạo thêm nhiều nghiệp chướng về nghiệp sát nữa thì không nên. Hãy làm những gì như có thể, không có điều kiện gì cả và hãy cứu giúp tất cả loài người bị khốn khổ cũng như những chúng sanh bị giam cầm hay sắp bị làm thịt, giải phóng chúng, phóng sanh chúng để chúng có một cuộc sống tự do tự tại như chúng ta. Chúng ta cũng có thể tự hỏi mình rằng: Tại sao mình muốn được tự do, tự tại, mà muốn những vật khác phải bị chết vì mình?

Bố thí và cúng dường có thể gộp chung vào một chủ đề để hiểu sự lợi ích của việc bố thí cũng như phương pháp cúng dường ra sao? Chữ bố (布) có nghĩa là trải rộng, lan ra khắp nơi. Chữ thí (施) có nghĩa là cho tặng, mang cho. Bố thí (布施) có nghĩa là mang ra cho tặng, giúp đỡ rộng khắp, không giới hạn, không phân biệt. Cúng dường (供養) theo âm đọc thông thường là cung dưỡng, nghĩa là cung cấp để nuôi dưỡng, nhưng khi dâng lên Tam Bảo hay những bậc đạo cao đức trọng thì gọi là cúng dường để biểu ý cung kính, trân trọng. Ba ngôi báu là chỗ nương tựa và là

nơi để chúng ta thực hành tín tâm. Do vậy là Phật tử nên thể hiện tấm lòng của mình qua việc cúng dường đối với chư Phật, giáo lý của Ngài và chư Tăng Ni là những điều cần yếu nhất.

Bố thí có nhiều cách, theo Phật dạy bao gồm tài thí, pháp thí và vô úy thí. Có nhiều người đói khổ vì nhiều nguyên nhân khác nhau. Nếu chúng ta có lòng từ bi thì hãy cứu giúp những người đói khổ ấy. Tục ngữ Việt Nam cũng có câu là: “Cách cho hơn của đem cho.” Người ta nghèo về vật chất, chứ người ta không nghèo về tư cách. Cái tư cách chính là điều làm nên con người, chứ tiền tài không làm nên được một con người đúng nghĩa của nó. Đôi khi người ta giàu, không cần tiền, nhưng cũng lắm người bị đau khổ như thường. Lúc ấy nếu ta đem tiền cho họ, họ cũng không cần. Nếu chúng ta cho họ những lời khuyên hữu ích, thiết thực, giúp cho họ tập trung tư tưởng qua hơi thở hay niệm Phật để quên đi những gì đáng quên thì ân nghĩa ấy còn thiết thực hơn là tiền bạc nữa.

Cuộc sống ngày nay trên quả địa cầu này có lắm khổ đau, con người sợ đủ thứ như sợ mất công ăn việc làm, sợ bị bỏ rơi, sợ bị uy hiếp, sợ khi ra đường, sợ bóng đêm v.v... nghĩa là có vô số sợ hãi. Nếu gặp những trường hợp như vậy, chúng ta dùng nhiều phương cách để mang đến cho họ sự an ổn, vững lòng tin nơi chính mình, không còn lo sợ vu vơ v.v... thì chắc rằng người ấy sẽ an tâm hơn khi va chạm với cuộc sống thường nhật mà không còn nhiều sợ hãi nữa. Làm được như vậy gọi là vô úy thí.

Việc cúng dường đều mang tính cách tự nguyện, không ép buộc và không phải có điều kiện nào cả. Miễn rằng người ấy phát tâm không có sự dối dãi là được. Trong bộ Bản Duyên của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh có dạy về việc cúng dường như sau. Có 4 trường hợp cúng dường, bao gồm việc cúng dường cho:

- 1) Những vị tỳ-kheo Bồ Tát.
- 2) Những vị tỳ-kheo Thanh Văn.
- 3) Những vị tỳ-kheo phàm phu.
- 4) Những vị tỳ-kheo phước điền.

Những vị tỳ-kheo Bồ Tát như Ngài Văn Thù, Ngài Phổ Hiền trong Pháp Hội Hoa Nghiêm của Đức Thích-ca Mâu-ni Phật, nếu chúng ta có cơ hội để cúng dường cho quý Ngài, thì đây là một phước báu vô lượng, nhưng tiếc rằng ngày nay chúng ta không có được những phước báu như thế nữa.

Cúng dường cho những vị tỳ-kheo Thanh Văn như Ngài Xá-lợi-phất, Ngài Mục-kiền-liên, Ngài Ca-diếp, Ngài A-nan v.v... cũng là phước báu không nhỏ, nhưng ngày nay các Ngài đã nhập Niết-bàn rồi, chúng ta không còn cơ hội để cúng dường lên quý Ngài nữa.

Ngày nay chỉ còn những phàm phu tỳ-kheo. Họ là những người bình thường, có cha mẹ, anh chị em, nhưng họ đã dấn sát ái ly gia, sống cuộc đời tỉnh thức. Do vậy, với những vị này, nếu chúng ta có nhân duyên để cúng dường thì phước báu cũng không nhỏ.

Phần cúng dường thứ tư dành cho những vị phước điền tỳ-kheo. Đó là ruộng phước để cho người Phật tử có thể gieo trồng vào thì cây đức sẽ được xanh tươi. Tuy rằng hạng tỳ-kheo này có phá trai phạm giới, nhưng họ biết tầm quý, xấu hổ, ăn năn những tội lỗi của mình đã gây ra, thì đây gọi là ruộng phước để chúng sanh có thể gieo trồng vào. Kết quả sẽ được như ý nguyện.

Ngoài ra việc cúng dường có thể nương theo trong Tăng Chi Bộ Kinh để thấy rằng:

- 1) Chỉ có lợi cho mình, không có lợi cho người
- 2) Chỉ có lợi cho người, không có lợi cho mình

3) Có lợi cho mình và có lợi cho người

4) Không có lợi cho mình và cũng không có lợi cho người.

Trong 4 cách này thì cách thứ 3 hoàn hảo hơn cả. Vì người cúng dường luôn cầu được phước báu như thiên và người sử dụng đồ cúng thí ấy cũng phải có tâm từ ái khi thọ nhận của cúng dường này thì việc cúng ấy mới có ý nghĩa.

Ngoài ra cũng trong Tăng Chi Bộ Kinh, Đức Phật có dạy về việc cúng dường như sau:

1) Người cúng thanh tịnh mà vật cúng không thanh tịnh

2) Vật cúng thanh tịnh mà người cúng không thanh tịnh

3) Người cúng thanh tịnh mà người nhận cũng thanh tịnh

4) Cả người cúng lẫn người nhận đều không thanh tịnh.

Như vậy cả trong 4 trường hợp này thì trường hợp thứ 3 là tốt đẹp, hy hữu nhất và cả năng và sở, người cúng và người nhận của cúng thí ấy tất cả đều thanh tịnh, không mong cầu một việc gì riêng cho mình cả và người cúng cũng không mong điều gì ngoại trừ việc phát tâm cúng dường thanh tịnh.

Tất cả những việc trên đây cũng đều tương ứng với tinh thần “đẳng tam luân không tịch” của bên Đại Thừa Phật giáo. Đó là người cúng thanh tịnh, người nhận thanh tịnh và vật cúng thanh tịnh. Tất cả 3 trường hợp này đều thanh tịnh, vì không có sự đối đãi nào cả. Cả người cho, lẫn kẻ nhận và vật cho... tất cả đều thanh tịnh. Như thế công đức này mới có thể vượt trội hơn những công đức khác.

Trong chữ tỳ-kheo (比丘) cũng hàm chứa 3 ý nghĩa. Đó là: khát sĩ, bố ma và phá ác. Khất sĩ có nghĩa là người đi

xin ăn. Bên dưới thì xin cơm canh của tín thí để nuôi xác thân ngũ uẩn này và cốt làm sao cho pháp thân huệ mạng được phát triển, bên trên thì cầu xin giáo pháp, trí tuệ giải thoát của chư Phật. Bố ma có nghĩa là hàng phục ma quân, gồm nội ma từ bên trong và ngoại ma đến từ bên ngoài. Phá ác nghĩa là diệt trừ những niệm ác xảy ra trong thân tâm của hành giả đang hành trì pháp Phật.

Ngay từ chư vị cổ Phật rồi đến Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, sau đó là những vị Thánh Tăng A-la-hán... tất cả đều nương nhờ pháp khát thực này mà nuôi thân. Từ đây giới thân huệ mệnh mới được phát triển. Đi xin không có gì để phải xấu hổ cả, mà chính người cho phải cảm ân người đi xin, vì lẽ nếu không có người đi xin thì làm sao chúng ta có thể thể hiện lòng từ bi. Và lại, đi xin không phải là lười biếng, mà chính là cơ hội để người xuất gia gần gũi với tín chúng nhiều hơn. Đức Phật ngày xưa cũng thế, hằng ngày Ngài đều cùng chúng Tăng đi bộ vào thành để khát thực, điều ấy không phải vì Ngài thiếu thốn, mà chính là tạo cơ hội, nhân duyên để gần gũi hơn với mọi người trong xã hội và khi đi xin như thế Ngài luôn thể hiện sự bình đẳng, không phải chỉ đi đến chỗ giàu mà quên chỗ nghèo. Lại cũng không phải vì Ngài thiếu thốn. Vì cả một kho thóc của Phụ Vương ở cung thành Ca-tỳ-la-vệ cũng đủ hay dư dả để cung phụng cho cả Tăng đoàn 1.250 người của Ngài trong nhiều năm tháng, nhưng Ngài đã chẳng hề thọ dụng điều ấy. Việc này chúng tỏ “Như Lai nói những gì Như Lai làm và Như Lai làm những gì Như Lai nói.” Điều này cũng tương hợp với lời dạy của Ngài rằng: “Không có sự phân chia tôn giáo và giai cấp, khi trong máu người cùng đỏ và nước mắt người cùng mặn”. Đây chính là chân lý mà người Phật tử của chúng ta không được phép quên đi.

# CÁC HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN XÃ HỘI

**T**rong chúng ta không ai là không biết đến những công việc này. Có nhiều người chi ra hàng tỷ USD để giúp đỡ trên nhiều phương diện khác nhau như Bill Gaste ở Hoa Kỳ hay nhiều tỷ phú khác trên thế giới. Đây là một việc làm mà kể cả người trung lưu hay nghèo khó cũng không phản đối, vì lẽ không có ai sinh ra tự nhiên giàu có cả, ngoại trừ những kẻ hưởng được thừa kế của cha mẹ, bà con để lại sau khi chết hay ly dị chồng, vợ v.v... còn đa phần là khởi đi từ chỗ nghèo khó và do học vấn hay thời cơ, những người này được bước vào nơi rất nhiều người mong đợi.

Đôi khi nhờ trúng số mà người ta giàu có lên mau, nhưng đa phần những người trúng số ít có ai giàu lâu được, nếu không tự nghĩ rằng của ấy không do mình làm ra, nên đem đi đầu tư một phần, phần khác làm từ thiện xã hội, giúp cho những mảnh đời cơ nhỡ thì may đâu nhờ những phước báu ấy mà cái đức vẫn còn tồn tại về sau, tiền bạc cũng theo đó mà ở lại với người tốt số.

Tục ngữ Nga có câu rằng: *“Mất tiền là không mất gì cả. Mất danh dự là mất một phần lớn cuộc đời, chỉ có những người nào mất niềm tin, kẻ ấy mới là mất hết tất cả.”* Tiền tài do mình làm ra, chứ tiền không làm ra con người. Do vậy khi tiền bị mất, người ta có thể làm việc để có tiền trở lại. Còn danh dự khi đánh mất thì cần rất nhiều thời gian để có thể khôi phục như trước. Và niềm tin lại quý hơn rất nhiều, vì khi đã mất niềm tin thì cuộc sống sẽ không còn ý nghĩa gì, cho nên có thể xem như đã mất tất cả. Tục ngữ Trung Quốc cũng có câu: *“Tiền tài như phấn thổ, nhân nghĩa tựa chơn kim.”* Nghĩa là tiền bạc như bụi đất, chỉ có tình người mới là vàng thật. Đúng vậy! Ngày nay người ta



tìm vàng dễ mua rất dễ, nhưng tìm một người bạn tri kỷ, tri âm thật khó khăn vô cùng. Do vậy khi ai đó ăn nên làm ra, cũng nên nghĩ lại những người khó khăn hơn mình và cố gắng giúp họ thành đạt.

Tục ngữ Pháp có câu: “Người tự giúp mình rồi trời sẽ giúp.” Như vậy nếu chính chúng ta không tự thể hiện tấm lòng trước thì ai sẽ đến với mình, nếu cánh cửa từ bi của mình đóng lại? Lẽ ra người làm phước, kẻ cho đi, nên cảm ơn người nhận, vì nếu không có người nhận thì làm sao chúng ta có thể thể hiện lòng từ? Người cho đừng chờ đợi người nhận phải cảm ơn mình, vì đã thi ân thì đừng cầu báo đáp, mà nếu cầu báo đáp thì không nên thi ân, vì việc thi ân ấy có ý mong cầu.

Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu đã hình thành cách đây chừng 30 năm về trước. Trong Giáo Hội có nhiều Tổng Vụ khác nhau và Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội là một Tổng Vụ tương đối có nhiều việc làm khi thiên tai xảy đến như động đất, sóng thần, lụt lội v.v... Kể từ thời Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Tâm dẫn thân làm việc này khi còn ở trong nước, cho đến lúc đảm nhiệm chức vụ này do Giáo Hội Âu Châu giao phó trong nhiều năm tháng với Thượng Tọa Thích Tịnh Phước, Thượng Tọa Thích Viên Tịnh và quý Sư Cô cũng như Đạo Hữu Nguyễn Trí và những Đạo Hữu khác trợ lực. Bây giờ thì Thượng Tọa Quảng Đạo đảm trách chức vụ này cùng với những phụ tá đắc lực khác. Tựu trung là khi nào tại Việt Nam hay trên thế giới có những biến động tai ương nào, Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu cộng tác cùng với các Giáo Hội khác tại Châu Úc, Canada và Mỹ Châu để đến tận nơi chia sẻ những khó khăn mà người dân gặp phải. Kể về phương diện thế giới thì có phái đoàn của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Hải Ngoại đến giúp đỡ những nạn nhân của sóng thần (Tsunami) tại Nhật Bản vào năm

2011. Trước đó có những trận động đất tại Philippines, rồi Népal, Thái Lan, Indonésia, Phi Châu v.v... có nơi các Tổng Vụ Từ Thiện quyên góp được đến mấy trăm ngàn đô-la và các Tổng Vụ Từ Thiện đích thân đến đó để tặng quà, tiền và xây cả nhà cửa cho họ nữa. Câu “Miếng khi đói bằng gói khi no, của tuy tơ tóc nghĩa so ngàn trùng” rất có giá trị trong những hoàn cảnh này. Hoặç “Lá lành đùm lá rách, lá rách đùm lá tả tơi” cũng rất có tác dụng khi Giáo Hội đưa ra lời kêu gọi. Nhìn những người Nhật giàu có như vậy, nhưng khi sóng thần đến, của cải nhân mạng bị thiệt hại, tất cả đều trắng tay và sự khổ của họ đâu khác gì sự khổ của những nơi nghèo khó khác. Tất cả biến khổ đều giống nhau. Nếu có khác, chỉ khác là tình người chúng ta thể hiện như thế nào trong hoàn cảnh này mà thôi.

Những trận lụt, trận bão kinh hoàng trên đất nước Việt Nam trong thời gian vừa qua cũng đã làm cho người Việt ở ngoại quốc xúc động không ít, nên đã trực tiếp gọi người về Việt Nam cứu trợ. Tại Úc do Thượng Tọa Tâm Phương, Thượng Tọa Như Định, Thượng Tọa Nhuận Chơn cùng với quý Ni Sư và quý Phật tử đi cùng. Tại Hoa Kỳ có Hòa Thượng Thích Thông Hải, Ni Sư Diệu Tánh. Tại Canada có Hòa Thượng Bổn Đạt, Thượng Tọa Thích Trường Phước. Tại Âu Châu có Thượng Tọa Thích Thông Trí, Thượng Tọa Thích Viên Tịnh, Đại Đức Thích Như Tâm, Sư Cô Thích Nữ Diệu Thảo cùng với quý Phật tử đồng hương, nhiều lúc có đoàn đi cả hàng trăm cây số, băng rừng vượt suối đến tận nơi vùng sâu, vùng xa để cứu trợ thăm hỏi và động viên những gia đình đã mất mát tài sản cũng như người thân. Đã gọi là cứu người thì không cần truy tìm nguồn gốc và đối tượng, vì cứu cái khổ là trước nhất, còn chuyện gì đó trái ngang thì từ từ sẽ giải quyết sau. Cứu người như cứu lửa là vậy. Lúc ấy là lúc phải thể hiện lòng từ bi một cách chân thật và bình đẳng nhất.

Việc làm từ thiện ở Việt Nam còn có nhiều lĩnh vực khác nữa như: tặng xe lăn cho những người tàn tật hay những cựu chiến binh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã chiến đấu trong thời kỳ trước năm 1975, nhưng không may trở thành tàn phế, không lao động được. Do vậy cần có xe lăn để di chuyển và ngay cả việc giúp đỡ tiền bạc để sinh sống hằng ngày, hằng tháng nữa. Cái ăn đã khó khăn như thế, thì cái mặc đối với những người này cũng cần phải có những tổ chức từ thiện khác giúp đỡ. Đây là những công việc làm liên tục, không phải chỉ một ngày hay một lần, mà nhiều năm tháng như vậy, cho đến khi nào những người này ra đi vĩnh viễn mới thôi.

Mổ mắt cườm, mắt hột cũng là một nhu cầu của những người ở vùng sâu, vùng xa, nơi mà không có bác sĩ hay bệnh xá, nhà thương để chăm sóc cho họ. Nhiều người trở nên mù lòa vì thiếu phương tiện để mổ mắt kịp thời. Đó là cái khổ của một kiếp nhân sinh khi ra đời ở những nơi biên địa, hẻo lánh.

Ngoài ra còn có những cô nhi viện, những ký nhi viện, những chùa nuôi trẻ em mồ côi cũng cần được trợ giúp. Vì khó khăn về vấn đề vật chất hoặc do không hiểu biết nên các em tuổi còn nhỏ mà đã sớm yêu đương, khi sinh con ra sợ trách nhiệm, không nuôi nổi thân mình, làm sao có thể nuôi con được, cho nên có nhiều trường hợp rất khổ tâm và đau đớn là những trẻ sơ sinh này thường bị vất bỏ trước cửa chùa hay những cô nhi viện để nhờ tấm lòng từ của nhà chùa cũng như những người hảo tâm khác, giúp cho những mảnh đời bất hạnh này có được một tương lai tươi sáng hơn. Như vậy ít nhất cũng là 18 năm. Trong 18 năm ấy quý Sư Cô ở các chùa hay các Soeur bên Thiên Chúa giáo sẽ lo lắng cho những trẻ cô nhi này không khác gì một nhũ mẫu. Nếu không có tình thương và lòng từ bi của tôn

giáo thì không ai có thể cứu mang những mảnh đời như thế còn tiếp tục trên dương trần này.

Nồi cháo tình thương cũng là một đề tài nóng bỏng trong hiện tại, vì lẽ có nhiều người bệnh từ quê lên tỉnh thành chỉ có thể lo được tiền viện phí ở lại nhà thương 5, 10 ngày để chữa trị, nhưng chi phí ăn ở của người nuôi bệnh thì không có. Do vậy những cơ quan từ thiện hay chùa Sư Nữ thường hay nấu mỗi ngày, mỗi tháng mấy ngày hay nhiều ngày, mang đến bệnh viện để giúp cho nhiều người đỡ đói và ngay cả nhiều người bệnh cũng cần đến những bát cháo tình thương như vậy nữa.

Rồi những người bị tai nạn giữa đường, không người lo lắng. Có khi phải chịu đựng cắt bỏ chân tay hay một phần thân thể để cứu mệnh người, nhưng tiền bạc không có phải cần đến những tấm lòng hảo tâm đây đó mới có thể giúp cho họ sống đỡ tủi thân khi khó khăn về tài chánh.

Ngoài ra, xã hội cũng luôn cần có những suất học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học nhưng gia đình khó khăn, không có tiền để mua sách vở hay áo quần để đi học, thì những tổ chức từ thiện luôn sẵn sàng cấp phát học bổng cho những em kém may mắn như thế. Nhiều em học giỏi cũng phải có quà để tưởng thưởng, động viên các em, để các em còn có thể học cao lên thêm nữa. Tất cả đều phải nhờ vào lòng từ tâm của mọi người, không phân biệt chủng tộc hay tôn giáo.

Những việc làm như vậy, các Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất ở trong cũng như ngoài nước đã, đang và sẽ làm. Đây là một công việc liên tục, không được phép gián đoạn. Nếu các tổ chức từ thiện làm ngưng thì những con người như thế đã lao tâm khổ trí rồi lại càng phải chịu đựng thêm nhiều hơn nữa, thì quả là điều không nên để xảy ra. Dĩ nhiên, chính quyền địa phương luôn phải có bổn phận lo cho người dân của mình, nhưng cái khó thì có thể

giúp một hay nhiều lần, chứ cái nghèo của cả xã hội thì không ai có thể lo hết, cho nên những cơ quan từ thiện cần phải quan tâm nhiều hơn nữa mới xứng đáng với việc làm thiện nguyện của mình.

Tất cả những khoản trên, lâu nay Chi Bộ Phật giáo Việt Nam tại Đức, trong đó có cả chùa Viên Giác mỗi năm đều có chi ra những số tiền không nhỏ do những vị hảo tâm đóng góp, có ghi sau báo Viên Giác mỗi lần xuất bản và thường thì cuối năm hay đầu mỗi năm khi có người về Việt Nam, chùa Viên Giác tại Hannover cũng như các chùa khác đều gửi tiền về miền Trung, miền Nam và miền Bắc để giúp đỡ cho những trường hợp cơ nhỡ như trên. Điều dễ nhận ra là Thầy nào, Cô nào hay Phật tử nào sinh trưởng ở đâu thì thường lo cứu mang giúp đỡ cho những người cần giúp ở đó. Có như thế đồng tiền của quý vị đóng góp nơi đây mới có giá trị thực tiễn là đã trực tiếp đưa đến tay người nhận và nhờ vậy mà sự tin tưởng càng bền chặt hơn thì sự giúp đỡ cũng từ đó lâu dài hơn.

Trong quỹ điều hành của chùa Viên Giác có cả việc cấp học bổng cho những Tăng Ni đi du học tại Đức, Hoa Kỳ, Đài Loan, Ấn Độ v.v... Kể từ năm 1994 đến năm 2012 gồm 19 năm có tổng cộng 187 Tăng Ni Sinh nhận học bổng này và trong đó có 132 vị đã tốt nghiệp Tiến Sĩ, những vị khác thì Cao Học hay Cử Nhân, có người về lại Việt Nam làm việc giảng dạy ở các Đại Học, nhưng cũng có nhiều Thầy Cô còn ở lại ngoại quốc để chăm lo đời sống tinh thần cho Phật tử tại những xứ sở này.

Ngoài ra Hòa Thượng Thích Bảo Lạc và cá nhân chúng tôi từ 23 năm nay, mỗi năm đều cấp học bổng cho những em học sinh nghèo hiếu học tại quê nhà Xuyên Mỹ, Duy Xuyên hay trường Trần Quý Cáp tại Hội An, nơi chúng tôi sinh ra và lớn lên tại đó, nhưng nay thì cả hai quỹ học bổng

này đều đã ngưng cấp phát vì những lý do nội tại và ngoại duyên của nó. Chúng tôi rất hoan hỷ và chấp nhận thực tế này một cách dễ dàng, bởi lẽ tất cả các pháp trên thế gian này đều do nhân duyên sanh và các pháp cũng sẽ do nhân duyên mà diệt, vì lẽ tự tánh của các pháp vốn không có thật tướng nhất định. Do vậy chúng ta không nên trụ vào đó làm gì.

Có thể ở vào một thời điểm nào đó người ta cần mình, nhưng khi xã hội đã phát triển và sự tự do của con người cần phải có sự chọn lựa khi họ đã trưởng thành, thì đó là quyền của người nhận, chứ không phải của người cho. Mãi cho đến hôm nay vẫn còn một vài Thầy, Cô hay các em học sinh nghèo từ quê hương Việt Nam hay khi đã ra đến ngoại quốc cũng viết thư cho chúng tôi để xin học bổng này, nhưng chúng tôi cũng nói rõ là bây giờ quý Thầy ở đây đã lớn tuổi rồi, không thể cứ mang tiếp tục như thế nữa và mong rằng những thế hệ đi trước đã ra trường, có khả năng và điều kiện sẽ tiếp tục lo cho những Tăng Ni và lớp trẻ đi sau thì chúng tôi đỡ đi phần nhọc mệt này. Bây giờ chỉ còn duy nhất quỹ học bổng Tăng Ni tại Quảng Nam và Sài Gòn, nếu vị nào khó khăn thì mỗi đầu năm chúng tôi trích từ quỹ hỗ trợ trên báo Viên Giác để gửi về giúp mỗi năm một lần như vậy cho Tăng Ni có thêm tiền để chi cho việc sách vở hay những dụng cụ khác của việc học tập.

Nỗi khổ của con người thì không có giới hạn, nhưng sức lực của con người cho đến một lúc nào đó cũng phải dùng đến hai chữ tạm biệt hay chia tay để thực hiện những nhu cầu nội tại của mỗi cá nhân, mà câu nói chúng ta vẫn thường hay nghe nhắc đến là “lực bất tòng tâm”. Đó là một sự thật, dầu cho tâm này có muốn lăn xả vào đời để cứu giúp tất cả mọi người, nhưng sức lực mỗi ngày mỗi yếu dần theo thời gian và năm tháng thì làm sao con người có thể gánh vác tiếp tục những đại sự như thế nữa. Chỉ hy

vọng một điều là: Tre già măng sẽ mọc. Có như thế, những người làm từ thiện đi trước sẽ an tâm hơn khi có người kế tiếp bước chân của mình để thể hiện lòng từ bi trong cuộc sống đầy khổ đau này với con tim và nhịp đập tự nhiên của nó.

Từ thiện có thể có một phần nào đó giống sự giáo dục. Vì giáo dục có nghĩa là trao truyền hay bắc một nhịp cầu. Nhịp cầu của quá khứ chỉ có thể bắc trực tiếp qua nhịp cầu trong hiện tại và nhịp cầu của hiện tại sẽ bắc tiếp cho tương lai, chứ nhịp cầu của quá khứ sẽ không bắc trực tiếp qua nhịp cầu của tương lai được. Nếu bắc như thế sẽ hỏng một nhịp cầu. Ở đây từ thiện cũng vậy, mỗi thời, mỗi giai đoạn khác nhau, không có giai đoạn hay hoàn cảnh nào giống nhau, nên người làm từ thiện cũng phải biết hành xử cho đúng nơi, đúng lúc, đúng đối tượng thì sự cứu giúp ấy mới xứng đáng thật sự giữa kẻ cho và người nhận. Mong rằng tất cả chúng ta sẽ có thể bắt đầu bằng cái kết thúc như vậy.

## NGOẠI GIAO, GIAO TẾ VỚI CÁC TỔ CHỨC PHẬT GIÁO KHÁC

**P**hật giáo không có một trung tâm tập trung quyền lực to lớn như Vatican là giáo đô của Thiên Chúa giáo. Tất cả chỉ có tính cách tượng trưng và đa phần Phật giáo dựa trên tinh thần giới luật để tổ chức thành Tăng đoàn hay các tổ chức cư sĩ, nhưng chỉ dựa trên tình đồng đạo, lòng từ bi và trí tuệ để cư xử với nhau, chứ không dùng sức mạnh của uy quyền để xử phạt hay ngăn cấm. Ngay cả như Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14, Ngài là người lãnh đạo Phật giáo Tây Tạng và cả đất nước Tây Tạng nữa, nhưng cách đây vài năm Ngài đã từ khước vương vị này để trở thành một vị tăng sĩ bình thường như bao nhiêu vị tăng sĩ khác. Vì Ngài được thế giới rất kính trọng, nể vì do đức hạnh, lòng từ bi cũng như trí tuệ nên nhiều người Tây Phương nghĩ rằng Ngài là người lãnh đạo. Điều này không đúng. Nếu có, chỉ đúng với người dân Tây Tạng mà thôi.

Ngày nay, trên thế giới có hai tổ chức Phật giáo khá lớn, có hàng mấy chục quốc gia tham dự. Đó là Hội Liên Hữu Phật giáo Thế Giới (World Buddhist Fellowship - WBF) trụ sở đặt tại Bangkok, Thái Lan. Hội này có sự tham gia cả tăng sĩ lẫn cư sĩ và đa phần các vị Vua hay Hoàng Hậu của các nước theo Phật giáo như Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan, Bhutan đứng đỡ đầu cho tổ chức này. Mỗi năm Ban Chấp Hành và thành viên đều có đại hội tại một nước đứng ra đăng cai tổ chức. Đặc biệt là lễ Vesak (Tam Hợp) đã được các nước thành viên đăng cai tổ chức và nhân cơ hội này ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc thường có Thông Điệp chúc mừng đến những người Phật tử nhân ba ngày lễ trọng đại này của Phật giáo.



Tổ chức thứ hai có 56 quốc gia tham dự, chỉ thuần là tăng sĩ. Cư sĩ hầu như không chính thức tham gia Đại Hội, chỉ giữ vai trò ngoại hộ mà thôi. Tổ chức này gọi là Hội Đồng Tăng-già Thế Giới (World Buddhist Shanga Council - WBSC), trụ sở đặt tại Đài Bắc, Đài Loan. Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu là thành viên chính thức của tổ chức này. Đã nhiều lần cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi, cố Hòa Thượng Thích Thiên Định, cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm là Phó Chủ Tịch của Hội Đồng Tăng-già Thế Giới này. Năm 1969, tại Sài Gòn Việt Nam, cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tâm Châu với tư cách là sáng lập viên của tổ chức đã tổ chức Đại Hội tại chùa Vĩnh Nghiêm và năm 1991 chúng tôi với tư cách là thành viên Ban Nghiên Cứu Kế Hoạch Hoàng Pháp đã tổ chức họp Ban Chấp Hành của Hội Đồng Tăng-già Thế giới tại Hannover, Đức quốc. Đây cũng là lần đầu tiên tổ chức này được giới thiệu tại Âu Châu. Chi Bộ Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Đức Quốc cũng là Hội Viên vĩnh viễn của tổ chức này.

Cứ mỗi 4 năm có một lần Đại Hội Khoáng Đại quy tụ cả hàng ngàn Tăng Ni khắp nơi trên thế giới quy tụ về địa điểm của nước đăng cai tổ chức. Đại Hội Khoáng Đại lần này sẽ được tổ chức tại Penang, Mã Lai Á từ ngày 10 đến 15 tháng 11 năm 2018 và cứ một hay hai năm có một lần Đại Hội Ban Chấp Hành. Ngôn ngữ chính được sử dụng trong các Đại Hội là tiếng Anh, tiếng Hoa (Phổ Thông) và ngôn ngữ địa phương đứng ra tổ chức. Thông thường hai ngày khai mạc và bế mạc Đại Hội có cả những vị Tổng Thống hay Thủ Tướng của nước sở tại được mời đến tham dự, đọc diễn văn chúc mừng Đại Hội v.v... và cũng có lúc đại biểu của các nước được mời đến dinh Tổng Thống hay Thủ Tướng để thăm viếng, đàm đạo và chụp hình tặng quà lưu niệm. Tất cả đều chỉ là hình thức giao lưu tôn giáo,

văn hóa mà thôi. Nhưng đây cũng là những điều hết sức cần thiết khi chúng ta tổ chức Đại Hội nơi đất nước mà họ đang cầm quyền thì trên phương diện ngoại giao nên làm như vậy. Trong kỳ Đại Hội này chúng tôi đã được Hội Đồng Tăng-già Thế Giới bầu vào cương vị Phó chủ tịch.

Tại Âu Châu, như có lần tôi đã trình bày là những người Phật tử có một tổ chức gọi là Europäische Buddhistische Union (Liên Hiệp Phật tử Âu Châu) và tại Đức này cũng có hai tổ chức Phật giáo lớn. Đó là Deutsche Buddhistische Union (Liên Hiệp Phật giáo Đức) và Deutsche Buddhistische Ordngemeinschaft (xem chương trên). Chúng tôi thường qua lại trao đổi với nhau khi có dịp. Hoặc với những tổ chức thuộc Phật giáo Tây Tạng, Thái Lan, Tích Lan v.v... chúng tôi cũng đều có liên hệ chặt chẽ.

Ở Âu Châu cũng thường tổ chức những diễn đàn đa tôn giáo (Interreligiöse), họ mời Phật giáo đến thuyết trình về các chủ đề khác nhau như: thiên định, giáo lý từ bi, trí tuệ của Đạo Phật hay nhân quả, nghiệp, luân hồi, tái sinh v.v... Bởi lẽ bản thân Phật giáo không có những cơ quan truyền giáo như Thiên Chúa hay Tin Lành hoặc những tôn giáo khác, nên giữa tổ chức Phật giáo này đi đến thăm viếng, trao đổi với tổ chức Phật giáo khác hay những tôn giáo khác cũng chỉ có tính cách thân hữu và không bao giờ có tính cách truyền giáo hay chiếm hữu. Đạo Phật rất tự do về phương diện này. Ai thích theo Đạo Phật thì theo, ai không thích thì cũng chẳng ai có quyền ép buộc. Từ điểm này đa phần người Âu Mỹ rất thích đến với Đạo Phật và đặc biệt là theo Phật giáo không phải bị trích trực tiếp từ tiền lương để đóng thuế nhà thờ như ở Đức, ai muốn cúng dường bao nhiêu vào những ngôi chùa hay tu viện, chử Tăng Ni tại đó cũng không quá phần khích, mà cũng chẳng tổ thái độ không bằng lòng. Có lẽ vì để tự do như vậy cũng khó xử trí sao cho đúng phép, nên những Seminar được tổ

chức nhiều ngày có những vị Sư nổi tiếng chủ giảng thì các Ban Tổ Chức thường hay quy định ra tiền ăn, tiền ở, tiền học, tiền cúng dường vị Pháp Sư bao nhiêu. Nếu đồng ý thì đóng tiền để tham gia khóa tu học. Thật ra, ở Việt Nam hay tại các nước Phật giáo Á Châu chúng ta mới biết được điều ấy. Có lẽ đây là những sáng tạo của các Ban Tổ Chức, chứ tuyệt nhiên các vị Đạo Sư ít quan tâm về vấn đề này.

Vào ngày 20.9.2013, chùa Viên Giác tại Hannover đã cung đón Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 đến thăm lần thứ 2 (lần đầu vào ngày 18.6.1995). Sau khi giảng pháp, Thầy Hạnh Giới và Ban Tổ Chức đã mang lên cúng dường Ngài số tiền tài trên 20.000 Euro, nhưng Ngài đã không nhận số tiền ấy và Ngài khoác tay, bảo Thầy Hạnh Giới là hãy để tiền này lại lo cho chùa. Quả thật nhiều bậc Đạo Sư đã đi vào đời bằng nhiều hình thức khác nhau, bằng nhiều hình ảnh chẳng đồng nhau, nhưng tất cả cũng chỉ mong sao cho giáo lý của Đức Phật được thể hiện trong mọi tầng lớp xã hội, thì đó mới là sự mong đợi của các Ngài.

Mặc dầu Phật giáo là một tôn giáo xưa nhất nhì trên hành tinh này, đã có mặt ít nhất là trên 2.500 năm lịch sử, nhưng số tín đồ của Phật giáo không nhiều như những tôn giáo khác xuất hiện sau này. Điều ấy có nghĩa là Phật giáo không chủ trương phân lượng nhiều hay ít, mà phần phẩm chất mới quan trọng, để cho chúng ta thực hành giáo lý cao cả, vị tha của Đấng Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni Phật.

## PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN

Công việc chính của người xuất gia là hoàng pháp lợi sanh, giúp cho mọi người thấu hiểu giáo lý giải thoát sanh tử mà Đức Phật đã dạy qua các kinh điển cũng như sách vở, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, miễn sao người hướng dẫn và kẻ được hướng dẫn có được những sự lợi lạc nhất định nào đó về vấn đề tâm linh, thì điều ấy hẳn quý rồi.

Nhưng muốn thấy được pháp, không phải đơn thuần chỉ dùng mắt, mà còn phải thấy bằng tâm. Tâm ấy chính là tâm tự tại rỗng rang, không vướng bận bất cứ chuyện gì. Phải quán về tam pháp ấn như: vô thường, khổ, vô ngã, hay tứ pháp ấn là: vô thường, khổ, không và vô ngã một cách triệt để thì mới thấy được Pháp.

Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, Tập 2 (bản Việt dịch), Phẩm Di giáo thứ 26, Đức Phật dạy rằng: “*Nếu thấy xá-lợi của Như Lai thời là thấy Phật, thấy Phật là thấy Pháp, thấy Pháp là thấy Tăng, thấy Tăng là thấy Niết-bàn.*”<sup>1</sup> Như vậy, người nào thấy được xá-lợi, tức là đã thấy được Phật. Người nào thấy được Phật, tức là kẻ ấy đã thấy được Giáo pháp, người nào thấy được Giáo pháp thì chính kẻ ấy sẽ thấy được Tăng-già, mà kẻ nào đã thấy được Tăng-già, chính kẻ ấy đã thấy rõ được việc giải thoát sanh tử. Như vậy, chúng ta đã rõ cái thấy ấy là gì rồi. Cái thấy ấy chính là sự nhận chân ra và thật chứng với Pháp ấy, nên gọi là thấy. Mà muốn thấy được cái thấy chân thật thì đầu tiên phải mượn đến những phương tiện như kinh điển, lời dạy, sự trì tụng, hành thiền, tụng chú v.v... Có như vậy việc tu học và hành trì của mình mới tiến bộ được.

<sup>1</sup> Bản Việt dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh.

Mỗi nước có một ngôn ngữ riêng. Do vậy muốn truy nguyên nguồn gốc thì người học Phật ấy phải biết mình muốn đi hướng nào để tìm những ngôn ngữ thích hợp, chọn lựa và tiếp tục hạnh nguyện của mình. Những sách vở ngày xưa ở Việt Nam đa phần bằng Hán văn. Những vị Đại Sư ở đầu thế kỷ 20 chỉ phiên âm chữ Hán sang âm Hán Việt để đọc, nhưng nghĩa thì không dịch. Cho nên, các bậc Đại Sư sau này mới dịch các kinh thường trì tụng như Pháp Hoa, Di Đà, Dược Sư, Vu Lan, Kim Cang, Thủy Sám, Lương Hoàng Sám v.v... ra chữ Việt hoàn toàn và ngay cả những bộ kinh lớn như Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Đại Bảo Tích v.v... cũng đã được dịch ra Việt ngữ hoàn toàn, nên người đọc tụng cảm thấy nhiều lợi lạc hơn. Và cứ thế, hàng trăm năm nay nhiều kinh sách đã được in ấn tống khắp nơi ở trong cũng như ngoài nước khiến cho sự lưu thông để hiểu về pháp không còn trở ngại. Công đức này là nhờ các vị Đại Sư Thích Trí Tịnh, Thích Trí Quang, Thích Trí Nghiêm, Thích Hành Trụ, Thích Đồng Minh, Thích Đồng Quán, Thích Thiện Hoa, Thích Thiện Hòa và quý Ni Trưởng Như Thanh, Ni Trưởng Diệu Không, Ni Trưởng Trí Hải cũng đã đóng góp không nhỏ vào sự nghiệp chuyển dịch kinh điển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác để cuối cùng trở thành Việt ngữ, quả thật là một công đức rất lớn lao đối với gia tài pháp bảo.

Kể từ năm 1994, cố Hòa Thượng Tiến Sĩ Thích Tịnh Hạnh, người đã du học Đài Loan từ năm 1967, sau khi tốt nghiệp rồi, Ngài ưu tư cho tiền đồ Phật giáo Việt Nam nên đã tận tụy đi đây đi đó để vận động dịch và in bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh ra tiếng Việt. Kết quả là cho đến nay đã dịch hoàn toàn ra Việt ngữ gồm 203 tập, mỗi tập dày độ 700 trang đến 1.000 trang, nhưng in ấn thành phẩm chỉ mới ra mắt được 187 tập. Chỉ một cá nhân Hòa Thượng mà đã thành công trong việc vận động phiên dịch Hán tạng sang Việt ngữ đạt kết quả như vậy, quả là một

công trình quá sức tưởng tượng, không ai nghĩ rằng có thể thành công như vậy. Lịch sử Phật giáo Việt Nam sẽ trang trọng ghi tên Ngài vào những người có công nhất trong việc chủ trương phiên dịch từ Hán tạng sang Việt tạng. Dĩ nhiên, việc làm này không dừng lại ở đây, vì còn phải sửa lỗi chính tả, nhiều khi cả ý và lời kinh nữa. Trong hiện tại có đạo hữu Minh Đăng Trần Tế Thế hiện cư ngụ tại Pháp đang lo công việc này và bản thân chúng tôi cũng đóng góp một phần nhỏ cho việc chỉnh sửa hoàn chỉnh bản điện tử Online để mọi người tham khảo trước. Tất cả 4 bộ A-hàm như: Trường A-hàm, Trung A-hàm, Tạp A-hàm và Tăng Nhất A-hàm đã được Hòa Thượng Tuệ Sỹ giáo chánh cũng như chú thích giảng giải thêm, nên hầu như 10 quyển đầu không sai lỗi nhiều, chỉ bắt đầu bộ Bản Duyên đến phần Kinh Bộ chúng tôi phải đọc lại một cách cẩn thận để giúp cho người đọc khỏi phải thắc mắc khi đọc đến những chữ khó hiểu và không cần đi tra cứu vẫn có thể hiểu được nội dung của kinh văn.

Phần kinh Nam truyền dịch từ tiếng Pali đã có cố Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch thẳng sang Việt ngữ gồm các bộ: Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh và Tăng Chi Bộ Kinh, gồm 7 quyển. Những quyển này Ngài dịch khi Ngài còn làm Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn từ năm 1964 đến 1975. Sau này vì sức khỏe không cho phép, Ngài đã truyền đạt cho đạo hữu Nguyên Tâm Trần Phương Lan, vốn là Giáo sư Anh văn dịch thẳng từ tiếng Anh sang Việt ngữ Tiểu Bộ Kinh 6 cuốn còn lại do Hội Maha Bodhi Society ấn hành. Nay thì tạng kinh Nam Truyền này cũng đã hoàn tất gồm 13 tập. Tổng cộng chừng 25.000 trang và cũng đã được một số Phật tử hữu tâm đọc vào băng để nghe. Nếu quý vị nào lớn tuổi cũng có thể chỉ nghe băng, không cần đọc kinh văn cũng là một điều rất tiện lợi.

Như vậy, ngày nay cả hai bộ Đại Tạng Nam Truyền và Bắc Truyền đã có hoàn toàn bằng Việt ngữ, chúng ta chỉ phải lo hạ thủ công phu để bắt đầu đọc cũng như hành trì. Vì lẽ bộ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh gồm cả 203 tập, trên dưới 250.000 trang kinh. Nếu mỗi ngày chúng ta đọc 200 trang như vậy và mỗi năm 365 ngày không ngừng nghỉ thì phải cần 15 năm. Con số thời gian thật là khủng khiếp, nhưng nếu chúng ta không bắt đầu thì chẳng bao giờ có cái cuối cùng, như tục ngữ Đức vẫn thường nói rằng: “Ohne Anfang, Ohne Ende”. Nếu chúng ta nghĩ rằng bây giờ mình đã lớn tuổi, đã về hưu, dành hết thời gian còn lại của cuộc đời để đọc Đại Tạng Kinh thì điều ấy hẳn quý giá biết bao. Nếu chúng ta nghĩ rằng mình sống được 80 tuổi (đó là chưa kể đến chuyện vô thường) mà bây giờ mình đã 60 tuổi rồi. Vậy chúng ta chỉ còn có 20 năm nữa thôi. Vậy trong 20 năm ấy ta phải làm gì đây cho có ý nghĩa trong cuộc đời còn lại của mình. Nếu không, ngày lại tháng qua, nó sẽ làm cho mình lú lẫn thêm mà lại chả làm được một điều gì cả, thì quả là phí phạm vô cùng. Bởi vậy tôi thường nói rằng: “Đừng lợi dụng ai hết để cho mình được sung sướng, no đủ, hoặc chồng lợi dụng vợ, vợ lợi dụng chồng v.v... Những điều ấy sẽ mang đến hệ lụy không hay, mà chúng ta nên lợi dụng thời gian của mình đang có thì thật tuyệt vời.” Nếu chúng ta muốn bắt đầu cho vấn đề gì đó, nhất là vấn đề bắt đầu đọc Đại Tạng Kinh.

Ở ngoại quốc này, từ năm 1972 đến nay cũng trên dưới 45 năm rồi, tôi đã theo dõi rất nhiều báo chí, đọc rất nhiều sách vở và nghiên cứu rất nhiều kinh điển và tôi thấy những vị có công đi đầu trong việc viết lách và giảng dạy cho người Việt cũng như người ngoại quốc, không ai có thể vượt qua Thiên Sư Nhất Hạnh cả. Sách của Thầy có quyền được dịch ra hơn 50 ngôn ngữ trên thế giới và năm 2018 Ngài đã trên 90 tuổi rồi. Tuy không còn sáng tác nữa,

nhưng những bài giảng của Ngài đã được các đệ tử biên tập lại thành sách và theo chỗ chúng tôi được biết Thiền Sư Nhất Hạnh đã có trên 150 tác phẩm như thế và có lẽ tác phẩm “Tri Kỷ của Bụt” là tác phẩm cuối cùng của đời Ngài.

Cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi, Tăng Thống của Giáo Hội Phật giáo Linh Sơn trên thế giới cũng là người dịch kinh sách không ít. Phần lớn Ngài đi giảng khắp nơi trên thế giới khi còn sanh tiền và nếu ai đó, có thể là đệ tử của Ngài hay những người khác cũng được, ngồi lại nghe rồi ghi chép những lời Ngài dạy để xuất bản thành sách cũng là một điều đáng trân quý. Vì những vị Đại Sư như thế không phải đơn giản xuất hiện trong đời này. Chúng ta phải có nhiều nhân duyên lắm mới tiếp nhận được sự giáo huấn của các Ngài từ kim khẩu hay từ tư tưởng thì đó cũng là những phước báu vô ngần.

Tại Âu Châu còn có cố Hòa Thượng Thích Tâm Châu, cố Hòa Thượng Thích Trung Quán, cố Hòa Thượng Thích Chân Thường, cố Hòa Thượng Thích Minh Lễ... đều là những vị Đại Sư đã phiên dịch, trước tác, giảng giải ít nhất từ một quyển kinh trở lên cho đến hàng chục tác phẩm khác.

Bản thân chúng tôi từ năm 1974 đã bắt đầu dịch truyện cổ Việt Nam từ tiếng Việt sang tiếng Nhật và cũng kể từ đó cho đến nay hơn 40 năm chúng tôi đã viết và dịch 66 tác phẩm bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau như Việt ngữ, Anh ngữ, Đức ngữ, Hán ngữ và Nhật ngữ. Viết sách hay đọc sách cũng là một niềm vui, nếu mỗi người tự cảm nhận được như vậy. Tôi cũng thường nói với đệ tử và người quen rằng: “Tôi ít có bạn tri kỷ, nhưng sách vở và kinh điển chính là những người Thầy, những người bạn thân thương nhất của tôi.” Bạn tri kỷ nhiều khi mình còn phải liên lạc trước mới gặp được, còn sách vở, kinh điển thì cần đến bất cứ lúc nào, cứ với tay lên kệ sách là có thể lấy sách đọc



được theo ý của mình muốn. Đây là sự tự do mà sẽ không có sự tự do nào hơn được cả.

Viết sách, dịch kinh cũng là một niềm vui lớn. Thỉnh thoảng gặp vài người họ biết tôi là tác giả của quyển sách đó, họ đã đọc và kể vanh vách về tư tưởng của mình đã gói gắm vào đó. Nghe ra cũng vui. Có lần tôi đi Đại Hàn, có một Thầy trẻ gặp tôi và bảo rằng: “Ồ Việt Nam con chưa biết Sư Ông, nhưng nhờ con đọc sách của Sư Ông nên con đã phát tâm xuất gia.” Tôi hỏi là quyển gì? Thầy ấy trả lời rằng: “Con đọc quyển Giai nhân và Hòa Thượng.”

Trước đây rất lâu tôi viết quyển “Tình Đồi Nghĩa Đạo” lấy hai nhân vật tiêu biểu ở Hannover để cấu kết nên câu chuyện và trong câu chuyện tôi đã cho chàng thanh niên này đi xuất gia, nhưng bây giờ không phải là chàng mà là nàng đã thành Sư Cô hơn 10 năm rồi.

Rồi quyển tiểu thuyết “Chuyện tình Liên Hoa Hòa Thượng” đã được Soạn giả Dương Kinh Thành soạn thành từng bài giảng Phật giáo. Cố nghệ sĩ Út Bạch Lan, Tô Châu, Phượng Loan vào vai rất xuất sắc và đã để lại cho đời một kiệt tác trên sân khấu cải lương Phật giáo. Dĩ nhiên là từng này cũng đã có kẻ chê người khen, nhưng nếu nói như cố Nghệ sĩ Út Bạch Lan rằng: Ít ra cũng trực tiếp hay gián tiếp giúp cho chư Tăng Ni trẻ ngày nay và những người nữ đi chùa phải thận trọng hơn nữa khi bước đến cửa thiên môn.

Gần đây, quyển tiểu thuyết khác mà tôi đã viết nhan đề là “Mối tơ vương của Huyền Trân Công Chúa” cũng sẽ được ra mắt nay mai bằng cả sách và băng cải lương, cũng do Soạn giả Dương Kinh Thành soạn từng bài giảng và chắc chắn sự khen chê cũng không phải là không có, nhưng dẫu sao đi nữa thì đó cũng là những dấu ấn của một thời khó phai khi chúng ta đang sống tại ngoại quốc mà đã có những

đóng góp cho quê hương, cho Phật giáo những công trình văn hóa nghệ thuật như vậy, quả là điều cần phải triển khai ở nhiều phương diện hơn nữa.

Tại Âu Châu này, những Thượng Tọa và Đại Đức có học vị cao như Tiến Sĩ, Cao Học, Cử Nhân cũng đã sáng tác nhiều sách như Thượng Tọa Trí Siêu, Thượng Tọa Đồng Văn, Thượng Tọa Hạnh Nguyên, Thượng Tọa Hạnh Tấn, Đại Đức Hạnh Giới, Đại Đức Hạnh Hòa, Đại Đức Hạnh Định, Đại Đức Hạnh Sa v.v... Đây là những mầm non, khi những cây đại thụ đã trải qua thời kỳ thứ tư rồi thì hy vọng quý Thầy, quý Cô này sẽ tiếp tục sáng tác dịch thuật, biên soạn để cho những thế hệ đi sau được lợi lạc.

Tại Úc có Hòa Thượng Thích Huyền Tôn, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng, cố Hòa Thượng Thích Phước Huệ... là những vị có công không ít trong việc dịch giải cũng như biên chép những sách vở rất có giá trị. Thế hệ trẻ tiếp theo thì có Thượng Tọa Thích Phổ Huân, Sư Cô Thích Nữ Giác Anh v.v...

Nhìn về Hoa Kỳ và Canada thì rất đa dạng, nhưng công đức phiên dịch viết lách kinh điển để giới thiệu cho người Việt và người Mỹ biết về văn hóa Phật giáo Việt Nam thì có Cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân, cố Hòa Thượng Thích Mãn Giác, cố Hòa Thượng Thích Đức Niệm, cố Hòa Thượng Thích Thiện Thanh, cố Hòa Thượng Thích Thiện Trì, Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, cố Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Hòa Thượng Thích Nguyên Đạt, Hòa Thượng Thích Trí Đức, Hòa Thượng Thích Thái Siêu, Hòa Thượng Thích Tịnh Từ, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Hòa Thượng Thích Viên Lý v.v... là những vị ít nhất đã viết từ một tác phẩm trở lên mấy chục tác phẩm.

Thế hệ trẻ hơn đang viết nhiều thì có Thượng Tọa Thích Từ Lực, Ni Sư Thích Nữ Giới Hương, Sư Cô Thích Nữ Huệ

Trân v.v... Dĩ nhiên là còn nhiều nhiều hơn thế nữa, nhưng tôi đã không nhớ ra hết được. Công lao đóng góp của quý Ngài cũng như quý vị cho tiền đồ của Phật giáo Việt Nam được tồn tại lâu bền trên quê hương thứ hai này quả là những hình ảnh tuyệt vời nhất trong lịch sử Việt Nam cũng như lịch sử Phật giáo ở cả trong lẫn ngoài nước, không ai được phép quên đi những công đức to lớn này.

Người xưa thường nói rằng: Để tiền bạc lại cho con, con cái tiêu xài xong, đôi khi còn sinh ra họa. Chi bằng để sự hiểu biết lại cho con qua sách vở thì con cái sẽ dùng đến hết đời cũng còn. Thiết nghĩ lời dạy này của tiền nhân cho đến bây giờ và mai sau cả nhiều ngàn đời sau nữa, với chữ nghĩa, với tư tưởng mang nội dung cả sự từ bi và trí tuệ đến cho mọi người, giúp đỡ cho ai đó khi đọc qua tư tưởng của người viết sách hay dịch kinh, nếu có điều gì đó ứng dụng vào trong cuộc sống thường nhật thì lợi ích thật không nhỏ.

Truyền thông đại chúng của Phật giáo Việt Nam tại Âu Châu

Về vấn đề truyền thông đại chúng ở Âu Châu, phải kể đến tờ báo Khánh Anh, báo Quê Mẹ, báo Hoàng Pháp ở Pháp. Kế đó Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã cho phát hành lịch treo tường Nhựt Thanh kể từ năm 1977, sau này đổi thành lịch Khánh Anh. Đây là loại lịch được phát hành lâu dài nhất tại Âu Châu cũng trên dưới 45 năm và nay vẫn còn tiếp tục xuất bản. Tuy số lượng ngày nay không nhiều như lúc ban đầu, nhưng chúng tôi vô cùng niệm ân cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm về những sự mở đầu trong những vấn đề liên quan đến việc truyền thông cho đại chúng như vậy.

Ngày xưa chưa có computer, chưa có laptop và không có dấu tiếng Việt, quý vị thử nghĩ xem những người làm

báo, làm lịch phải khó khăn biết bao! Muốn có những chữ in lớn phải ra ngoài tiệm bán đồ văn phòng để mua những mẫu chữ đã có sẵn, sau đó mang về và cà lên trên giấy, sau đó dán các dấu tự chế: sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng. Nếu lỡ sai phải có mực trắng để bôi lên. Máy đánh chữ hồi đó, cách 40 hay 50 năm về trước không có dấu, chỉ có thể dùng máy đánh chữ theo tiếng Anh, Pháp hay Đức và sau đó tự bỏ dấu vào chữ đã đánh máy. Công đoạn thật là nhiều khê, nhưng nếu đánh máy tiếng Việt mà không bỏ dấu thì đọc khó hiểu hay hiểu lầm. Do vậy mà Ban Biên Tập các tờ báo ở Âu Châu hay hải ngoại ngày ấy gặp khó khăn về vấn đề này không ít. Chẳng bù với ngày nay khoa học tiến bộ quá mức nên việc in, ấn hay bỏ dấu tiếng Việt và ngay cả tiếng Hoa hay tiếng Nhật cũng tiện lợi vô cùng, nghĩa là nếu đánh máy sai, chỉ cần xóa đi và đánh máy lại là xong, chỉ tốn có mấy giây thôi là một câu văn sẽ hoàn chỉnh. Chẳng bù với ngày xưa muốn làm một tờ báo, tốn cả tháng mới xong, còn bây giờ chỉ cần từ 3 đến 7 ngày là có thể đánh máy và trang trí xong một tờ báo để đem in và dĩ nhiên là phải tùy thuộc vào độ dày mỏng để tính ra một khoảng thời gian tương ứng như thế. Bây giờ người trẻ có muôn ngàn cách khác nhau để làm càng nhanh càng tốt. Ví dụ, chỉ cần bấm máy vào tìm ông Google và hỏi ngay vấn đề mình cần biết là sẽ có câu trả lời ngay bằng bất cứ ngôn ngữ nào mình muốn.

Cách đây 40 về trước, tại Âu Châu hầu như chùa nào cũng có ra một tờ báo hay bản tin. Đó là chưa kể đến Hội Đoàn bên ngoài có cả trăm hay nhiều hơn thế nữa. Họ sống nhờ vào quảng cáo, nhưng ngày tháng trôi qua, người ủng hộ báo giấy không còn nữa, do có báo điện tử Online, nên hầu như ở Âu Châu chỉ còn một vài tờ sống sót. Ví dụ như báo Khánh Anh hay Viên Giác. Tờ Pháp Âm ở Na Uy cũng sống được một thời gian, mặc dầu có chính phủ tài trợ cho

việc xuất bản, nhưng có lẽ Ban Biên Tập thiếu người nên đã đình bản từ lâu.

Riêng tờ báo Viên Giác xuất bản lần đầu tiên tại Hannover Đức Quốc vào ngày 1 tháng 1 năm 1979, nghĩa là kể cho đến nay cũng đã 40 năm rồi. Trong 40 năm ấy, mỗi 2 tháng ra một số và đến năm 2019 số phát hành mới nhất là số 230 (đó là chưa kể 6 số của năm 1979 và 1980). Đây là một trong những tờ báo Đạo có tuổi thọ dài lâu nhất, kể cả trong lẫn ngoài nước và được gửi đến cho độc giả cả 32 nước trên thế giới. Cũng có nhiều tờ báo đổi tên khi tái bản trở lại sau một thời gian ngưng xuất bản, nhưng Viên Giác thì không. Có lẽ trong 25 năm đầu (1979-2004) là do Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức trợ cấp phần lớn cho việc in ấn lẫn tem thư gửi đi. Nhờ đó mà Viên Giác đã có một vị trí vững vàng trong lòng độc giả và việc tiếp tục ủng hộ để cho Viên Giác tồn tại cũng là một chuyện dễ hiểu. Thật ra với mỗi năm 6 số, độc giả ở Đức chỉ cần ủng hộ 20 Euro và Âu Châu hay các nơi khác chỉ cần ủng hộ 30 Euro là có báo gửi thẳng đến tận nhà để đọc, thì đây là một món quà tinh thần quá xứng đáng và nhiều người còn ủng hộ nhiều hơn thế nữa, chứ không phải chỉ có 20 hay 30 Euro. Nhờ vậy mà Viên Giác mới có thể sống đến ngày nay.

Cho đến số 200, chúng tôi dự định đình bản, không phải vì lý do tài chánh, mà vì những người lớn tuổi rành tiếng Việt đã qua đời không ít, nên số độc giả này không thêm mà lại giảm. Còn tuổi trẻ ngày nay, nếu rành tiếng Việt thì các em có thể vào mạng để xem lướt qua thôi cho đỡ thời gian và xem cái gì cần xem, chứ không nhất thiết phải xem cả tờ báo 100 trang hay 200 trang khi Xuân đến Tết về. Thế nhưng đúng là cái nghiệp làm báo. Chúng tôi cuối cùng không dừng lại ở số 200, mà nay đã đến số 230 rồi. Vậy còn bao nhiêu số nữa thì chúng tôi cũng khó trả lời cho quý vị được, nhưng có thể nói rằng: Khi nào thế hệ

này đi qua mà không có thể hệ tiếp nối như mục đích ban đầu thì chúng tôi sẽ ngưng xuất bản.

Ngày xưa, khi Thầy Hạnh Tuấn còn sanh tiền, có lần Thầy ấy ghé thăm chùa Viên Giác và quảng cáo cho tôi xem về máy Fax, rồi trang thiết bị chiếu Slide lên tường, đưa hình vào trang đánh máy, hay ở xa cũng có thể viết và gửi nhanh chỉ cần trong vài giây, chứ không phải gửi qua Bưu điện phải chờ đến 5 hay 10 ngày mới đến tay người nhận. Nếu tôi nhớ không lầm, đó là thời điểm của năm 1991, cũng vì năm đó tôi có tổ chức Đại Hội Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng-già Thế Giới nên phải mua máy Fax và từ đó trở đi, mọi việc liên lạc cũng như làm báo càng tiện lợi hơn. Nhưng có một điều mãi cho đến nay tôi vẫn chưa hội nhập vào thế giới điện tử hoàn toàn, vì lẽ tôi chối bỏ việc sử dụng điện thoại cầm tay. Dĩ nhiên, sự phát minh của khoa học, kỹ thuật, công nghệ cao rất tốt, chỉ có điều người sử dụng nó vào lúc nào và sử dụng như thế nào mới là điều đáng nói. Tôi chỉ nói lý do là vì dịch kinh, viết sách, nên không muốn điện thoại quấy rầy và chi phối tôi trong khi dòng tư tưởng của tôi vẫn miên man tiếp tục trên những trang giấy. Một cố tật khác của tôi nữa là mặc dầu tôi biết sử dụng computer để gõ chữ Việt những bài ngắn, nhưng sách thì tôi chỉ viết tay trên giấy chứ chưa bao giờ đưa tư tưởng của mình vào sách bằng computer cả. Bây giờ là quyển thứ 66 rồi và trong hiện tại tôi đang viết ở trang 217 của quyển sách này, vẫn bằng cách chép tay. Có thể đây là một tật xấu, nhưng tôi vẫn cố giữ, vì lẽ tôi cũng đã có nhiều lần đánh vào máy những bài ngắn, trong khi loay hoay tìm dấu này dấu nọ, lỡ ấn vào một nút nào đó. Thế là toàn bộ bị xóa đi, không một lời trần trối và tôi cũng không biết là tìm lại ở chỗ nào, cũng như phải bắt đầu trở lại sao đây, nên cách hay nhất là cứ viết tay mỗi ngày 5, 10 hay 15 hoặc đôi khi cả 20 trang như thế mà chắc chắn, sau đó tôi giao việc này qua cho thư ký văn phòng đánh máy và

tôi chỉ cần xem lại lần cuối, trước khi sửa lỗi chính tả để layout và tiếp tục in thành sách là được. Đây có thể là một loại thủ công nghệ, nhưng loại này thì chắc chắn 100% không sợ bị xóa mất dấu tích. Lý do khác để tôi chọn lối viết tay này là biết đâu ngày sau, 100 hay 200 năm nữa, nếu có ai đó đi tìm lại một thời của dĩ vãng về tôi, thì đây là những bằng chứng để họ hiểu được rằng ở vào giữa thế kỷ 20 đến giữa thế kỷ 21 đã có một người sinh ra tại Việt Nam, đã sống và làm việc cũng như tu học, hành đạo suốt hơn 40 năm tại Đức như vậy.

Văn minh nhân loại cũng đã vượt qua không biết bao nhiêu thử thách, nhưng thử hỏi văn minh này sẽ đi về đâu trong tương lai gần thì chẳng ai trả lời được. Chính vì văn minh này đã giúp cho con người ngày càng tiến nhanh hơn, nhưng bù vào đó con người cũng không còn hiểu nhau nhiều như xưa. Ngày xưa không có máy móc hiện đại thì phải viết thư thăm hỏi nhau và mỗi lần ngồi vào bàn viết cũng phải suy nghĩ là mình nên viết gì và viết như thế có đúng không? Nếu không đúng ý thì chép lại vào mảnh giấy khác, còn bây giờ lấy điện thoại biên biên chép chép, nhiều lúc thiếu dấu, thiếu ý, nhưng vẫn nhấn nút gửi đi. Bên đầu kia cũng nhận được rất nhanh, có lúc xóa đi và có lúc giữ lại, nhiều khi còn dùng cho mục đích riêng tư nữa. Quả thật là có lợi cũng có hại.

Có lần ngồi ở phi trường hay ga xe điện, tôi quan sát một cặp vợ chồng đi chung với hai đứa con. Tuy họ ngồi gần nhau trong gang tấc đó, nhưng xa nhau muôn vạn dặm vì lẽ trên tay mỗi người có một cái điện thoại và mỗi người nhắm đến một hướng khác nhau để nhắn tin hay xem hình ảnh. Quả thật trong cái tiện lợi ấy, cái bất cập và bất lợi lại chiếm phần nhiều hơn, vì lẽ trong một gia đình như thế, không ai hiểu ai cả. Từ đó dẫn đến việc ly tán, trầm cảm, hiểu sai ý nhau cũng là chuyện thường tình thôi.

Dĩ nhiên là không phải ai cũng giống nhau ở nhiều phương diện, nhưng nhìn chung với tính cách toàn cầu hiện nay thì ai không biết thông tin qua Internet hay điện thoại là một sự thiệt thòi lớn. Vấn đề ở đây là chính con người phải làm chủ máy móc, chứ đừng để máy móc làm chủ mình. Chúng ta có quyền sử dụng máy móc với công nghệ cao trong hiện tại, nhưng lúc nào đáng dừng, đáng xem và phải tự kiểm tra mình được thì việc làm này cũng không bị giới luật cấm đoán. Tất cả chỉ là những phương tiện ở thế kỷ 21, bởi vì ở thế kỷ 6 trước Tây lịch không có vấn đề này, nên Đức Phật đã không đề cập đến và nếu có thì chắc rằng không thuộc về những tội trạng, mà chỉ là những “pháp chúng học” mà thôi.

Ngày nay tại Âu, Mỹ, Á, Úc, Phi, đâu đâu người ta cũng nối mạng với nhau bằng nhiều cách để nói chuyện, xem tin tức hình ảnh cập nhật tức thời, không bị kiểm duyệt bởi một cơ quan nào cả. Nhưng chắc chắn sự theo dõi về tội phạm không phải là không có đối với những cơ quan an ninh, vì vấn đề quốc phòng hay bảo mật của quốc gia. Ngày xưa kém phát triển về mọi mặt, nhưng chúng ta được tự do hơn, còn ngày nay xã hội phát triển quá nhanh, nhưng chúng ta đi đâu người khác cũng biết, làm gì cũng có máy móc theo dõi. Nếu như vậy thì rõ ràng là sự tự do cá nhân của con người mỗi ngày càng bị thu hẹp lại. Thế mà chúng ta vẫn nghĩ là chúng ta đang tự do.

Ngày nay hầu như không có chùa nào là không có website để quảng bá về chùa mình. Có chùa còn dùng cả Facebook cho nhanh và tiện, nhưng đọc những lời bình luận ở đó thấy sao nó đơn thuần quá và nhiều lúc còn ngô nghê nữa. Những máy điện thoại bây giờ còn có thể livestream, tức là chuyển tải một sự kiện trực tiếp xảy ra tại một nơi đến khắp thế giới. Như vậy, hằng ngày con người ngày nay đã tiếp thu được không biết bao nhiêu là



nguồn tin tức và trong đầu óc giới hạn của mỗi người, chắc chắn sẽ chỉ còn sót lại những điều gì mà người ấy mong đợi mà thôi. Tôi thử nhìn vào những trang sau cùng của Lịch Khánh Anh thì thấy có trên 100 ngôi chùa và Niệm Phật Đường và nếu kể ở Mỹ, ở Úc, ở Á Châu nữa thì chắc cũng không dưới 1.000 ngôi tự viện lớn nhỏ. Do vậy quý vị nào muốn xem những website của những ngôi chùa này thì chỉ cần vào Google để tra, thì những trang nhà hay Facebook hoặc E-mail hay số điện thoại của chùa đó, của Thầy Trụ Trì đó hiện ra liền, chắc không tốn đến 5 phút là quý vị có thể tìm đến chùa mình cần liên lạc một cách dễ dàng và thuận tiện.

Ví dụ như ở Pháp có 33 chùa. Anh có 3 chùa. Bỉ có 3 chùa. Thụy Sĩ có 3 chùa. Áo có một chùa. Đức có 15 chùa. Đan Mạch có 7 chùa. Thụy Điển có 5 chùa. Ý có một chùa. Na Uy có 6 chùa. Như vậy chỉ riêng Âu Châu không thôi có tổng số chùa và Niệm Phật Đường là 80 ngôi chính thức. Đó là chưa kể những sinh hoạt của các Chi Hội địa phương, những Đạo Tràng được tạo dựng tại tư gia và những chùa thuộc các Giáo Hội khác nữa, và cứ mỗi một chùa, một Niệm Phật Đường, một Đạo Tràng, một Chi Hội đều có website để giới thiệu sinh hoạt của chùa mình thì quả là tiện lợi biết bao. Ví dụ ngày xưa không biết được múi giờ khác nhau nên gọi điện thoại không đúng giờ khiến đầu dây bên kia phàn nàn, không tiếp tục ngủ lại được, nhưng bây giờ E-mail thì có thể viết bất cứ lúc nào cho ai cũng được. Viết xong nhấn nút gửi đi, người nhận khi thức dậy mở computer sẽ đọc được ngay lời của đối phương nhắn gửi. Nếu chúng ta ứng dụng việc này vào việc Niệm Phật cầu vãng sanh cũng đúng thôi. Vì lẽ lời niệm Phật và tâm ta gửi gắm vào câu Phật hiệu thì trước sau gì Đức Phật A-di-đà cũng sẽ thấy được nguyện vọng của chúng ta, dầu cho chúng ta có ở cõi nào đi chăng nữa.

## NHỮNG NGÔI CHÙA TIÊU BIỂU TẠI ÂU CHÂU

Như chương trước chúng tôi có đề cập đến 80 ngôi chùa hiện có mặt tại Âu Châu và hàng trăm đạo tràng khác hiện đang tồn tại và sinh hoạt trong nhiều phạm vi khác nhau như Thiên, Tịnh, Kim Cang Thừa v.v... Giai đoạn sau hơn 40 năm người Phật tử Việt Nam tỵ nạn tại Âu Châu giống như trăm hoa đang đua nở và mỗi một loài hoa trở một màu sắc khác nhau mang theo những hương thơm tùy theo từng từng loại. Cũng có những cây sống thật vững vàng, nhưng cũng có lắm loài hoa chưa khoe được hương sắc thì gió đông đã kéo về, nên đã bị đông lạnh theo thời tiết của Âu Châu, nên đã có lần cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm gọi là: Trồng sen trên tuyết. Tuyết thường rơi ở nhiệt độ 0°C và sau đó nếu trời lạnh hơn thì tuyết kia sẽ đóng thành băng, mà trên băng kia hoa sen lại mọc lên cũng như nở hoa để khoe hương sắc với đời thì quả là điều vi diệu, bất khả tư nghì, không có ngôn từ nào để diễn đạt được hơn như thế nữa.

Ở đây tôi không viết lịch sử từng ngôi chùa tại Âu Châu đã được xây dựng, mà tôi chỉ giới thiệu phong cách cũng như hoàn cảnh để hình thành một ngôi tự viện cũng như sự sinh hoạt Phật giáo tại đó. Riêng phần ngày tháng thành lập hay Ban Chấp Hành hay vị Trụ Trì là ai thì xin quý vị có thể truy cập vào các website của mỗi chùa để biết rõ ràng hơn.

Ở một xứ xa xôi băng giá về đông, có khi nhiệt độ xuống đến dưới -40°C ở Âu Châu. Đó là xứ Nga. Trước năm 1990 khi nói về xứ sở này, ai cũng cảm thấy xa lạ, vì lẽ từ năm 1917 đến thời điểm đó, đây là một trong những nước và

cũng là thành trì của chủ nghĩa Cộng Sản và cũng chẳng ai ngờ được là sau khi bức tường Berlin sụp đổ vào ngày 9.11.1989 thì hầu như các nước theo Cộng Sản tại Đông Âu đều sụp đổ theo. Đó là những nước: Nga, Ba Lan, Tiệp Khắc, Lỗ Ma Ni, Albani v.v... Kể từ năm 1990 trở đi người Việt đang làm ăn sinh sống tại Nga cũng như những người Việt đang tỵ nạn tại các xã hội Âu Mỹ lại có cơ hội gặp nhau về tôn giáo, chính trị hay văn hóa, xã hội, cho nên bây giờ ở Nga đã có một Cộng đồng Phật tử không phải nhỏ.

Đầu tiên phải kể đến công đức của ông bà Thiện Xuân và Thiện Mẫn, một người đàn bà Nga có tâm hồn Việt Nam và một người đàn ông Việt Nam đã bỏ Đảng Cộng Sản Việt Nam lâu năm, luôn ưu tư về vấn đề tâm linh, nên đã thành lập một Hội Phật giáo tên là Thảo Đường và bây giờ ngôi chùa đã được thành lập chính thức gồm 2 tầng, trên thờ Phật, tầng dưới làm hội trường cũng như phòng sinh hoạt và phòng ở cũng lấy tên Thảo Đường, vốn là tên của một vị Tổ Sư thuộc dòng Thiên thứ 3 của Việt Nam vào thế kỷ 9. Nhưng nếu không có nhân duyên đầu tiên do cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm, cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, Hòa Thượng Thích Minh Tuyên, Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh đến đây vào thời điểm sớm nhất vào đầu thập niên 90 của thế kỷ thứ 20 thì chắc rằng những nhân duyên tiếp theo của gần 30 năm trải dài về sau khó mà tồn tại và phát triển được. Kế tiếp theo bước chân của những Ngài đi trước có cố Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh, tôi, Hòa Thượng Thích Quảng Bình, Thượng Tọa Thích Hoàng Khai, Thượng Tọa Thích Thông Trí, Thượng Tọa Thích Tâm Huệ, Thượng Tọa Thích Nguyên Lộc, Thượng Tọa Thích Quảng Đạo, Thượng Tọa Thích Hạnh Bảo, Đại Đức Thích Hạnh Giới và quý Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Phước, Thích Nữ Diệu Trâm, Thích Nữ Hạnh Khánh v.v... và sau này thì Sư Cô Thích Nữ Tuệ Đàm Hương được chính thức công cử Trụ Trì chùa sau

ngày khánh thành vào tháng 10 năm 2017. Kể từ đó đến nay có rất nhiều chư Tăng Ni đến hoằng pháp. Ví dụ như từ Úc thì có Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng. Từ Hoa Kỳ có Hòa Thượng Thích Thái Siêu, Hòa Thượng Thích Nhật Huệ, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu. Cũng kể từ năm 2017 trở đi, đồng bào Phật tử Việt Nam tại Moscow đã chính thức ký vào văn bản dâng hiến hoàn toàn cơ sở vật chất của chùa này cho Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu và tôi với tư cách là lãnh đạo tinh thần của Chùa và Hội kể từ khi thành lập đến nay đã tiếp nhận văn bản hiến tặng này cũng như sau đó công cử Sư Cô Tuệ Đàm Hương từ Đan Mạch sang đây với tư cách là Trụ Trì của chùa để chăm lo Phật sự tại đây.

Phải nói rằng, các anh chị em Phật tử Việt Nam tại Nga rất hết lòng cho đời sống tâm linh của mình ngay những ngày đầu khó khăn còn vây bủa trong khâu giấy tờ cũng như công việc làm ăn. Tuy vậy họ vẫn phấn đấu và không ngừng nghỉ phát huy tư tưởng sẵn có của mình để phụng sự Phật Pháp trên nhiều phương diện khác nhau. So với các nước khác tại Âu Châu thì chùa Thảo Đường tại Nga hoạt động khó khăn hơn, vì lẽ nước Nga mới từ khuynh hướng cộng sản chuyển đổi qua chế độ tự do. Sự nghi kỵ lẫn nhau, tầm nhìn về đời sống tâm linh có cái gì đó vẫn còn là rào cản. Do vậy mà ở Nga phải cần nhiều thời gian hơn để Chùa và Hội Phật giáo tại đây thành tựu cũng như phát triển. Trong hiện tại, Cô Tâm Diệu Hương và một số Phật tử Việt Nam cũng như người Nga luôn hoài bão ngôi chùa sẽ được phát triển mạnh hơn xưa, nên các Phật tử đã tạo mãi thêm được một miếng đất bên cạnh nữa để xây dựng làm nhà sinh hoạt của Hội.

Vì chùa nằm trong khu dân cư tương đối khá, nên có người gác cổng những xe cộ ra vào hàng ngày và họ chỉ giới hạn cho một số người nào đó nhất định đi lễ bái vào

những ngày lễ lớn cũng như những ngày cuối tuần, nên đây là đề tài tương đối nan giải so với sự phát triển Phật sự trong tương lai tại xứ này. Ngoài ra thì cũng không có gì để lo lắng nhiều, vì tài chính để xây dựng chùa cũng như mua đất và xây dựng cơ sở kế tiếp tại Moscow vẫn do Phật tử Việt Nam tại Nga và Âu Châu đóng góp. Đây là điểm son nổi bật mà chúng ta không thể quên đi ân nghĩa của những người đã đặt nên nền móng cho ngôi nhà tâm linh Phật giáo vào thuở ban đầu như vậy.

Một xứ khác tại Bắc Âu tương đối cũng khá lạnh về đông và tuy là một vương quốc, trị vì bởi Vua Chúa và Quốc Hội, nhưng đời sống của người dân tại đây gần như trong một xã hội chủ nghĩa vậy. Nghĩa là mọi người dân đều có quyền lợi và bổn phận ngang nhau, không ai giàu quá, mà cũng không có ai nghèo quá. Mọi sự đóng thuế và tiền lương, tiền hưu đều dựa theo luật định, nhưng ở đây không ai bị thiệt thòi về bất cứ một phương diện nào như: công ăn việc làm, du lịch, nghỉ phép, đau ốm, già cả, học đường, tôn giáo v.v... nghĩa là tất cả đều trên cả tuyệt vời và nghe đâu Phần Lan là một trong những nước Bắc Âu có chỉ số hạnh phúc của người dân sống cao nhất về mọi tiện nghi đang có, đồng thời nếu ai mang quốc tịch Phần Lan cũng có thể đi du lịch trên dưới 170 quốc gia không cần phải xin chiếu khán. Đây là một trong những hạnh phúc mà những nước nghèo khó khác tại Á Châu chưa có được, trong đó có cả quê Mẹ Việt Nam của chúng ta. Không biết là cho đến bao giờ người Việt Nam ở trong nước mới được hạnh phúc như những dân tộc Bắc Âu, như Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan và Đan Mạch. Tục ngữ Đức có câu rằng: “Niềm hy vọng không phải trả bằng tiền”, nên chúng ta có quyền hy vọng và đợi đến bao giờ thì phải “wait and see” vậy.

Vùng Turku chính là cố đô của Phần Lan, nơi đó đã mọc lên một ngôi chùa trên một thửa ruộng và chung quanh là

rừng thông bạt ngàn. Nơi ấy đã được cố đạo hữu Nguyễn Phước Vĩnh Tuyên ra công vận động bà con Phật tử gần xa, đầu tiên là tạo mãi đất đai và sau đó từng bước xây dựng nên Hội Trường (sau này biến thành Chánh Điện của chùa Liên Tâm) và bây giờ cứ từng hạng mục như xây Quan Âm Các, xây Tháp Địa Tạng, xây Cổng Tam Quan v.v... đã được Thượng Tọa Thích Hạnh Bảo với vai trò Trụ Trì phải ra gánh vác Phật sự này từ những giai đoạn khó khăn nhất để đến bây giờ ngôi chùa và tháp Địa Tạng ngự trị một cách uy nghi hùng vĩ tại một trong những xứ Bắc Âu, nên công kiến tạo của Thầy Hạnh Bảo không phải là nhỏ, người đã tiếp nối sự chuyển giao từ Thượng Tọa Thích Hạnh Thông, Sư Cô Thích Nữ Hạnh Trì trong giai đoạn khó khăn không ít, khi tài chánh và nhân sự tại đây luôn giới hạn. Thế mà bây giờ ở đây chùa Liên Tâm đã trở thành sự thật và hiển nhiên đang hùng cứ một phương trời mà mãi cho đến ngàn sau, nếu người Việt hay Phật tử Phần Lan còn duy trì ngôi tự viện này được, thì quả là điều phước báu vô cùng.

Ngoài ra tại Helsinki, chùa Phúc Lâm cũng đã được Thượng Tọa Thích Hạnh Thông xây dựng mới hoàn toàn.

Oslo là thủ đô của Na Uy. Nơi đây có chùa Khuông Việt do cố Thượng Tọa Thích Quán Không cùng Hòa Thượng Thích Trí Minh thành lập và sau này Đạo Tràng Liên Hoa cũng được hình thành tại vùng này. Mới đó mà cũng đã trên dưới 30 năm rồi và Na Uy cũng là nơi mà Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu được thành lập vào năm 1990 tại Kongsvinger nhân khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu tại đây.

Chùa Khuông Việt được xây dựng hình thức giống như những ngôi chùa khác tại quê hương nước Việt của chúng ta. Nghĩa là tầng trên để thờ Phật, chư Tổ Sư tiền bối và các hương linh quá vãng hữu công đối với việc kiến tạo chùa. Bên cạnh đó là phòng của vị Trụ Trì và chư Tăng Ni. Tầng

dưới dùng làm phòng sinh hoạt đa dụng, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm, khu phát hành v.v... Diện tích chùa tương đối khiêm nhường so với một ngôi chùa chung cho cả Giáo Hội tại Na Uy, nên Hòa Thượng Thích Trí Minh đã cho kiến lập tiếp Liên Hoa Đạo Tràng để có nơi sinh hoạt cũng như chỗ tu học thoải mái hơn cho Phật tử và hiện tại cả hai nơi này đều do Thượng Tọa Thích Viên Ngộ trụ trì. Còn Hòa Thượng Thích Trí Minh chỉ chứng minh với vai trò là một Phương Trượng của nhiều tự viện tại Na Uy mà thôi.

Tại cố đô Trondheim thuộc miền Bắc vương quốc Na Uy cũng có một ngôi chùa hai tầng do Thượng Tọa Thích Viên Giác, tức là Nhạc sĩ Phi Long, đã xây dựng nên trong vòng 10 năm trở lại đây. Riêng tôi vẫn chưa bao giờ nghĩ rằng ngôi chùa này được thành tựu, vì lẽ người Việt Phật tử tại vùng này tương đối ít cũng như xa xôi quá so với một số người, làm sao có thể tạo mãi đất đai và xây dựng được một ngôi chùa Đôn Hậu bề thế như ngày hôm nay được. Đây là do công đức không nhỏ của Thầy Trụ Trì mà thành tựu. Việc này không phải đơn thuần mà mọi việc đều thuận duyên như thế.

Khi tôi đến đây nhiều lần và đã làm quen cũng như quan sát sự tu học của Tăng Ni thì có được thành tựu ấy là do Thầy Trụ Trì và Tăng Ni tại đây suốt trong thời gian trên dưới 20 năm qua, hầu như không có ngày nào là Thầy không đi cúng quá đường cũng như hành trì kinh Lăng Nghiêm vào buổi sáng, cúng nguyện vào buổi trưa, công phu chiều và Tịnh Độ vào buổi tối khi Thầy có mặt tại chùa và nếu Thầy đi Phật sự đâu xa thì tại chùa cũng không vắng tiếng kinh lời kệ mỗi ngày bốn thời như thế. Đây có thể là vấn đề cốt lõi để Thầy Viên Giác thành tựu được Phật sự tại nơi đây ngoài việc phổ thơ, viết nhạc của Thầy để trở thành một người nổi danh về nhạc Phật giáo kể cả trong và ngoài nước hiện nay.

Vì lẽ tôi chỉ dự định viết về những ngôi chùa được xây dựng tại Âu Châu, nhưng cũng chỉ tiêu biểu một vài chùa thôi, còn những chùa “cải gia vi tự” hay tân trang lại để làm chùa thì tôi chỉ xin lướt qua. Mong quý vị Trụ Trì tại đó cũng như những Phật tử hoan hỷ cho sự thiếu sót này.

Tại Thụy Điển cũng là một vương quốc thuộc xứ Bắc Âu, hiện có 4 ngôi chùa, nhưng trong đó chỉ có hai ngôi chùa được xây dựng. Đó là chùa Phật Quang tại Göterborg do Thượng Tọa Thích Tịnh Phước trụ trì và chùa Trúc Lâm tại Malmö do Hòa Thượng Thích Tâm Huệ xây dựng. Chùa Trúc Lâm dự định xây cả chánh điện nữa, nhưng trong hiện tại thì Hòa Thượng dùng nhà Tăng để làm chánh điện tạm thời và mọi sinh hoạt đều được tổ chức tại đây.

Riêng chùa Phật Quang tại Göterborg do Thượng Tọa Thích Tịnh Phước chủ trương xây dựng từ hơn 10 năm nay, nhưng vẫn chưa hoàn tất những công trình phụ. Nơi chánh điện có 3 tôn tượng Phật Thích-ca, Di-đà và Dược Sư bằng gỗ quý được tạc từ Trung Quốc và đưa về đây nhân lễ khánh thành chùa là quý nhất, vì đây cũng chính là linh hồn của ngôi chùa. Cổng Tam Quan được đục đẽo vào đá rất công phu và được mang sang từ Việt Nam, trông thì bề thế, mà chạm trở hơi nặng nề. Tuy nhiên đây là những nét chạm trở do những nghệ nhân Việt Nam tạo nên, do vậy cái hồn của người tha phương đôi khi cũng có thể gửi gắm tâm sự của mình qua những hình ảnh này khi trông vội về cố quốc trong những lúc nhớ đến nơi chôn nhau cắt rốn.

Tại Đan Mạch có đến 7 ngôi chùa, nhưng chưa có một ngôi chùa nào xây dựng nên nét kiến trúc Việt Nam hoàn mỹ cả. Chỉ có chùa Vạn Hạnh tại Odensee là có một chút dáng dấp Việt Nam sau khi đã xây dựng chánh điện thành công. Còn chùa Liễu Quán tại thủ đô Copenhagen do Thượng Tọa Thích Pháp Trú trụ trì cũng chỉ là ngôi nhà thờ được biến thành chùa, nên chưa có nét kiến trúc Đông Phương nào



độc đáo nhằm giới thiệu cho người Đan Mạch biết về văn hóa Việt Nam qua việc kiến tạo chùa chiền. Hy vọng rồi trong một ngày gần đây tại Vương Quốc Đan Mạch sẽ có những ngôi chùa tiêu biểu được xây dựng như vậy.

Anh quốc là nước có số người Việt định cư tương đối nhiều, nhưng cho đến nay cũng chưa có ngôi chùa nào được xây dựng hoàn hảo trong 5 ngôi chùa hiện có mặt tại đây. Chỉ có ngôi chùa Từ Đàm tại Birmingham do Thượng Tọa Thích Phước Huệ trụ trì, trong suốt thời gian 20 năm qua, Thượng Tọa và đồng bào Phật tử quanh vùng cũng chỉ mới xây xong Hội Trường đa dụng để sinh hoạt, còn chánh điện và nhà sinh hoạt khác thì vẫn còn trong thời gian xin phép để xây cất. Hy vọng trong tương lai gần, tại Anh quốc cũng như các nước Bắc Âu sẽ lần lượt có những ngôi chùa Việt Nam được xây dựng tiêu biểu, nhằm giới thiệu văn hóa, tôn giáo cũng như nghệ thuật kiến trúc của Phật giáo Việt Nam tại xứ người. Điều này cũng dễ hiểu, vì lẽ nếu có một cậu học trò người địa phương hỏi một cậu học trò người Việt được sinh ra tại đây rằng: Văn hóa tiêu biểu của xứ cậu là gì? Chắc chắn cậu học trò người Việt ấy sẽ giới thiệu một ngôi chùa Việt có lối kiến trúc Á Đông đặc thù hay Đông Tây hòa hợp để giới thiệu cái hồn dân tộc trong đó, chứ không thể giới thiệu một Restaurant, nơi đó chỉ có văn hóa về ẩm thực mà thôi.

Nước Đức bây giờ cũng là một nước đa văn hóa và chắc cũng không dưới 50 sắc dân có mặt tại đây và tôn giáo cũng có rất nhiều màu sắc khác nhau vẫn tồn tại nơi quê hương này và những ai đã nhập quốc tịch Đức thì cũng có thể đi 177 nước trên thế giới không cần phải xin chiếu khán. Đây là điểm nhấn rất mạnh cho một nước có nền kinh tế đứng hàng thứ 4 trên thế giới, chỉ sau Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản mà thôi. Nơi này chính là nơi mà tôi đã sống, làm Phật sự từ năm 1977 đến nay (2018) cũng đã trên dưới

42 năm rồi, nên ân nghĩa thật nghìn trùng, biết nói sao cho hết. Tôi chỉ có thể viết để tạ ân Tam Bảo và đất nước này, trong đó có quyển “Cảm tạ xứ Đức” bằng tiếng Việt và tiếng Đức là một trong 66 tác phẩm và dịch phẩm của tôi đã bắt đầu viết từ năm 1974 đến nay trong suốt 45 năm dài rông rã và hầu như đã chưa gián đoạn một năm nào, mà ngược lại có năm xuất bản đến 2 hay 3 tác phẩm. Có như vậy nên chỉ 45 năm mà tôi đã cho ra đời 66 tác phẩm. Đó là chưa kể đến những bài viết điểm sách hay viết cho các báo chí đó đây. Nếu lấy trung bình mỗi quyển sách là 300 trang đem nhân với 66 quyển, thì tôi đã có tổng cộng được 19.800 trang, đó là chưa kể cũng có những đầu sách đến 3 quyển như quyển “Nghiên cứu Giáo đoàn Phật giáo thời nguyên thủy” tôi đã dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt và Thầy Hạnh Tấn đã dịch sang tiếng Đức đến 3 tập, mỗi tập cũng từ 500 đến 700 trang, hoặc giả quyển “Những mẫu chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát” tôi đã dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt đến 3 tập cũng gần 900 trang. Như vậy, nếu kể số trang thì 66 quyển sách ấy cũng đã trên 20.000 trang rồi.

Về cách kiến trúc ngôi Chùa Viên Giác tại Hannover Đức quốc, chính tôi hay đạo hữu Kiến Trúc Sư Trần Phong Lưu đã nhiều lần giới thiệu với quý độc giả về nhiều phương diện khác nhau như: truyền thông, điện ảnh, báo chí, kiến trúc v.v.. nên lần này và ở đây tôi không đề cập về chùa Viên Giác nhiều nữa, mà quý vị có thể vào trang nhà [viengiac.de](http://viengiac.de) để tham khảo thêm.

Tại xứ Đức này hiện có độ 15 ngôi chùa Việt Nam, nhưng trong đó chỉ có chùa Viên Giác (Hannover), Linh Thứu (Berlin), Phước Nghiêm (Leipzig) là được xây dựng chính thức, còn những chùa khác đều mua lại hăng xưởng để cải biến thành chùa như: Chùa Bảo Quang (Hamburg), chùa Phật Huệ (Frankfurt), Tu Viện Viên Đức

(Ravensburg), chùa Bảo Thành (Koblenz), hay mua lại trung tâm sinh hoạt, nhà hàng để biến thành chùa như: Bảo Đức (Oberhausen), chùa Tâm Giác (München), chùa Phổ Bảo (München), hoặc giả mua nhà tư nhân để sửa lại thành chùa như: Chùa Thiện Hòa (Mönchengladbach), chùa Quan Thế Âm (Aachen) v.v... Nhưng cũng có nhiều chùa dẫn cho từ hãng xưởng sửa đổi lại thành chùa Việt Nam vẫn có dáng dấp kiến trúc Á Châu, trong đó có chùa Bảo Quang tại Hamburg, Tu Viện Viên Đức tại Ravensburg, còn đa phần khi vào bên trong các cơ sở này mới thấy bài trí chỗ thờ tự như chánh điện, hậu Tổ, bàn vong v.v... chứ nếu chỉ nhìn bên ngoài thì hoàn toàn không thấy được dáng dấp của một ngôi chùa như một số chùa đã được trình bày trên. Đây cũng có thể chỉ là giai đoạn thứ 2, trước khi bước qua giai đoạn thứ 3 để xây dựng thành một ngôi chùa thực thụ và có thể trong thời gian tới 10 hay 20 hoặc 30 năm nữa thì câu trả lời này mới trở thành hiện thực.

Tại Berlin có một ngôi chùa tên là Linh Thúu. Ngôi chùa này là hậu thân của Niệm Phật Đường Linh Thúu tại đường Krefeld và sau đó dời về đường Pinnerweg. Trong hiện tại chùa Linh Thúu được xây dựng mới tại đường Heidereuterstr.30, 13597 Berlin, do Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Phước trụ trì. Ban đầu chỉ dự định mua một lô đất trống để xây chùa, nhưng sau đó có hãng của người Đức bên cạnh bán với hình thức phá sản, nên cuối cùng chùa đã mua cả 2 cơ sở cùng một lúc, nên có thể nói rằng trong hiện tại chùa Linh Thúu có đến 120 giường ngủ cho Phật tử ở xa về trú ngụ cuối tuần hay vào những ngày thọ Bát Quan Trai rất thuận lợi. Chánh điện nằm trên miếng đất mới mua, có chiều cao rất thoáng và tầng dưới làm nơi sinh hoạt như văn nghệ, ăn uống, hội thảo v.v... Đặc biệt vườn chùa Linh Thúu rất trang nhã, luôn có cây xanh bóng mát, chim hót líu lo suốt tháng quanh năm và vườn rau quả

nhà chùa cũng đủ cung ứng hàm lượng rau xanh có nhiều calori. Trong những bữa chay không bao giờ thiếu màu xanh tươi mát của rau cải bên chén tương đậu nành thơm mát mùi vị quê hương tại xứ người. Ngoài ra vườn cây cảnh của chùa do những nghệ nhân chuyên môn chăm sóc một cách cẩn thận, chu đáo, nên những khóm tùng, khóm trúc luôn vươn thẳng lên trời xanh và nằm sát ngay bên Chùa Một Cột cùng cổng Tam Quan, chẳng khác nào hình ảnh thân thương của quê hương đã có mặt đầy đủ tại thủ đô Bá Linh này.

Nhờ chùa có vị trí thoáng mát, cây xanh đầy khắp, giao thông tiện lợi và cũng nằm trong thành phố Berlin, nên mỗi lần lễ lớn như Phật Đản, Vu Lan, Tết, Rằm Tháng Giêng v.v... lúc nào cũng đông đúc, nhiều khi lên đến vài ngàn người về chùa tham dự những lễ này và đặc biệt vào mỗi cuối tuần, nhất là ngày chủ nhật, tại chùa Linh Thứu có nhiều đám cúng cầu siêu cho thân nhân của những người đang sinh sống làm ăn ở đây, có khi lên đến vài ba trăm người tham dự cũng là chuyện bình thường. Đa phần những người đi lễ ở tuổi từ 20 đến 50. Do vậy, chừng vài ba chục năm nữa với đà sinh hoạt này Linh Thứu vẫn sẽ là ngôi chùa nổi tiếng tại thủ đô Berlin của nước Đức ở nhiều bình diện khác nhau, trong khi đó tại đây cũng có thêm 5 hay 3 chùa nhỏ nữa, nhưng rất khó sánh bằng chùa Linh Thứu về lượng cũng như về phẩm.

Chùa Phước Nghiêm tại Kamenzerstr. 1, 04347 Leipzig là hậu thân của chùa Liên Trì khi Chi Bộ Phật giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức cử Sư Cô Thích Nữ Tâm Viên về đây trụ trì. Thuở ban đầu thành phố Taucha muốn tặng cho Giáo Hội một công viên trong đó có nhiều cây xanh để xây chùa, nhưng sau một thời gian lên dự án xây cất vẫn không đáp ứng được nhu cầu của thành phố về vấn đề bảo vệ môi sinh và cảnh quan chung quanh, nên Sư Cô Tâm

Viên đã được một Phật tử tại Leipzig cúng đất và xây nên ngôi chùa trong hiện tại và đổi tên là Phước Nghiêm.

Chùa xây dựng theo lối kiến trúc Việt Nam gồm 2 tầng. Tầng trên thờ Phật, chư vị Bồ Tát và chư hương linh quá vãng. Tầng dưới dùng làm Hội trường cũng như những sinh hoạt đa dụng cho những việc như đám giỗ, tiệc tùng và nơi ở của các vị Sư Cô.

Mặc dầu tại Đức trong hiện tại có đến 15 ngôi chùa và Niệm Phật Đường nhưng chỉ mới có 3 ngôi chùa đã liệt kê bên trên là xây dựng chính thức, còn hầu hết là được sửa chữa lại từ hãng xưởng hay những tư gia để làm chùa. Trong những chùa được sửa lại từ hãng xưởng mà nhìn có vẻ ra nét chùa Việt Nam trên đất khách thì có chùa Bảo Quang tại Hamburg, do Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm làm Viện Chủ và Sư Cô Thích Nữ Tuệ Đàm Nghiêm trụ trì. Chùa nằm bên cạnh dòng sông xanh. Tuy không trong mát lắm, vì cây cối che chắn hơi nhiều, nhưng cũng đã giúp cho Sư Bà mỗi khi nhớ nghĩ về quê hương, nhất là ngôi chùa Bảo Thắng tại Hội An, cũng nằm cạnh một nhánh của dòng sông Hoài và nơi cách đây 61 năm về trước (1957) Sư Bà đã xuất gia với Sư Bà Thích Nữ Đàm Minh. Cho nên quê hương là những gì thật là êm đềm và mát dịu của tuổi thơ khi người lớn tuổi hoài niệm đến những kỷ niệm khi mái tóc còn xanh. Ấy là điểm nổi bật mà không ai là không liên tưởng đến, khi mình đã ở vào tuổi xế chiều.

Tại Pháp có nhiều chùa nhất Âu Châu, vì Pháp có số người tỵ nạn cả cũ lẫn mới lên đến hơn 300.000 người, do vậy nhu cầu về tín ngưỡng không nhỏ. Và lại, người Việt đã có mặt ở Pháp hàng thế kỷ về trước, nên không thiếu những người đã có tài sản từ nhiều đời được dành dụm để lại cho con cháu sau này.

Chùa Pháp Hoa tại Marseille do cố Hòa Thượng Thích Thiên Định thành lập và trụ trì. Ngài đã đi du học ở Nhật

Bản trước năm 1975, Ngài về lại Việt Nam để dạy học tại Đại Học Sài Gòn và Cần Thơ và đúng vào ngày 30.4.1975 Ngài đã cùng Hòa Thượng Thích Tâm Châu, Hòa Thượng Thích Huyền Vi chạy sang Thái Lan và cuối cùng sang được Pháp để tỵ nạn và quý Ngài định cư tại đó cho đến cuối đời. Duy chỉ có cố Hòa Thượng Thích Tâm Châu đầu tiên về thành lập chùa Từ Quang tại Nice, sau đó đảm trách lo cho chùa Hồng Hiên tại Préjus và năm 1979, 1980 chính thức dời sang Canada cũng như Hoa Kỳ để hoàng pháp cho đến ngày viên tịch.

Chùa Pháp Hoa được máy gia đình Phật tử cúng một quả đồi cho cố Hòa Thượng Thích Thiên Định và có lẽ đây là ngôi chùa Việt Nam đầu tiên được xây dựng trên đất Pháp với hình thức kiến trúc là một ngôi chùa. Chùa tuy nhỏ nhưng rất đẹp vì có cảnh quan phía trước nhìn ra biển và sau lưng được bao bọc bởi núi đồi. Chùa được xây 2 tầng. Bên trên dùng để thờ Phật và thờ Tổ, bên dưới dùng làm nơi sinh hoạt cũng như hội trường đa dụng, sử dụng cho những mục đích công cộng khác như đám tiệc, hội thảo v.v...

Chùa Tịnh Tâm tại Paris do cố Hòa Thượng Thích Minh Lễ xây dựng, nhưng nay thì Hòa Thượng Thích Phước Toàn đảm trách trông coi. Chùa xây dựng theo kiểu người Hoa hơn là người Việt. Trước năm 1975, cố Hòa Thượng Thích Minh Lễ là người đã đi du học tại Nhật Bản nhiều năm, nhưng đến năm 1975 Ngài đã bỏ nước Nhật, sang Pháp để tỵ nạn cùng với Hòa Thượng Thích Phước Toàn. Chùa chỉ xây một tầng để thờ Phật và phía sau có xây một tháp để thờ tro cốt của những hương linh quá vãng. Vì Ngài không có đệ tử truyền pháp, nên không biết rằng thế hệ thứ hai, thứ ba sẽ ra sao, khi mà người xuất gia mỗi ngày càng hiếm, nhất là đời sống của những người trẻ ở hải ngoại ngày nay ít có điều kiện đi chùa như lúc đang còn ở tại quê nhà.

Chùa Quan Âm là nơi cố Hòa Thượng Thích Chơn Thường khai sơn và trụ trì, cũng nằm gần trung tâm Paris, nên được nhiều người thăm viếng, lễ bái, nguyện cầu. Ban đầu cũng chỉ là một hãng xưởng nhỏ nằm trong khu dân cư, sau đó Hòa Thượng tạo mãi chốn này để làm chùa và trước khi Ngài viên tịch, Hòa Thượng đã cho xây chánh điện cùng hội trường có dáng dấp là một ngôi chùa Việt Nam thực sự. Mái ngói uốn cong, có Quan Âm Các và Đông Tây Đường. Tuy không bề thế như những chùa cổ tại Việt Nam, nhưng ít ra ở tại Paris, nơi đất hiếm người đông, mà có được một nơi để lễ bái, nguyện cầu như thế này là một điều vi diệu.

Chùa Vạn Hạnh tại St. Herblain (Nantes) do cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm và Hội Phật giáo tại đây sáng lập, sau đó cử Thượng Tọa Thích Nguyên Lộc về Trụ Trì. Với bàn tay khéo léo của Thầy, đã xây dựng chùa cũng như chăm sóc vườn cảnh của chùa như là một nghệ nhân chuyên môn. Đặc biệt là ngôi chùa Vạn Hạnh này được xây dựng giống hệt những nét kiến trúc của Việt Nam, có một trà thất làm toàn bằng gỗ quý và ngoài sân nào tùng, nào bách, nào cây ô-liu sống đến mấy trăm năm. Lại có hồ sen nở hoa vào mùa hè, tỏa hương sen thơm ngát dịu dàng, chẳng khác ở quê hương mình là bao.

Chùa Thiện Minh tại Ste. Foy Les Lyon do Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt trụ trì. Chùa đã xây dựng lần đầu rất quy mô và vào một ngày không đẹp trời chùa đã bị cháy và nhờ có hãng bảo hiểm đền, nên lần thứ 2 xây lại khang trang hơn. Chùa có 2 tầng, tầng trên dùng để thờ Phật và các vị Bồ Tát, tầng dưới làm chỗ hội họp cũng như phòng đa dụng và chỗ ở cho chư Tăng Ni. Tuy diện tích chùa hơi nhỏ, nhưng chùa nổi tiếng quanh vùng là nhờ ở đây có vườn cảnh rất đẹp. Bên ngoài trời có những tượng Phật

lộ thiên đứng sừng sững hay thiên tọa, trông giống như người thật. Có tượng ngự trong hồ sen và ở đây vào mùa hè sen cũng nở rộ, cho hương sắc tuyệt vời. Ngoài ra tại vườn chùa Thiện Minh mỗi năm khi mùa Xuân đến có hoa đào Trung Quốc nở thắm cả một vườn, trông như một bức tranh hồng tía với trời mây sông núi, thật là nên thơ. Chùa đón tiếp không những chỉ có khách thập phương thiện tín người Việt Nam mà còn tiếp những người Pháp ham tu thích học đến chùa để nghe pháp nữa.

Chùa Phổ Hiền tại Straßburg do Sư Bà Thích Nữ Như Tuấn sáng lập và trong hiện tại thì Ni Sư Thích Nữ Như Quang trụ trì. Chùa được xây dựng trên mảnh đất gần 2.000m<sup>2</sup> do thành phố Straßburg hiến tặng và ngay cả công trình xây cất cho đến khi hoàn thiện cũng đã được hai chánh đảng lớn tại địa phương hỗ trợ 10% kinh phí. Trong giai đoạn hiện tại (2017-2018) mà địa phương cũng như chính quyền tại Straßburg hỗ trợ như vậy là quá tuyệt vời. Vì lẽ ở Âu Châu này, ngoại trừ chùa Viên Giác tại Hannover đã được Bộ Nội Vụ Công Hòa Liên Bang Đức giúp đỡ trong suốt 25 năm qua (1978-2003) thì chưa có chùa nào ngoài chùa Phổ Hiền đã gặp nhiều may mắn như vậy. Dĩ nhiên, nếu đem so sánh với các chùa ở Bắc Âu thì khác, nhưng được chính quyền và các đảng phái của Pháp quan tâm giúp đỡ cũng là một nhân duyên đặc biệt hy hữu rồi.

Chùa xây bằng gỗ và kính nên rất sáng sủa. Có một chút gì đó của nghệ thuật kiến trúc vùng này, nên ai đó là khách thập phương đến văn cảnh chùa sẽ phát hiện ngay ra. Từ Chùa Một Cột, tuy có nhại theo cách kiến trúc của Chùa Một Cột ở Hà Nội, nhưng đây là chùa Một Cột cho người Việt và người Pháp tại Straßburg. Vườn cảnh của chùa đang được các Phật tử chuyên môn thực hiện để giúp cho chùa có thêm nhiều gam màu xanh, ngoài kiến trúc gỗ của địa phương ra. Như thế sẽ có được sự hài hòa của kiến



trúc một ngôi chùa Á Châu nằm trên một dãy đất mới cũng như văn hóa xa lạ với Á Đông.

Một ngôi chùa khác có tầm vóc thế giới, vĩ đại hơn những ngôi chùa Việt Nam trên đất Pháp trong hiện tại, đó là Chùa Khánh Anh tại Évry, nằm ở vùng ngoại ô Paris. Chùa do cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm sáng lập trụ trì. Chùa được đặt viên đá đầu tiên vào ngày 18.6.1995 và được làm lễ khánh thành vào ngày 16.8.2015, nghĩa là đúng 20 năm xây dựng. Đây là một công trình kiến trúc có một không hai của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại ngày nay. Tổng kinh phí xây dựng hết 24 triệu Euro, tương đương với 30 triệu USD, tất cả đều do tiền quyên góp của Phật tử khắp nơi trên thế giới với nhiều hình thức khác nhau. Theo Thầy Trụ Trì Thích Quảng Đạo cho biết, chùa chỉ còn mắc nợ các chùa và các Phật tử độ một triệu Euro mà thôi. Đây là một tin mừng. Vì lẽ sau khi Hòa Thượng Minh Tâm viên tịch, có không biết bao nhiêu vấn đề mà Giáo Hội Âu Châu phải chung vai vào gánh vác, nếu không thì cơ sở chung này của Giáo Hội khó bề mà tồn tại và phát triển được như ngày hôm nay.

Từ trước đến sau, chùa có đến 3 ngọn tháp. Đầu tiên là tháp Quan Âm nằm bên trái từ ngoài cổng Tam Quan nhìn vào. Tháp Đa Bảo ngự trên tòa nhà phía đông và sau cùng là tháp Địa Tạng. Trong tháp này có thể chứa đến 30.000 hủ cốt của các Phật tử sau khi thiêu được gói về đây để thờ tự, nhang khói. Ngôi nhà bên cạnh có nhiều tầng và tất cả công trình xây dựng này đều làm bằng bê-tông cốt sắt, sẽ được miên viễn với thời gian năm tháng. Tầng dưới cùng và tầng kế gần mặt đất dùng để làm garage đậu xe. Tầng 1, tầng 2, tầng 3 dùng làm chỗ ở, văn phòng cho chư Tăng Ni cũng như các Phật tử. Hầu như trong mỗi phòng đều có phương tiện vệ sinh, tắm rửa riêng. Do vậy nơi đây mỗi lần tập hợp để sinh hoạt hay ở lại từ 300 đến 500 người trong

cùng một lúc, không có vấn đề gì cần phải lo lắng cả. Tầng chót cũng có thể dùng làm chỗ ngủ tập thể mỗi khi có khóa tu đông người.

Chánh điện có hai tầng, tầng trên dùng làm chỗ thờ Phật và hậu Tổ thờ Tổ cùng chư hương linh. Tầng dưới dùng làm Hội Trường cũng như để tổ chức những buổi hội thảo đông người hay văn nghệ v.v... Nhà bếp rất rộng rãi, nơi có thể dung chứa mấy chục người làm công quả trong cùng một lúc để giải quyết việc ăn uống cho nhiều người. Có thể nói ở hải ngoại ngày nay, ngay cả những chùa lớn nhất tại Úc và Hoa Kỳ cũng chưa có chùa nào có thể dung chứa đến 350 giường ngủ trong một không gian to lớn rộng rãi và đầy đủ phương tiện như chùa Khánh Anh ở Évry này. Tuy nhiên phần Phật điện chỉ dung chứa độ 400 người là tối đa, trong khi đó chánh điện tại chùa Viên Giác Hannover Đức quốc, mỗi lần tổ chức những Đại Lễ, có thể dung chứa đến 500 người. Tại chánh điện chùa Khánh Anh Évry chỉ thờ một tượng Đức Bổn Sư được tạc bằng đồng từ Thái Lan gửi đến. Đây cũng là nét đặc thù của chùa. Phía trước hương án có thờ Tây Phương Tam Thánh và bộ kinh Đại Bát Nhã 600 cuốn do cố Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm đã phiên dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt.

Phía trước tháp Địa Tạng có một đài tưởng niệm những người đã hy sinh cho Tổ Quốc Việt Nam cũng như Pháp Quốc, trong đó kể cả những người đã bỏ quê hương Việt Nam ra đi tỵ nạn cộng sản từ năm 1975 không may bị chết chìm trong biển cả, trên rừng sâu hay ở những trại cải tạo tập trung rải rác từ Bắc chí Nam của quê Mẹ chúng ta. Mỗi năm đến ngày 30 tháng 4, các tổ chức, hội đoàn thường đến đây để đốt hương tưởng niệm. Cảnh trí thật u nhàn, xứng với tên gọi là “Đài Tưởng Niệm”. Chỉ tiếc một điều là khuôn viên chùa quá hẹp để dung chứa một diện tích xây cất trên 4.000m<sup>2</sup> đất như vậy, nên vườn cây cảnh

khó hình thành. Chỉ còn lại một vài khu đất nhỏ sau khi đã xây dựng, nằm ở trước tam cấp bước lên chánh điện cũng như phía trước tháp Địa Tạng và một thềm đất nhỏ nằm dọc theo bờ tường của Hội Trường, nơi đây quý Thầy Cô hiện trú tại đó cũng cố gắng cho trồng những dây bí, dây bầu, dây su-su để có được một màu xanh, nhằm tô điểm thêm cho cảnh trí chung quanh đây chỉ là gạch, ngói, bê-tông và cốt sắt, không bù lại được những vườn cây cảnh đẹp của chùa Thiện Minh ở Lyon hay chùa Vạn Hạnh ở Nantes.

Đặc biệt công trình kiến trúc những mái ngói, phù điêu, con kỳ lân, góc cong v.v... đều do các thợ Trung Quốc thi công trong nhiều năm tháng mới thành tựu và thành quả này có được là do Ni Sư Thích Nữ Diệu Trạng đảm đương liên lạc qua lại với nhà thầu Trung Quốc cùng với những nghệ nhân chuyên tay nghề đến Pháp để thi công. Ngay cả ngói đang lợp trên chùa Khánh Anh cũng được chuyên chở từ Trung Hoa lục địa sang. Nhìn tổng thể của công trình kiến trúc chùa Khánh Anh chúng ta có thể gọi đây là một sự thành tựu về lãnh vực thế giới quan của Phật giáo, là một sự hình thành trong tổng thể của vũ trụ. Trong đó có cái hồn của Phật giáo Việt Nam mà cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã đưa vào và năm 2013 mặc dầu Hòa Thượng đã về với Phật, nhưng cái hồn ấy vẫn còn phảng phất đó đây, khi ai đó có dịp đến viếng thăm và ngắm cảnh chùa này. Bởi lẽ trong cách kiến trúc xây dựng, chùa này gồm thấu tất cả văn hóa của Nam lẫn Bắc Truyền, Tây Tạng cũng như của Pháp Quốc. Từ Thái Lan đến Trung Quốc, từ Việt Nam đến Tây Tạng, từ Pháp Quốc đến Đài Loan v.v... đâu đâu ở chung quanh chùa này chúng ta cũng có thể nhận biết được những hình ảnh ấy một cách rất dễ dàng.

Đặc biệt vào mỗi ngày chủ nhật tại chùa có khi có đến 40 hay 50 đám cúng giỗ, làm tuần thất cùng một lúc. Nếu

tính mỗi đám có thân nhân đến dự chừng 5 người, thì chánh điện ngôi chùa Khánh Anh đã dung chứa từ 200 đến 250 người rồi. Từ đây Ban Trai Soạn cũng không ít khó nhọc, nhưng nhờ vậy mà ngôi chùa mới có thể tồn tại và phát triển được.

Linh hồn của việc kiến trúc là do vị Trụ Trì có ý tưởng tạo nên, nhưng để được bộ phận xây dựng của thành phố Évry công nhận thì phải nhờ đến những kiến trúc sư lo liệu. Đầu tiên chùa Khánh Anh do một kiến trúc sư người Việt sống lâu năm tại Pháp thực hiện, nhưng sau vì chùa chưa chạy đủ tiền bạc để xây cất và trả tiền kiến trúc sư, nên Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã nhờ đến kiến trúc sư Trần Phong Lưu hiện sống tại Saarburg, Đức quốc, người đã xây dựng hoàn thành đồ án của chùa Viên Giác Hannover, nhưng đã không lấy 10% thù lao như những kiến trúc sư khác và vì vậy cho nên cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã nhờ đạo hữu Từ Hùng Trần Phong Lưu tiếp tục vẽ đồ án cho công trình đại quy mô này. Anh cũng không tính tiền thù lao, mà chỉ xin nhận lại tiền chi phí các họa đồ khi in ra cũng như tiền xe đi lại từ Saarland đến Paris. Thỉnh thoảng cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã tặng anh chút quà nhân Tết đến Xuân về, chứ hầu như chùa Khánh Anh không phải trả thù lao 10% tiền kiến trúc sư như những công trình xây dựng khác. Công đức này của anh thật không nhỏ. Sau này công trình không được nghiệm thu trọn vẹn, vì lẽ phải làm theo lời dạy của cố Hòa Thượng, nên một số nơi phải đập phá đi, làm lại theo yêu cầu của thành phố, nên phải tốn kém thêm một lần nữa để được nghiệm thu lần cuối trước lễ khánh thành vào ngày 16.8.2015. Chỉ tiếc rằng lúc đó không còn sự hiện diện của Hòa Thượng Thích Minh Tâm nữa, nên những lời trần tình của anh cũng khó được Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt chấp nhận một cách dễ dàng, vì lẽ không còn

nhân chứng trong việc này. Tuy nhiên lịch sử kiến trúc chùa Việt Nam tại hải ngoại, đặc biệt là tại Pháp với ngôi chùa Khánh Anh ở Évry và ở Đức ngôi chùa Viên Giác tại Hannover, khi các sinh viên của các Đại Học Kiến Trúc đến đây tham quan và hỏi rằng: Ai là kiến trúc sư của hai công trình này? thì câu trả lời phải là: Đạo hữu Từ Hùng Trần Phong Lưu chứ không có ai khác cả.

Một người đặc biệt khác là đạo hữu Bùi Khắc Diệp, là một thành viên kỳ cựu từ khi chùa Khánh Anh cũ tại 14 Avenue Henri Barbusse được thành lập từ năm 1977 đến nay vẫn còn gắn bó với chùa mới và ông ta đã bỏ công, bỏ sức không biết bao nhiêu để lo liên lạc với các nhà thầu Pháp, sở xây dựng Pháp, thợ, thầy v.v... tất cả đều do một bàn tay ông hỗ trợ vào. Nếu không có ông thì cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm cũng khó bề xoay sở được, vì Hòa Thượng luôn đi xa để vận động tài chánh xây chùa, còn ông luôn túc trực tại chỗ để đối diện chỉ đạo cho thợ thầy người Pháp, người Hoa lo thi công công trình vĩ đại này. Dĩ nhiên là ông cũng bị lời ra tiếng vào, nhưng lịch sử hình thành của ngôi đại tự Khánh Anh tại Évry sẽ không thể thiếu bàn tay đóng góp của ông.

Có hai người công quả thay phiên nhau trong suốt thời gian xây dựng 20 năm, đó là ông cụ Quảng Định Tổng Hữu Minh và anh Quảng Chánh Huỳnh Công Phải. Nếu không có hai người này phụ giúp thì những việc cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm cần giải quyết cho xây dựng cũng khó thành tựu được.

Người cuối cùng chịu đựng gió sương trong 15 năm gian khổ ở chùa mới để túc trực việc giấy tờ liên lạc đây đó, khi chùa chưa có sưởi, điện, gas, nước v.v... là Ni Sư Thích Nữ Diệu Tràm. Nay Ni Sư đã trở thành Trụ Trì ngôi Tổ Đình Khánh Anh tại 14 Avenue Henri Barbusse, cũng là một

phần thưởng xứng đáng của Thầy mình đã để lại trong suốt chặng đường hoạt động Phật sự tại xứ Pháp từ năm 1973 đến 2013 trong suốt 40 năm dài như vậy. Quả là một điều đáng ghi nhớ của những người đời sau cũng như lịch sử của hai ngôi chùa Khánh Anh tại Pháp.

Thượng Tọa Thích Quảng Đạo, đương kim Trụ Trì chùa Khánh Anh trong hiện tại là người trực tiếp điều hành ngôi đại tự Khánh Anh dưới sự điều hành, cố vấn của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu. Thiết tưởng đây cũng không phải là một việc đơn thuần, nhưng nhờ vào sự gia trì của Tam Bảo cũng như sự hết lòng ủng hộ đạo của các vị cư sĩ, đệ tử của cố Hòa Thượng, mà ngôi chùa Khánh Anh ngày hôm nay đã trụ vững suốt hơn 5 năm sau khi cố Hòa Thượng viên tịch. Đây cũng là điểm son của vị tân Trụ Trì đã thể hiện được tấm lòng của mình cho Giáo Hội cho Thầy Tổ cũng như những người đi sau mình.

Tại Pháp, chắc chắn cũng còn một vài chùa nữa thuộc Giáo Hội Linh Sơn hay thuộc chùa Hoa Nghiêm của cố Hòa Thượng Thích Trung Quán đã được xây dựng đâu đó trên khắp nước Pháp, nhưng vì cá nhân tôi chưa đặt chân đến nơi, nên không tiện mô tả một ngôi chùa, mà trên thực tế mình chưa một lần có cơ duyên đến đó bao giờ. Mong rằng quý vị Trụ Trì tại đó sẽ thông cảm và hy vọng chính quý vị có thể bổ túc cho vấn đề thiếu sót này trong tương lai.

Tại Hòa Lan, một quốc gia tương đối nhỏ so với các quốc gia Âu Châu khác. Nơi đó có ngôi chùa Vạn Hạnh do Hòa Thượng Thích Minh Giác sáng lập Trụ Trì cũng như đương kim Hội Trưởng của Hội Phật giáo Việt Nam tại Hòa Lan trong gần 30 năm qua. Trong hiện tại ở Hòa Lan chỉ có một ngôi chùa Việt Nam và ngôi chùa hiện tại là hậu thân của Niệm Phật Đường Niệm Phật tại Hoorn và chùa cũ tại

Nederhorstdenberg cũng đã gọi là Vạn Hạnh. Thời gian sau Hòa Thượng Thích Minh Giác cùng Thượng Tọa Thích Thông Trí và Ban Trị Sự chùa đã quyết định mua đất để xây chùa ở vùng Almere. Đây là thành phố mới, cách xa Amsterdam chừng vài ba chục cây số, nên chính quyền địa phương cũng rất dễ dãi và cảm tình khi chùa mới xây dựng cũng như sinh hoạt vào những ngày lễ lớn có khi lên đến cả mấy ngàn người, nhưng chung quanh ít thấy nghe sự phản nản. Có lẽ người Hòa Lan cũng dư biết rằng Đạo Phật là một tôn giáo rất từ bi và không chủ trương bạo động, mặc dầu có ồn ào đôi chút, vì bản tính người Việt là vậy. Khi lễ lạc xong rồi thì đâu lại vào đấy.

Chùa nằm gần trạm xe điện, từ trên đường rầy phía sau chùa, ai cũng có thể phát hiện ra mái chùa Vạn Hạnh với dáng dấp của kiến trúc Á Châu. Tuy nóc chùa không cao vút tận mấy tầng mây, nhưng đây là một hình ảnh hơi khác với ngôi đền của người Ấn Độ xây gần bên cạnh, lại càng khác xa nhà hàng Trung Hoa đã có mặt tại khu này từ trước. Bước vào cổng sau của chùa người ta sẽ thấy ngay đài tưởng niệm thuyền nhân, xây dựng rất công phu, có tượng của người Mẹ giờ cao con mình lên để người trên tàu có thể đỡ con mình lên trước. Trước đó là những cụm núi nhỏ, xây dựng thành Tứ Động Tâm của Đức Phật, nằm gọn trong vườn chùa này. Trông rất lạ và đẹp mắt.

Chùa Vạn Hạnh được xây dựng hoàn toàn mới và vừa khánh thành năm 2017. Chùa có 2 tầng, tầng trên dùng để thờ Phật. Phía sau thờ hình Tổ Sư Vạn Hạnh và bên cạnh đó có thờ chư hương linh đã quá cố. Chánh điện có thể dung chứa chừng 300 người và bên dưới là Hội Trường đa dụng cũng như nhà bếp cũng có diện tích rộng như bên trên chánh điện vậy. Tại Âu Châu bây giờ đã có 3 ngôi chùa trùng tên là Vạn Hạnh. Đó là chùa Vạn Hạnh tại Hòa Lan, Đan Mạch và ở Nantes Pháp quốc. Cả 3 chùa này đều đã

được xây dựng mới hoặc tân trang thành chùa mới.

Nhìn chung thì Âu Châu đang khởi sắc hơn các châu lục khác. Tuy Âu Châu ít người Việt tỵ nạn hơn và tài sản của cải cũng không nhiều như người Việt tại Hoa Kỳ, nhưng lợi điểm của Âu Châu là biết tương trợ nhau và dùng tinh thần hòa hợp để làm kim chỉ nam cho việc xây dựng cũng như phát triển Phật giáo tại châu lục này. Ví dụ điển hình như khi chùa A đang xây dựng mà còn thiếu kinh phí thì chùa B, chùa C có thể hỗ trợ chùa A bằng nhiều hình thức khác nhau như: Hội thiện không lãi hay cả việc quyên góp xây chùa tại những chùa khác ở Âu Châu. Chư Tăng Ni và Phật tử rất hoan hỷ đóng góp và hầu như không có tị hiềm, chỉ mong sao chùa A xây cho xong là quý rồi. Đến khi chùa B và chùa C xây dựng thì chùa A cũng lập lại hành động nối vòng tay lớn như thế để cho chùa B và chùa C sớm được hoàn thành. Do vậy ngày nay nếu quý đạo hữu, Phật tử Việt Nam từ các châu khác đến đây hành hương sẽ thấy rằng: Tại sao ở Âu Châu lại xây được nhiều chùa như vậy, mà rõ ràng ở Âu Châu này chùa nào là ra chùa nấy, chứ không phải chỉ một cái am nhỏ mà cũng gọi là chùa, như một số các nơi khác trên thế giới.





## THIÊN MÔN QUY CỬ

**N**ếu hiểu theo nghĩa đen thì đây là quy luật của nhà chùa. Cửa chùa được gọi là cửa Thiên, vì trong đó có vị thiên sư đang ở và chùa này đang tu thiên. Thế nhưng ngày nay đa phần chúng ta đều tu theo Pháp môn Tịnh Độ, nhưng chùa vẫn gọi là Thiên môn, vì lẽ đã bao đời nay, cách gọi này đã trở thành một thói quen rồi, không đơn giản để một sớm một chiều mà chúng ta có thể thay đổi được.

Trong Đạo Phật thường hay nghe đến những danh từ như: giới, luật, nghi, quy hay điều lệ v.v... Giới chỉ do Đức Phật chế và hầu như chư Tổ Sư về sau này chưa có vị nào chế ra giới cả, vì lẽ Đức Phật là bậc Thầy của nhơn thiên nên Ngài đã biết rằng: Chư Tăng Ni và Phật tử giới nào nên chế ra theo tinh thần khai, giá, trì, phạm và giới nào nên bỏ bớt để cho Tăng Ni dễ hành trì và thích nghi với phong tục, tập quán của địa phương mà Phật giáo đang hiện hữu tại nơi đó. Sau 100 ngày Đức Thế Tôn nhập diệt tại rừng Sa La ở thành Câu-thi-na thì Ngài Ca Diếp đã triệu tập 500 vị A-la-hán để nhắc lại lời Phật dạy qua các phân kinh, luật và luận. Khi kết tập đến tạng Luật thì Ngài Ưu-ba-ly tuyên thuyết lại, nhưng đến khi Ngài Ca-diếp làm chủ tọa hỏi lại Ngài A-nan rằng: Ông có nghe Phật bảo là nên bỏ giới nào không cần thiết để thích nghi với phong tục tập quán của xứ đó chăng? Ngài A-nan bạch rằng: Thưa Tôn Giả! Lúc đó đầu óc của tôi bị ma Ba Tuần che khuất, nên tôi đã chẳng thưa hỏi Đức Phật là giới nào được và giới nào không? Sau đó Ngài Ca-diếp và Đại Hội Kết Tập đã quyết định rằng: Nếu là như vậy thì nên giữ lại tất cả những giới mà Đức Phật đã chế ra khi Ngài còn sanh tiền cho người xuất gia cũng như tại gia và sẽ không

bỏ một giới nào cả. Đây chính là nguyên nhân tại sao chư Tăng sau này không có quyền chế thêm hay bớt giới nào cả.

Còn luật thì có nghĩa là luật lệ của từng địa phương, có thể thêm hay bớt là quyền của trụ xứ đó, nhưng cũng có những luật như: An Cư Kiên Độ, thọ giới Kiên Độ v.v... thì không thể thay đổi. Khi Phật giáo được truyền đến Trung Quốc thì chúng ta thấy rằng Đạo Phật đã phát triển gần cả 1.000 năm tại Ấn Độ rồi, nên chư Tổ mới chế ra những quy tắc khác, thêm vào giới luật để cho Tăng chúng hành trì. Ví dụ như là: Quy Sơn Cảnh Sách, Bách Trượng Thanh Quy v.v... Đây không phải là giới, lại cũng chẳng phải là luật, mà là quy tắc của Thiên Môn ấy. Ví dụ như Ngài Bách Trượng chủ trương rằng: “Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực”, nghĩa là: Một ngày không làm việc thì ngày ấy không ăn cơm. Quy định này không có trong giới và luật, nhưng lại có trong Thanh Quy của Tổ Bách Trượng. Hoặc giả như Thiên Nguyên Thủy chỉ có Thiên đếm hơi thở hay còn gọi là An Ban Thủ Ý, nhưng khi Thiên đã được truyền đến Trung Quốc thì Thiên ấy đã trở thành Thiên Quán Thoại Đầu hay Thiên Công Ấn, mà vốn những loại Thiên này khi Đức Phật còn tại thế, Ngài đã không chủ trương cho Tăng Ni hành trì. Rồi Thiên Chỉ và Thiên Quán để phát sanh trí tuệ cũng như giải quyết vấn đề sanh tử cho rốt ráo. Ngoài ra tại Trung Quốc cũng có thêm nhiều quyển sách khác như: Thiên Lâm Bảo Huấn và sau này còn có Thiên Tịnh song tu nghi quy v.v... cũng đều nhằm đáp ứng nhu cầu tu học Phật của người xuất gia cũng như tại gia trong giai đoạn có nhiều khuynh hướng muốn thay đổi, nên tất cả chỉ là phương tiện chứ quyết không phải là những điều này xuất phát từ kim khẩu của Đức Phật.

Một người xuất gia phải thực hành đến 3.000 oai nghi tế hạnh thì mới đầy đủ ý nghĩa của tứ oai nghi gồm: đi,

đứng, nằm, ngồi, đem 4 hành động này nhân cho 250 giới, như vậy trở thành 1.000 việc phải hành trì. Lấy 3 lần của quá khứ, hiện tại và vị lai nhân cho 1.000 kia, như vậy là đủ số 3.000. Ngoài ra còn chi li từng loại giới, từng loại luật, từng loại quy tắc khác nữa, cốt làm sao giúp người xuất gia hành trì một cách miên mật, để tiến xa trên con đường giải thoát sanh tử.

Nếu là Thiên Tông, mỗi ngày ở chùa Thiên thường có mấy thời tọa thiền, có quy định rõ ràng từ sáng sớm cho đến trước khi đi ngủ vào buổi tối. Chấp tác mấy tiếng đồng hồ, ăn cơm, nghỉ ngơi mấy tiếng v.v... tất cả đều ghi rõ và theo hiệu lệnh của tiếng mõ hay tiếng chuông để thiên sinh theo đó mà thực hành. Tất cả đều phải chánh niệm, nghĩa là bất cứ động tác nào của thiên sinh cũng không thể lơ đãng ngoài việc tập trung tư tưởng và phải để tâm kiểm soát những tư tưởng của mình.

Ở Việt Nam có một vị vua đã bỏ ngôi báu đi xuất gia vào cuối thế kỷ 13 và năm 1308 ông đã viên tịch, người đời sau tôn xưng ông là Phật Hoàng Trần Nhân Tông và chủ trương chính của ông là Thiền, đồng thời ông cũng có soạn ra lục thời khóa tụng cho những thiên sinh thực tập. Nghĩa là trong một ngày một đêm 24 tiếng đồng hồ, thiên sinh ít nhất phải có 6 lần thiên tọa và kiểm soát thân tâm cũng như hơi thở của mình. Tại Âu Châu có loại Thiền Chánh Niệm của Làng Mai do Thiền sư Thích Nhất Hạnh chủ trương cũng có rất nhiều người Tây Phương ưa chuộng cũng như thực hành. Tuy nhiên Thầy Nhất Hạnh có chế thêm 14 giới Tiếp Hiện và ngày thứ hai trong mỗi tuần là ngày làm biếng của thiên sinh. Thật ra nguyên thủy của Thiền không thấy đề cập đến những vấn đề này.

Khi Phật giáo được truyền sang Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản và Đại Hàn, ngoài Thiền Tông còn có nhiều Tông Phái khác cũng được truyền vào như: Tịnh

Độ Tông, Trung Quán Tông, Hoa Nghiêm Tông, Pháp Hoa Tông, Luật Tông, Thời Tông, Pháp Tướng Tông v.v... mỗi tông phái như vậy đều có quy củ riêng về việc thực hành giáo nghĩa của Tông đó.

Ví dụ như Tịnh Độ Tông chừng hơn 100 năm về trước có vị Đại Sư tại Trung Quốc hiệu là Xingei đã soạn ra quyển “Thiền Môn Nhứt Tụng”, gồm 2 thời công phu sáng, chiều cũng như thời khóa Tịnh Độ vào buổi tối, cúng nguyện vào buổi trưa và những kinh căn bản khác như: Kim Cang, Phổ Môn, Vu Lan, Báo Ân Phụ Mẫu, Dược Sư v.v... những kinh này đã dịch âm Hán Việt vào đầu thế kỷ 20 tại Việt Nam và giữa thế kỷ 20 có cố Hòa Thượng Thích Thiện Thanh ở Hoa Kỳ đã cho dịch hoàn toàn ra Việt ngữ, ngoại trừ Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm và các chú khác trong Mông Sơn Thí Thực. Vào năm 1994 tôi đã tìm tòi để cho dịch ra Đức ngữ thì được Tiến Sĩ Günzel tại Đại Học Göttingen hoan hỷ cho chùa Viên Giác tại Hannover sử dụng hoàn toàn tài liệu dịch thuật này và vào những năm 2015 chúng tôi đã cho dịch ra tiếng Anh, và cũng từ tiếng Anh này mà quyển Thiền Môn Nhứt Tụng này đã được chuyển dịch ra 10 ngôn ngữ khác như: Hán Việt, Hán Cổ, Việt ngữ, Phạn ngữ (chỉ phần Lăng Nghiêm và các Chú), Đức ngữ, Anh ngữ, Nga ngữ, Ý ngữ, Pháp ngữ và Na Uy ngữ. Như vậy hy vọng trong tương lai gần sẽ còn nhiều ngôn ngữ khác được dịch ra. Từ bản kinh căn bản này có xuất xứ từ Đức mà chúng tôi đã dày công tìm kiếm, nghiên cứu cũng như tác thành để giúp cho những người tu theo Pháp môn Tịnh Độ ở đời sau không cảm thấy khó khăn, bỏ ngỡ nữa khi muốn đi tìm những kinh văn để đọc tụng, ngoài những bản kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ mà lâu nay họ đã hành trì.

Chủ yếu của Tịnh Độ Tông là niệm Phật cầu vãng sanh, nhưng ở những ngôi chùa tu theo Pháp môn Tịnh Độ, mỗi

sáng trước khi hành trì Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm vẫn tọa thiền trong vòng 15 đến 20 phút để thân tâm được an tịnh, trước khi vào Đại Định của Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm này.

Ở chùa trong 3 tháng An Cư Kiết Hạ từ sau rằm tháng tư đến rằm tháng bảy âm lịch chư Tăng Ni phải làm gì, trong luật và các Giới Đàn Tăng có hướng dẫn rất kỹ. Tuy nhiên mỗi tu viện và mỗi chùa đều có quy định riêng về giờ giấc, ngủ dậy buổi sớm mai lúc mấy giờ, sau đó là tĩnh tọa. Có nơi dậy 3 giờ, có nơi dậy 4 giờ, có nơi bắt đầu từ 6 giờ sáng, vì ở ngoại quốc này các quốc gia đều quy định là trước 6 giờ sáng không được gây tiếng động lớn và sau 10 giờ đêm cũng vậy, nên các chùa và các tu viện tại ngoại quốc cũng phải tuân thủ những luật lệ của những quốc gia mà mình đang sinh sống, nếu không thì dễ bị kiện thưa, vì mình không chấp hành luật lệ của nước sở tại. Lại cũng có chùa cho đi ngủ sớm trước 9 hay 10 giờ đêm để ngày mai dậy sớm. Do vậy mà chư Tăng Ni đều phải tuân thủ những giờ giấc quy định của chùa, ngoại trừ những việc đặc biệt thì phải thưa lên cho vị Trụ Trì, Tri Sự hay Đại Chúng biết, để giải quyết những biệt lệ này. Khi đau ốm, lúc về nhà thăm gia đình cha mẹ, anh em, cách tiếp khách, cách quản chúng v.v... tất cả đều được niệm yết tại các chùa như là những điều lệ căn bản mà Tăng Ni tại đó hay những khách vắng lai đều phải tuân thủ, chấp hành. Nếu không thực hiện như vậy thì không thể sống chung trong một Tăng đoàn được. Từ giờ tụng kinh, ngồi thiền, giờ ăn, giờ ngủ, giờ làm việc v.v... tất cả đều phải đúng giờ và theo hiệu lệnh để phân biệt là 3 tiếng mõ hay tiếng kiểng ấy để báo hiệu cho công việc gì.

Nói chung thì Thiên Môn Quy Cử chính là đời sống đạo hạnh của Tăng Ni khi sống chung trong một chùa hay một tu viện, người nhỏ tuổi hạ hơn phải khiêm cung và biết lo

giúp đỡ, hầu hạ những người lớn tuổi hơn cũng như những người bệnh tật. Khi làm việc hành chánh của Giáo Hội thì xét theo khả năng, nhưng khi về chùa thì phải theo thứ tự lớn nhỏ tùy theo hạ lạp. Đó là giới và luật, còn khi ăn không được nói chuyện hay khua chén bát lớn tiếng, đó là quy định về thể lệ của nhà chùa. Nếu ai phạm giới thì mới cần đến Hội Đồng Giới Sư xét xử, còn nếu ai phạm vào nội quy hay luật lệ của chùa thì người ấy chỉ bị khiển trách hay cảnh cáo mà thôi.

Người được thế gian ca tụng nhiều là những người có đủ tâm từ bi và trí tuệ. Nếu có lòng từ mà không có trí tuệ thì cũng khó đáp ứng cho những nhu cầu cần phán đoán. Nếu có trí tuệ mà không có lòng từ thì chẳng khác nào kẻ nói nhiều nói hay mà chẳng ra tay cứu giúp một người nào cả, thì điều ấy chẳng nên. Từ bi và trí tuệ là những điều kiện luôn song hành với nhau.

## LỜI CUỐI SÁCH

**H**ôm nay là ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại thư phòng chùa Viên Giác, Hannover, tôi viết lời cuối của quyển sách thứ 66 này qua 250 trang viết tay với khổ giấy A4. Hôm nay cũng là ngày sau Lễ Vu Lan báo hiếu tổ chức tại chùa trong 3 ngày với hơn 6.000 người tham dự. Ngày 26.8.2018 vừa qua cũng là ngày mãn hạ Tụ Tú của Tăng Ni sau 3 tháng An Cư Kiết Hạ. Trong năm nay có nhiều Phật sự phải làm, đầu cho trong mùa An Cư Kiết Hạ, nên ngày 9.7.2018 tôi mới bắt đầu chấp bút viết tác phẩm này. Như vậy qua 50 ngày tác phẩm này đã hình thành, nhưng trên thực tế không phải ngày nào tôi cũng viết, vì giữa khoảng thời gian này còn có tổ chức khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 30 tại Neuss từ ngày 23.7.2018 đến 1.8.2018 nữa. Cho nên có thể nói rằng tác phẩm này chỉ viết trong khoảng 30 ngày. Như vậy trung bình mỗi ngày viết khoảng trên 8 trang giấy này. Thế nhưng có ngày tôi viết đến 16 trang và có ngày lại viết ít hơn. Bù qua sót lại là như vậy.

Kinh Đại Bát Niết-bàn, Tập 2 (bản Việt dịch) gồm 613 trang và năm 2018 này chúng tôi đã lạy xong đến trang 576, nghĩa là còn độ 37 trang nữa là xong tất cả 2 tập, mà chúng tôi đã phát tâm lạy từ năm 1996 đến nay trong suốt 22 mùa An Cư Kiết Hạ như vậy. Kinh có tất cả 29 phẩm và hiện tại Đại Chúng chùa Viên Giác đã lạy đến phẩm Di Giáo thứ 26. Đọc kinh văn, lạy từng chữ trong kinh, thấy thấm thía vô cùng và thương kính Phật không biết bao nhiêu nỗi niềm mà diễn tả cho hết được. Những lời di huấn ấy có giá trị cho mãi đến ngàn sau, cho cả Tăng lẫn tục, cho những người lãnh đạo quốc gia, cho đến những kẻ vô danh tiểu tốt cũng có thể học trong kinh này để làm một người



tử tế lương thiện được. Trong phẩm Di Giáo này, có đoạn Đức Phật dạy rằng:

“Khi Phật nhập Niết-bàn rồi, đại chúng chớ quá sầu não. Vì dầu Phật nhập Niết-bàn mà xá-lợi vẫn thường còn để cúng dường... Vì cúng dường xá-lợi tức là Phật Bảo, thấy Phật Bảo là thấy pháp thân, thấy pháp thân là thấy hiền thánh, thấy hiền thánh là thấy Tứ đế, thấy Tứ đế là thấy Niết-bàn. Do đây nên biết rằng Tam Bảo thường trụ không biến đổi, có thể làm chỗ quy y cho thế gian.”<sup>1</sup>

Chữ thấy ở đây không phải là sự thấy bình thường, mà là một sự nhận thấy, nhận biết, một tiến trình thừa nhận pháp ấy chính là pháp giải thoát sinh tử, Niết-bàn an lạc. Khi Đức Phật còn tại thế, Ngài cũng luôn dạy rằng: Ngài chỉ truyền lại cho Tăng Ni thừa tự Pháp, chứ Ngài không để di chúc lại tài sản vật chất hay của cải thế gian, vì tất cả những gì có hình tướng, đều phải biến đổi bởi sự vô thường, khổ, không và vô ngã. Nếu ai biết và thấy rõ pháp này thì người ấy luôn luôn tự tại an lạc, mặc dầu chúng ta đang sống trong thế giới khổ đau tục lụy.

Đọc kinh văn rồi lạy từng chữ thấy thấm thía vô cùng, nhất là phẩm Di Giáo. Và chính vì để hoàn thành tâm nguyện lạy cho xong bộ kinh vĩ đại này đến sinh nhật 28.6.2019 là đúng 70 tuổi, nên bây giờ ngay cả trong mùa không phải là An Cư Kiết Hạ, tôi đã đề nghị Đại Chúng chùa Viên Giác cùng tôi mỗi sáng trong thời kinh Lăng Nghiêm đến lúc lạy Thánh Hiệu chư Bồ Tát như mọi khi thì nên lạy 100 lạy kinh Đại Bát Niết Bàn để thâm ngấn ngày giờ lại và sang năm khi mùa An Cư Kiết Hạ đến, kinh văn sẽ không còn bao nhiêu trang nữa trong 37 trang còn lại này. Đây là một đại nguyện mà tôi muốn được viên thành khi tuổi đời đã đến 70 và sau 35, 36 năm hành trì

---

<sup>1</sup> Bản Việt dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh.

pháp môn này miên mật như thế. Tất cả xin hồi hướng đến pháp giới chúng sanh và mong mọi người, mọi loài sẽ trọn thành Phật Đạo.

Một cánh én không thể làm nên mùa Xuân, tác phẩm nhỏ bé này không thể viết trọn vẹn hết được những việc Phật sự của Âu Châu, nhất là về Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất tại đây cũng như những tự viện, những vị trụ trì đang hoằng pháp tại xứ này, thì chừng này trang sách không thể nói đủ. Chỉ mong rằng góp nhặt được một ít tư lương cho những hành giả bước theo sau sẽ có tài liệu để nghiên cứu khi viết và giới thiệu về những người ở thế hệ đi trước. Nếu không ai viết, để cho thời gian trôi qua thì bụi mờ của dĩ vãng sẽ khó tan đi, khi bụi thời gian ngày càng thêm đậm nét. Bởi vậy nên tôi cố gắng ghi lại những sự kiện và những công việc đã xảy ra trong suốt hơn 40 năm tại Âu Châu này (1977-2018), cũng có điều đúng mà cũng có thể có việc sai. Nên đây chỉ là những ý kiến cá nhân và việc nhận xét chung chung cũng chỉ là của cá nhân chứ không phải là của Tăng đoàn hay Giáo Hội. Khi quý độc giả hiểu được điều này thì hãy xem đây như một sự đóng góp nho nhỏ cho ngôi nhà Phật giáo Việt Nam tại Âu Châu cho bây giờ cũng như mai hậu.

Đầu tiên, phải đọc lại tác phẩm này một lần nữa trước khi đưa sang cho chú Sanh đánh máy giùm, vì nhược điểm của tôi là cứ theo dàn bài mà viết cho đến khi hết giấy, hết mực, hết lời và chấm hết câu, hết bài mới bắt đầu đọc lại bản thảo. Do vậy chắc chắn có nhiều chỗ lặp lại. Cũng có thể có nơi thừa và có nơi lại thiếu. Xin quý vị xem qua được ý quên lời. Đây là một hân hạnh cho tác giả vậy.

Như bên trên đã trình bày rằng: Tôi không thể viết hết các chùa và các vị trụ trì, vì hầu như chùa nào cũng có trang nhà riêng, quý vị có thể vào đó để xem thì rõ ràng

hơn. Còn nếu tôi có viết cũng chỉ là những nhận xét riêng của mình và nếu có gì phật ý thì mong quý vị hoan hỷ bỏ qua cho.

Sau khi đánh máy xong, phải nhờ đến cô Thanh Phi ở Úc sửa lại lỗi chính tả và kể đó Thầy Hạnh Bốn và anh Như Thân sẽ layout và cuối cùng trước khi đem đi in, tôi phải xem lại một lần cuối nữa. Phần trình bày bìa sách sẽ nhờ một vị chuyên môn và thông thường ở đầu sách sẽ ghi danh tánh đầy đủ của những người tham gia thực hiện.

Xin niệm ân những vị đã ấn tống sách này của tôi đã viết trong năm nay cũng như trong mấy chục năm về trước nữa. Nếu không có sự hỗ trợ này từ quý vị thì chắc rằng những tác phẩm của tôi viết ra sẽ không và chưa bao giờ có thể xuất bản cũng như in ấn được. Đây chính là việc bố thí Pháp quan trọng và cao cả hơn nhiều sự bố thí khác.

Kính nguyện Tam Bảo gia hộ cho chư Tôn Đức Tăng Ni và quý Đạo Hữu Phật tử luôn được thân tâm an lạc.

*(Viết xong sách này vào ngày 30.8.2018  
tại thư phòng chùa Viên Giác  
Hannover, Đức Quốc)*

# LỜI CẢM ƠN

**C**hùa Viên Giác xin chân thành cảm ơn các Phật tử sau đây đã hỗ trợ việc ấn hành tác phẩm Phật giáo Việt Nam tại Âu Châu của Hòa Thượng Thích Như Điển năm 2019. Tuy nhiên, do đại dịch Corona, chùa không thể đặt in tại Đài Loan như dự kiến, nên chuyển sang Viên Giác Tùng Thư ấn hành qua phương thức POD (print on demand) trên mạng Amazon:

Bùi Thị Tuyết Nga.

Đặng Văn Châm

Felix-Banh Kien An

Lý Tùng Phương

Nguyễn Thị Liên

Nguyễn Văn Kim Sơn

Trần Thị Thanh Thủy & Lâm  
Châu Nam

Nguyễn Thị Liễu

Đào Công Cần

Võ Văn Thắng

Trần Tú Anh

Trịnh Văn Hy

Huỳnh-Kiefer Chi

Vũ Thị Minh Hằng

Nguyễn Thị Hồng Linh

Trần Thị Hồng Thu

Dr Trương Ngọc Thanh &  
Nguyễn Thị Huyền Linh

Lâm Kim Khánh

Đặng Giang Toàn

Nguyễn Frank

Li, Trần Thúy Phượng

Trương Thúy Vũ

Chow Hồng Kim Sương

Hoàng Bích Nga

Đỗ Thị Thu Hương

Trần Kim Nguyệt

Huỳnh Tú Dung

Lê Ngọc Tuyết

Mac Sau Can

Ngô Thị Thắng

Phạm Thị Nguyệt

Dương Thị Bình & Tính  
Nghieu Hồng

Trần Thị Hiền

Trần Thị Mai

Nguyễn Thị Hạnh



Đỗ Thị Hồng Hạnh	Nguyễn Thị Bích Thủy & Đỗ Văn Nguyên
Nguyễn Phi Hùng	Gđ Tạ Ngọc Hoa
Thường Ziegler	Huyền Lệ Vân
Đạt Huệ	Tạ Thị Hường Phạm Văn Thành
Nguyễn Thị Minh	Nguyễn Bá Lộc
Trịnh Quốc Phong	Đinh Thị Thùy Dung
Chu Mạnh Tiến	Lê Trường Phúc
Đặng Huyền Vi	Lý Hương
Lê Thị Hoa	Trần Thị Xuân Thủy
Hansen Angeline	Trịnh Thị Phượng
Nguyễn Hoàng Anh	Rohr Tiên
Lưu Thị Thu Thảo	Mai Thị Dậu
Huyền Thị Chang & Lê Ngọc Thanh	Nguyễn Trân
Liêu Thị Thu Loan	Danh Thị Mai
Nguyễn Thị Tiến	Trần Johny
Trần Kim Phượng	Lê Thị Kim Hoa
Trần Thị Thiên Hương	Lý Cẩm Trúc
Huyền Lai Dân	Dương Thị Quỳnh Hoa
Gđ Lý Tấn Vạng	Nguyễn Hồng Anh
Trương Tấn Lộc	Nguyễn Thị Minh Hạnh
Khuu Mỹ Yên	Tăng Bích Phân
Lâm Kim Khánh	Trần Thị A
Vũ Hồng Minh	Vũ Thị Huệ
Vũ Như Tâm	Phan Thị Hồng
Nguyễn Ngọc Thanh & Trần Kim Vui	Quảng Ngộ & Diệu Hiền
Đặng Thị Hải Vân	Trần Thị Huệ Trinh & Nguyễn Minh
Nguyễn Thị Dau	Thiện Hà, Nguyên Thảo &

Đồng Anh

Nguyễn Thị Đức

Ô Thị Hai

Trịnh Muội

Phạm Thị Ngọc Loan

Trần Quốc Toàn

Thị Dũng

Phạm Công Hoàng

Châu Kim An & Trần Bích  
Huyền

Nguyễn Sophia & Nguyễn  
Phương Thanh Sandra

Nghiêm Thị Minh Huệ

Trịnh Thu Thủy

Nguyễn Thị Kim Yến

Bành Vinh Hoa

Đặng Văn Sơn & Nguyễn Thị  
Liều

Lê Thị Hoa

Trần Thị Ba

Nguyễn Jean



# CÙNG MỘT TÁC GIẢ

1	Truyện cổ Việt Nam 1 & 2	Nhật ngữ	1974, 1975
2	Giọt mưa đầu hạ	Việt ngữ	1979
3	Ngõ ngang	Việt ngữ	1980
4	Lịch sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại trước và sau năm 1975	Việt & Đức ngữ	1982
5	Cuộc đời người Tăng sĩ	Việt & Đức ngữ	1983
6	Lễ nhạc Phật Giáo	Việt & Đức ngữ	1984
7	Tình đời nghĩa đạo	Việt ngữ	1985
8	Tìm hiểu giáo lý Phật Giáo	Việt & Đức ngữ	1985
9	Đời sống tinh thần của Phật Tử Việt Nam tại ngoại quốc	Việt & Đức ngữ	1986
10	Đường không biên giới	Việt & Đức ngữ	1987
11	Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức	Việt & Đức ngữ	1988
12	Lòng từ Đức Phật	Việt ngữ	1989
13	Nghiên cứu Giáo Đoàn Phật Giáo thời nguyên thủy I, II, III	dịch từ Nhật ngữ ra Việt & Đức ngữ	90, 91, 92
14	Tường thuật về Đại hội Tăng già Phật Giáo thế giới kỳ 5 khóa I tại Hannover, Đức Quốc	Việt, Anh, Đức ngữ	1993
15	Giữa chốn cung vàng	Việt ngữ	1994
16	Chùa Viên Giác	Việt ngữ	1994
17	Chùa Viên Giác	Đức ngữ	1995
18	Vụ án một người tu	Việt ngữ	1995
19	Chùa Quan Âm (Canada)	Việt ngữ	1996
20	Phật Giáo và con người	Việt & Đức ngữ	1996
21	Khóa giáo lý Âu Châu kỳ 9	Việt & Đức ngữ	1997



22	Theo dấu chân xưa * (Hành hương Trung quốc I)	Việt ngữ	1998
23	Sống và chết theo quan niệm của Phật Giáo	Việt & Đức ngữ	1998
24	Tiếp kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma	Việt & Đức ngữ	1999
25	Vọng cổ nhân lâu (Hành hương Trung Quốc II)	Việt ngữ	1999
26	Có và Không	Việt & Đức ngữ	2000
27	Kinh Đại Bi * (dịch từ Hán văn ra Việt văn)	Việt & Đức ngữ	2001
28	Phật thuyết Bồ Tát Hành Phương Tiện Cảnh Giới Thân Thông Biến Hóa Kinh	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2001
29	Bhutan có gì lạ?	Việt ngữ	2001
30	Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2002
31	Cảm tạ xứ Đức	Việt & Đức ngữ	2002
32	Thư tòa soạn báo Viên Giác trong 25 năm (1979 - 2003, 2004)	Việt ngữ	2003
33	Bốn Sự kinh	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2003
34	Những đoàn văn viết trong 25 năm qua	Việt & Đức ngữ	2003
35	Phát Bồ Đề Tâm kinh luận	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2004
36	Đại Đường Tây Vực Ký	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2004
37	Làm thế nào để trở thành một người tốt	Việt ngữ	2004
38	Dưới cội bồ đề	Việt ngữ	2005
39	Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2005

40	Bồ Đề Tư Lương luận	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2005
41	Phật nói luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2006
42	Giai nhân và Hòa Thượng	Việt ngữ	2006
43	Thiền Lâm Tế Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2006
44	Luận về con đường giải thoát	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2006
45	Luận về bốn chân lý	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2007
46	Tịnh Độ tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2007
47	Tào Động tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2008
48	Phật Giáo và khoa học	Việt ngữ	2008
49	Pháp ngữ	Việt ngữ	2008
50	Những mẫu chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2009
51	Nhật Liên tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2009
52	Chân Ngôn tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2010
53	Chết an lạc, tái sanh hoan hỉ	Dịch chung với T.T. Nguyễn Tạng từ Anh ngữ sang Việt Ngữ	2011
54	Chuyện tình của Liên Hoa Hòa Thượng	Việt Ngữ	2011
55	Tư tưởng Tịnh Độ Tông	Việt ngữ	2012
56	Những bản kinh căn bản của Tịnh Độ Tông Nhật Bản	Dịch từ Đức ngữ sang Việt ngữ	2012
57	Dưới bóng đa chùa Viên Giác	Việt ngữ, viết chung với Trần Trung Đạo	2012

58	Diệu Pháp Liên Hoa kinh Văn cú	Dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt	2013
59	Hương Lúa Chùa Quê (Hoài Niệm Tuổi Thọ)	Việt ngữ viết chung với H.T. Thích Bảo Lạc	2013
60	Hiện tượng của tử sinh	Việt ngữ	2014
61	Nhật Bản trong lòng tôi	Việt ngữ	2015
62	Nước Úc trong tâm tôi	Việt ngữ	2016
63	Nước Mỹ bao lần đi và đến	Việt ngữ	2017
64	Thiền quán về Sống và Chết	Dịch từ Anh ngữ sang Việt ngữ với TT. Thích Nguyên Tạng	2017
65	Mối to vương của Huyền Trần Công Chúa	Việt ngữ	2018
66	Phật Giáo Việt Nam tại Âu Châu	Việt ngữ	2020
67	Vua Là Phật, Phật Là Vua	Việt ngữ	2020

## *Hòa Thượng Thích Như Điển*

- ❖ Thế danh: Lê Cường. Pháp tự: Giải Minh. Pháp hiệu: Trí Tâm
- ❖ Sanh: 28.06.1949 tại Xuyên Mỹ, Duy Xuyên, Quảng Nam.
- ❖ Học lực: Cử nhân giáo dục và Cao học Phật giáo tại Nhật Bản.
- ❖ Xuất gia năm 1964 tại Tổ Đình Phước Lâm, Hội An.
- ❖ Năm 1971: Thọ Tỳ Kheo giới tại giới đàn Tu Viện Quảng Đức, Thủ Đức.
- ❖ Năm 1972: Du học Nhật Bản.
- ❖ Năm 1977: Đến Đức vào với Visa du lịch; nhưng sau đó xin tỵ nạn tại Đức và ở Đức từ đó cho đến nay.
- ❖ Tháng 4 năm 1978 thành lập Niệm Phật Đường Viên Giác và sau đó trở thành Chùa Viên Giác tại Hannover.
- ❖ Từ năm 1978, 1979: Sáng lập Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Đức Quốc, thành lập Hội Sinh Viên và Kiêu Bào Phật Tử Việt Nam tại Đức.
- ❖ Năm 1988 được tấn phong lên hàng Giáo phẩm Thượng Tọa tại giới đàn Đại Nguyên chùa Pháp Hoa Marseille, Pháp quốc.
- ❖ Ngày 28.6.2008 được tấn phong lên hàng Giáo phẩm Hòa Thượng tại Đại Giới Đàn Pháp Chuyên tại chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc.
- ❖ Ngày 8 tháng 7 năm 2011 tại Colombo thủ đô nước Tích Lan, Hội Đồng Tăng Già Tích Lan đã trao giải thưởng cao quý cho HT Thích Như Điển và HT Thích Minh Tâm.
- ❖ Đệ Nhị Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu nhiệm kỳ 2015-2020.
- ❖ Phó Chủ Tịch Hội Đồng Tăng Già Thế Giới (World Buddhist Sangha Council - WBSC).
- ❖ Sáng tác gần 70 tác phẩm và dịch phẩm từ các tiếng Việt, Anh, Hán, Nhật và Đức ngữ.

# PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI CHÂU ÂU

HÒA THƯỢNG  
THÍCH NHƯ ĐIỂN



Phương trưởng chùa Viên Giác,  
Hannover, Đức quốc

**Đệ Nhị Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành**  
GHPGVNTN Âu Châu nhiệm kỳ 2015 - 2020

**Phó Chủ Tịch Hội Đồng Tăng Già Thế Giới**  
(World Buddhist Sangha Council - WBSC)

Sáng tác **gần 70 tác phẩm** và dịch phẩm từ  
các tiếng Việt, Anh, Hán, Nhật và Đức ngữ

NHÀ XUẤT BẢN LIÊN PHẬT HỘI  
UNITED BUDDHIST PUBLISHER



ISBN 978-1-0917-7709-5



9 781091 777095

90000